

*Tịch Thiên Bồ Tát tạo luận
Thích Pháp Chánh dịch và tập chú*

Đường Vào Bồ Tát Hạnh Tập Chú



Tường Quang Tùng Thư 10
Phật lịch 2554, TL 2010

Tường Quang Tùng Thư

- 1 - **Tại Gia Bồ Tát Giới Bản**, Thích Pháp Chánh dịch và chú giải, 2003
- 2 - **Nhập Bồ Tát Hạnh**, văn xuôi và văn vần, Thích Nữ Trí Hải dịch, 2003
- 3 - **Địa Trì Bồ Tát Giới Bản và Địa Trì Bồ Tát Giới Bản Tiên Yếu**, Thích Pháp Chánh dịch, 2004
- 4 - **Từ Điển Bách Khoa Phật Giáo Việt Nam, Tập 1 & 2**, TS Lê Mạnh Thát chủ biên, Thích Pháp Chánh in lại tại Hoa Kỳ, 2005
- 5 - **Bồ Đề Chánh Đạo Bồ Tát Giới Luận**, Tsong Kha Pa Thượng Sư soạn, Thích Pháp Chánh dịch, 2006
- 6 - **Tuyển Trạch Bản Nguyện Niệm Phật Tập**, Pháp Nhiên Thượng Nhân soạn, Thích Pháp Chánh dịch, 2006, tái bản lần thứ nhất 2008
- 7 - **Tại Gia Bồ Tát Giới Kinh**, Thích Pháp Chánh dịch, 2006
- 8 - **Phật Nói Kinh Phạm Võng Lược Sớ**, Hoàng Tấn Đại Sư soạn, Thích Nữ Trí Hải dịch, 2007
- 9 - **Quán Kinh Tứ Thiếp Sớ**, Thiện Đạo Hòa Thượng tập ký, Thích Pháp Chánh dịch, 2009
- 10 - **Đường Vào Bồ Tát Hạnh Tập Chú**, Bồ Tát Tịch Thiên tạo luận, Thích Pháp Chánh dịch và tập chú, 2010

Lời Dẫn

Quyển **Đường Vào Bồ Tát Hạnh Tập Chú** này đã được phiên dịch và tập chú hoàn tất vào giữa năm 2006, thế nhưng vì chưa gặp nhân duyên nên đã phải ẩn mình trong máy vi tính của người dịch hơn bốn năm qua. Hôm nay duyên lành đã đến, chư Phật tử chùa Tịnh Luật, Houston, Texas, dưới sự chỉ đạo của thầy Pháp Quang đã phát tâm quyên góp tịnh tài ẩn tống. Nghĩa cử cao đẹp này khiến người dịch cảm thấy vô cùng cảm động, bèn vội viết vài hàng dẫn nhập, trước để tạ ơn Tam Bảo cùng thí chủ, sau là tán thán công đức và giá trị của bộ luận này.

Kinh dạy: “Thân người khó được, Phật pháp khó nghe.” Đây là lời huấn dụ thâm trầm sâu sắc của chư Phật, chư Bồ tát cùng chư liệt đại tổ sư. Thế nhưng, không những Phật pháp khó được nghe, mà Phật pháp Đại thừa lại càng khó được nghe!

Giáo pháp Đại thừa tuy quảng đại bao la, thế nhưng ý nghĩa rốt ráo của nó lại hoàn toàn nằm trọn vẹn trong tông chỉ **Phát Bồ Đề Tâm, Hành Bồ Tát Hạnh**. Phát Bồ Đề Tâm, trong luận này gọi là Bồ Đề Tâm Nguyên, hay Nguyên Tâm, còn Hành Bồ Tát Hạnh, trong luận này gọi là Bồ Đề Tâm Hành, hay Hành Tâm. Luận nói:

Nguyên tâm trong sanh tử
Tuy sanh quả lành lớn
Nhưng không bằng Hành Tâm
Tương tục tăng phước đức. (Phẩm 1, kệ 17)

Phát Bồ Đề Tâm là bước đầu quan trọng của sự tu học Đại thừa, thế nhưng, nếu hành giả ngưng bước nơi đó thì vĩnh viễn sẽ không bao giờ thăng tiến. Bởi thế, sau khi phát tâm,

hành giả phải mạnh dạn, hăng hái dẫn thân trên con đường thực hành, đây gọi là hành Bồ tát hạnh.

Làm thế nào để phát Bồ đề tâm? Làm thế nào để hành Bồ tát hạnh? Đây chính là những thắc mắc mà ngài Thiện Tài Đồng Tử đã nêu lên trên suốt lộ trình tham vấn năm mươi ba vị thiện tri thức của mình. Muốn phát tâm Bồ đề, cần phải có Đại bi tâm; muốn tu Bồ tát hạnh, cần phải có Đại trí tuệ. Hành giả Đại thừa cần phải hội đủ hai điều kiện Bi và Trí thì mới có thể thành tựu công hạnh Bồ tát và chứng thành Phật quả.

Chìa khóa mở cửa cho sự phát tâm và tu học Đại thừa đã được ngài Tịch Thiên nêu lên và trình bày tường tận trong quyển Nhập Bồ Tát Hạnh này. Hành giả chỉ cần y theo những lời chỉ dạy, chí tâm phụng hành thì ắt sẽ thành tựu được tâm nguyện và chí hướng của mình.

Hơn nữa, trên bước đường tu học công hạnh Bồ tát, ngay từ lúc bắt đầu, hành giả cần phải ý thức về ý nghĩa chân thật của Đại thừa. Hơn nữa, hành giả cần phải kiên quyết giữ vững lập trường cùng chí hướng, quyết không để chúng bị lũng đoạn bởi bất cứ luận điệu vũ đoán nào. Và chỉ trong tinh thần kiên định đó, hành giả Đại thừa mới có thể sống trọn vẹn và phát huy rốt ráo ý nghĩa chân thật mà mình đang theo đuổi.

Lập Đông năm Canh Dần, 2010

Tỳ kheo Thích Pháp Chánh cẩn thức

Lời Giới Thiệu

Geshe Kelsang Gyatso

Bộ luận trứ danh nhan đề Nhập Bồ Tát Hạnh (Phạn: Bodhisattvacharyavatara) là một kiệt tác của Bồ tát Tịch Thiên (Phạn: Shantideva), một bậc cao tăng lừng lẫy của Phật giáo Ấn Độ vào thế kỷ thứ tám. Bộ Thánh điển này là một cẩm nang thực tiễn, hướng dẫn chúng ta làm thế nào để thể nhập, thăng tiến, và hoàn thành con đường đi đến Phật quả. Nó là sự cô đọng tất cả lời dạy của Đức Bổn Sư, và chỉ dẫn một cách rất rõ ràng phương cách làm thế nào để áp dụng lời dạy của Đức Thế Tôn vào cuộc sống thực tiễn hàng ngày.

Bộ sách này của ngài Tịch Thiên đã là một nguồn khích lệ (Anh: inspiration) mạnh mẽ cho những tác phẩm Phật giáo vĩ đại khác, chẳng hạn như quyển Tám Bài Kệ Huấn Luyện Tâm Thức (Anh: Eight Verses of Training the Mind) của ngài Langri Tangpa thuộc dòng Kadampa, và quyển Bảy Điểm Huấn Luyện Tâm Thức (Anh: Training the Mind in Seven Points) của Bồ tát Chekhawa. Hai quyển sách này giảng giải phương cách tán thán công đức của người khác, tu tập pháp quán “sự bình đẳng giữa mình và người”, “trao đổi mình và người”, cách thực tập “cho và nhận”, và phương cách chuyển đổi nghịch cảnh thành phương tiện giải thoát. Tất cả lời giáo huấn này đều được trích lục từ quyển Nhập Bồ Tát Hạnh của ngài Tịch Thiên. Rất nhiều hành giả phái Kadampa đã thuộc nằm lòng những lời dạy của ngài, và

ngài Tsong Khapa cùng các đệ tử cũng đã từng nhiệt liệt tán thán kiệt tác này của Bồ tát Tịch Thiên.

Qua sự học hỏi nhiều kinh điển Phật giáo có thể làm cho chúng ta trở thành những học giả nổi tiếng, thế nhưng, nếu chúng ta không chịu áp dụng những lời dạy của Đức Phật ---- Pháp ---- vào trong cuộc sống hằng ngày, thì sự hiểu biết Phật pháp của chúng ta sẽ mãi mãi nông cạn, và chúng ta sẽ không có đủ năng lực để giải quyết những vấn đề cho chính mình cùng những người chung quanh. Nếu chỉ hy vọng rằng những kiến thức suông về Phật pháp sẽ giải quyết vấn đề phiền lụy trong cuộc sống, thì cũng giống như người bệnh hy vọng được lành bệnh chỉ bằng cách đọc những toa thuốc, mà không chịu uống thuốc, như ngài Tịch Thiên đã nói trong phẩm thứ năm, kệ 109:

**Pháp, phải cung kính hành,
Chỉ nói không ích gì!
Nếu chỉ đọc sách thuốc,
Bệnh tật làm sao lành?**

Mỗi người trong chúng ta đều rất khẩn thiết mong muốn xa lìa những vấn đề khổ đau và phiền lụy. Chúng ta thường thường tìm cách giải quyết vấn đề này bằng những phương tiện vật chất bên ngoài, thế nhưng, dù chúng ta có thành công cách mấy trên phương diện vật chất ---- bất luận chúng ta đạt được sự giàu có, thế lực, danh vọng bao nhiêu đi chăng nữa ---- chúng ta sẽ không bao giờ tìm được sự giải thoát vĩnh viễn khỏi sự khổ đau và phiền lụy của cuộc đời. Phiền não, bệnh hoạn, khổ đau, và phiền lụy không hiện hữu ở phía ngoài tâm của chúng ta, mà chúng chỉ là những “cảm

giác khó chịu” (Anh: unpleasant feeling), và những cảm giác này đều là những biểu hiện khác nhau của cái tâm. Chỉ có phương pháp hoán chuyển tâm thức mới có thể giúp chúng ta vĩnh viễn trừ diệt những phiền não và hệ lụy này. Những phương pháp đó đã được giải thích một cách tỉ mỉ trong quyển sách này của ngài Bồ tát Tịch Thiên.

Trên thực tế, tất cả những vấn đề mà chúng ta va chạm hằng ngày đều phát sinh từ sự tự cao và chấp trước --- quan niệm sai lầm đề cao quá đáng sự quan trọng của chính mình. Thế nhưng, vì chúng ta không hiểu rõ điều này, chúng ta thường thường đổ lỗi cho những người chung quanh về những vấn đề của chính chúng ta, và điều này chỉ làm cho sự kiện trở nên trầm trọng. Từ hai quan niệm sai lầm căn bản này đã phát khởi những vọng tưởng khác, chẳng hạn như sân hận và tham luyến, làm cho vấn đề của chúng ta càng lúc càng trở nên phức tạp. Chúng ta khẳng định có thể giải quyết tất cả vấn đề này bằng cách thành tâm tu tập những lời dạy được trình bày trong quyển sách này. Ít nhất, chúng ta phải nên ghi nhớ nằm lòng những bài kệ mà chúng ta nhận thấy rằng có ích lợi nhất, và sau đó suy tư tưởng tượng về ý nghĩa của chúng cho đến khi tâm chúng ta trở nên tĩnh lặng và trong sáng. Chúng ta phải nên bảo trì tình trạng này một cách liên tục không gián đoạn. Nếu thực tập như vậy, chúng ta sẽ dần dần thể nghiệm sự an lạc và ý nghĩa của cuộc đời.

Chúng ta nên đọc quyển sách này với một tâm thái hoan hỷ, chuyên chú và khách quan. Một điều cũng rất quan trọng là chúng ta nên gia tăng sự thể hội của mình bằng cách đọc thêm các sách chú giải, chẳng hạn như quyển Meaningful to Behold. Qua sự thành tâm tu tập những điều

dạy trong đây, chúng ta có thể chuyển đổi bản tánh của mình --- *sự quan tâm tự ngã chuyển thành tâm thái từ bi, kiến giải lầm lạc chuyển thành trí tuệ sâu sắc, và cuộc sống phàm tục ích kỷ chuyển thành cuộc sống Bồ tát lợi tha*. Theo hướng đi này, chúng ta sẽ dần dần đạt đến tâm thái tuyệt đối an lạc của sự giác ngộ, và đây chính là ý nghĩa chân thật của cuộc sống con người.

Tiểu Sử Bồ Tát Tịch Thiên

Sách Đạt Cát Kham Bồ thuật

Theo truyền thuyết, Tịch Thiên là thái tử của nước Hiền Cương ở miền nam Ấn Độ, tên là Tịch Khải, cha ngài là vua Thiện Khải. Từ nhỏ ngài đã rất tin tưởng Phật pháp, tôn kính Tam bảo, rất có lòng từ bi đối với họ hàng quyến thuộc, cùng với tất cả mọi người chung quanh, và thường hay bố thí giúp đỡ họ. Lúc nhỏ, ngài đã có một kiến thức vượt xa mọi người, và đã am hiểu nhiều loại học vấn, kỹ nghệ thế gian. Ngài đến cầu học với một vị hành giả Du già tên Cổ Tô Lô, cầu khẩn tu học “Văn Thù Sư Lợi Nhuệ Lợi Trí Thành Tự Pháp”, sau một giai đoạn tinh tiến tu trì đã thấy được Bồ tôn (các vị cổ đức Ấn Độ, như ngài Luận sư Trí Tác Tuệ, Tôn giả Atisa, v.v..., đều công nhận rằng ngài Tịch Thiên là hóa thân của Đức Văn Thù. Tôn giả Atisa trong quyển Bồ Đề Đạo Đăng Luận có viết: “Luận sư Tịch Thiên đích thân gặp được Bồ tát Văn Thù, được sự gia trì của ngài và đã liễu ngộ chân đế”, lại có một vị luận sư tên Bồ Trát cũng đã thuật lại tương tự như vậy). Sau khi vua Thiện Khải băng hà, quần thần bèn chuẩn bị đại lễ đăng quang cho thái tử. Vào đêm trước khi đại lễ cử hành, thái tử nằm mộng thấy Bồ tát Văn Thù. Trong giấc mộng, Đức Văn Thù ngồi trên ngai vàng mà thái tử Tịch Khải sắp đăng cơ, ngài nói với thái tử: “Này con yêu, đây là bảo tòa của ta, ta là thượng sư của con, nếu con cùng ngồi một chỗ với ta, e rằng không hợp.” Lại có truyền thuyết cho rằng thái tử nằm mộng thấy Đại Bi Độ Mẫu (hóa

thân của Đức Quán Âm) dùng nước sôi để quán đánh cho mình, thái tử bèn hỏi Độ Mẫu tại sao lại dùng nước sôi làm lễ quán đánh. Độ Mẫu trả lời: “Nước dùng để quán đánh nhà vua (lúc lên ngôi) và nước sôi trong địa ngục có gì khác biệt. Ta dùng nước sôi để quán đánh cho con, là có ý nghĩa này.” Sau khi thức dậy, thái tử Tịch Khải hiểu rằng đây là sự thọ ký và gia trì của Bồ tôn, bèn phát tâm xuất ly, xả bỏ những lạc thú thế gian, nhân đây âm thầm rời bỏ hoàng cung, lên đường tìm đạo. Thái tử đi một mình lang thang qua nhiều vùng đồi núi hoang vu, đến ngày thứ hai mươi mốt thì đến một khu rừng rậm rạp, thái tử cảm thấy rất mệt mỏi và đói khát, trông thấy một vũng nước bèn bèn vội vã lần đến bên cạnh định vốc nước uống, đột nhiên thấy một thiếu nữ đẹp lộng lẫy hiện ra, bảo thái tử là không nên uống nước đó, mà phải nên uống nước trong sạch, nói xong bèn dẫn thái tử đến một dòng suối trong vắt, bên cạnh dòng suối có một vị Du già sư đang ngồi kiết già, sự thực, vị Du già sư đó chính là hóa thân của ngài Văn Thù, còn thiếu nữ xinh đẹp kia chính là Độ Mẫu hóa hiện. Sau khi uống nước suối no nê, thái tử bèn thỉnh cầu vị Du già sư truyền thọ pháp yếu thù thắng, rồi y theo đó mà tu tập, và lần lần đạt được cảnh giới trí tuệ thâm sâu thù thắng.

Sau đó, Tịch Khải bèn đi du lịch miền đông Ấn Độ, đến nước của vua Ngũ Sư. Có một vị đại thần của vua biết thái tử là người võ nghệ cao cường, bèn tiến cử thái tử cho nhà vua, từ đó thái tử trở thành một vị đại thần của vua Ngũ Sư. Thái tử nhân đây đem những sở học của mình về võ nghệ, v.v..., truyền bá cho mọi người. Có một đoạn thời gian, thái tử làm thị vệ cho nhà vua, có một số quần thần đố kỵ, thấy ngài thường đeo bên mình thanh kiếm gỗ mà ngài dùng để tu

tập pháp của Bốn tôn Văn Thù, bèn dèm pha với nhà vua: “Vị cận thân mới này là một kẻ gian xảo, Bệ hạ nếu không tin, hãy xem thanh kiếm của hắn, quyết không thể nào hộ vệ nổi Bệ hạ.” Nhà vua nghe xong, nửa tin nửa ngờ, bèn ra lệnh Tịch Khải đưa thanh kiếm cho ông ta xem. Tịch Khải nói với nhà vua: “Thưa Bệ hạ! Điều này sẽ làm tổn thương đến long thể của ngài!” Thế nhưng, nhà vua vẫn không nghe, nằng nặc cưỡng bách Tịch Khải phải rút thanh kiếm ra khỏi vỏ, Tịch Khải không còn cách nào khác, bèn yêu cầu nhà vua che mắt phải lại, sau đó rút thanh kiếm gõ ra cho nhà vua xem. Thanh kiếm vừa được rút ra khỏi vỏ thì luồng ánh sáng chói lọi mãnh liệt phát ra từ thanh kiếm làm trông mắt trái của nhà vua đang chăm chăm nhìn vào nó rơi xuống đất. Nhà vua cảm thấy vô cùng đau đớn, trong tâm chan hòa niềm hối hận, tự trách, đồng thời nhận thức được rằng Tịch Khải là một vị hành giả đại thành tựu. Nhà vua cùng quần thần vội vàng quỳ mọp xuống đất, hướng Tịch Khải cầu sám hối, quy y. Tịch Khải bèn làm phép gia trì cho nhà vua, khiến cho mắt trái của ông ta được bình phục như cũ. Nhờ có cơ hội này mà tâm ý nhà vua chuyển biến, hoàn toàn tuân theo những lời chỉ dẫn của thái tử. Trong địa hạt cai trị của ngài, dựng cao ngọn cờ Phật giáo, hoằng dương Chánh pháp. Có nhiều truyền thuyết về khoảng thời gian mà Tịch Khải ở tại nước của vua Ngũ Sư, dù sao chẳng nữa, sau khi Tịch Khải điều phục giáo hóa vua Ngũ Sư, ngài đã đi đến chùa Na Lan Đà ở miền trung Ấn Độ.

Sau khi Tịch Khải đến chùa Na Lan Đà, ngài bèn xuất gia với ngài Thắng Thiên, đương thời là vị thượng thủ của năm trăm vị Ban trí đạt (Hán: ngũ bách ban trí đạt chi thủ) trong chùa, pháp danh là Tịch Thiên. Khi ấy, ngài giấu

kín công đức tu chứng của mình, bí mật nghe đức Văn Thù giảng pháp, tinh tiến tu tập thiền quán, đồng thời tìm học thứ tự tu tập của Bồ tát Đại thừa. Ngài đã sưu tập tinh nghĩa của hơn một trăm bộ kinh luật luận, và đã biên soạn hai bộ sách nhan đề Nhất Thiết Học Xứ Tập Yếu (gọi tắt Học Tập Luận) và Nhất Thiết Kinh Tập Yếu (gọi tắt Kinh Tập Luận). Thế nhưng, những người bên ngoài chỉ thấy ngài không quan tâm đến những sự việc gì khác, ngoài những việc ăn uống, ngủ nghỉ, và đi tản bộ, vì lý do này, mọi người đều châm biếm, đặt cho ngài một biệt hiệu là “tam tướng”. Vị tăng tri sự trong chùa, cho rằng Tịch Thiên không đầy đủ công đức tu hành chánh pháp, không đủ tư cách cư trú ở trong chùa, nhưng lại không tìm được lý do chính đáng nào để trục xuất ngài. Sau đó ít lâu, trong chùa tổ chức đại hội tụng kinh, yêu cầu tất cả các tỷ kheo trong chùa phải đọc thuộc lòng các kinh điển mà mình đã học tập, có một số muốn mượn cơ hội này để làm nhục Tịch Thiên, khiến cho ngài phải tự động ra khỏi chùa, bèn yêu cầu Luận sư Thắng Thiên an bài việc tụng kinh cho Tịch Thiên, ngài bèn đồng ý chấp thuận. Hôm đến phiên ngài tụng kinh, bọn người đó tại hội trường bèn đặt một giảng đài thật cao, nhưng lại không có bậc thang để bước lên. Hội trường chen chúc những người tin tưởng vào tài năng của Tịch Thiên, cùng những người muốn đến xem ngài sẽ dỡ những trò gì. Tịch Thiên không quan tâm đến sự náo nhiệt chung quanh, ung dung bước lên giảng đài (?), sau khi lên đài, ngài bèn hỏi đại chúng: “Xin hỏi quý ngài muốn tôi đọc thuộc lòng những kinh điển đã được nghe qua, hay chưa được nghe qua?” Những người đến để xem vui bèn cố ý yêu cầu Tịch Thiên đọc thuộc lòng những kinh điển chưa được nghe qua. Lúc đó, thụy tướng bỗng nhiên xuất hiện, nhiều người trong đại chúng thấy Đức Văn Thù hiện ra trên không

trung, và Bồ tát Tịch Thiên bắt đầu đọc tác phẩm Nhập Hành Luận, từ trong trí tuệ của ngài lưu xuất, tụng đến bài kệ 34 của phẩm thứ chín:

***Nếu pháp thực, không thực,
Đều không liên trước tâm,
Lúc đó không tương khác,
Không duyên, tối tịch diệt.***

Thì ngài từ từ bay lên không trung, càng lúc càng cao, đến lúc không còn thấy bóng, chỉ từ không trung nghe văng vẳng lời tụng của ngài, cho đến khi hết quyển luận mới dứt. Lúc ấy, các vị Ban trí đạt chứng được “Bất vong đà la ni”, mỗi người tự ghi lại phần mình nhớ được. Vị Ban trí đạt của xứ Khắc Thập Mễ La (Kashmir) nhớ được một ngàn bài kệ, vị Ban trí đạt của Đông Ấn nhớ được bảy trăm bài kệ, còn vị Ban trí đạt của Trung Ấn nhớ được một ngàn bài kệ, nhân đây mọi người khởi lên việc tranh luận hoài nghi. Sau đó ít lâu, mọi người nghe được tin ngài Tịch Thiên đang cư ngụ tại tháp Cát Tường Công Đức ở vùng nam Ấn Độ (theo sử liệu của Nepal, tháp Cát Tường Công Đức là tháp của Phật Hương Ngạn), liền phái hai vị Ban trí đạt nổi danh đến thỉnh ngài trở về chùa, nhưng ngài đã khéo léo chối từ, hai vị ấy không còn cách nào hơn là yêu cầu ngài xác nhận tụng văn của quyển Nhập Hành Luận, Tịch Thiên bèn xác nhận rằng bản tụng một ngàn bài kệ là chính xác, hơn nữa, còn cho họ biết là trong phòng của ngài tại Na Lan Đà còn để bản cảo của ba bộ “Học Tập Luận”, “Kinh Tập Luận” và “Nhập Hành Luận”, và từ đó bộ Nhập Hành Luận đã dần dần được truyền bá rộng rãi tại Ấn Độ.

Khi Tịch Thiên đến tháp Cát Tường Công Đức, trong khu rừng sầm uất chung quanh cũng có năm trăm vị tỳ kheo đang cư trú. Tịch Thiên bèn dựng một cái am tranh để tạm cư. Trong rừng có rất nhiều dã thú, bọn chúng sống chung với các vị tu hành một cách hòa mục. Các vị tỳ kheo thường thường trông thấy từng đoàn thú rừng đi vào am của Tịch Thiên, tuy đó là một sự kiện rất bình thường, thế nhưng một vài người trong bọn họ lại cảm thấy rất dị thường. Bọn họ theo dõi sự tình, thì phát giác rằng những con thú đi vào am của Tịch Thiên đều không thấy trở ra. Bọn họ đến cạnh am của Tịch Thiên len lén nhìn vào thì thấy ngài đang nhai ngấu nghiến những miếng thịt to. Các vị tỳ kheo suy đoán là Tịch Thiên đang phạm tội sát sanh, bèn đánh bả tập hợp toàn thể các vị tỳ kheo sống trong rừng, chuẩn bị tuyên bố việc phá giới ác hạnh của ngài, và dự định sau đó sẽ trục xuất ngài ra khỏi rừng. Đang lúc bọn họ đang tập hợp thương nghị, thì những con thú rừng đã bị “mất tích” từ lâu, đột nhiên từ trong am của Tịch Thiên đi ra. Điều đáng kinh ngạc là các vị tỳ kheo sống lâu năm trong rừng phát giác rằng những con thú đó, hiện nay thần khí sung túc, thân thể lại trắng kiện hơn xưa. Sau khi chứng kiến được kiện kinh dị này, mọi người đều sinh khởi lòng tin tha thiết đối với đối với ngài. Thế nhưng, vì không muốn mọi người biết chơn tướng của mình, Tịch Thiên đã từ chối lời cầu thỉnh của đại chúng lưu giữ ngài ở lại, và sau đó du hành về phương nam. Từ đó, ngài ăn mặc lam lũ, đi nhặt những thực phẩm phế thải để ăn, một mặt tu tập mật hạnh “ô thô ma”. Vị vua vùng đó tên là Ca Để Tỳ Xá Lê, có một tỳ nữ, có một lần nàng ấy làm đổ một chậu nước tắm, nước vấy vào thân ngài Tịch Thiên, những giọt nước đó như bị chạm vào sắt nóng, đều bốc thành hơi.

Nàng tỳ nữ thấy sự việc đó, còn đang hoảng kinh, thì ngài Tích Thiên đã biến mất.

Lúc đó, có một ngoại đạo nổi danh tên là Hương Ca Đắc Ngõa tâu với nhà vua: “Hai ngày sau, chúng tôi sẽ vẽ Đàn thành của Đại tự tại thiên trên không trung, nếu như các tín đồ Phật giáo không thể hủy hoại Đàn thành này, thì chúng tôi sẽ thiêu hủy kinh, tượng Phật giáo, v.v..., và hơn nữa, các tín đồ Phật giáo cũng sẽ bị cưỡng bức gia nhập vào đạo của chúng tôi.” Nhà vua là một tín đồ Phật giáo, nghe xong bèn triệu tập tăng chúng, loan báo về việc ngoại đạo khiêu chiến, thế nhưng, trong tăng chúng không có người nào dám quả quyết là có thể phá hủy Đàn thành. Nhà vua thấy sự tình như thế, cảm thấy rất lo lắng; lúc đó, nàng tỳ nữ tâu với vua về vị đạo sĩ kỳ dị mà nàng đã gặp, nhà vua bèn ra lệnh cho nàng phải cấp tốc đi tìm vị đạo sĩ ấy. Nàng tỳ nữ đi khắp nơi, rốt cuộc tìm thấy Tích Thiên đang ngồi tĩnh tọa dưới một gốc cây ngoài đồng vắng, nàng liền đem lời của vua thỉnh cầu hàng phục bọn ngoại đạo bạch lại với ngài. Tích Thiên nghe xong bèn nhận lời, bảo nàng ấy hôm đó phải chuẩn bị sẵn một bình nước lớn, hai tấm vải và một môi lửa. Sáng sớm ngày thứ ba, bọn ngoại đạo bắt đầu dùng đất màu để vẽ Đàn thành của Đại tự tại thiên trên không trung, vừa vẽ xong cửa đông của Đàn thành, thì ngài Tích Thiên nhập Phong du già định, hiển thị thần thông, tức thời có một cơn mưa bão dữ dội kéo đến, trong khoảnh khắc, phần Đàn thành mà bọn ngoại đạo vừa vẽ trên không trung bị phá hủy không còn một dấu vết. Bọn ngoại đạo đang run rẩy vì sợ hãi cũng bị gió cuốn lên không trung, giống như lá rụng, bay đi bốn phía. Khi đó trời đất u ám, ngài Tích Thiên phóng ánh sáng từ chạng giữa lông mày, chiếu sáng nhà vua, hoàng hậu

và mọi người. Trong cơn gió mưa tầm tã, mọi người đều áo quần tơi tả, lúc đó, nàng tỳ nữ bèn đem bình nước đã chuẩn bị trước cho mọi người tẩy rửa, sau đó lại đem hai tấm vải khoát lên người của vua và hoàng hậu, rồi dùng môi lửa đốt lên một đống lửa lớn để mọi người sưởi ấm, Ai cũng đều cảm thấy rất hân hoan vì đã hàng phục được bọn ngoại đạo. Sau vụ đó, nhà vua ra lệnh thiêu hủy tất cả đền thờ của bọn ngoại đạo, và tất cả bọn họ đều quy y Phật pháp. Vùng đất mà Tích Thiên hàng phục bọn ngoại đạo, cho đến hiện tại, được gọi là vùng “Ngoại đạo thất bại”.

Kế đến, Tích Thiên du hành đến xứ Mạn Ca Đạt ở miền đông Ấn Độ. Tại đó ngài đã từng tranh biện với bọn ngoại đạo, và đã hiển thị thần thông chiết phục bọn chúng.

Tại vùng phía tây cách Mạn Ca Đạt không xa, có năm trăm ngoại đạo tà kiến nổi danh cư trú. Lúc đó nạn đói đang hoành hành, bọn họ không tìm ra được thức ăn, đang bị sự đói khát dày vò khổ sở, không còn phương cách nào khác, bọn họ bèn thương nghị rằng nếu người nào có thể giải quyết vấn đề ẩm thực thì sẽ tôn người đó lên làm thủ lãnh. Ngài Tích Thiên biết được, liền vào trong thành xin được một bát cơm, sau khi làm pháp gia trì, bèn đem đến cho bọn chúng ăn, bọn chúng ăn uống no nê mà cơm vẫn còn chưa hết, nhân đây, bèn tôn ngài Tích Thiên lên làm thủ lãnh. Ngài đem Phật pháp giảng giải cho bọn họ nghe, khiến bọn họ vứt bỏ tà kiến, quy y Phật pháp, sau đó tất cả đều trở thành những nhà tu chân chánh.

Lại có một thời kỳ, có một vùng tại Ấn Độ, mùa màng bị thất thu, bị nạn đói rất trầm trọng. Trong vùng có

Tiểu Sử Bồ Tát Tịch Thiên — Sách Đạt Cát Kham Bồ

hơn một ngàn người ăn mày không còn cách nào để xin được thực phẩm, mỗi người trong bọn họ chỉ còn có cách bó tay chờ chết. Đang lúc mọi người trong tình trạng thoi thóp, ngài Tịch Thiên bèn dùng thần thông, khiến mọi người trong nhóm đều được ăn uống no đủ, sau đó ngài giảng pháp cho họ nghe về nhân quả, luân hồi, ngũ giới, thập thiện, v.v..., dẫn họ tiến nhập vào Phật pháp.

Trên đây là những mẫu truyện nhỏ về Bồ tát Tịch Thiên, người mà trong cuộc đời mình đã từng đem đến cho Phật pháp và chúng sinh bao nhiêu sự lợi ích. Cho đến ngày hôm nay, những kẻ có diễm phúc đọc được bộ luận này, nếu theo đó mà suy tư, tu tập, chắc chắn cũng sẽ tìm được ở đây một niềm vui bao la bất tuyệt ./.

Lời Dẫn Nhập

Thích Như Thạch

Nói một cách tổng quát, nội dung bộ Nhập Hành là muốn chỉ rõ thứ lớp tu tập pháp môn Đại thừa: Thế nào phát tâm Bồ Đề và tu tập Bồ Tát hạnh. Toàn bộ luận phân làm mười phẩm. Phẩm thứ nhất Lợi ích của tâm Bồ Đề, khuyến khích chúng sinh phát tâm Bồ Đề chân thực. Phẩm thứ hai Sám hối tội chướng, kể đó tu tùy hỷ, khuyến thỉnh, và hồi hướng phúc đức rộng lớn. Phẩm thứ ba Thọ trì tâm Bồ Đề, phát khởi tâm Bồ Đề nguyện cùng thọ giới Bồ Tát. Phẩm thứ tư Không phóng dật, tu tập không phóng dật, hầu tránh vi phạm Bồ Tát học xứ. Phẩm thứ năm Bảo hộ chánh tri, cho biết làm thế nào để thủ hộ (giữ gìn) Bồ Tát học xứ. Phẩm thứ sáu Nhẫn nhục, dạy tu nhẫn nhục để trừ khử tâm lý chướng ngại trong sự tu tập Bồ Tát hạnh. Phẩm thứ bảy Tinh tiến, vì muốn được tăng trưởng Bồ Tát hạnh, phải tinh cần tu tập. Phẩm thứ tám Thiền định, trước tiên tu tĩnh lự để đối trị hôn trầm, tán loạn (đặc biệt quả trách sự tham dục). Sau đó tiến thêm một bước tu tập pháp môn tự tha hoán (trao đổi mình và người), để tăng trưởng tâm Bồ Đề thế tục. Phẩm thứ chín Trí tuệ, vì muốn thông đạt thực tướng của chư pháp, dẫn đến tâm Bồ Đề thắng nghĩa, hầu có thể đoạn trừ phiền não, nên phải có trí tuệ. Phẩm thứ mười Hồi hướng, đem tất cả công đức của nghiệp lành hồi hướng đến tất cả chúng sinh.

Phần trên là đại ý nội dung của bộ luận này. Nếu qui nạp lại, có thể chia làm bốn phần:

(1) Ba phẩm đầu là tông chỉ chủ yếu, đối với chúng sinh chưa phát tâm, dẫn phát thế tục tâm Bồ Đề Nguyện và tâm Bồ Đề Hành.

(2) Ba phẩm Không phóng dật, Bảo hộ chánh tri, Nhẫn nhục, chỉ dẫn, khuyến khích thế nào thủ hộ tâm Bồ Đề cùng nghiêm trì giới Bồ Tát, không để cho ngoại duyên làm ô nhiễm, thoái thất.

(3) Ba phẩm Tinh tiến, Tĩnh lự, Trí tuệ, một mặt giúp hành giả tăng tiến tâm Bồ Đề thế tục, một mặt đem hành giả đến sự phát sinh tâm Bồ Đề thắng nghĩa, thuần tịnh không nhiễm. Cùng y vào đây thực hành xuất thế gian Ba la mật, tăng trưởng phúc tuệ tư lương, tăng tiến cho đến lúc thành Phật.

(4) Cuối cùng là phẩm Hồi hướng, hồi hướng phát nguyện, và đây cũng là một phương cách tăng trưởng vô tận phúc đức.

Nếu từ một khía cạnh khác, theo quan điểm của chính ngài Tịch Thiên trong quyển Học Tập Luận, có thể giải thích như sau:

(1) Tông chỉ chủ yếu của ba phẩm đầu là muốn dẫn phát một loại ý nguyện tối thù thắng. Nguyện đem thân thể, tài sản, thiện căn của mình, hoàn toàn bố thí cho tất cả chúng sinh. Hơn nữa, lại bắt đầu chân thành tu tập hạnh Bồ Tát.

(2) Ba phẩm Không phóng dật, v.v..., chủ yếu muốn nói đến trong quá trình tu học, làm thế nào để thủ hộ thân thể, tài sản, thiện căn của mình để thuận tiện cho việc lợi ích chúng sinh.

(3) Bốn phẩm cuối là muốn chỉ đạo hành giả, sau khi thủ hộ thân thể, tài sản v.v... , làm thế nào tiến thêm một bước nữa trong công việc tịnh hóa cùng tăng trưởng.

Nói một cách tổng quát, nội dung chủ yếu của bộ Nhập Hành này là chỉ dẫn hành giả trong quá trình tu học hạnh Bồ Tát, làm thế nào tu tập lục độ vạn hạnh, để thuận tiện dùng những phương thức bố thí, thủ hộ, tịnh hóa cùng tăng trưởng thân thể, tài sản, thiện căn v.v..., trong việc lợi tế quần sinh. Tịch Thiên trong quyển Học Tập, phẩm Học tập bố thí, có nói: "Đem thân thể, tài vật cùng thiện căn của mình hoàn toàn bố thí cho tất cả hữu tình. Hơn nữa, phải thủ hộ, tịnh hoá cùng tăng trưởng chúng. Đây là yếu lĩnh của Bồ Tát học xứ". Tại cuối phẩm đó, Tịch Thiên dẫn kinh Bảo Vân mà kết luận như sau: "Thí xả là Bồ Đề của Bồ Tát".

Nhập Hành phẩm thứ ba, bài kệ 10, 11 cũng nói: "Vì muốn thành tựu sự lợi ích của tất cả hữu tình, con bố thí thân mệnh mình không chút luyến tiếc. Bố thí tất cả tài sản cùng thiện căn phúc đức. Nếu có thể từ đáy lòng thí xả tất cả thân thể, tài sản, thiện căn, con sẽ vượt qua tất cả khổ, thành tựu Niết Bàn".

Do đây, có thể thấy được Tịch Thiên rất chú trọng đến sự tu tập bố thí. Từ cái nhìn của ngài, chữ Xả là tổng trì

trong sự hành trì của cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Hành giả Tiểu thừa, do vì xả ly tất cả sự tham luyến đối với tam giới mà chứng được sự diêu lạc của Niết Bàn. Hành giả Đại thừa, lại tiến thêm một bước, xả bỏ luôn sự diêu lạc của Niết Bàn, đạt tới cái gọi là "Trí không trụ ba cõi, Bi không trụ Niết Bàn", chính là cảnh giới vô trụ của vô thượng Bồ Đề.

Chính do Tịch Thiên nghĩ rằng tu bố thí là trọng yếu nhất trong quá trình tu học Bồ Tát hạnh, vì thế ngài không lập riêng một phẩm Bố thí, mà đem quan niệm "thí xả tất cả" vào trong tất cả các phẩm khác. Nhân đây, trong mỗi phẩm của quyển Nhập Hành, có thể thấy rõ ý nghĩa của sự "**thí xả tất cả**" này.

Sách tham khảo

Tiếng Anh:

[**Batchelor**] Batchelor, Stephen: A guide to Bodhisattva's Way of Life, Library of Tibetan Works and Archives, Dharamsala, 1979, reprint 1998.

[**Brassard**] Brassard, Francis: The Concept of Bodhicitta in Santideva's Bodhicaryavatara, SUNY Press. 2000.

[**Crosby**] Crosby, Kate and Andrew Skilton: The Bodhicaryavatara, Oxford University Press, Oxford, 1995.

[**Flash**] Đức Đạt Lai Lạt Ma: The Flash of Lightning in the Dark of the Night, Shambala Publication, Boston, 1994.

[**Wisdom**]] Đức Đạt Lai Lạt Ma: Transcendental Wisdom, Ed. By B. Wallace, Snow Lion Publication, Ithaca, NY, 1994.

[**Elliott**] Elliott, Neil: Guide to the Bodhisattva's Way of Life, Tharpa Publication, Glen Spey, NY 2002.

[**Behold**] Geshe Kelsang Gyatso: Meaningful to Behold, Tharpa Publication, London, 1998.

[**Cultivating**] Gyatso, Ven. Lobsang: Boddhicitta, Cultivating the Compassionate Mind of Enlightenment, Snow Lion Publication, New York, 1997.

[**Matics**] Matics, Marion L. : Entering the Path of Enlightenment, George Allen & Unwin, Ltd, London, 1971.

[**Padma**] Padmakara Translation Group: The Way of the Bodhisattva, Shambala Publication, Boston, 1997.

[**Sweet**] Sweet, Micheal: Santideva and the Madhyamika: The Prajnaparamita Pariccheda of the Bodhicaryavatara, Ph.D Dissertation, Univ. of Wisconsin, 1977.

[**Wallace**] Wallace, V. and Wallace B. : A Guide to Bodhisattva's Way of Life, Snow Lion Publication, Ithaca, NY, 1997.

Nhập Bồ Tát Hạnh — Tích Thiên

Tiếng Hán:

[**Diễn Nghĩa**] Thích Như Thạch (Trần Ngọc Giao): Nhập Bồ Tát Hạnh Diễn Nghĩa (入菩薩行演義), Đệ Thích Văn Hóa, Cao Hùng, Đài Loan, 1997.

[**Dịch Chú**] Thích Như Thạch: Nhập Bồ Tát Hạnh Dịch Chú (入菩薩行譯註), Đệ Thích Văn Hóa, Cao Hùng, Đài Loan, 1997.

[**Đạo Luận**] Thích Như Thạch: Nhập Bồ Tát Hạnh Đạo Luận (入菩薩行導論), Đệ Thích Văn Hóa, Cao Hùng, Đài Loan, 1997.

[**Giảng Ký**] Nhập Bồ Tát Hạnh Luận Giảng Ký (入菩薩行論講記), Sách Đạt Cát Kham Bố truyền giảng. Bản in chữ Hán từ website bfnn.org.

[**Quảng Giải**] Nhập Bồ Tát Hạnh Luận Quảng Giải(入菩薩行論廣解), Kiệt Thao Đại Sư quảng giải, Long Liên Pháp Sư dịch Hán văn. Bản in chữ Hán từ website bfnn.org.

[**Toàn Tập**] Tích Thiên Bồ Tát Toàn Tập (寂天菩薩全集), Phương Quảng Văn Hóa, Đài Bắc, Đài Loan, 1998.

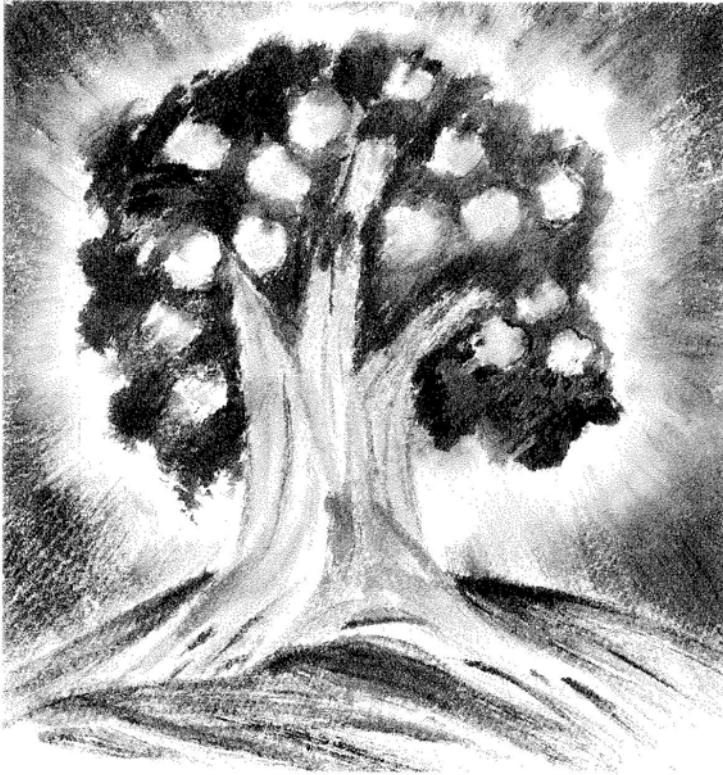
Tiếng Việt:

[**Nguyên Hiển**] Nguyên Hiển: Nhập Hạnh Bồ Tát, Hội Phật Học Phổ Minh, Phật lịch 2549, 2006.

[**Trí Hải**] Thích Nữ Trí Hải: Nhập Bồ Tát Hạnh (Hợp đính hai phần văn xuôi và văn vần), Tịnh Luật Temple, Waller, Texas, 2003.

[**Trí Siêu**] Thích Trí Siêu: Bồ Tát Hạnh, Thanh Vân, Montreal, Canada.

Lợi Ích Của Tâm Bồ Đề



Việc lành như cây chuối,
Sinh quả liền chết khô;
Tâm Bồ Đề sinh quả,
Không chết lại xanh tốt.

Phẩm một:
Lợi ích của tâm Bồ Đề

**(1) Lạy khắp mười phương Phật,
Bồ Tát, Hiền thánh tăng;
Nương Pháp xin lược nói:
Phật tử luật nghi hành.**

Phật: Bản tiếng Phạn dùng chữ Sugata (Thiện Thệ), là bậc đã khéo đi đến chỗ giải thoát. **Phật tử:** là tên gọi khác của Bồ Tát (từ đây trở xuống đều nên hiểu theo nghĩa này). **Luật nghi hành:** còn gọi là học xứ hay Bồ Tát giới luật, tức là những phương pháp tu tập hạnh Bồ Tát.

**(2) Trong đây không gì mới,
Tôi không rành âm luật,
Đâu dám nói lợi người,
Soạn luận để tự tu.**

**(3) Nhờ tu theo thiện pháp,
Niềm tin dần tăng trưởng;
Những người cùng duyên lành,
Nhân đây, đều lợi ích.**

**(4) Thân người khó gặp được,
Đã được, cố tu thiện,
Nếu đời này không tu,**

Đời sau khó gặp lại!

[Behold] Thân người gọi là ha mãn (nhàn hạ và viên mãn) nếu có những điều kiện sau: Không gặp tám nạn, đủ mười điều lành. Tám nạn, tức là nếu ở trong tám chỗ sau đây sẽ chướng ngại trong việc thấy Phật nghe Pháp: (1) địa ngục, (2) ngục quỷ, (3) súc sinh, (4) châu Bắc Cu Lô, (5) cõi trời trường thọ, (6) đui, mù, câm, điếc, ... (7) thế trí biện thông, (8) sinh trong thời không có Phật. Trong mười điều lành, có năm điều thuộc về cá nhân và năm điều thuộc về hoàn cảnh. Năm điều cá nhân: (1) sinh làm người, (2) sinh ở nơi có Phật Pháp hưng thịnh, (3) thân căn đầy đủ, (4) không phạm ngũ nghịch, (5) tin tưởng Tam Bảo. Năm điều hoàn cảnh: (1) sinh lúc Phật tại thế, (2) sinh khi Phật đang giảng Chánh Pháp, (3) sinh lúc Chánh pháp đang hưng thịnh, (4) sinh nơi có nhiều chúng sinh tu tập Chánh pháp, (5) sinh nơi có người hộ trì Chánh pháp.

**(5) Giống như trời đêm mây,
Phút chốc chớp ánh điện;
Như vậy, nhờ Phật lực,
Người đời sinh tâm lành.**

Tâm lành: [Crosby] Tâm nghĩ đến làm việc công đức (merit). Công đức có ba loại: do bố thí, do trì giới và do thiển định.

**(6) Tâm lành thường yếu đuối,
Tâm ác rất kung hăng;
Nếu bỏ tâm Bồ Đề,
Lành làm sao thắng ác?**

Tâm Bồ Đề: tức là tâm cầu tu hành thành Phật, hầu có thể làm lợi ích tất cả chúng sinh.

(7) Phật niều kiếp tư duy,
Tâm Bồ Đề là nhất,
Chúng sinh nương vào đây,
Thuận lợi, được thắng lạc.

(8) Muốn diệt khổ ba cõi,
Cùng những sự bất an,
Muốn hưởng sự an lạc,
Xin đừng bỏ tâm này!

(9) Kẻ từ ngục sinh tử,
Nếu phát Bồ Đề tâm,
Tức khắc tên Phật tử;
Trời người nên cung kính!

Tức khắc tên Phật tử: [Diễn Nghĩa] Nhập Trung Luận nói: “Tâm Bồ Đề là nhân để thành Phật. Hỏi: Tại sao kẻ mới phát tâm Bồ Đề lại xứng đáng gọi là Phật tử? Đáp: Chư Phật vì lợi ích tất cả chúng sinh mà phát tâm tu thành Phật. Sau khi thành Phật, lại tiếp tục trong vô lượng thời gian, không gian, làm lợi ích chúng sinh. Nay nếu có người phát tâm Bồ Đề, nguyện thành Phật lợi ích chúng sinh, chẳng lẽ kẻ đó không đáng gọi là Phật tử hay sao?”

(10) Tâm này thuốc luyện kim,
Chuyển thân nhập nhưa này,
Thành thân Phật vô giá;
Xin gìn giữ tâm này!

Thuốc luyện kim: [Dịch Chú] Chất liệu luyện kim (Anh: elixir) thù thắng nhất là một loại thuốc nước, dùng để luyện kim khí, có thể biến đồng thành vàng, lại có nghĩa là thuốc trường sinh. Thí dụ này được dẫn trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Ly Thế Gian.

(11) Đạo Sư dùng tuệ quán,
Tâm này rất quý báu;
Muốn ra khỏi ba cõi,
Xin giữ vững tâm này!

Đạo Sư: tức là đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni, hoặc có thể chỉ chung cho tất cả chư Phật.

(12) Việc lành như cây chuối,
Sinh quả liền chết khô;
Tâm Bồ Đề sinh quả,
Không chết lại tươi tốt.

[Diễn Nghĩa] **Hỏi:** Nhân lành hữu hạn có thể sinh quả lành vô hạn chăng? **Đáp:** Không thể. Tất cả nhân lành, nếu không có tâm Bồ Đề làm cơ sở, đều chỉ là hữu hạn, do đó chỉ có thể sinh quả lành hữu hạn mà thôi.

(13) Có kẻ tuy phạm tội,
Nương thế lực không sợ.
Nếu có chỗ cứu vớt,
Kẻ sợ sao không nương?

Phẩm một: Lợi ích của tâm Bồ Đề

Thế lực: tức là những kẻ có thế lực, như quốc vương, đại thần chẳng hạn. **Chỗ cứu vớt:** tức là tâm Bồ Đề. **Kẻ sợ:** tức là tất cả chúng sinh đang chìm đắm trong sinh tử.

**(14) Tâm này như kiếp lửa,
Sát na diệt tội ác;
Di Lạc bảo Thiện Tài:
Tâm này đức vô lượng!**

Kiếp lửa: Trong mỗi đại kiếp có bốn thời kỳ: thành, trụ, hoại, không. Trong thời hoại kiếp có ba đại tai hủy hoại thế gian: thủy tai, hỏa tai, và phong tai. Hỏa tai phá hoại đến cõi sơ thiên, thủy tai phá hoại đến cõi nhị thiên, và phong tai phá hoại đến cõi tam thiên. Kiếp lửa là muốn chỉ đến lửa của hỏa tai này, nóng đến độ núi Tu Di gặp phải, cũng sẽ bị cháy tan không còn tro bụi. Như phần dưới có câu: "*Tu Di gặp lửa này, cháy tan không còn thừa*", tức là cùng ý này.

**(15) Tóm lược, tâm Bồ Đề,
Được phân làm hai loại:
Là tâm Bồ Đề Nguyên,
Và tâm Bồ Đề Hành.**

**(16) Như người định ra đi,
Và người đã dẫn bước;
Cũng thế, nên hiểu rằng,
Hai tâm khác như vậy.**

[Diễn Nghĩa] Đầu tiên, đối với hữu tình khởi tâm Đại Bi, sau đó từ tâm Đại Bi này khởi lên một ý nguyện thuần tịnh: Vì

Nhập Bồ Tát Hạnh — Tích Thiện

muốn cứu độ tất cả chúng sinh thoát khỏi ba cõi, con quyết định tu hành thành Phật. Đây là Nguyên tâm. Sau khi khởi nguyện tâm, bèn tiến thêm một bước, thọ Bồ Tát giới, tu tập lục độ vạn hạnh. Đây là Hành tâm.

**(17) Nguyên Tâm trong sinh tử,
Tuy sinh quả lành lớn,
Nhưng không bằng Hành Tâm,
Tương tục tăng phước đức.**

[Diễn Nghĩa] Đối với lợi ích của Nguyên tâm, Học Tập Luân nói: "Trong sinh tử luân hồi, tâm Bồ Đề Nguyên, mặc dù chưa tiến nhập tâm Bồ Đề Hành, đã có thể sản sinh vô lượng sự an lạc. Bởi thế không nên coi thường sức mạnh của tâm này". Kinh Di Lạc Giải Thoát nói: "Thiện nam tử, thí như kim cương, tuy bị đập nát, vẫn còn quý hơn tất cả món trang sức quý báu khác. Không những không mất tên Kim Cương, mà còn tiêu trừ tất cả sự nghèo khổ. Thiện nam tử, cũng như thế, sinh khởi Kim Cương Bảo Nhất Thiết Trí Tâm (tâm Bồ Đề), tuy nhiên chưa được thực hành, phước đức đủ thắng tất cả Thanh Văn, Độc Giác. Không những không tổn hoại danh dự của tâm Bồ Đề, mà còn có thể tiêu trừ tất cả khổ não của luân hồi".

**(18) Chừng nào nguyện độ kết,
Chư hữu tình vô biên,
Lập chí không thoái chuyển,
Thọ trì Hành Tâm này.**

**(19) Từ lúc đó trở đi,
Dù ngũ nghệ, phóng dật,
Tương tục sinh phước đức,**

Lượng nhiều như hư không!

Ở đây muốn nói đến tiềm lực bất khả tư nghị của tâm Bồ Đề Hạnh. Khi Bồ Tát phát nguyện thành Phật độ chúng sinh, trong quá trình tu tập lực độ vạn hạnh, nảy sinh ra một lực lượng bất khả tư nghị, đồng hư không giới. Lực lượng của nghiệp lành này tiếp tục tăng trưởng, dù là đôi khi Bồ Tát hiện tướng biếng nhác, buông lung. Bởi thế, Bồ Tát dù ở lâu trong sinh tử, vẫn tiếp tục thăng tiến trên bước đường thành Phật độ sinh của mình.

**(20) Vì người tin Tiểu thừa,
Phật trong kinh Diêu Tý,
Nói đến sự hợp lý,
Lợi ích của tâm này.**

[Croyby] Kinh Diêu Tý (Anh: The Question of Subahu, Phạn: Subahupariprecha) là một kinh trong bộ Đại Bảo Tích Kinh của Phật giáo Đại thừa.

[Batchelor] trích một đoạn kinh trong kinh Diêu Tý như sau: "Nếu hành giả kiên trì trong việc đem lợi ích đến vô lượng hữu tình, thì vô lượng thiện căn phát sinh từ tâm mong cầu sự lợi ích chúng sinh này sẽ tiếp tục tăng trưởng, bất luận là hành giả trong trạng thái tỉnh thức hay ngủ nghỉ".

**(21) Chỉ mong ước trị lành,
Chúng sinh bệnh đau đầu,
Khởi tâm lợi ích này,
Được phước vô cùng tận.**

[Diễn Nghĩa] Đức Bồn Sư trong một kiếp quá khứ, đã từng làm con gái một vị trưởng giả, tên Từ đồng nữ. Một hôm vì quá giận dữ, đã lấy chân đạp vào đầu mẹ mình. Vì tội bất hiếu đó nên bị đọa địa ngục. Trong địa ngục nhận chịu sự thống khổ, thường bị kiếm lửa bỏ vào đầu. Từ đồng nữ trong lúc thọ báo, thấy trong địa ngục có nhiều tội nhân chịu khổ còn khốc liệt hơn mình. Thốt nhiên lòng thương xót (thiện căn trong quá khứ) nảy sinh, bèn phát nguyện rằng: "Nguyện con có thể tiêu trừ được thống khổ của tội nhân, nếu không, xin đem toàn bộ thống khổ của họ trút vào thân con. Con xin nhận chịu." Vừa phát xong lời thệ nguyện đó, tất cả tội chướng đều được tiêu trừ. Chẳng bao lâu, từ địa ngục được sinh lên trời Đâu Suất.

**(22) Hướng chi trừ hữu tình,
Vô lượng sự khổ đau,
Lại thành tựu hữu tình,
Vô lượng chư phước đức.**

Vô lượng chư phước đức: Trong tất cả phước đức, chỉ có phước đức của Phật mới thực là vô lượng vô biên. Hai câu cuối có nghĩa là thành tựu chúng sinh viên thành Phật quả.

**(23) Mẹ, cha, hay kẻ nào,
Có được tâm như vậy?
Dù tiên, trời cõi Đục,
Phạm thiên cũng không có!**

[Diễn Nghĩa] Trong bộ Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh Luân có một bài tụng như sau:

*Như Phật tử đem tâm lợi tha,
Trụ thể thành thực chư hữu tình,*

Phẩm một: Lợi ích của tâm Bồ Đề

*Cha mẹ cho đến những bạn bè,
Con cái, người thân đều không thể.*

Ngài Thế Thân giải thích như sau: Ví như người đời lo cho con mình, lo cho cha mẹ mình, lo cho chính mình, Bồ Tát thành thực tất cả chúng sinh, vượt quá ba tâm này, không thể nào so sánh được. Bởi vậy Bồ Tát lo cho chúng sinh, tâm đó thù thắng nhất.

**(24) Bọn họ chưa từng nghĩ,
Giải thoát cho chính mình,
Hướng khởi tâm lợi ích,
Giải thoát cho chúng sinh?**

**(25) Kẻ khác còn chưa từng,
Phát khởi tâm tự độ;
Sinh tâm trên quý này,
It có chưa từng gặp!**

**(26) Tâm Bồ Đề trên quý,
Nhân của sự an lạc,
Mưa cam lộ trừ khổ,
Phước đức thực khôn lường!**

**(27) Chỉ nghĩ lợi chúng sinh,
Phước đức hơn cúng Phật,
Hướng cần cù tinh tiến,
Lợi lạc chư hữu tình.**

Nhập Bồ Tát Hạnh — Tích Thiên

[Diễn Nghĩa] Hỏi: Tại sao chỉ nghĩ lợi ích chúng sinh, lại được phước đức hơn cúng Phật? **Đáp:** Phật là bậc mà phước đức đã hoàn toàn viên mãn. Ngài không còn tham cầu bất cứ một sự cúng dường nào. Phật thọ nhận sự cúng dường hoàn toàn là từ tâm Đại Bi của ngài, muốn cho chúng sinh có cơ hội trồng trọt phước đức và thiện căn. Nếu Phật còn sự thiếu thốn hay mong cầu, tức là nguyện Đại Bi cứu độ chúng sinh của Phật chưa được viên mãn. Do đây, hành giả muốn lợi ích chúng sinh, chẳng phải là giúp Phật viên thành nguyện Đại Bi vô tận hay sao? Vì thế lợi ích chúng sinh, phước đức to hơn đem tài vật cúng dường Phật. Như phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện có nói: "Trong các sự cúng dường, cúng dường Pháp tối thù thắng. Nghĩa là như thuyết tu hành, nhiếp thọ chúng sinh, thay chúng sinh thọ khổ. Như trên cúng dường tài vật công đức vô lượng, so với sự cúng dường Pháp, trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một v.v..."

**(28) Chúng sinh muốn trừ khổ,
Trái lại càng thêm khổ!
Kẻ ngu tuy cầu vui,
Giết vui như giết thù!**

[Diễn Nghĩa] Hỏi: Tránh khổ tìm vui là tâm lý chung của tất cả chúng sinh. Chúng sinh tự truy cầu khoái lạc, Bồ Tát cần gì phải lo nghĩ? **Đáp:** Bởi vì chúng sinh ngu si, thiếu kiến, không hiểu rõ nhân quả. Mặt khác, do vì nhiều phiền não tập khí, chỉ biết truy cầu khoái lạc tạm thời, không biết nghĩ đến khoái lạc trường cửu trong vị lai. Tuy muốn tránh khổ cầu lạc, nhưng vì không tự chủ được, lại tạo rất nhiều nghiệp ác. Kết quả, tự hủy diệt cái nhân của sự an lạc, như tàn sát kẻ thù của mình vậy.

**(29) Với kẻ thiếu niềm vui,
Cuộc sống nhiều khổ não,**

Tâm này đem an lạc,
Dứt khổ đau, lại còn,

(30) Trừ ngu si cho họ!
Có lành nào như vậy?
Có bạn nào tốt hơn?
Có phước nào như thế?

(31) Có kẻ chỉ trả ơn,
Còn được người tán thán,
Hướng kẻ khác chưa nhờ,
Bồ Tát tự đến giúp!

(32) Có kẻ tâm bồn sên,
Đem chút cơm cho người,
Để họ qua cơn đói,
Còn được đời ca ngợi.

(33) Hướng chi thường bố thí,
Niềm vui của chư Phật,
Đến vô biên hữu tình,
Làm cho họ mãn nguyện!

(34) Đối với Phật tử này,
Nếu ai sinh ác tâm,
Phật nói: "Mỗi niệm ác,
Đọa địa ngục một kiếp!"

(35) Người nào sinh kính tâm,
Được quả lành vô lượng!

[Diễn Nghĩa] Đối với một vị Bồ Tát, phước điền to lớn của chúng sinh, nếu như có người đối Bồ Tát sinh tâm sân hận, chắc chắn sẽ nhận chịu vô biên ác báo. Ngược lại, nếu đối Bồ Tát sinh tâm kính tín, sẽ được vô lượng quả lành. Quả lành này không những có công năng tiêu diệt được tội bất kính trên, mà còn nhiều hơn thế trăm ngàn vạn lần. Vì sao được như vậy? Vì Bồ Tát ôm lòng từ bi, đối kẻ thù địch đến tàn hại mình, không những không sinh tâm báo thù, mà còn tu tập an nhẫn, đem đức báo oán, làm cho kẻ thù tự cảm thấy hổ thẹn, cải đổi. Giả sử Bồ Tát không giáo hóa được kẻ thù, cũng không làm cho họ tăng trưởng phiền não, tạo thêm ác nghiệp. Ngược lại, đối với kẻ tin tưởng, kính trọng mình, Bồ Tát ân cần giáo hóa, làm cho họ tăng trưởng thiện căn, phước đức, trí tuệ. Nhân đây, kẻ kính tín Bồ Tát được quả phước vô lượng, vô biên.

Bồ Tát gặp hoạn nạn,
Tặng phước, không phạm lỗi.

[Diễn Nghĩa] Quảng Giải nói: Bồ Tát dù gặp tai nạn trọng đại, thân tâm cũng không sinh tội quá. Bởi vì tai nạn không thể nào tổn hoại Bồ Tát được. Ba nghiệp của Bồ Tát đã được thanh tịnh, vì thế người khác đối với ngài đều sinh tâm kính trọng, tin tưởng. Lại nữa, do vì Bồ Tát tu học tứ nhiếp pháp lợi lạc hữu tình, lại nỗ lực làm cho mọi người hoan hỉ. Nhân đây, lại giúp cho chúng sinh tăng trưởng tâm hoan hỉ, kính trọng và tin tưởng Chánh pháp.

(36) Nay con xin kính lạy,
Kẻ phát tâm Bồ Đề,

***Cùng qui y những bậc,
Ban kẻ thù an lạc.***

[Diễn Nghĩa] Hỏi: Đang lúc Bồ Tát sơ học lễ kính mình, thì mình phải làm sao? Đáp: Kẻ lễ kính mình tuy là Bồ Tát sơ học, cũng nên coi họ như đức Bổn Sư. Hơn nữa, họ tuy là sơ học, nhưng đã phát tâm Bồ Đề, đáng được sự lễ kính, do đó mình cũng phải nên lễ kính họ. Tuy thế, nếu đem thân lễ kính họ, nhiều khi làm cho kẻ khác khởi tâm gièm pha, lúc đó chỉ đem tâm lễ kính cũng được. Trong kinh Hoa Nghiêm, Bồ Tát Bảo Vân, tuy là bậc tiền bối, ngài đối kẻ mới vào đạo là đồng tử Thiện Tài vẫn quỳ mọp kính lễ.

Sám Hồi Tội Chương



Xin kính dâng chư Phật
Hoa trời, sen tinh khiết,
Ngan ngát dịu màu tươi,
Cùng những vòng hoa đẹp.

Phẩm hai:
Sám hội tội chướng

**(1) Mong giữ tâm Bồ Đề,
Con nay cúng Như Lai,
Pháp vi diệu không nhiễm,
Phật tử biến công đức.**

[Diễn Nghĩa] Chữ cúng, ở đây có nghĩa là thiện cúng (khéo cúng). Cúng dường trong nghĩa thù thắng nhất của nó. Phải gồm đủ sáu điều kiện: (1) có ý nguyện thành Phật, (2) muốn lợi ích tất cả hữu tình, (3) cúng vật phải được chưng bày đẹp mắt, để người khác thấy sinh lòng hoan hỷ, (4) phải hiểu rằng người cúng, cúng vật, kẻ được cúng, cả ba đều là không tịch, (5) tâm tưởng không có phiền não tạp nhiễm, (6) hồi hướng Đại Bồ Đề.

**(2) Hoa tươi quả thơm ngọt,
Cùng những món thuốc hay,
Vật trân báu thế gian,
Nước trong làm tâm mát,**

**(3) Núi trùn bảo vút cao,
Rừng đẹp màu yên tĩnh,
Cây trời, hoa kỳ diệu
Cành trùn đầy quả ngon,**

**(4) Hương trời diệu thế gian
Nhưng hàng cây Như ý,
Lúa bắp mọc tự nhiên,
Cùng bao nhiêu bảo ngọc,**

**(5) Hồ sen đầy những hoa,
Tiếng thiên nga ngâm vọng;
Lồng lộng tit chân trời,
Bao nhiêu vật vô chủ.**

**(6) Những vật từ tâm tưởng,
Kính dâng Phật, Bồ Tát,
Cầu xin Thắng Phước Điền,
Thương con mà thọ nhận!**

**(7) Con bần cùng bạc phước,
Không còn vật nào hơn,
Xin Đức Phật từ bi,
Thương con mà nhận lấy!**

[Diễn Nghĩa] Trong phẩm này nói về sự cúng dường, trừ hai bài kệ (9), (10) ra, mười chín bài kệ khác, nghĩa là (2)-(7), (11)-(22), toàn đề cập đến sự dùng quán tưởng cúng dường. Tại sao như thế? Có thể dùng ba lý do để giải thích:

(1) Xã hội Ấn Độ ở khoảng thế kỷ thứ tám, thứ chín, sinh hoạt vật chất thiếu thốn, nhất là các vị xuất gia. Trừ ba bộ y ra, thực tế không có tài vật gì để cúng dường Tam Bảo.

Phẩm hai: Sáu hội tội chương

(2) Tâm lượng của tâm Bồ Đề rộng lớn vô lượng, vì thế trước khi phát tâm, trước tiên nên dùng tâm quán vô lượng tài vật cúng dường. Mục đích là làm cho tâm tưởng trở nên quảng đại, trang nghiêm. Đây là điều rất cần thiết cho sự phát tâm Bồ Đề sau này.

(3) Tâm Bồ Đề là kho phước đức to lớn. Nếu trước không tích tập tư lương, e sợ sau này không thể phát khởi nổi tâm Bồ Đề. Giả sử có phát tâm chẳng nữa, cũng khó lòng mà làm cho nó tiếp tục tăng trưởng.

Trên lý luận, dùng quán tưởng tu cúng dường, sở duyên không bị hạn chế, do đó, nếu quán tưởng thành tựu, phước đức này so với sự đem phẩm vật cúng dường, nhiều vô lượng vô biên. Nhưng trên thực tế, vì phàm phu tâm tưởng tán loạn, tu quán khó thành. Do đó, dù có tu quán tưởng cúng dường đi chẳng nữa, cũng chẳng qua là phô diễn hình thức mà thôi, không có hiệu quả bao nhiêu. Trái lại, đem phẩm vật cúng dường, tuy là số lượng hữu hạn, khiếm khuyết công năng dẫn sinh tâm lượng quảng đại, lại dễ làm cho tư tưởng nhiệm ô, nhưng lại có công năng là hộ trì Tam Bảo, phá hoại được sự bần sần, làm cho chúng sinh tập sự tu học tâm bố thí. Do đó, *trên thực tế, đối với phàm phu, đem tài vật cúng dường Tam Bảo, phước đức to hơn tu quán tưởng cúng dường.*

**(8) Nguyện đem thân tâm này,
Cúng Phật, chư Bồ Tát,
Cầu khẩn thương xót cho,
Con xin làm nô bộc!**

Con xin làm nô bộc: [Diễn Nghĩa] Theo nghĩa rộng mà nói, nếu một vị xuất gia đem trọn cuộc đời mình phục vụ cho lý tưởng: học tập Phật pháp, phục vụ tăng đoàn. Đợi đến khi sở học thành tựu, tùy duyên hoằng hóa, lợi ích quần sinh. Nếu được như

Nhập Bồ Tát Hạnh — Tích Thiên

vậy, tức là đem thân tâm mình phụng hiến (làm nô bộc) cho Phật Pháp. Đối với các vị tại gia, ý nghĩa cũng tương tự như vậy.

**(9) Được các ngài nhiếp thọ,
Nguyện: không sợ, làm lành,
Bỏ ác, tịnh thân tâm,
Đoạn trừ chư ác nghiệp!**

[Diễn Nghĩa] Suzuki trong quyển Khai Ngô Đề Nhất có nói: "Lúc mà chúng ta buông bỏ tự ngã, cũng chính là lúc tha lực hiển hiện". Nếu như một người hoàn toàn đem hết thân phụng hiến Tam Bảo, không còn một tí hào nào tưởng nghĩ đến chính mình, thì đó chính là lúc họ được sự hộ trì, ân sủng (thương xót) của Tam bảo trong ý nghĩa thuần khiết nhất. Khi mà hành giả đã buông bỏ ngã chấp, tâm tưởng không chút kháng cự, lúc đó sự từ bi gia hộ của Tam bảo mới có cơ hội thấm nhuần vào tâm của họ. Còn nếu như tâm hành giả còn chút chấp nê, phản kháng, dù không đáng kể, thì họ khó lòng mà tiếp nhận được ánh sáng nhiệm mầu này. Nói như vậy không có nghĩa là mê tín, mà chính là muốn nói đến đức tin trong bản chất thuần khiết nhất của nó. Đây cũng chính là lập trường của Tịnh Độ Tông.

**(10) Phòng đẹp huân mùi hương,
Sàn pha lê óng ánh,
Cột báu ngọc sáng ngời,
Màn trân châu rực rỡ.**

**(11) Bình tắm nạm ngọc quý
Chứa đầy nước mát thơm,
Xin tắm Phật, Bồ Tát,
Véo von hòa tiếng nhạc.**

- (12) Xin được lau thân ngài,
Bằng khăn thơm mềm dịu,
Sau đó nguyện dâng lên,
Áo đẹp màu tươi mát.
- (13) Xin đem gấm lụa trời,
Cùng bao nhiêu vật quý,
Trang nghiêm đức Phổ Hiền,
Văn Thủ, Quán Thế Âm.
- (14) Nguyện đem nước hương trời
Uớp lên thân chư Phật,
Sáng đẹp màu hoàng kim,
Mùi thơm lừng ba cõi.
- (15) Xin kính dâng chư Phật,
Hoa trời, sen tinh khiết,
Ngan ngát dịu màu tươi,
Cùng những vòng hoa đẹp.
- (16) Lại xin kiến mây trời,
Hương thơm dâng ngào ngọt;
Lại cúng dường thức ngon,
Mùi vị hơn thiên đường.
- (17) Xin cúng đèn trân bảo,
Đặt trên tòa sen vàng,

- Uà trên sàn thơm ngát,
Xin rải đẹp lòng hoa.
- (18) Xin dâng đấng Từ Bi
Đài các tấu nhạc trời,
Lầu cao vòm màu ngọc,
Rộng lớn như trời mây.
- (19) Lại xin cúng chư Phật
Lọng ngọc cán nạm vàng,
Vành lọng thêu trân bảo,
Nhạn sắc màu nghiêm trang.
- (20) Con nguyện đem nhạc trời,
Tiếng đẹp lòng êm dịu,
Như mây tan niềm khổ,
Hiển dâng người trần ai.
- (21) Xin nguyện hoa trân ngọc,
Ấm áp như mưa trời,
Rải khắp cúng dường Pháp,
Chùa, tháp, cùng Phật tượng.
- (22) Xin như đức Văn Thủ
Khi xưa cúng dường Phật,
Con nay nguyện như vậy,
Cúng dường Phật Pháp Tăng.

[Crosby] Đức Văn Thù, trong một tiền thân của ngài là vua Ambararaja, đã cống hiến thì giờ của mình và tất cả của cải trong nước cúng dường chư Phật, cùng khuyến khích mọi người trong nước cũng đều như vậy. Câu chuyện này được kể trong kinh Văn Thù Phật Sát Công Đức Trang Nghiêm (Manjuriksetragunavyuha Sutra).

(23) Xin đem hải triều âm,
Tán ca Phật công đức;
Nguyên mây trời âm nhạc,
Giếng nước Cửa Từ Bi.

(24) Hoá thân như vi trần,
Gặp mình con cúi lạy,
Chư Phật trong ba đời,
Chánh Pháp, Hiền thánh tăng.

(25) Cúi lạy tháp chư Phật,
Gốc của tâm Bồ Đề,
Lạy bậc chân tu hành,
Sư trưởng cùng ân nhân.

(26) Từ nay đến thành Phật,
Xin qui y chư Phật,
Cùng qui y Chánh Pháp,
Bồ Tát, chư Thánh chúng.

[Diễn Nghĩa] Qui y Tam bảo có ba loại động cơ tâm lý khác nhau: (1) Vì sợ sự khổ trong ba đường ác, muốn cầu Tam Bảo cứu hộ nên qui y. (2) Vì sợ sự khổ luân hồi trong tam giới, muốn

cầu giải thoát triệt để nên qui y. (3) Vì muốn lợi lạc tất cả chúng sinh, muốn tu hành thành Phật nên qui y. Ở đây nói đến qui y là thuộc về loại thứ ba này.

(27) Trước chư Phật, Bồ tát,
Chân chứa tâm Bồ Đề,
Từ Bi, khắp mười phương,
Chấp tay con thệ nguyện:

(28) Từ luân hồi đến nay,
Đời này hoặc đời trước,
Uì u mê làm ác,
Hoặc khuyến người làm ác,

(29) Hoặc ngu si dẫn dắt,
Thấy việc ác mà vui,
Nay đã rõ tội mình,
Trước Phật xin sám hối!

(30) Do vô minh thúc đẩy,
Ba nghiệp gây thương tổn,
Đến người thân, Tam Bảo,
Sư trưởng và chúng sinh.

(31) Do xưa gây nghiệp ác,
Nay thành người lỗi lầm,
Tội lỗi khó thứ tha,
Trước Phật cầu sám hối!

(32) Con có thể mệnh chung,
Trước khi sám sạch tội;
Làm sao thoát tội này?
Xin Phật hãy cứu con!

(33) Tử thần thật khó tin,
Không đợi tội còn, kết,
Dù bệnh hay không bệnh,
Khó ý lại tuổi trời.

(34) Xưa con không biết rằng
Chết là buông tất cả,
Bởi thế vì thân thù,
Gây tạo nhiều ác nghiệp.

(35) Kẻ thù thành hư vô,
Người thân cũng không còn,
Thân con rồi sẽ chết,
Tất cả đều là không!

(36) Cuộc đời là huyễn mộng,
Không luận sự việc gì,
Gặp xong thành hoại niệm,
Qua rồi không trở lại.

(37) Vả lại, trong đời này,
Thân thù đều biệt ly,

Chỉ còn lại ác báo
Đứng chờ dẫn con đi!

(38) Con vì không hiểu rõ
Chết đến mau như vậy,
Nên theo tham sân si,
Tạo tác nhiều ác nghiệp.

(39) Ngày tháng không chờ mong,
Tuổi xanh như bụi hồng,
Thời gian thân tàn lụi,
Đời rồi sẽ là không!

(40) Trên giường trước khi đi,
Họ hàng tuy gần kề,
Lâm chung bao thống khổ,
Ồn ỏi, nào ai hay?

(41) Tử thần đã đến bên,
Thân bằng nào ích gì?
Chỉ có phước mới cứu,
Mà con nào chịu tu?

(42) Phóng dật con nào hay,
Chết đáng sợ như vậy!
Nên vì thân tạm bợ,
Tạo những ác nghiệp này.

(43) Như kẻ ra pháp trường,
Phạm tội lòng kinh sợ,
Miệng khô đôi mắt lờm,
Dáng dập dầy khổ đau.

(44) Hướng chi bị thân chết,
Khủng bố, đến dần đi,
Niềm đau nào ai biết?
Tức tử trong sâu bi!

(45) Ai là kẻ cứu con,
Ra khỏi khổ đèm trường?
Lòng đau, con ngưỡng vọng,
Bốn phương tìm tình thương.

(46) Mà ai nào có hay!
Thất vọng con ưu hoài,
Nếu không người cứu độ,
Mệnh mang trong trần ai!

(47) Lay Phật đáng cứu thế,
Từ bi hộ chúng sinh,
Trừ diệt niềm sợ hãi,
Con xin qui y ngài!

(48) Lại qui y Chánh Pháp
Mà Phật đã chứng đắc;
Trừ diệt khổ luân hồi,

Xin qui y Bồ Tát.

(49) Run rẩy lòng lo sợ,
Đem thân thờ Phổ Hiền;
Lại xin đem thân này,
Cúng dường Văn Thù Tôn.

(50) Nước nở mắt lệ nhòa,
Giập đầu con cúi lạy,
Đức Quán Âm từ bi,
Xin thương người ngu muội!

(51) Ngưỡng cầu Hư Không Tạng,
Cùng đức Địa Tạng Vương,
Tất cả chư Bồ Tát,
Thương xót cứu hộ con!

(52) Kính lạy Kim Cương Trì,
Chúng ma lòng sân độc,
Chỉ nhìn thấy thân ngài,
Kinh sợ chạy tứ tán.

Kim Cương Trì (Phạn: Vajrapani), còn gọi là Kim Cương Thủ, nghĩa là vị Bồ Tát cầm chày Kim Cương. Đây không phải là tên riêng của một vị Bồ Tát, mà là tên chung của các vị hộ pháp Bồ Tát cầm chày kim cương. Trong Mật giáo, Kim Cương Thủ còn là tên gọi khác của ngài Phổ Hiền.

(53) Xưa không tuân lời dạy,

Đời này lòng sợ hãi,
Nguyên nhờ qui y này,
Dẹp tan lòng quái ngại!

(54) Vì lo cơn bệnh thường,
Còn tuân lời thầy thuốc,
Hướng chi bệnh tham sân,
Vô thì thường trời buộc?

(55) Một bệnh sân có thể,
Giết kết Diêm Phù Đề;
Nhưng thuốc trị bệnh này,
Khắp chốn tìm không thấy,

(56) Mà nay bậc Y Vương,
Có phương thuốc trị khổ,
Thấy được mà không tin,
Thật là kẻ đáng trách!

(57) Gặp một nguy hiểm nhỏ,
Còn cần thân phòng hộ,
Hướng chi trong sinh tử,
Vô lượng kiếp hiểm nạn?

(58) Phi lý nếu nghĩ mình
Không chết, rồi buông lung,
Thần chết ắt sẽ đến,
Đời này sẽ cáo chung!

(59) Ai ban sự không sợ?
Làm sao thoát được khổ?
Nếu như sẽ phải chết,
Nay sao còn phóng dật?

(60) Giờ đây chẳng còn chi,
Trừ nỗi niềm dĩ vãng,
Bởi vì nhiều tham luyến,
Thường trái lời Phật dạy.

(61) Rồi sẽ bỏ thân này,
Cùng bạn bè thân thích,
Một mình không định xứ;
Nhọc chi kết thân thù?

(62) Làm sao mà thoát khỏi
Sự ác gây khổ đau?
Vì thế con quyết tâm,
Ngày đêm nghĩ trừ khổ!

(63) Con vì nhiều vô minh,
Phạm giới do Phật chế,
Hoặc phạm vào tính tội,
Cùng bao nhiêu tội khác.

Nói một cách đơn giản, tội có thể phân làm hai loại: giá
tội và tính tội. Tính tội như giết sát, trộm cắp, ..., bản tính là ác, mà

Phần hai: Sám hối tội chướng

không cần phải đợi Phật chế. Giá tội tức là những điều giới do Phật chế, với mục đích là tránh cho các đệ tử của Phật không bị người thế gian và ngoại đạo khởi tâm gièm pha, kích bác, chằng hạn như uống rượu, hút thuốc v.v... Ví dụ trong Ngũ giới, bốn giới đầu là tính tội, giới cuối là giá tội .

***(64) Trước Phật con chấp tay,
Tâm đau, lòng sợ hãi,
Giập đầu con cúi lạy,
Sám hối bao lỗi lầm!***

***(65) Cầu xin Phật tha thứ,
Tội ác tạo khi xưa!
Đã biết mình không lành,
Xin nguyện không tái phạm!***

Thọ Trì Tâm Bồ Đề



Giống như một kẻ mù,
Trong rác được ngọc quý,
Con thực là diễm phúc,
Phát tâm Bồ Đề này!

Phẩm ba:
Thọ trì tâm Bồ Đề

(1) Con hân hoan tùy hỷ,
Sự lành diệt tội khổ,
Đem đến cho hữu tình,
Phước báo cùng an lạc.

[Wallace] Con hân hoan tùy hỷ công đức của tất cả hữu tình, đã diệt được sự khổ não của luân hồi. Nguyên cho những kẻ đang chịu khổ não sẽ được an lạc.

(2) Tùy hỷ tu Tam học,
Là nhân chứng Bồ Đề,
Tùy hỷ chư hữu tình,
Được thoát luân hồi khổ.

Tam học: tức là Giới học, Định học, Tuệ học.

(3) Tùy hỷ Phật Bồ Đề,
Cùng quả vị Bồ Tát;
Tùy hỷ sự phát tâm,
Phước thiện như biển lớn,
Cùng những hạnh lợi ích,
Đem hữu tình an lạc.

(4) Trước chư Phật mười phương,

Chấp tay lòng khẩn thiết,
Thỉnh Ngài chiếu đèn Pháp,
Độ chúng sinh ngu khổ!

(5) Biết Phật muốn nhập diệt,
Liền chấp tay khẩn cầu,
Xin trụ vô lượng kiếp,
Đừng bỏ thế gian mê!

(6) Từ những việc thiện này,
Tích tập được phước đức,
Nguyên hồi hướng hữu tình,
Tiêu diệt tất cả khổ.

(7) Xin nguyện làm y sư,
Thuốc men, người săn sóc,
Trị liệu chư hữu tình,
Đến khi hết bệnh khổ.

(8) Nguyên trời mưa thức ăn,
Giải trừ bệnh đói khát,
Trong những kiếp tai nạn,
Nguyên thành cơm no lòng.

Kiếp tai nạn: Mỗi khi tuổi thọ của con người giảm xuống đến mười tuổi, sẽ có ba tiểu tai xuất hiện: đói khát, tật dịch, và chiến tranh. Ở đây, kiếp tai nạn có thể là muốn chỉ đến tiểu tai đói khát này

(9) Xin nguyện làm kho báu,
Cứu vớt kẻ bần cùng;
Nguyện thành vật cần thiết,
Hiện đến trên tay họ.

(10) Vì muốn lợi hữu tình,
Nguyện cho không sên tiếc:
Thân, tiền và vật dụng,
Những việc lành ba đời.

[Diễn Nghĩa] **Hỏi:** Tiểu thừa La Hán có sên tiếc thân mệnh, tài sản và thiện căn không? **Đáp:** Không. Bỏ sên là một phần của phiền não. Các vị Thanh Văn, Duyên giác đã trừ sạch tam độc, đương nhiên không còn sên tiếc thân mệnh, tài sản, và thiện căn của họ. Tuy vậy, vẫn chưa đủ tư cách gọi là Bồ thí ba la mật của Đại thừa. Nếu muốn tu thành Bồ thí ba la mật, ngoài việc tiêu trừ tâm bỏ sên ra, còn phải tích cực sinh khởi ý nguyện hoan hỷ bố thí đến tất cả chúng sinh, và dùng sự tu hành này tăng trưởng thiện căn của mình.

(11) Xả kết đát thoát khổ,
Tâm con thành Niết Bàn;
Nếu đời chết mới buông,
Chi bằng cho bây giờ!

(12) Con đã đem thân này,
Hoan hỷ thí hữu tình,
Tùy ý họ vui lòng:

Đánh, giết, hoặc mắng chửi,

(13) Đem thân làm trò vui,
Lãng nhục, hoặc cười nhạo;
Thân con đã bố thí,
Nào còn luyến tiếc gì!

[Diễn Nghĩa] Bồ Đại Hòa Thượng đã từng nói: "Nếu người đánh lão tăng, lão tăng lăn xuống đất. Nếu có người mắng chửi, lão tăng cười ha ha. Họ không phải nhọc sức, lão tăng ít phiền não". **Hỏi:** Để mặc người đánh giết mình, chẳng phải là đi ngược với tông chỉ của Học Tập Luân: "Dù đã bố thí thân mệnh, vẫn phải cẩn thận giữ gìn thân này", hay sao? **Đáp:** Không phải vậy. Học Tập Luân nói giữ gìn, chỉ có nghĩa là không nên để thân thể thọ nhận sự thương tổn một cách vô ý nghĩa.

(14) Tất cả việc lợi ích,
Xin tận lực thực hành;
Nguyện kẻ thấy thân con,
Đều được nhiều lợi lạc!

(15) Những người trông thấy con,
Sinh lòng tin hoặc ghét,
Nguyện cho họ thường được,
Thành tựu nhiều phước lợi!

(16) Nguyện kẻ hủy báng con,
Cùng kẻ làm tổn hại,
Thậm chí làm nhục con,

Đều tăng duyên Bồ Đề!

**(17) Bảo hộ người cô độc,
Dẫn dắt kẻ lữ hành;
Nguyện vì người qua bến
Làm cầu, bè, thuyền, đò!**

**(18) Những ai cần ốc đảo,
Con nguyện thành ốc đảo,
Cần đèn, hóa ra đèn,
Cần giường, xin làm giường,
Những ai cần nô bộc,
Xin nguyện làm nô bộc!**

**(19) Nguyện làm bình như ý,
Bùa chú và thuốc linh,
Xin làm cây Mãn nguyện,
Làm bò, dâng sữa lành.**

Ở đây, bình như ý, bùa chú, thuốc linh, cây Mãn nguyện, bò, v.v... đều tượng trưng cho sự thỏa mãn những nguyện vọng của chúng sinh.

**(20) Con nguyện sẽ trở thành,
Hư không và tứ đại,
Làm tăng trưởng cuộc sống,
Cho vô lượng hữu tình!**

Ở đây muốn nói "Nguyện làm duyên giúp cho hữu tình tăng trưởng cuộc sống".

**(21) Lại nguyện làm nguồn sống,
Cho tất cả hữu tình,
Đầy đầy khắp hư không,
Đến ngày họ thành Phật!**

Ở đây muốn nói "Nguyện làm nhân cho sự thành Phật của hữu tình".

[Diễn Nghĩa] Học Tập Luân dẫn kinh Thánh Vô Tân Ý: "Chúng ta đối bất cứ sự việc gì, nên vì hữu tình mà siêng năng tận tụy. Nên nghĩ như vậy: Ví như tứ đại: địa, thủy, hỏa, phong, dùng các phương thức v.v..., để cho hữu tình hưởng dụng. Như vậy chúng ta cũng nên đem thân tứ đại này, dùng tất cả phương thức v.v..., mà trưởng dưỡng, thành thực tất cả hữu tình. Bồ Tát vì hiểu rõ đạo lý như vậy, cho nên nhiều lúc nhận chịu sự thống khổ, vì tưởng nghĩ đến hữu tình mà vẫn nhẫn thọ, không nề hà, nhàm chán."

**(22) Như quá khứ chư Phật
Từng phát tâm Bồ Đề,
Đã tuần tự tu tập,
Những hạnh nguyện Bồ Tát.**

**(23) Vì muốn lợi chúng sinh,
Con phát tâm Bồ Đề,
Xin tuần tự tu học,
Tất cả chư hạnh nguyện.**

**(24) Người trí siêng giữ gìn,
Tâm Bồ Đề thanh tịnh;
Nếu muốn cầu tăng tiến,
Nên ca ngợi phát tâm!**

Người có trí tuệ, sau khi phát tâm Bồ Đề, thọ giới Bồ Tát, kể đến luôn luôn suy tưởng đến sự lợi ích và công đức của nó. Nhân đây mà dẫn sinh tâm vui mừng, hãnh diện. Nên tự khuyến khích và khen ngợi chính mình. Đây không phải là sự cuồng si ngạo mạn, mà chính là giúp cho mình có thêm can đảm, tiếp tục dẫn thân trên đường hành Bồ Tát hạnh.

**(25) Con nay được phước lớn,
May mắn được thân người,
Lai sinh trong nhà Phật,
Làm con đức Như Lai!**

Con đức Như Lai: ở đây chỉ cho những người đã khởi tâm tín giải đối với Tam bảo, hoặc đã phát tâm Bồ Đề thế tục, khác với quyển Nhập Trung Luân, Bồ Tát đăng địa (phát tâm Bồ Đề thắng nghĩa) mới được gọi là con của Như Lai.

**(26) Từ đây con phải làm,
Xán lạn gia tộc Phật!
Không được làm ô nhiễm
Dòng dõi tôn quý này.**

**(27) Giống như một kẻ mù,
Trong rác được ngọc quý,
Con thực là diễm phúc,**

Phát tâm Bồ Đề này!

Đây là sự chứng thực phần giải thích của bài kệ (24). Tác giả biểu lộ sự mừng rỡ đến độ kinh ngạc, bàng hoàng, như kẻ tìm được một vật quý mà mình chưa từng dám mơ tưởng đến. Nay trong đời mạt pháp, nếu trong chúng ta có kẻ nào chân chính phát được tâm này, cũng nên sinh niềm hoan hỉ như vậy!

**(28) Tâm Bồ Đề tôn quý,
Là cam lộ bất tử,
Núi báu trừ bần cùng,
Thuốc trị tất cả bệnh,**

**(29) Là trạm nghỉ ngơi cho,
Kẻ lang bạc sinh tử,
Là cầu qua cõi khổ,
Dẫn người khỏi ác thú,**

**(30) Tâm này là ánh trăng,
Mát mẽ trừ nhiệt nã;
Tâm này là mặt trời,
Sáng ngợi đẹp ngu si!**

[Diễn Nghĩa] Trong bài kệ này, ánh trăng mát mẽ, mặt trời sáng ngợi, đều là chỉ tâm Bồ Đề thắng nghĩa. Bởi vì nếu chỉ y vào tâm Bồ Đề thế tục, không thể nào đoạn được phiền não chướng cùng sở tri chướng. Nếu theo quan niệm của phái Ứng Thành, Ánh trăng chỉ cho tâm Bồ Đề của Bồ Tát từ địa thứ nhất đến địa thứ bảy, chỉ có thể trừ được phiền não chướng. Muốn trừ

Phẩm ba: Thọ trì tâm Bồ Đề

được sở tri chướng, phải nhờ đến Mặt trời, tức là tâm Bồ Đề của địa thứ tám đến địa thứ mười mới thành tựu được.

**(31) Là quây sữa Chánh pháp,
Sinh ra Diệu đề hồ.**

Đề hồ: là một món ăn ngon nhất làm ra từ sữa bò. Diệu đề hồ tượng trưng cho giáo pháp tối thượng của đức Phật.

**(32) Những kẻ đang lang bạt
Muốn hưởng sự phúc lạc,
Tâm này sẽ đem đến
Tất cả niềm an lạc!**

**(33) Nay trước Phật Thế Tôn,
Dọn tiệc mời khách quý,
Nguyện các ngài hoan hỷ,
Hưởng món ngon thành Phật!**

Không Phóng Dật



*Thân người khó gặp được,
Như rùa mù dưới biển,
Trồi lên trên mặt nước,
Đầu nhập bọng cây trôi.*

Phẩm bốn:
Không phóng dật

**(1) Phật tử đã phát tâm,
Phải kiên cố giữ gìn,
Siêng năng đừng biếng nhác,
Đừng vi phạm giới luật.**

Thông thường, chữ giới luật được mọi người hiểu theo nghĩa hẹp. Ở đây, giới luật phải được hiểu theo nghĩa rộng của nó là giới luật của Bồ Tát, bao gồm ba tụ tịnh giới là nhiếp luật nghi, nhiếp thiện pháp, và nhiều ích hữu tình. Phần nhiếp luật nghi giới bao quát tất cả giới luật theo ý nghĩa thông thường của nó; nhiếp thiện pháp giới bao quát tất cả việc lành thế gian, xuất thế gian, tức là Thập thiện, Tứ đế, Bát Chính đạo, Lục độ v.v...; còn nhiếp hữu tình giới là sự ứng dụng của hai phần trên, tức là Bồ Tát đem sự tu học của mình vào việc lợi ích cho chúng sinh. Vì thế phạm vi của giới luật rất là rộng lớn.

**(2) Nếu như chưa nghĩ kỹ,
Bốc đồng chẳng đản đo,
Tuy đã lập thệ nguyện,
Cũng nên suy xét lại.**

Cũng nên suy xét lại: Nên suy xét lại có nên dẫn thân trên đường tu học Bồ Tát hạnh hay không? Nếu cảm thấy chưa đủ tâm chí, lực lượng v.v..., nên tạm thời hoãn lại. Đừng nên bốc đồng phút chốc, sau này nữa chừng không kham nổi lại bỏ cuộc. Nếu

thế, sẽ đem lại nhiều quả báo không lành trong đời vị lai. Thành thử, bậc hành giả Đại thừa trước khi hạ quyết định thọ Bồ Tát giới, phải hiểu rõ Bồ Tát giới luật, cùng chí hướng và thệ nguyện của người hành Bồ Tát hạnh.

**(3) Làm sao mà xả được,
Nhưng điều Phật, Bồ Tát,
Dùng trí tuệ quán sát,
Mình cũng từng suy ngẫm.**

[Dịch Chú] Bởi vì chư Phật cùng chư Bồ Tát đã từng dùng trí tuệ quán sát một cách thâm sâu, và đã khẳng định rằng sự phát tâm Bồ Đề, thọ Bồ Tát giới, sẽ đem lại vô lượng phước báo. Hơn nữa, mình cũng đã từng suy ngẫm đắn đo trước khi thọ giới. Phát tâm, thọ giới là một điều lợi ích lớn lao cho mình, tại sao mình lại xả Bồ Tát giới luật (nghĩa là xả tâm Bồ Đề)?

**(4) Đã nguyện độ chúng sinh,
Mà không siêng tu hành,
Tức là khinh hữu tình,
Đời sau sẽ về đâu?**

**(5) Nếu phát tâm Bồ thí,
Dù là ít vật quèn,
Lại sên tiếc không cho,
Kính nói đọa nga quỉ !**

[Batchelor] Kinh Chánh pháp Niêm Xứ (Saddharma-smrtyupasthana Sutra) nói: "Nếu mà không bố thí, dù vật quèn nhất, mà mình đã nghĩ cho (ý nghiệp), sẽ bị đọa nga quỉ. Còn nếu như

Phẩm bốn: Không phóng dật

không bố thí vật mà mình đã hứa cho (khẩu nghiệp) sẽ bị đọa địa ngục".

[Diễn Nghĩa] **Hỏi:** Tại sao hứa cho một vật mọn, sau đó vì bồn sên không cho, lại đọa nga qui? Nếu vậy, quả báo chẳng phải là cực kỳ tàn khốc hay sao? **Đáp:** Kỳ thực, những vật mọn đó, những người thông thường chắc chắn sẽ không màng đến. Cần đến những vật như vậy, chỉ có những kẻ bần cùng, khốn khổ mà thôi. Nay đối với kẻ nghèo khốn như vậy đến xin, đã hứa cho, lại vì keo kiệt mà từ chối không cho. Người như thế chẳng phải một loại cực kỳ keo bần hay sao? Hơn nữa, tâm họ hoàn toàn không có một chút từ bi nào đối với chúng sinh bần khổ. Tâm nào cảnh đó, thọ quả báo địa ngục là điều đương nhiên, còn thắc mắc nỗi gì!

Luận Du Già Sư Địa, phần Bồ Tát Địa, Giới phẩm, khai thị bốn giới đọa căn bốn nói: "*Nếu Bồ Tát có tài sản, giả sử có người nghèo khổ, vợ, đến cầu bố thí, nếu Bồ Tát vì keo kiệt, không khởi lòng thương xót bố thí ... phạm giới đọa thứ hai*". Đã phạm giới trọng căn bốn, hủy hoại Bồ Tát giới thể, như vậy đọa nga qui là điều đương nhiên!

**(6) Hướng mời chúng sinh đến,
Buổi tiệc Vô Thượng Lạc,
Sau đó lừa chúng sinh,
Khó mà sinh cõi lành!**

Mời chúng sinh đến buổi tiệc Vô Thượng Lạc: nghĩa là phát nguyện trước tất cả chúng sinh là sẽ độ họ thành Phật. **Sau đó lừa chúng sinh:** sau đó lại thoái thất tâm nguyện của mình, hứa mà không làm. **Khó mà sinh cõi lành:** Chỉ cần lừa một người, tội báo đã không ít, nay đi lừa tất cả chúng sinh, tội báo như vậy khó mà tưởng tượng được!

Nhập Bồ Tát Hạnh — Tích Thiên

**(7) Có người bỏ tâm này,
Tu đắc quả Tiểu thừa,
Nghiệp họ khó nghĩ bàn,
Chỉ có Phật mới biết.**

[Diễn Nghĩa] Ở đây có một công án về ngài Xá Lợi Phất. Trong quá khứ ngài đã từng phát tâm tu Bồ Tát hạnh, chứng đến lục trụ (Chánh tâm trụ). Sau vì bị ma thử thách không nhẫn được, nhân đó đã xả bỏ Bồ Đề tâm, tu hạnh Tiểu thừa. Trải qua vô lượng kiếp gặp đức Bốn Sư, chứng quả A la hán. **Hỏi:** Như vậy có mâu thuẫn với bổn luận: "Sau đó lừa chúng sinh, khó mà sinh cõi lành" hay không? **Đáp:** Ngẫm kỹ, công án của ngài Xá lợi Phất phù hợp với tông chỉ của bổn luận. (1) Xá Lợi Phất thực tâm hành Bồ Tát đạo, chưa từng có tâm khi dối chúng sinh. (2) Dù xả tâm này, ngài vẫn tinh tiến tu hành, không rời Không Tánh Tuệ và tâm yếm ly (nhàm chán) sinh tử. Nhờ đó sau này chứng được Tiểu quả. Kinh có nói ngài đã từng bị đọa ác đạo nhiều kiếp, và trong vô lượng kiếp chỉ có thể sinh trong năm cõi (trừ cõi trời). Điều này cho thấy, ngài không có tâm lừa dối chúng sinh, mà quả báo ngài nhận chịu đã khốc liệt như vậy. Huống chi tu hành lại mang tâm lừa dối, quả báo còn khốc liệt biết đến chừng nào!

**(8) Trong Bồ Tát giới đọa,
Tội xả tâm nặng nhất!
Vi xả tâm Bồ Đề,
Mất hữu tình lợi lạc.**

Giới đọa: Phạm giới này có thể đưa hành giả đến sự đọa lạc trong đời này và đời sau, cho nên gọi là giới đọa.

(9) Dù chỉ trong phút giây,

**Chương ngại hạnh Bồ Tát,
Uì tổn hữu tình lợi,
Quả ác thú vô biên!**

Bài kệ (8): tự mình xả tâm Bồ Đề, bài kệ (9): làm kẻ khác thoái thất tâm Bồ Đề. Vì làm tổn hoại sự lợi ích của tất cả chúng sinh trong pháp giới này, do đó phải nhận chịu ác quả báo vô lượng vô biên.

**(10) Hoại niềm vui một người,
Tự thân còn bị tổn,
Hướng hủy sự an lạc,
Của tất cả chúng sinh!**

**(11) Nếu như không quả quyết,
Phát tâm, lại tạo ác,
Lên xuống cõi luân hồi,
Khó mà chứng đạo quả!**

[Diễn Nghĩa] Hỏi: Xả bỏ tâm Bồ Đề tuy nhiên phạm giới đọa, sau khi sám hối thanh tịnh, chẳng lẽ không được thọ lại Bồ Tát giới hay sao? Đáp: Được. Phạm căn bản tội, có thể sau khi sám hối thanh tịnh xong, thọ lại Bồ Tát giới. Bất quá, sau khi phạm giới, sám hối làm cho thanh tịnh, so với xưa nay không phạm giới, bảo trì giới thể thanh tịnh, hai bên có sự khác biệt rất lớn. Luận Du Già, phần Bồ Tát Địa nói: "*Bồ Tát đối với căn bản trọng giới, tùy phạm một giới, hưởng phạm tất cả, trong hiện pháp, không thể tăng trưởng nhiếp thọ Bồ Đề tư lương rộng lớn của Bồ Tát, cũng không thể được ý nhạo thanh tịnh*". Do đây biết rằng, sám hối thanh tịnh, tối đa chỉ có thể làm tiêu diệt chủng tử ác báo, không bị đầu thai ác đạo, chứ không thể tiêu trừ sự chướng đạo sau này.

Phải trải qua một thời gian lâu dài (nhiều đời nhiều kiếp) mới có thể hoàn toàn khôi phục ngôi vị Bồ Tát của mình. Bồ Tát sơ học phải cẩn thận điều này, không nên vì sự phóng dật mà tùy tiện phạm giới.

**(12) Nay y lời thệ nguyện,
Phải cung kính thực hành,
Nếu mà không nỗ lực,
Nhất định sẽ trầm luân!**

**(13) Uì lợi ích hữu tình,
Bao nhiêu Phật xuất thế,
Mà con vì tội lỗi,
Uối Phật thành vô duyên!**

Mà con ... vô duyên: Con vì đã phóng dật và tội lỗi, cho nên đến nay vẫn không có phước báo được chư Phật tự thân dạy dỗ và dẫn dắt.

**(14) Nếu không chịu cải ác,
Như vậy sẽ thặng trầm,
Trong nẻo ác nhân chịu,
Sự khổ: bệnh, trời, đâm.**

**(15) Ngày nào mới gặp lại,
Chư Phật hiện thế gian,
Làm người tin Chánh Pháp,
Và biết tu điều lành!**

(16) Dù ngày nay không bệnh,
No cơm cùng vui sướng,
Cuộc đời là vô thường,
Thân này như vật mượn!

Thân này như vật mượn: Thân này như vật mượn tạm, người chủ (tử thân) có thể đòi lại bất cứ lúc nào.

(17) Nếu cứ làm việc ác,
Khó được sinh làm người;
Nếu không được thân người,
Làm sao biết tu thiện?

(18) Được nhân duyên tu thiện
Mà không chịu gắng tu,
Một mai đọa đường ác,
Khi đó sẽ làm sao?

(19) Đã không biết tu thiện,
Lại còn gây ác hành,
Trải qua một ức kiếp,
Không nghe tên cõi lành.

(20) Thân người khó gặp được,
Như rùa mù dưới biển,
Trôi lên trên mặt nước,
Đầu nhập bọng cây trôi.

Như rùa mù đáy biển: Trong kinh có một công án như sau: "Có một con rùa mù sống dưới đáy biển, cứ một trăm năm trôi lên mặt nước một lần. Trên mặt biển có một khúc cây trôi, trên khúc cây có một bọng cây, to chỉ đủ đầu rùa lọt vào. Rùa mù cứ mỗi trăm năm trôi lên một lần, hy vọng đầu chui vào được bọng cây". Cứ tưởng tượng, nếu như vậy đến khi nào mới chui đầu vào được bọng cây? Cơ hội gần như tuyệt vọng! Thân người khó được cũng giống như vậy. Bởi thế, truyền thống Phật giáo Tây Tạng rất chú trọng đến điều "thân người khó được" này; hơn nữa, nhất luật khuyến cáo hành giả phải mau phát Bồ Đề tâm, tu Bồ Tát hạnh ngay, kéo trễ!

(21) Sát na tạo tội nặng,
Nhiều kiếp đọa Vô gián;
Hướng chi từ vô thủy,
Trông hạt giống đọa lạc?

(22) Chỉ thọ ác báo đó,
Vẫn chưa thoát được khổ,
Vì lúc thọ quả báo,
Lại tạo thêm ác nghiệp!

(23) Nay đã được thân người,
Nếu không chịu tu thiện,
Tự khinh không gì hơn!
Ngu si không ai bằng!

(24) Nay đã rõ điều này,
Nếu vì ngu mà khác,
Khi thân này mất đi,

Chắc sẽ nhiều thống khổ.

(25) Khi mà lửa địa ngục,
Lâu dài đốt thân này,
Lửa hối hận bùng cháy,
Lòng con càng khổ đau.

(26) Tắm thân lợi ích này,
Khó được nay đã được,
Lại thêm đủ trí tuệ;
Nếu lại đọa địa ngục,

(27) Chắc là bị búa chui,
Làm tâm con mê hoặc?
Ai làm con thác loạn?
Quái nào trong tâm này?

(28) Tham sân si không có,
Tay chân, đứng, trí tuệ,
Sao có thể sai khiến,
Con như người nô lệ?

(29) Phiền não trong tâm này,
Tùy tiện tổn hại ta,
Nếu không trừ diệt nó,
Quả thực là đáng trách!

Nếu không...đáng trách: Nếu đối với phiền não mà không khởi tâm sân hận, nghĩa là không coi nó như kẻ thù và tìm cách tiêu diệt nó, mà cam chịu để nó sai khiến, làm mình đời đời kiếp kiếp đọa lạc, điều này quả thực là đáng trách. Ở đây nói đến sân hận, không phải là khuyến hành giả khởi tâm phiền não, mà chính là khuyến khích hành giả nên nỗ lực hưởng thượng, hưởng thiện. Nếu hành giả không khởi được tâm này, chắc sẽ không tìm được động cơ để thăng hoa chính mình.

(30) Dù Trời, A tu la,
Cùng đến uy kiếp ta,
Nhưng họ cũng không thể,
Ném ta vào Vô gián.

(31) Giặc phiền não hung tợn,
Ném ta vào ngục lửa,
Tu Di gặp lửa này,
Cháy tan không còn thừa!

(32) Kẻ thù trên thế gian,
Tuổi trời chỉ hữu hạn,
Giặc phiền não trong tâm,
Sống lâu không kỳ hạn.

(33) Nếu chiều lòng kẻ địch
Họ có thể lợi mình,
Còn tùy thuận phiền não
Chỉ gặp thương tổn khổ!

(34) Kẻ địch từ vô thi,
Ẩn núp trong tâm này,
Chỉ tìm cách hại ta,
Sao không sợ sinh tử?

Ở trong sinh tử, tức là ở chung với kẻ thù phiền não này. Kẻ thù này ngày đêm tìm đủ mọi phương cách tàn hại pháp thân tuệ mệnh của chúng ta. Người có trí tuệ lẽ đâu không sợ? Nếu muốn được an vui, phải tìm đủ mọi cách giết sạch kẻ thù này, thoát ly tam giới.

(35) Lũ cai tù sinh tử,
Cùng bọn quỷ địa ngục,
Nếu còn trong tâm này,
Ta làm sao an lạc?

Lũ cai tù sinh tử: Ở đây muốn chỉ vô minh. Nó là nguyên nhân chính giam nhốt chúng ta trong ngục sinh tử này.

(36) Nếu mà chưa giết được,
Kẻ địch phiền não này,
Trong suốt cả cuộc đời,
Thệ nguyện sẽ tinh tiến!
Bị người hơi xúc phạm,
Còn sinh lòng buồn giận,
Chưa giết sạch vô minh,
Người trí không ngủ yên.

(37) Chiến sĩ trên chiến trường,

Gắng sức diệt kẻ địch,
Dù biết rằng đời thi,
Sẽ chết vì già bệnh;
Tuy vậy vẫn không màng,
Gươm giáo đâm thân khổ,
Chưa đạt đến mục đích,
Cương quyết không trốn chạy!

(38) Hướng chi người tinh tiến,
Quyết chí muốn dẹp tan,
Kẻ địch phiền não này,
Nguồn gốc của sự khổ;
Cho nên dù gặp phải,
Trăm vạn sự khổ đau,
Thề quyết chẳng bao giờ,
Nhứt chí sinh biếng nhác!

(39) Tráng sĩ vì chút lợi,
Đánh trận bị thọ thương,
Trở về khoe vết sẹo,
Như được thưởng huân chương;
Ta nay vì lợi lớn,
Tu hành cố siêng năng,
Tạm thời gặp chút khổ,
Có gì là đau thương?

[Diễn Nghĩa] Trên bước đường tu hành gặp phải những khổ nạn, chung qui, đây là chướng ngại hay là nghịch tăng thượng

duyên (tức là những nghịch cảnh làm tăng trưởng sự tiến bộ của mình trên bước đường tu hành), là sự bất lợi hay là sự khích lệ, hoàn toàn là do cái nhìn của hành giả. Đây cũng là phương pháp dùng khổ tu đạo.

**(40) Ngươi phải cùng đồ tể,
Không phu, lũ phạm tục,
Chỉ biết lo thân mình,
Cần cù kẻ sinh nhai,
Còn nhân chịu nóng, lạnh,
Sự nhọc nhằn gian khổ;
Ta vì chúng sinh vui,
Sao lại không nhân nhọc?**

**(41) Tuy từng lập thế nguyện,
Độ chúng sinh thoát khổ;
Thế nhưng chính thân này,
Vẫn chưa đoạn phiền não;**

**(42) Lời nguyện không lượng sức,
Phải chăng là cuồng ngạo?
Vậy phải diệt phiền não,
Vĩnh viễn không lùi bước!**

[Diễn Nghĩa] Kinh nói: "Tự mình chưa được độ mà lo đi độ người, điều này không thể có được". Do thế, nếu như mình không bắt đầu siêng năng đoạn trừ phiền não, cũng giống như mình đi ngược lại bốn nguyện của mình. Vì vậy, đối với sự tiêu diệt phiền não, phải thường tinh tiến tu tập, vĩnh viễn không lùi bước.

**(43) Nay phải nên quán sát,
Phiền não như kẻ thù!
Phải ôm tâm hận này,
Mới mong diệt phiền não.**

**(44) Chẳng thà bị đốt chết,
Hoặc chịu khổ chặt đầu,
Tâm quyết không khuất phục,
Tùy thuận quỷ phiền não!**

**(45) Kẻ địch bị đánh đuổi,
Ấn núp nơi đất người,
Chờ mạnh quay trở lại;
Phiền não không phải thế.**

Phiền não không phải thế: Phiền não một khi bị đoạn trừ, vĩnh viễn sẽ không còn tung tích. Như ánh sáng chiếu đến thì bóng tối sẽ tan đi không còn dấu vết.

[Behold] **Hỏi:** Tôi hiểu rõ phiền não làm hại chúng sinh. Nhưng chúng ta có thể nào diệt sạch hết phiền não không? **Đáp:** Có thể. Nếu gốc của phiền não bị nhổ, thì tất cả phiền não sẽ bị tiêu diệt. Như nhổ gốc cây thì tất cả cành lá sẽ khô héo hết. Đây cũng giống thế, nếu nhổ bật gốc của phiền não là sự chấp trước, thì tất cả phiền não đều bị quét sạch. Vũ khí mà chúng ta cần là lưỡi kiếm trí tuệ, tức là sự chứng ngộ Không Tánh. Nếu có cặp mắt trí tuệ này, chúng ta sẽ quét sạch được phiền não.

(46) Nếu bị tuệ nhân giết

**Còn ẩn núp nơi nào?
Làm sao quay trở lại?
Chỉ vì mình biếng nhác!**

Chỉ vì mình biếng nhác: Phiền não thực sự không phải khó đoạn như chúng ta tưởng. Chỉ vì ngu si biếng nhác, thành thử chúng ta cứ phải bị lẩn quẩn trong vòng sinh tử luân hồi.

**(47) Phiền não không ở ngoài,
Ở trong, hoặc nơi khác,
Làm sao hại chúng sinh?
Phiền não như huyễn ảo,
Tâm đừng nên sợ hãi!
Người trí cần siêng năng,
Ngu gì ở địa ngục
Chịu thống khổ vô ích!**

Phiền não không ... như huyễn ảo: Đây là dùng trí tuệ quán sát phiền não không có tự tính. Ở đây, ý nghĩa cũng giống như bài kệ trong kinh Kim Cương: "Tất cả pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, ảnh..."

Nếu hiểu rõ phiền não vốn không, thì tự nhiên nó không còn trói buộc mình được nữa. Chúng sinh luân hồi sinh tử, vấn đề tại chấp trước tất cả đều là thực. Bởi thế hành giả tu hạnh Bồ Tát, phải nhất tâm quán sát chư pháp không có tự tính. Đây là điều thiết yếu.

**(48) Nghĩ xong nên tận lực,
Viên mãn chư giới hành,**

**Nếu không nghe thầy thuốc
Bệnh tật làm sao lành?**

Viên mãn chư giới hành: tức là nỗ lực tu hành, làm tròn tất cả những hạnh nguyện của mình. **Nếu không nghe ... sao lành:** Nếu không nghe lời dạy của Phật (thầy thuốc), tinh tiến tu hành, thì làm sao hết cơn bịnh sinh tử trầm kha này?

Hộ Trì Chánh Tri



Tận lực quán sát kỹ,
Cái tâm buông lung này,
Đã cột vào chánh niệm,
Có còn đó hay không?

Phẩm năm:
Hộ trì chánh tri

(1) *Người muốn giữ giới luật,
Phải giữ vững tâm mình!
Nếu không giữ tâm này,
Không thể giữ giới luật.*

(2) *Nếu để tâm buông lung,
Sẽ đọa ngục Vô gián!
Trên đời, lũ voi điên,
Cũng không hại đến kẻ.*

(3) *Nếu dùng dây chánh niệm
Trói chặt tâm buông lung,
Sợ hãi đều tiêu trừ,
Phước thiện ắt sẽ đến!*

(4) *Cọp, sư tử, gấu, voi,
Rắn rít, kẻ địch thù,
Cùng bọn quỷ địa ngục,
Ác thần, loài la sát,*

(5) *Chỉ cần buộc tâm này,
Là nhiếp phục bọn chúng!
Điều phục được tâm này,*

Tất cả đều vâng lệnh!

[Diễn Nghĩa] **Hỏi:** Tại sao giữ gìn tâm mình lại có thể tiêu trừ sự sợ hãi đối với ngoại cảnh? **Đáp:** Bởi vì tất cả sự sợ hãi đều do tâm phát sinh. Toàn là do sự chấp trước thân tâm, thế giới đều là có thực mà sinh ra. Nếu chúng ta thường thường tâm niệm Chánh Pháp, cùng quán sát pháp nghĩa về sự vô thường, vô ngã, mình người bình đẳng, tất cả hữu tình đều như mẹ mình v.v.... Dem pháp nghĩa này điều phục tự tâm, tự nhiên đối với ngoại cảnh không còn tham luyến, vì không tham luyến nên không sợ hãi. Không những không sợ hãi mà còn điều phục, cảm hóa kẻ khác, bất luận là trời, ma, quỷ, súc sinh, làm cho họ qui y tín ngưỡng Phật Pháp. Ngược lại, nếu như không khéo điều phục tâm mình, rất dễ bị sợ hãi luống cuống, mà gặp ngoại cảnh xâm hại.

(6) *Đức Phật từng dạy rằng:
Tất cả sự sợ hãi,
Vô lượng sự thống khổ,
Đều do tâm này sinh!*

(7) *Ai là kẻ tạo ra,
Địa ngục những binh khí?
Ai làm sào ngục lửa?
Yêu nữ từ đâu ra?*

[Diễn Nghĩa] Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ nói: "Nay nói lược về quả báo sát sinh như sau: Chỗ đó (địa ngục) có bánh xe ngàn trục bằng kim cương, vành bánh xe lửa cháy phừng phực. Tội nhân vừa vào đến, thì những vành xe này liền xuyên qua thân. Chỗ thân bị chạm xúc đều bị cháy tan v.v... Quả báo trộm cắp như sau: ... bị ngục tốt chộp lấy thân, ném vào đồng lửa đang cháy đỏ

v.v... Đối với những kẻ tham dục phạm tà dâm: Do nghiệp phát động, nhìn thấy (yêu nữ hiện hình thành) người nữ mà họ đã từng tăng tị đời trước, liền tất tả chạy đến, kết quả bị yêu nữ (bằng sắt) chộp lấy thân thể mà nhai nuốt v.v... Quả báo nói dối như sau: Diêm la, ngục tốt kéo lôi tội nhân bắt nằm bẹp trên sàn lửa (giống như người tục lấy vĩ sắt nướng thịt vậy) v.v ..."

**(8) Phật nói những việc này,
Đều do tâm ác tạo;
Vì thế trong ba cõi,
Không gì ác hơn tâm!**

**(9) Nếu diệt hết bần cùng,
Mới thành Bồ thí độ;
Nay vẫn còn kẻ nghèo,
Phật làm sao thành đạo?**

[Dịch Chú] Nếu như phải trừ diệt hết tất cả sự bần cùng của chúng sinh mới có thể viên mãn Bồ thí ba la mật, như vậy hiện nay vẫn còn biết bao nhiêu kẻ nghèo đói, chư Phật trong quá khứ làm sao viên mãn được Bồ thí ba la mật này?

**(10) Nếu tâm ưa bố thí:
Thân, tài sản, phước đức,
Do đây tròn thí độ;
Bố thí chỉ do tâm!**

[Diễn Nghĩa] Tu hành bố thí có thể làm lợi ích, cứu tế chúng sinh đói khát và bệnh khổ, đồng thời làm tăng trưởng công đức của mình. Kỳ thực, mục đích chính của sự bố thí là đối trị sự keo kiệt sinh ra từ ngã chấp, hơn nữa tăng trưởng ý nguyện bố thí.

Vì thế chìa khóa chính để viên mãn sự bố thí, không phải là tiêu trừ tất cả sự bần cùng, mà ở chỗ hành giả có hoàn toàn đoạn trừ được tâm bần sần của mình, và đồng thời có dưỡng thành ý nguyện bố thí hay không? Kinh Vô Tân Ý nói: "*Bố thí Ba la mật là gì? Là tâm xả tất cả tài vật và phước báo, bố thí cho kẻ khác*". Do đây biết rằng Bồ thí ba la mật là hoàn toàn y vào sự chuyển biến của tâm mình. Lý luận trên có thể áp dụng vào Giới ba la mật (Kệ 11), và Nhẫn nhục ba la mật (Kệ 12 đến 14).

**(11) Phóng sinh cá về đâu
Để chúng không bị hại?
Khi đoạn kết ác tâm,
Gọi là tròn Giới độ.**

**(12) Kẻ ác như hư không,
Làm sao giết được kết?
Nếu diệt tâm sân này,
Cũng đồng như giết địch.**

**(13) Làm sao đủ da bò
Lót đầy kết mặt đất?
Da cần đủ lột giày,
Đồng như lột đại địa.**

Đây là một câu chuyện trong Kinh: Có một vị vua cảm thấy rằng linh thổ của mình nhiều sỏi đá gập ghềnh, bèn ra lệnh quân thân phải tìm da bò lột hết mặt đất ở trong nước, để cho dân chúng đi lại an toàn, mà không bị sỏi đá làm thương tổn. Có một vị đại thần có trí tuệ rằng: Mệnh lệnh nhà vua không thể nào thi hành được, bởi vì không thể nào tìm đủ da bò để lột hết mặt đất. Chỉ có cách hay nhất là cắt da bò vừa đủ bọc vào hai chân, thì đi

đến đâu cũng giống như là mặt đất chỗ đó được lột da bò vậy. Nhà vua cho là hợp lý, bèn ra lệnh cho nhân dân lấy da bò làm giấy mà mang. Bài kệ này làm ví dụ dẫn khởi bài kệ (14) dưới đây.

**(14) Như vậy không thể nào
Chế phục kẻ địch;
Chỉ cần điều phục tâm,
Lo gì kẻ khác!**

**(15) Sinh một niệm minh định,
Đi sinh lên Phạm thiên;
Thân, khẩu tuy tu thiện,
Tâm yếu ớt khó thành!**

Một niệm minh định: Trạng thái được đạt đến sau khi rời bỏ được sự hôn trầm và tán loạn, làm cho thân tâm đạt đến cảnh giới bình đẳng, an hòa. **Tâm yếu ớt:** tức là tâm tư tán loạn, ủy mị.

**(16) Tuy tụng niệm nhiều năm,
Lại tu chư khổ hạnh,
Nếu tâm thường tán loạn,
Phật nói tu vô ích!**

Khổ hạnh: tức là mười hai hoặc mười ba hạnh đầu đà của các bậc xuất gia, như ngày ăn một bữa, ngồi luôn mà không nằm, mặc y phần tảo v.v... Mục đích giúp cho các bậc xuất gia trở nên muốn ít biết đủ (thiểu dục tri túc), chuyên tâm tu thiền định.

**(17) Nếu không rõ tâm này,
Là tạng Pháp thâm sâu,**

**Cầu vui hoặc tránh khổ,
Trôi dạt vô ý nghĩa.**

Cầu vui hoặc tránh khổ: Cầu vui có thể hiểu là những kẻ phàm phu tu pháp lành để cầu lên cõi trời hưởng sự vui sướng. Tránh khổ có thể hiểu là các bậc Tiểu thừa, tu tập thiền định cầu chứng Niết Bàn, để mau ra khỏi cõi khổ luân hồi.

[Crosby] Tâm thâm sâu, tức Bồ Đề tâm, không thể nào cảm nhận được bởi những bọn người phàm tục (nghĩa là những kẻ không theo đuổi lý tưởng của sự giải thoát). Tâm chứa đựng tất cả pháp với ý nghĩa là tất cả hiện tượng không thể rời tâm v.v... (Đây là lập trường của phái Duy Thức).

[Behold] Sự thâm sâu bí mật của tâm, sự nhận thức trọng đại nhất của các pháp là chư pháp tự tính không. (Đây là lập trường của phái Trung Quán).

**(18) Vên khéo léo giữ vừng,
Phòng hộ đạo tâm này,
Ngoài giới "giữ tâm" này,
Cần gì các giới khác!**

[Diễn Nghĩa] Tất cả công đức cùng lỗi lầm, đều do chúng ta có cẩn thận phòng hộ tâm mình hay không mà quyết định. Bởi vậy chúng ta phải cẩn thận giữ gìn tâm niệm của mình. Phải dùng chánh tri cùng chánh niệm thủ hộ tâm mình, làm cho phiền não không sinh, tâm Bồ Đề không thoái. Đây mới là cấm giới thù thắng nhất. Hỏi: Nếu vậy, chẳng lẽ tu mười hai hạnh đầu đà đều là vô ý nghĩa hay sao? Đáp: Không đúng. Mười hai hạnh đầu đà có công dụng phụ giúp vào việc đoạn trừ phiền não. Nếu như mười

hai hạnh đầu đà không giúp vào việc đoạn trừ phiền não, thì sự nghiêm trì hạnh đầu đà này cùng trở thành vô ý nghĩa.

**(19) Trong đám đông hỗn loạn,
Cẩn thận che vết thương;
Thân giữa lũ người ác,
Phải che vết thương tâm!**

**(20) Nếu sợ vết thương đau,
Cần cẩn thận gìn giữ,
Hướng sợ ngục Núi Ép,
Mà không giữ tâm này!**

Ngục Núi Ép: Căn cứ Vãng Sinh Yếu Tập của ngài Nguyên Tín, ngục Núi Ép còn gọi là địa ngục Chúng Hợp. Ngục này, ở phía dưới địa ngục Hắc Thằng (Dây Đen), có nhiều núi sắt. Cứ hai quả núi, hai quả núi đứng đối nhau. Bọn đầu trâu mặt ngựa tay cầm binh khí xua đuổi tội nhân chạy vào kẽ giữa của hai quả núi. Lúc đó hai quả núi tự nhiên ép chặt lại, làm thân thể của tội nhân bị ép nát, máu mủ bầy nhầy tung toé trên mặt đất; hoặc núi sắt từ trên không rớt xuống trên đầu tội nhân, ép thân thể thành như bùn; hoặc đặt tội nhân lên mặt đá, lấy núi giập xuống, hoặc bỏ tội nhân vào cối sắt, lấy chày mà giã. Bọn ác quỷ cùng sư tử sắt, cọp sắt, chim ưng sắt v.v..., xúm đến mà ăn v.v...

**(21) Giữ gìn nếu được thể,
Dù trong lũ người ác,
Hay giữa vòng gái đẹp,
Giữ giới, không thoái chuyển!**

**(22) Chẳng thà mất lợi dưỡng,
Danh dự, hoặc thân mệnh,
Hoặc thà mất phước thiện,
Quyết không hoại tâm này!**

**(23) Chắp tay xin khuyến thỉnh,
Người muốn giữ tâm mình,
Tân lực thường gìn giữ:
Chánh niệm và chánh tri!**

Chánh niệm: tức là nhận biết, lưu tâm và chú ý đến: (1) hoạt động của thân thể, (2) cảm giác, (3) hoạt động của tâm, (4) hoạt động của các pháp như tư tưởng, ý niệm v.v..., tức là bốn pháp thân, thọ, tâm và pháp (Tứ niệm xứ). **Chánh tri:** [Diễn Nghĩa] Trong phẩm này, kệ 108, ngài Tịch Thiên đã từng định nghĩa chánh tri một cách rõ ràng như sau: "Thường cẩn thận quán sát tình trạng của thân tâm". Có thể thấy rằng chánh tri là một sự thấy rõ (minh giác), hoặc nhận biết những trạng thái vi tế của thân tâm mình một cách rõ ràng. Đây là một loại nhận thức tức khắc hiện tiền, mà không phải, như một số người lầm tưởng là tri kiến chính xác. Tương phản của chánh tri là bất chánh tri, nghĩa là một trạng thái tâm lý không chú ý, hoặc nhận biết hiện tại một cách không rõ ràng.

**(24) Giống như người bị bệnh,
Không có sức làm việc;
Nếu vô minh loạn tâm,
Không sức thành nghiệp lành.**

Phụ chú: Nếu tâm bị nhiễu loạn, không trụ trong chánh niệm và chánh tri, thì dù có tu thiện nghiệp cũng khó thành tựu.

**(25) Người tâm không chánh tri,
Tu được văn, tư, tu,
Như nước trong bình nứt,
Khó trụ trong chánh niệm.**

Khó trụ trong chánh niệm: Câu này là dịch từ bản chữ Hán, nhưng [Batchelor] và [Crosby] không dùng chữ chánh niệm (mindfulness) mà dùng chữ ký ức (memory), nghĩa là tâm không giữ được những điều đã học đã tu được trong ký ức của mình. Còn [Behold] giải thích là: "Tâm thiếu chánh niệm và chánh tri". Từ những đoạn văn trên, bài kệ này có thể giải thích là: "*Người mà tâm không trụ trong chánh niệm và chánh tri, thì những thành quả tu tập được từ văn, tư, tu, sẽ thất thoát đi, như nước đựng trong bình nứt*".

**(26) Tín tâm, nhiều học vấn,
Lại thường siêng tu tập,
Chỉ vì không chánh tri,
Ô nhiễm phạm tội đọa!**

Bài kệ này nói đến sự trọng yếu của chánh niệm và chánh tri. Kệ tuy chỉ nói chánh tri, kỳ thực đã bao hàm chánh niệm. Như kệ (27) nói: *Kẻ tặc bất chánh tri, theo sau thất chánh niệm*, nghĩa là nếu không có chánh tri, chắc chắn đã mất chánh niệm. Cho nên hành giả dù đủ tín tâm, lại đa văn quảng học, tinh tiến tu hành, nhưng nếu không giữ chánh niệm, phiền não dễ sinh khởi, rốt cuộc vẫn bị đọa lạc.

**(27) Kẻ tặc "bất chánh tri",
Theo sau "thất chánh niệm",**

**Trộm phước đức đã tu,
Làm cho đọa ác thú!**

Thất chánh niệm: Ở đây, chữ thất có nghĩa là mất; sự mất chánh niệm dẫn theo sau nó sự bất chánh tri (như đã giảng ở trên).

**(28) Bọn giặc phiền não này,
Tìm cơ hội cướp giật,
Không những đoạt thiện tài,
Lấp nẻo về cõi thiện!**

Thông thường, thiện tài có nghĩa là những phước báo tích tụ do sự tu thiện, nhưng ở đây phải hiểu là Thất thánh tài (tín, giới, tâm, quý, văn, thí, tuệ). Bởi vì phiền não nếu chỉ cướp đoạt phước đức tích tụ được trong quá khứ, chưa đủ làm cho hành giả đọa lạc, mà phải hủy diệt Thất thánh tài, mới có thể làm cho hành giả đọa tam ác đạo, bởi vậy mới nói: "Lấp nẻo về cõi thiện".

**(29) Chớ nên để chánh niệm
Rời xa cửa tâm hồn,
Nếu rời, sợ đọa lạc,
Liền quay về chánh niệm!**

**(30) Nếu thường theo Thượng sư,
Vì sợ đọa, nghe Pháp,
Để làm cho hành giả,
An trụ trong chánh niệm.**

(31) Chư Phật, chư Bồ Tát,

**Thấy tất cả không ngại,
Nhưng gì mình nói, làm,
Các ngài đều thấy rõ.**

**(32) Suy nghĩ như vậy xong,
Kính sợ, lòng tâm quý,
Duyên đây ít rất dễ
An cần thường niệm Phật.**

[Crosby] Theo ngài Trí Tác Tuệ (Prajnakaramati), chúng ta phải nên cảm thấy tầm quý khi nghĩ đến lỗi lầm của mình, kính trọng Phật Pháp và khởi tâm sợ hãi khi nghĩ rằng mình có thể vi phạm lời Phật dạy.

**(33) Do an trụ chánh niệm,
Chánh tri sẽ theo đến,
Nhưng gì xưa đã mất,
May sẽ quay trở lại.**

[Diễn Nghĩa] Nội dung bài kệ này có ý muốn nói: Y chỉ vào chánh niệm sẽ sinh ra chánh tri, và làm cho chánh tri an trụ. Từ phương diện khác, đôi khi nhờ chánh tri quán sát và xem chừng, cũng làm cho chánh niệm an định. Hai bên y nhờ vào nhau mà tồn tại, nếu bên này không còn thì bên kia cũng mất... Như Quảng Luận nói: "Chánh tri, một cách gián tiếp, cũng có thể làm tâm an trụ vào cảnh mà nó đang duyên". Thí như chánh tri biết rõ tâm đang, hoặc là sắp hôn trầm, tán loạn, do đây cảnh tỉnh hành giả không nên tùy thuận vào sự hôn trầm, tán loạn mà an trụ vào cảnh đang duyên. Tóm lại, yếu lĩnh của sự tu hành có khéo léo hay không, toàn y vào mình có khéo giữ gìn cái dòng tâm niệm của mình hay không? Trong Đại thừa, tất cả các công đức tu hành được

sinh khởi và tăng trưởng, hoàn toàn tùy thuộc vào sự hiểu rõ (chánh tri) này!

**(34) Tâm ý vừa khởi lên,
Nếu biết có lỗi lầm,
Tức thời giữ chánh niệm,
Trấn định như cột trụ!**

Hành giả mỗi khi gặp cảnh giới hiện tiền, nên giữ tâm mình như cây cột đứng vững, an nhiên bất động, không để cho trần cảnh nhiễm ô mình.

**(35) Mắt quyết không nên nhìn,
Láo liên không mục đích,
Mà phải nên quyết chí
Nhìn thẳng, hơi hướng xuống.**

Ở đây muốn nói đến uy nghi của bậc xuất gia. Bất cứ hành vi cử chỉ nào đều phải cẩn trọng. Không nên dờn dác nhìn đồng nhìn tây, không nên bộp chộp, thô tháo v.v...

**(36) Để đôi mắt đờ mệt,
Cũng nên nhìn chung quanh,
Nếu thấy có người đến,
Hoan hỉ mở lời chào.**

[Diễn Nghĩa] Bởi vì không muốn những kẻ không tin Phật Pháp gây tạo ác nghiệp. Trong kinh có nói: "Bồ Tát tiếp dẫn chúng sinh, miệng luôn luôn mở lời làm chúng sinh hoan hỉ".

(37) Đi đường, xem nguy hiểm,
Vèn nhìn khắp bốn phương;
Ngừng lại, vèn quây đầu,
Nhìn phía sau xem xét.

(38) Đã quán sát trước sau,
Đi tới, hoặc quay về;
Như thế, trong mọi thời,
Thân trọng trước khi làm!

[Diễn Nghĩa] Trong tất cả uy nghi, trước tiên nên dùng chánh niệm và chánh tri nhận rõ hành vi và ngôn ngữ của mình, xem chúng có thực sự lợi ích chúng sinh hay không, sau đó tiến hành những công tác lợi ích cho họ.

[Behold] Bồ Tát, tuy ý thức rằng tất cả hành vi của mình rất quan trọng, nhưng cũng không nên quan niệm một cách cực đoan: "Mình là Bồ Tát đang giữ gìn hành vi, việc giao tiếp với chúng sinh không có gì quan trọng". Hành động của chúng ta tuy phải thuần khiết, nhưng chúng ta cũng phải lịch sự và nhã nhặn. Nếu có sự đòi hỏi phải thích ứng với phong tục tập quán địa phương, cũng như thỏa mãn nguyện vọng của quần chúng, chúng ta nên thực hiện nguyện vọng của họ, mà đừng nên nghĩ rằng nó đi ngược với giới luật của mình.

(39) Muốn thân được an trụ,
Vèn giữ vững uy nghi;
Thỉnh thoảng vèn quán sát,
Thân trọng tư thế nào!

(40) Tận lực quán sát kỹ,
Cái tâm buông lung này,
Đã cột vào chánh niệm,
Có còn đó hay không?

[Behold] Kệ (39) nói về thân nghiệp, kệ (40) nói về ý nghiệp. Bồ Tát không những giữ thân nghiệp đoan chính, ý nghiệp cũng phải thuần khiết, không để cho ngoại trần ô nhiễm. Vì thế phải thường nên suy tư về công đức của Chánh Pháp.

(41) Người tinh tiến tu định,
Sát na chỗ buông lỏng,
Niệm niệm thường quán sát,
Tâm đang đi về đâu?

[Diễn Nghĩa] Lúc quán sát hoạt động của tâm, nếu phát hiện tâm đang an trụ trong cảnh sở duyên lành, nên làm cho tăng trưởng; nếu cảnh sở duyên là vô ký, nên kéo tâm về an trụ trong cảnh lành; nếu sở duyên cảnh là ác, phải tức khắc tiêu diệt tâm niệm đó. Tóm lại, phải khéo điều động tâm mình như vậy.

Phụ chú: Ở đây, cảnh sở duyên là cảnh giới mà tâm đang duyên đến, chứ không phải bắt buộc phải là thực cảnh.

(42) Gặp hoạn nạn, vui mừng,
Vèn trấn định tâm mình;
Kinh nói lúc bố thí,
Có thể bỏ giới nhỏ.

[Diễn Nghĩa] Giả sử mình muốn bố thí vô úy (sự không sợ) cho một kẻ sắp bị giết đang trốn chạy. Tuy mình biết rõ chỗ ẩn

nấp của nạn nhân, nhưng nếu kẻ tìm giết đến hỏi, vì để bảo vệ sinh mệnh nạn nhân, mình vẫn có thể nói dối là không biết.

**(43) Ngkĩ xong quyết thực hành,
Không nên ngkĩ việc khác,
Tâm ý nên chuyên nhất,
Trước nên xong việc này!**

[Diễn Nghĩa] Một khi đã xác định xong thứ tự của sự tu học, cần phải tuân theo thứ tự mà tiến tu. Không nên "nhảy lớp" hoặc pha trộn nhiều pháp môn một lúc.

**(44) Như thế, việc đều thành,
Nếu không, việc khó thành;
Phiền não, bất chánh tri,
Nhân đây không tăng trưởng.**

[Diễn Nghĩa] Hai câu cuối của bài kệ này có thể giải thích như sau: Nếu như công việc trước chưa hoàn tất, lại tiến hành công việc sau. Chẳng những hai việc trước sau đều không thành, mà còn do vì tâm ý bất định, phiền não cùng bất chánh tri liên thừa cơ hội sinh khởi, lực lượng càng lúc càng lớn.

[Behold] Nếu chúng ta khéo kiểm soát được động cơ của mình, quyết định công tác phải làm, sau đó thực hiện cho đến khi hoàn tất. Như thế chúng ta sẽ duy trì được chánh tri ở mức cao độ. Do sự chánh tri này, mà ngăn chặn được những phiền não khác xâm nhập vào tâm mình. Nếu thế, chúng ta có thể chuyển biến những công tác hằng ngày thành sự tu tập của mình.

(45) Lẻo mép vô ý nghĩa,

**Những cuộc chơi phóng dật,
Nếu gặp cảnh như vậy,
Quyết chí không tham luyến!**

[Diễn Nghĩa] Trừ bài kệ (42), trong những tình trạng đặc biệt được khai duyên ra, trong trường hợp thông thường, như bài kệ này đề cập đến những hành động vô vị (như mách lẻo), hoặc làm tâm thái tán loạn (như đi xem những màn hát vui hay những sự việc dễ làm cho tâm bị kích thích), đều bị cấm chỉ. Nếu hành giả ngẫu nhiên hiện diện trong những hoàn cảnh như vậy, phải cẩn thận phòng hộ tâm mình, đừng để đánh mất chánh niệm.

**(46) Không duyên có: đào đất,
Nhổ cỏ, chặt cây cối,
Hoặc trên đất vẽ hình,
Nên nhớ lời Phật dạy,
Sợ tội, chớ nên làm!**

[Diễn Nghĩa] **Hỏi:** Tại sao trong phần giá tội chỉ đề cập đến một vài điều như đào đất, nhổ cỏ chẳng hạn (mà không đề cập đến những tội khác)? **Đáp:** Nhân vì trong giới luật có nói: Những tội như trộm cắp, sát sinh v.v..., cư sĩ cùng chúng tăng đều phải học, còn những tội như đào đất, nhổ cỏ v.v..., chỉ là học xứ của Tỳ Kheo, mà không phải là học xứ của cư sĩ tại gia. Tuy vậy, kẻ tại gia cũng nên học tập một số điều luật của các bậc xuất gia.

**(47) Nếu thân muốn di động,
Hoặc miệng muốn mở lời,
Trước nên quán tâm mình,
An nhiên làm đúng lý.**

[Diễn Nghĩa] Bảy bài kệ sau (47-53), ý chỉ chủ yếu là: Không luận tiến hành bất cứ sự việc nào, đều phải quán sát động cơ của việc làm đó. Y vào năng lực đối trị phiền não của chánh niệm và chánh tri, mà hành giả có thể ngăn chặn cùng đoạn trừ những hành vi có thể đem đến phiền não cho chính mình.

(48) Nếu tâm đang sinh tham,
Hoặc đang muốn sân hận,
Nên tạm ngừng hành động,
Trấn định như cột trụ!

(49) Lúc tâm trong trạng thái:
Tán loạn, hoặc khinh người,
Ngạo mạn và khoe khoang,
Hoặc muốn bươi lỗi người,
Giả vờ hoặc lừa dối,

(50) Hoặc mong người khen ngợi,
Hoặc muốn kỷ nhục người,
Lời thô, hoặc đâm thọc,
Nên giữ vững tâm mình,
Trấn định như cột trụ!

(51) Hoặc tham danh, lợi, kính,
Hoặc muốn sai khiến người,
Hoặc muốn người hầu hạ,
Trấn định như cột trụ!

(52) Khi mở miệng muốn nói,

Uì mưu lợi cho mình,
Hoặc mong người mất lợi,
Trấn định như cột trụ!

(53) Bôn chôn, lười, khiếp sợ,
Vô sỉ, lời vô nghĩa,
Hoặc có ý thiên vị,
Trấn định như cột trụ!

Bôn chôn: tức là thiếu nhẫn nại (impatient) trong công việc. **Vô sỉ:** Vô liêm sỉ, không biết trơ trên (shameless), mặt dày.

(54) Nên quán tâm nhiễm ô,
Ham làm việc vô nghĩa,
Biết rồi liền đối trị,
Kiên quyết giữ chánh niệm!

[Diễn Nghĩa] Từ kệ (48) "Nếu tâm đang sinh tham" đến kệ (53) "Hoặc có ý thiên vị", tất cả những tâm lý nhiễm ô, cùng những tâm lý ưa thích những hành vi vô nghĩa như đào đất, nhổ cỏ, chặt cây chẳng hạn, tất cả phải được quán sát một cách tỉ mỉ. Mỗi lúc phát hiện tâm lý này hiện khởi, kẻ dưng sĩ muốn khắc phục phiền não, phải học tập đối trị bằng cách dùng chánh tri và chánh niệm, hoặc dùng những phương pháp đặc thù khác như quán bất tịnh, quán từ bi chẳng hạn. Tùy bệnh mà cho thuốc. Phải thường giữ gìn tâm mình, dùng đây làm phương tiện ngăn chặn cùng diệt trừ tất cả ác nghiệp cùng tập khí của mình.

(55) Tin sâu, lòng kiên quyết,
Ồn định, kính, nhả nhận,

**Hổ thẹn, sợ nhân quả,
Tịch tĩn, thường đem vui.**

[Diễn Nghĩa] (1) Đối với tất cả học xứ, nên phải trừ diệt sự hiểu lầm cùng hoài nghi, hơn nữa phải hoàn toàn khẳng định sở học của mình. Đối Tam Bảo phải khởi lòng tin tưởng sâu đậm và vui vẻ học tập. (2) Đối với học xứ cao thâm, cùng những sự nghiệp lợi sinh, phải kiên định ý chí, không sợ hãi, rụt rè. (3) Đối với Tam Bảo và học xứ sinh khởi lòng yêu thích. Đối với tất cả người trên kẻ dưới, hoặc già hoặc trẻ, phải khởi lòng kính trọng, khiêm cung.

**(56) Đối kẻ ngu, ấu trĩ,
Tâm chớ nên oán ghét,
Biết họ nhiều vô minh,
Nghĩ vậy sinh lòng từ!**

**(57) Vì mình và hữu tình,
Làm lợi không phạm tội,
Thường quán pháp hữu vi,
Tất cả đều như huyễn.**

[Diễn Nghĩa] Vì muốn thực hiện lợi ích cho chúng sinh, Bồ Tát ngoài việc tu những pháp lành, hộ trì giới luật, như bố thí v.v..., còn phải thường thường dùng trí tuệ hiểu rõ Tính Không, cảnh tỉnh mình như sau: "Tất cả những việc đã làm, bất quá cũng chỉ là những sự huyễn hoá, do kẻ huyễn hoá làm ra mà thôi". Dùng đây để đối trị lòng ngã mạn sinh ra bởi sự chấp trước vào sự tu hành của mình. Bồ Tát dùng phương tiện như vậy để thủ hộ tự tâm.

(58) Nên suy nghĩ đản đo,

**Thân người rất khó được;
Vậy nên giữ tâm này,
Không động như Tu Di!**

**(59) Tâm! Nếu tham thân này,
Sao mi lại không màng,
Lúc chết bị điều kâu,
Tranh giành và chửi xé?**

[Behold] Nếu chúng ta không giảm thiểu sự tham trước đối với thân thể của mình, chúng ta khó lòng giữ tròn được giới hạnh thanh tịnh. Vì sao? Vì muốn bảo hộ thân này mà chúng ta đã tổn hại kẻ khác cùng gây tạo biết bao nhiêu điều ác. Bởi vậy chúng ta phải tự hỏi lòng mình: Tại sao mình lại tham trước thân này như vậy? Tại sao mình lại bảo hộ nó và nghĩ nó là của mình? Khi cái chết phân ly chúng ta ra khỏi thân thể này, chúng ta sẽ ra đi một mình không bạn bè thân thích. Lúc đó ai bảo hộ thân này? Nếu chúng ta không bảo hộ nó lúc đó, tại sao bây giờ lại bảo hộ nó một cách quá đáng như vậy? Người trí tuệ nên suy ngẫm kỹ, nên suy ngẫm kỹ!

**(60) Mi đối tấm thân này,
Sao chấp mê như vậy!
Nó và mi khác biệt,
Mi cần chi thân này?**

[Diễn Nghĩa] Từ vô thủy đến nay, cho đến giây phút mà thần thức của thân trung ấm hòa hợp cùng tinh cha huyết mẹ để thành tấm thân này, không những hai bên (thân trung ấm và tinh cha huyết mẹ) khác nhau không chút tương quan, hơn nữa tính chất lại hoàn toàn khác biệt. Nếu sự thực đã như vậy, nay bạn sao

vẫn còn cần tẩm thân thô kệch này làm gì? Trước sau gì cũng có một ngày bạn và nó sẽ biệt ly, vĩnh viễn không bao giờ gặp lại. Bởi thế hiện nay bạn nhận nó là của bạn, vì nó mà bạn phải chịu sự oằn oại khổ đau như thế, há chẳng phải là một sự cực kỳ vô lý hay sao?

**(61) Đề ngu, sao không nhân,
Thân cây sạch làm thân?
Khổ chi mà giữ gìn,
Bọc đồ dơ hôi thối!**

**(62) Trước nên dùng ý quán,
Bóc da rời khỏi thịt,
Kế dùng kiếm trí tuệ,
Cắt thịt rời khỏi xương.**

[Behold] Sự bảo hộ hay chăm sóc đối với thân thể một cách quá đáng, mà Tịch Thiên đề cập đến, là do sự tham trước của chúng sinh. Muốn đối trị sự tham nhiễm này, chúng ta phải phân tích thân thể này một cách tường tận, để tìm xem phía trong có gì là sạch sẽ quý báu, đáng để chúng ta quá phần tham luyến hay không?

**(63) Lại chẻ những lông xương,
Nhìn kỹ cho đến tủy;
Phải suy ngẫm như vậy:
Chỗ nào là tinh diệu?**

Tinh diệu, ở đây có thể hiểu theo hai nghĩa: (1) Sự tinh diệu, nghĩa là những gì mà chúng ta cho là thanh tịnh, quý báu. (2) Linh hồn, nghĩa là cái mà chúng sinh chấp là ngã. Sự quán sát này

có hai công năng: (1) Trừ vọng tưởng về sự thơm sạch của thân thể này (chấp dơ là sạch). (2) Trừ diệt sự chấp ngã (hoặc chấp thân này là ngã, hoặc chấp trong thân có ngã).

**(64) Gắng sức tìm như vậy,
Vẫn không thấy tinh diệu,
Tại sao còn tham luyến,
Yêu giữ thân dơ này?**

**(65) Chết hẳn không thể ăn,
Máu tanh không thể uống,
Lòng ruột không nít được,
Còn cần chi thân này?**

**(66) Hoặc là tham thân này,
Để cho sói, điều ăn?**

Hai câu này, có người giải thích là: “Vì tự thân chúng ta không thể hưởng dụng thân này, vì vậy nuôi dưỡng nó để dành cho chồn sói ăn.” Sự thực, việc này không phải vô lý, nhưng giải thích như vậy có vẻ ngây ngô. Thực sự hai câu này, ngài Tịch Thiên có ý mỉa mai lũ phàm phu ngu si tham mê thân thể mình một cách thái quá. Kế đó ngài mới cảnh tỉnh họ một cách nhẹ nhàng: Lo lắng cùng săn sóc thân thể này không phải là không có lý, với một điều kiện là:

**Kỳ thực, giữ thân này,
Chỉ vì muốn tu thiện!**

(67) Dù có tham tiếc thân,

Từ thân không vì tình,
Đoạt xong, cho sói, điều,
Lúc đó sẽ làm sao?

**(68) Đây tớ không làm việc,
Chủ nhân không trả tiền;
Dù nuôi, thân vẫn chết,
Nhọc nhằn để làm chi?**

[Behold] Nếu thân này không làm lợi ích cho chúng ta, thì sự nuôi nấng và chăm sóc này, cũng giống như nuôi một tên đầy tớ lười biếng, không chịu làm việc. Nếu chúng ta coi thân này như một tên đầy tớ, thay vì coi nó như ông chủ mình, thì lúc đó chúng ta sẽ có một thái độ thích đáng và thực tế hơn trong việc nuôi nấng và chăm sóc nó.

**(69) Đã trả lương cho nó,
Bắt nó làm lợi mình;
Nếu thân này vô ích,
Quyết không cho gì cả!**

Bắt nó làm lợi mình: Đại thừa Trang Nghiêm Kinh Luận nói: "Lợi người tức là lợi mình, nghĩa là Bồ Tát mưu cầu lợi ích cho chúng sinh tức là làm lợi mình. Trừ việc này ra, chẳng có việc tự lợi nào khác đáng nói cả". **Quyết không cho gì cả:** Nếu chúng ta phát hiện thân này không giúp ích gì cho mình trong việc tu tập hạnh lợi mình lợi người, lúc đó chúng ta nên có thái độ nghiêm khắc và tự trách.

(70) Coi thân như thuyền trôi,

Làm phương tiện tới lui,
Để làm lợi hữu tình,
Tu thành thân Như ý.

[Behold] Nếu muốn vượt qua biển sinh tử và đạt đến bờ bên kia, điều quan trọng là phải giữ gìn tấm thân quý báu này, cho đến lúc chúng ta đạt đến mục đích và thành tựu được viên ngọc Như ý, tức là Phật thân.

**(71) Làm chủ thân tâm mình,
Dung nhan thường vui vẻ,
Không nhăn nhó, kham hờ,
Làm bạn lành chúng sinh!**

**(72) Dời đồ dùng sơ suất,
Gây tiếng động ồn ào,
Mở cửa dùng thô bạo,
Nhà nhàn làm người vui.**

**(73) Như hạc, mèo, kẻ trộm,
Vì muốn được thành công,
Nhẹ nhàng không tiếng động;
Bồ Tát muốn lợi người,
Cũng nên làm như thế.**

[Diễn Nghĩa] Bài kệ này chỉ là một thí dụ điển hình về việc dùng thái độ hòa hoãn để đạt thành mục tiêu của mình. Ba bài kệ (71) ~ (73) này muốn nói: Trong tất cả hành

động, Bồ Tát phải học tập thái độ làm cho tất cả chúng sinh khi nhìn thấy mình đều khởi tâm hoan hỷ và hâm mộ.

(74) *Nên khéo khuyên nhắc người;
Đối với lời hay, đẹp,
Nên cung kính tuân hành,
Làm học trò chúng sanh.*

(75) *Khi nghe lời cao nhã,
Nên khen là "khéo nói";
Thấy người làm điều lành,
Tâm vui mừng ca ngợi.*

(76) *Thường khen công đức người,
Nhưng khi người khen mình,
Nên tự quán đức hạnh,
Xem thực, hay không thực.*

Thường khen công đức người: Nếu mình nghe có người tán thán công đức của kẻ khác, nên hoan hỷ phụ họa, lại còn tán thán công đức của họ hơn thế nữa.

(77) *Mọi việc làm của người
Là niềm vui khó mua,
Khi thấy công đức người,
Nên sinh lòng tùy hỷ.*

(78) *Làm thế, nay không tổn,
Đời sau được nhiều vui;*

*Nếu ganh ghét sẽ khổ,
Đời sau càng khổ hơn!*

Không tổn: Không tổn phước đức cùng hạnh Bồ Tát của mình. **Đời sau càng khổ hơn:** Vì tật đố, hủy báng, ắt sẽ đọa tam ác đạo thọ khổ.

(79) *Nói ra nên hợp ý,
Nghĩa rõ, lời thích nghi,
Lòng vui, không tham giận,
Khả nhận, tâm từ bi.*

(80) *Mỗi khi thấy hữu tình,
Mắt vui, lòng rộng rãi,
Vì họ mình mới được,
Thành Phật đường không xa.*

[Batchelor] Khi nhìn thấy hữu tình, nên nhìn họ với tấm lòng cởi mở, tràn đầy tình thương, nghĩ rằng: Nhờ kẻ này mà mình sẽ được thành Phật.

(81) *Nhiệt thành thường tu thiện,
Siêng đối trị phiền não,
Thí bi, ân, phước điền,
Thành tựu đại phước thiện.*

Đối với hành giả học hạnh bố thí, có ba loại ruộng phước thù thắng: (1) Bi điền: tức là những kẻ bần cùng, khổ sở, cô độc, bị áp bức v.v..., (2) Ân điền: tức là cha mẹ, sư trưởng, thiện tri thức v.v..., (3) Phước điền: tức là Tam Bảo.

**(82) Đủ trí tuệ, tín tâm,
Khen thường siêng tu tập;
Những điều thiện nên làm,
Chớ ý vào người khác!**

[Behold] Muốn sự tu tập Chánh Pháp trở nên kiên cố và có cơ sở vững chãi, chúng ta cần phải thấu rõ điều mình đã học, và có tín tâm vững chắc đối với pháp môn của mình. Ngài Tịch Thiên chỉ rõ là muốn tu tập đúng phương pháp, trước tiên phải nghiên cứu giáo lý, sau đó nắm vững phương pháp tu tập. Nếu được như vậy, chúng ta có thể tự mình thực hành mà không cần nhờ vả vào kẻ khác.

**(83) Tuân tỵ mà tu tập,
Lục độ như bố thí, ...;
Đừng chấp nhỏ bỏ lớn,
Việc lớn nghĩ lợi người.**

Đừng chấp nhỏ bỏ lớn: Ở đây việc nhỏ (thấp) chỉ những Độ (Ba la mật) bậc thấp, còn việc lớn (cao) chỉ những Độ (Ba la mật) bậc cao (thí như bố thí là thấp so với trì giới, trì giới là thấp so với nhẫn nhục chẳng hạn). Các bản dịch trên ý muốn nói là trong trường hợp thông thường, trì giới cao hơn bố thí, nhẫn nhục cao hơn trì giới v.v... Thế nhưng vì muốn thực hiện một sự bố thí to lớn, trong trường hợp đó có thể bỏ những giới nhỏ. Điều này có thể áp dụng cho các Độ (Ba la mật) khác. Như trên đã bàn qua, hành giả trên đường hành Bồ Tát hạnh, trong công việc lợi sinh phải cân nhắc kỹ lưỡng hành động của mình. Tùy thời tùy chốn mà uyển chuyển hành động, không quá chấp nê, nhưng cũng không được tùy tiện loạn động.

**(84) Đã hiểu rõ đạo lý,
Khen siêng làm lợi người;
Ước bậc Đại Bồ Tát,
Phật cho khai tiểu giới.**

**(85) Khi ăn, thí nga quĩ,
Kẻ khổ, bạn đồng tu,
Phần mình chỉ vừa đủ,
Chỉ cần giữ ba y,
Ngoài ra đều xả hết.**

Kệ (85) cùng kệ (88) đến kệ (98) là một số luật nghi trích ra từ giới luật của bậc xuất gia. Tuy vậy, các vị Bồ Tát tại gia cũng có thể theo đây mà tu học, tăng trưởng uy nghi, phước đức cho chính mình.

Khi ăn ... vừa đủ: Theo giới luật, bậc xuất gia trước khi thọ trai, phải đem phần ăn của mình chia làm bốn phần: (1) bố thí cho nga quĩ và súc sinh, (2) bố thí cho những kẻ ăn mày nghèo khổ, (3) bố thí cho các vị đồng tu, (4) còn lại một phần mình tự hưởng dụng. **Chỉ cần ... xả hết:** Những bậc xuất gia thiếu dục tri túc quyết không tích trữ tài vật nào khác. Ngoài ba y (tiểu y, trung y, đại y) và bình bát, những vật khác đều đem bố thí cho kẻ khác. Tuy nói như vậy, đây chỉ là nói đến những bậc căn cơ tương đối cao. Đối với những bậc căn cơ thấp, Phật cũng cho phép tích trữ một số vật dụng vừa đủ cho nhu cầu sinh hoạt của họ.

**(86) Chớ vì việc thiện nhỏ,
Mà hủy hoại thân này!
Vì chúng sinh tu hạnh,
Sẽ chóng được viên mãn.**

[**Behold**] Chúng ta vì thân này để tu tập Chánh Pháp, bởi vậy không nên vì một chút ích lợi nhỏ nhặt mà tùy tiện hủy hoại nó.

Phụ chú: Ích lợi nhỏ đây, hoặc là cầu hư danh, hoặc là cầu phước báo nhân thiên chẳng hạn.

**(87) Bi nguyện chưa thanh tịnh,
Chưa nên thí thân này,
Đời này hoặc đời sau,
Vi lợi lớn mới xả!**

Bi nguyện chưa thanh tịnh: Đây muốn nói đến những phàm phu học Bồ Tát hạnh, nhưng chưa hoàn toàn phá bỏ được ngã chấp.

[**Diễn Nghĩa**] Đối phàm phu, ngay đến ba y còn không nên xả, huống gì xả thân mệnh. (Vì sao? Vì sợ xả xong lại sinh tâm hối tiếc, thậm chí thoái thất đạo tâm). Ngài Uy Nguyệt giải thích như sau: "Nếu như hành giả chưa đủ tâm từ bi, chưa thể quán sát thân tâm bình đẳng, chớ nên bố thí thân mệnh mình. Đợi đến khi đạt đến cảnh giới đối tất cả chúng sinh, không luận thân thù, đều một mực bình đẳng, lúc đó xả thân cũng không muộn. Vì sao? Vì không còn tâm hối tiếc, không còn sợ thoái đạo nữa".

**(88) Đối với kẻ bất kính:
Không bình mà trùm đầu,
Cổ quàng khăn, cầm lọng,
Cầm đao, binh khí, gậy,
Chớ thuyết pháp cho họ.**

Đối với bậc Bồ Tát xuất gia, nếu có người cầu pháp mà thái độ không cung kính, không nên vì họ thuyết pháp. Điều giới này trong giới luật Thanh văn (Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni), và giới luật Bồ Tát đều có đề cập đến. Không phải người thuyết pháp bần sần, mà chính vì kẻ cầu pháp có thái độ vô lễ. Giả sử có nói pháp, cũng chỉ như nước đổ lá môn, hoàn toàn vô ích, không những thế, nhiều khi lại tăng thêm phiền não cho cả hai bên.

**(89) Người nữ đến một mình,
Cũng không nên thuyết pháp;
Đối người thiếu trí tuệ,
Chớ nói pháp thâm sâu;
Đối với Đại, Tiểu thừa,
Đồng kính mà tu học**

Người nữ ... thuyết pháp: Nếu có người nữ một mình đến tìm Tỳ Kheo (hoặc người nam một mình đến tìm Tỳ Kheo ni) cầu pháp, nên cự tuyệt. Trừ phi người nữ có người nam tại gia (và ngược lại) tháp tùng. Mục đích của điều giới này là ngăn ngừa sự gièm pha của người đời đối với các bậc xuất gia. **Đối với pháp ...tu học:** Căn cứ Phạm Võng Bồ Tát Giới, nếu hành giả Đại thừa bỏ Đại thừa học Tiểu thừa sẽ phạm tội khinh cấu (tức là tội nhẹ). Nhưng nếu căn cứ Du Già Bồ Tát Giới, hành giả Đại thừa nếu bỏ không học Tiểu thừa cũng sẽ phạm tội khinh cấu. Bồ Tát vì muốn quảng độ chúng sinh, phải nên học rộng nghe nhiều, thậm chí đến kinh sách ngoại đạo còn phải nghiên cứu, hướng chỉ giáo lý Đại thừa, Tiểu thừa là lời dạy của chính đức Thế Tôn.

**(90) Với người căn cơ cao,
Chớ nói pháp nông cạn;**

**Đừng nên bỏ giới luật,
Bùa chú lừa chúng sinh.**

Đây là vấn đề mà giới luật gọi là *tà mệnh tự hoạt*, nghĩa là dùng phương tiện tà vạy, mưu cầu lợi dưỡng, làm phương tiện sinh nhai. Điều này đi ngược với chánh mệnh trong Bát Chánh Đạo. Người học Phật, không luận Đại, Tiểu thừa, mục đích chính là tìm cầu sự giải thoát hiện tại, hầu mong trong vị lai làm mô phạm cùng phước điền cho trời người, đúng lý phải đem niềm tin đối với Tam Bảo đến cho chúng sinh. Nay mình chỉ vì chút lợi nhỏ lại lừa dối chúng sinh, đi ngược với nguyện vọng của họ. Thử hỏi, đối với Phật Pháp và chúng sinh còn tai hại nào bằng. Bởi vậy trong giới luật của Đại, Tiểu thừa đều nghiêm cấm điều này.

**(91) Xỉa răng, hoặc khạc nhổ,
Nên đi tìm chỗ khuất;
Không nên đại, tiểu tiện,
Nơi đất sạch, nước trong.**

**(92) Ăn chớ ngậm đầy miệng,
Lớn tiếng, miệng há to,
Lúc ngồi đừng duỗi chân,
Xoa tay đáng bối rối.**

**(93) Xe, giường, chỗ vắng vẻ,
Chớ nên hẹn vợ người;
Việc gì thiên hạ nghi,
Chớ để người đàm tiếu.**

(94) Khi bày tỏ ý mình,

**Đừng dùng một ngón tay,
Đối người phải lễ phép,
Nên đưa bàn tay phải.**

Mỗi khi muốn bày tỏ ý kiến của mình (ngay đến việc sai bảo người khác) không nên dùng một ngón tay chỉ trỏ, mà phải nên đưa cả bàn tay phải ra hiệu cho họ biết.

**(95) Tỏ ý chớ vung tay,
Cử động nên từ từ,
Khảy ngón tay nhẹ tiếng,
Cẩn thận giữ uy nghi.**

Hành giả muốn kêu gọi sự chú ý của người khác, không nên múa tay vung vít, hoặc lớn tiếng kêu la, mà nên nhẹ khảy ngón tay, âm thanh vừa đủ nghe, cử động khoan thai, không được vụt chạc. Chú ý đến uy nghi của mình.

**(96) Ngủ, chọn hướng thích nghi,
Nằm như Phật Niết Bàn,
Chánh niệm và quyết chí,
Tỉnh giấc nên dậy liền.**

Ngủ chọn ... Niết Bàn: Khi ngủ phải chọn hướng nằm thích nghi, nghĩa là nằm như đức Phật khi ngài nhập Niết Bàn (quay về phía tay phải v.v...).

**(97) Học xú của Bồ Tát,
Kính nói nhiều vô tận,
Nhưng phải tận lực mình,**

Tu trì hạnh tịnh tâm!

Tu trì hạnh tịnh tâm: Trước tiên, bảo trì chánh niệm cùng chánh tri, kế đó nghiêm trì giới luật, đồng thời tu quán Không Tánh, làm cho tâm càng lúc càng thanh tịnh.

**(98) Mỗi ngày đêm sáu thời,
Đọc tụng kinh Tam Tụ,
Nương Phật, tâm Bồ Đề,
Sám hối trừ chúng tội.**

[Crosby] Kinh Tam Tụ, có lẽ nói đến Tam Tụ Pháp Kinh, là một bộ kinh Đại thừa ngắn, còn được bảo tồn bản tiếng Phạn và tiếng Tạng. Nội dung bao gồm sám hối ba mươi lăm (35) vị Phật, và kết thúc bằng phần tùy hỷ công đức cùng hồi hướng.

[Behold] Sau khi thọ Bồ Tát giới, phải cố gắng không vi phạm giới luật. Như trên đã bàn qua, phạm Bồ Tát giới quả báo rất nặng. Tuy vậy, nếu hành giả hoàn toàn không che dấu, và đem tâm chí thành khẩn thiết cầu sám hối, có thể sám hối thanh tịnh những điều mình đã phạm.

[Phụ Chú] Theo các nhà chú giải Tây Tạng, nếu phạm trọng giới, hành giả có thể dùng Tứ Lực sám hối tội chướng của mình. Diễn Nghĩa dẫn kinh Tứ Pháp như sau: "Phật nói: Nay Từ Thị, nếu Bồ Tát Ma ha tát thành tựu bốn pháp, sẽ diệt được những tội chướng chồng chất trong quá khứ. Bốn pháp đó là gì? Tức là hối quá hạnh, đối trị hạnh, chế chỉ hạnh và y chỉ hạnh. Lại nữa (1) Hối quá hạnh: tức là sám hối cải đổi những nghiệp ác đã tạo, (2) Đối trị hạnh: tức là đã lỡ tạo ác nghiệp xong, cực lực tu thiện nghiệp, cùng làm những việc lợi ích khác, (3) Chế chỉ lực: nghĩa là do đọc tụng cấm giới mà thành tựu sự không hủy phạm, (4) Y chỉ

lực: nghĩa là qui y Phật, Pháp, Tăng bảo, cùng không buông bỏ tâm Bồ Đề. Do y chỉ vào Tam Bảo lực cùng Bồ Đề tâm lực, quyết định tiêu diệt hết tội chướng". Còn nếu phạm tội nhẹ, có thể sám hối bằng cách mỗi ngày ba thời tụng kinh Tam Tụ. Nương vào uy lực của Phật và tâm Bồ Đề, những tội chướng này sẽ được tiêu diệt.

**(99) Vì mình, hay vì người,
Tùy thời, tùy hành môn,
Tất cả các học xứ,
Đều phải siêng tu học.**

[Behold] Trong bất cứ lúc nào, mỗi khi vận dụng thân, khẩu, ý, đều phải tuân hành, học tập, mà không được vi phạm những lời giáo huấn của Như Lai.

**(100) Không một pháp môn nào
Mà Phật tử không học,
Nếu khéo học như vậy,
Không phước nào không đến!**

Không một ... không học: Sau khi triệt ngộ tính chân thực của các pháp, Bồ Tát vì muốn thực hiện sự lợi lạc cho tất cả chúng sinh nên tinh tiến tu học. Không có một pháp môn nào mà Bồ Tát bỏ qua không học. Nếu không, không cách nào độ thoát tất cả chúng sinh.

Không phước nào không đến: Nếu khéo học như vậy, Phật quả còn có thể thành đạt, hưởng gì phước báo hữu lậu trời người, hoặc phước đức vô lậu của Nhị Thừa.

**(101) Trực tiếp, hay gián tiếp,
Việc làm đều lợi người,
Vì muốn lợi hữu tình,
Hồi hướng Đại Bồ Đề.**

[Behold] Bất cứ công đức nào mà chúng ta góp nhặt được, dù chỉ là đốt một nén hương, đều nên hồi hướng đến sự giác ngộ của chúng sinh.

**(102) Dù chết cũng không rời
Thiện tri thức tôn quý,
Bạc am kiểu Đại thừa,
Cùng giới hạnh thanh tịnh.**

**(103) Khen kính trong thầy học,
Giống như Cát Tường Sinh;
Còn những học xứ khác,
Xem kính út sẽ biết.**

Cát Tường Sinh (Phạn ngữ Srishambhava): Kinh Hoạ Nghiêm gọi là Đức Sinh đồng tử, là vị thiện tri thức thứ năm mươi mốt mà Thiện Tài đồng tử đến tham học.

**(104) Trong kinh, nhiều học xứ,
Phải tìm đọc kinh tạng,
Trước hết nên tìm đọc:
Kinh Thánh Hư Không Tạng.**

[Crosby] Kinh Hư Không Tạng là một phẩm trong bộ Đại Tập Kinh, trong đó miêu tả tám điều vi phạm căn bản của Bồ Tát:

(1) giảng pháp thâm sâu cho những kẻ căn cơ thấp, làm cho họ thoái thất tâm Đại thừa, (2) giảng pháp Tiểu thừa cho những kẻ căn cơ cao (Đại thừa), (3) giảng pháp cao thâm, nhưng lại coi thường giới luật, (4) khuyến người khác đừng học pháp môn thấp, (5) chê người khen mình, bao gồm sự khoe khoang mình có thần thông, (6) khoa trương học vấn (Đại thừa), và cho rằng do sự chứng đắc mà có được, (7) đi lại với nhà quyền quý mưu cầu tài lợi, (8) do ngoại cảnh ảnh hưởng làm thoái thất đạo tâm, lại còn tán thán kẻ phạm giới.

**(105) Cũng nên siêng tìm đọc:
Học Xứ Chúng Tập Yếu,
Quyển này chỉ rõ ràng,
Điều Phật tử cần tu.**

Học Xứ Chúng Tập Yếu (Phạn ngữ: Shiksha Shamuccaya): Đây là một quyển toát yếu, trích lục từ những bộ kinh Đại thừa, do chính ngài Tích Thiên soạn. Viết bằng văn xuôi. Nội dung phong phú. Hiện còn tồn tại bản tiếng Phạn.

**(106) Hoặc đọc quyển tóm lược:
Nhất thiết Kinh Tập Yếu;
Đồng thời đọc Long Thọ,
Hai quyển tên giống đây.**

Nhất Thiết Kinh Tập Yếu: Căn cứ Hán truyền Phật giáo, bộ này cũng là một bộ toát yếu, trích lục từ các kinh điển Đại thừa, và cũng do chính ngài Tích Thiên soạn. Nhưng vẫn còn một số học giả Tây phương chưa công nhận điều này.

Phạm năm: Hộ trì chánh tri

[Crosby] Một cách khác, bạn nên xem sơ qua quyển trên (Học Xứ Chúng Tập Yếu), và nên xem kỹ quyển Nhất Thiết Kinh Tập Yếu soạn bởi ngài Long Thọ.

**(107) Chỗ kinh luật không cấm,
Tất cả đều tu học;
Vì hộ trì chúng sinh,
Học xong nên thực hành!**

[Diễn Nghĩa] Bồ Đề Chánh Đạo Bồ Tát Giới Luân nói: "Phạm những điều mà chư Phật cấm đoán, hoặc chưa thể lập tức thực hành, không nên tu học. Vì thế kẻ phát tâm tu học Đại thừa không nên tu học hai loại học xứ này. Trừ hai học xứ này ra, tất cả học xứ khác đều phải tu học".

**(108) Xin được tóm lược lại:
Muốn phòng hộ chánh tri,
Thường cần thận quán sát,
Tình trạng của thân tâm!**

[Crosby] Tóm lại, đây là định nghĩa của chánh tri: "Thường thường quán sát tình trạng của thân tâm".

**(109) Pháp, phải cung kính hành,
Chỉ nói không ích gì!
Nếu chỉ đọc sách thuốc,
Bệnh tật làm sao lành?**

Học tức phải hành, học hành hợp nhất. Đây cũng chính là thuyết "Tri hành hợp nhất" của Vương Dương Minh vậy!

An Nhãn



Vi như nhà bị cháy,
Lửa lan đến nhà người,
Đứng lý mau chặt, dọn,
Cỏ rơm, vật nhay lửa.

Phẩm sáu:
An nhẫn

(1) Một niệm sân hủy diệt:
*Ngàn kiếp từng tích tụ,
Bố thí, cúng dường Phật,
Tất cả chư phước thiện!*

Tất cả chư phước thiện: Nếu chúng ta đã đem công đức từng tích tụ được, hồi hướng đến sự giác ngộ và đến sự lợi ích cho tất cả chúng sinh. Công đức này được bảo toàn, và không bị hủy diệt bởi sự sân hận.

**(2) Ác không gì hơn sân,
Khó không gì hơn nhẫn,
Nên phải dùng đạo lý,
Nỗ lực tu an nhẫn!**

**(3) Nếu ôm sân trong lòng,
Tâm ý không tích tành,
Sự vui cũng khó sinh,
Uất ức, không ngủ được.**

**(4) Tuy đem lợi, cúng kính,
Cung cấp cho kẻ dưới,
Thế nhưng, nếu hay sân,**

Để bị họ giết hại!

Giả sử có một vị thí chủ, thường đem tài sản (vật chất), cùng sự cung kính (tinh thần), đến bố thí cho những kẻ nường tựa, cùng những người thân của mình. Nhưng nếu vị thí chủ này thường thường biểu lộ sự giận dữ, độc ác, thì ngay những kẻ thọ ơn cùng những người thân cũng khởi tâm muốn sát hại họ, huống gì kẻ khác.

[Behold] Một trong những sự tai hại của sự giận dữ là cướp đoạt sự sáng suốt và óc phán đoán của chúng ta. Chỉ vì muốn trả thù những kẻ đã hại mình, chúng ta nhiều khi không màng đến sự hiểm nguy của chính mình. Chúng ta đã đánh mất sự lựa chọn, và bị những cơn bão lòng lôi cuốn, không còn tự chủ. Đôi khi sự giận dữ điên cuồng này đưa chúng ta làm những hành động mù quáng đối với chính những kẻ thân thuộc cùng người ơn của mình. Trong cơn giận dữ điên cuồng, chúng ta quên hết sự thương yêu và ân huệ to tát của kẻ đối diện. Sự điên cuồng này đem ta đến sự tàn hại tất cả, bất chấp đạo lý!

**(5) Sân làm người thân ghét,
Dù cho, họ không ghen!
Nếu tâm nhiều giận hờn,
An lạc khó trường cửu.**

[Behold] Thường thường mọi người đều cho rằng sự giận dữ phát sinh là do sự đối diện với người mình không ưa. Sự thật hoàn toàn trái ngược. Chính sự giận dữ chất chứa trong lòng đã biến người đối diện thành kẻ thù "tưởng tượng" của mình. Người hay giận hờn sống trong một thế giới thù hận, bao vây bởi những kẻ thù phát sinh từ sự vọng tưởng của chính mình. Sống trong ảo tưởng mù quáng là tất cả mọi người đều ghét mình, nhiều khi đưa

họ đến sự điên loạn. Họ trở thành nạn nhân của sự huyền tưởng của chính mình.

**(6) Kẻ địch sân hận này,
Đem lại nhiều khổ nạn;
Người tinh tiến trừ sân,
Nay, sau hưởng an lạc!**

**(7) Bị ép sự không muốn,
Bị phá điều mong muốn,
Do sự bất mãn này,
Sân hận hại mình, người.**

Bài kệ này ý nói, nếu kẻ khác ép uống mình làm những điều mình không muốn, hoặc ngăn trở không cho mình làm những điều mình muốn, mình sẽ trở nên sân hận mà làm điều càn rỡ, như vậy sẽ tổn hại cả hai bên.

[Behold] Muốn chinh phục sự giận dữ, chúng ta phải học tập phương pháp đối đáp, phản ứng với những sự thất bại, bất mãn. Nếu chúng ta chỉ một mực mong ước mọi việc đều thuận theo ý muốn của mình, thì đây là một sự cực kỳ phi lý. Do đó chúng ta phải tập luyện một thái độ thực tế và công bình khi đối diện với vấn đề phiền toái của cuộc đời. Sự luyện tập này được bao gồm trong đề mục mà chúng ta muốn nói đến, tức là sự an nhẫn.

**(8) Vậy phải nên phá kết,
Mầm mống của sân hận;
Bạn này không gì khác,
Chỉ tàn hại đời ta!**

**(9) Gặp việc gì cũng đứng,
Làm tâm mình rối loạn,
Ưu não chẳng ích gì,
Lại còn hại việc lành.**

**(10) Việc nếu còn cách cứu,
Tại sao không hoan hỉ?
Việc đã không cách cứu,
Sâu lo nào ích chi?**

**(11) Không muốn mình và bạn,
Chịu khổ, bị khinh miệt,
Hoặc nghe lời thô tục;
Thế nhưng đối kẻ thù,
Lại mong muốn ngược lại.**

[Behold] Nếu kẻ thù ta được vui sướng, cung kính, hoặc được khen ngợi, chúng ta cảm thấy phiền muộn. Từ sự phiền muộn đưa đến giận dữ, thù ghét.

**(12) Nguồn vui rất là ít,
Gốc khổ lại rất nhiều,
Không khổ, khó xuất ly,
Vì thế phải kiên nhẫn!**

[Behold] Kiên nhẫn chấp nhận sự khổ đau, ngoài sự giúp chúng ta giữ vững sự điềm tĩnh và an nhiên của tâm hồn khi đối diện với những hoàn cảnh khó khăn, nó còn giúp ta hiểu rõ một

cách khách quan hơn về hiện thực khổ đau của cuộc đời. Sự tĩnh lặng của tâm hồn được đem đến từ sự hiểu rõ rằng những khổ đau mà chúng ta đang nhận chịu là do lỗi lầm của chính mình, đã sinh ra, bước qua, và chết đi trong một trạng thái vô tri và hỗn loạn (unknowing and confusion). Sự hiểu rõ này chính là nền tảng cho sự xả bỏ trần tục, phát sinh từ ước nguyện muốn đạt đến một đời sống mỹ mãn và tự do, thoát ly tất cả sự bất mãn và khổ đau.

**(13) Bọn dân Karnapa,
Vô cơ chịu đốt, cắt;
Người tu cầu giải thoát,
Tại sao lại khiếp sợ?**

[Crosby] Ở vùng Karnata (hiện nay là tiểu bang Karnakata ở miền nam Ấn Độ), tín đồ của nữ thần Durga tự nguyện nhận chịu một cách phi lý những thống khổ của sự đốt, cắt, hay tẽ hơn thế nữa. Theo truyền thuyết, Durga là một nữ thần rất hung tợn. Bà là một trong những hóa thân của vợ của thần Siva. Ngay đến gần đây, những buổi tế máu (blood sacrifices) hiến dâng cho vị thần này vẫn còn được diễn ra. Ngoài ra, những người của nhóm này đã tự tàn hại mình, như dùng lưỡi câu tự róc thịt, hoặc dùng hai tay bưng bình sắt đang nóng đỏ v.v..., dùng đây như phương tiện cầu sự ân sủng của bà. Lý do phần lớn là muốn cầu được tiền tài, của cải v.v...

**(14) Không có sự việc nào,
Tập lâu mà không quen,
Tập nhẫn những hại nhỏ,
Mới nhẫn được hại lớn!**

(15) Bị muỗi mòng cắn đốt,

**Hoặc bị khổ đói khát,
Cùng những bệnh mụn nhọt,
Chẳng lẽ chưa chịu quen?**

**(16) Đối với gió, nóng, lạnh,
Bệnh, trời, bị đánh đập,
Không nên quá nhu nhược,
Càng nhu nhược càng khổ!**

**(17) Có kẻ thấy máu mình,
Càng cương quyết dùng cầm;
Có kẻ thấy máu người,
Lại kinh hoàng chết giặc!**

**(18) Sự khác biệt là do,
Dùng cầm hay khiếp nhược;
Phải coi thường sự khổ,
Đừng để khổ chướng ngại!**

**(19) Người trí dù bị khổ,
Không loạn, tâm sáng suốt,
Chiến đấu với phiền não,
Dù gặp nhiều khổ đau.**

[Crosby] Dù nhận chịu sự khổ đau, người trí quyết không để cho tâm tĩnh lặng cùng niềm tin của mình bị rối loạn, bởi đây là sự chiến đấu với phiền não. Trong sự chiến đấu này sự khổ đau sẽ dễ dàng bị vượt qua.

**(20) Phải coi thường sự khổ,
Hàng phục giấc tham sân;
Nếu trừ diệt vô minh,
Mới là chân dũng sĩ!
Còn những chiến sĩ khác,
Chỉ giết những thầy chạy.**

[Behold] Kẻ nào nhận chịu được tất cả sự khổ đau, và hơn nữa lại chinh phục được bọn giấc sân hận và những phiền não khác, xứng đáng được gọi là bậc anh hùng. Thường thường, tôn xưng này được gán cho những kẻ giết địch quân trên chiến trường. Nhưng bọn địch này, dù không bị giết, chúng cũng sẽ phải chết đi theo thời gian. Do đó giết chúng, cũng chẳng khác gì giết những cái thầy di động. Trái lại bọn địch trong tâm (phiền não) không bao giờ chết theo luật tự nhiên. Nếu không có sự nỗ lực lọc sạch lũ phiền não này ra khỏi tâm tưởng của mình, chúng sẽ vĩnh viễn trôi buộc chúng ta trong vòng sinh tử luân hồi. Như chúng đã làm từ vô thỉ đến nay.

**(21) Khổ hại giúp hành giả:
Xả ly, trừ kiêu mạn,
Ghét ác, xa việc lành,
Thương xót kẻ trầm luân.**

[Crosby] Công đức của sự khổ hại không gì so sánh được. Nó tạo sự kích động (shock) khiến cho hành giả thức tỉnh, từ đó sản sinh lòng thương xót đối với những kẻ trầm luân trong biển khổ, và khởi lòng tha thiết đối với bậc Giác Ngộ (Phật).

(22) Bệnh tật và hữu tình,

**Đều là do duyên sinh,
Sao không ghét bệnh tật,
Mà lại ghét hữu tình.**

Bệnh tật là do duyên sinh, chúng ta không sân hận với chúng. Phiền não của chúng sinh cũng là duyên sinh, tại sao chúng ta lại giận dữ với họ?

**(23) Như người không muốn bệnh,
Mà bệnh lại tìm đến;
Cũng vậy, không muốn sâu,
Sâu ngàn ngạt tràn dâng!**

[Dịch Chú] Giả như có người không muốn bệnh tật, nhưng bệnh tật do nghiệp lực cảm sinh, không hẹn mà lại. Giống thế, chúng ta tuy không muốn sâu nã, mà vô minh phiền não lại cứ đột nhiên tuôn trào như thác lũ.

Phụ chú: Bài kệ này chỉ giải thích thêm bài kệ (22) ở trên. Bệnh tật không có ý làm hại ta; kẻ thù tuy bên ngoài có vẻ như tìm cách mưu hại ta, nhưng nếu quán sát cho kỹ, tình lý của họ hoàn toàn bị vô minh khống chế.

**(24) Tâm không nghĩ đến sân,
Mà người tự nhiên sân;
Sân hận không nghĩ sinh,
Mà lại cứ tự sinh.**

Bài kệ này, ý nghĩa sâu sắc hơn so với bài kệ (23) trên phương diện phân tích tâm lý. Một người khi nổi giận hoàn toàn không tự chủ, nghĩ rằng Tôi sẽ giận, mà sự giận dữ thốt nhiên đến.

Phẩm sáu: An nhẫn

Ngay đến sự giận dữ cũng không hoàn toàn tự chủ, nghĩ rằng Tôi sẽ sinh, mà lại đột nhiên được sinh ra. Điều này chứng tỏ rằng sức mạnh của vô minh không thể nghĩ bàn. Như trong kinh Thắng Man, Thắng Man phu nhân đã từng bạch Phật rằng: "Vô minh trụ địa, lực lượng lớn nhất!"

**(25) Tất cả sự lỗi lầm,
Và tất cả tội ác,
Đều từ nhân duyên sinh,
Toàn không do chính mình!**

[Crosby] Ngay từ giai đoạn đầu, Phật giáo đã bác bỏ quan niệm về một nguyên nhân độc nhất (như Thượng đế, Phạm thiên v.v..) sinh ra vạn vật. Mỗi hiện tượng phát sinh đều do nhiều nguyên nhân cấu thành. Tuy hành động của mỗi cá nhân có thể được phân loại thành thiện hoặc ác, nhưng quả của hành động này, trong cuộc đời của cá nhân đó, không thể được tiên đoán một cách chính xác. Bởi vì quả này, trong quá trình hình thành, còn chịu ảnh hưởng của những nhân duyên khác (nghĩa là những nghiệp khác mà hành giả đã, đang và sẽ gây tạo).

**(26) Tất cả nhân duyên này,
Không nghĩ sẽ sinh sản;
Sân não đã phát sinh,
Không nghĩ là được sinh.**

[Behold] Những nhân duyên tập hợp sản sinh sự khổ đau không có ý nguyện sản sinh ra nó, và sự khổ đau được sinh ra từ sự tập hợp của các nhân duyên cũng không nghĩ rằng mình được sinh. Như thế, người sân, sự sân hận, cũng như tất cả những sự kiện khác, hoàn toàn không tự chủ (nói một cách triết lý hơn, là không có tự tính, vô ngã). Chúng hoàn toàn tùy thuộc vào nhân duyên.

Nhập Bồ Tát Hạnh — Tích Thiên

Hành giả tu tập quán sát về sự quan hệ lẫn nhau của sự vật, sẽ giảm trừ rất nhiều những sự sân hận vô lý của mình.

**(27) Cái gọi là Vật chủ,
Cùng cái gọi là Ngã,
Vật, Ngã cũng không nghĩ,
Là sinh, mà được sinh.**

[Behold] Trường phái Số Luận nhận định sự hiện hữu của một Vật chủ có một số tính chất đặc thù. Các nhà Số Luận cho rằng Vật chủ là nguyên tố độc nhất sinh ra vạn vật (thế giới và hữu tình). Vật này tuy là nguyên nhân sinh ra vạn vật, nhưng lại có những đặc tính: vô nhân, độc lập, và thường trụ. Hơn nữa theo phái Số Luận, Ngã cũng độc lập tồn tại, trong khi Vật chủ là nguyên nhân sinh ra tất cả vật mà chúng ta nhận biết được. Ở đây Tích Thiên muốn lập luận rằng lập trường của phái Số Luận là mâu thuẫn với thực tại.

Nếu Vật chủ và Ngã, như phái Số Luận thừa nhận là vô nhân, và vô sinh, thì chúng không thể nào sinh khởi tùy thuộc vào ý niệm "Bây giờ ta sẽ hiện hữu với mục đích tạo tác phiền não". Như vậy trong quá trình sinh khởi của phiền não, vẫn hoàn toàn không có sự chủ động. Do đó sự thừa nhận của phái Số Luận về sự hiện hữu của Vật chủ và Ngã với những đặc tính như trên hoàn toàn không thể có được.

**(28) Không sinh nên không quả,
Muốn sinh cũng không sinh,
Ngã chấp trước sẽ sinh,
Ước viễn không ngừng nghĩ.**

[Behold] Nếu Vật chủ là độc lập, nó không thể sinh ra vạn vật. Nếu cái Ngã là độc lập, nó không thể sử dụng hoặc kinh nghiệm những vật đã được sản sinh. Làm sao những hiệu quả (effect), hoặc cảm xúc có thể được sinh ra từ những vật gọi là thường trụ. Và nếu cái Ngã là thường hằng, nếu nó thấy một vật, hoặc nghe một âm thanh chẳng hạn, nó sẽ vĩnh viễn ở trong trạng thái đó. Nếu có sự cải biến trong quá trình tương quan thì làm sao gọi là thường hằng được. Vì lý do này, ngài Tịch Thiên đã phủ nhận sự hiện hữu của cái mà phái Số Luận gọi là Vật chủ và Ngã.

**(29) Nếu Ngã là thường trụ,
Bất động, tựa hư không,
Dù gặp nhân duyên khác,
Bản chất không biến đổi.**

[Behold] Phái Thắng Luận thừa nhận sự hiện hữu của cái Ngã thường trụ mà bản tính của nó là vật chất. Tịch Thiên cho rằng quan điểm như vậy là phi lý. Vì nếu cái Ngã thường trụ như hư không, nó sẽ không bao giờ có được hành động hoặc tác dụng. Phái Thắng Luận cho rằng, cái Ngã tuy thường trụ, nhưng nếu gặp điều kiện vẫn có thể sản sinh quả báo. Tịch Thiên cho rằng đây là điều không thể có được. Trước hết, một vật thường trụ làm sao gặp phải cảnh ngộ hoặc điều kiện? Giả sử có gặp chẳng nữa, nó làm sao biến đổi được? Một vật gọi là thường hằng chính bởi vì nó không biến đổi. Nếu nó biến đổi, sao gọi là thường hằng?

**(30) Động rồi, như chưa động,
Động có tác dụng gì?
Nếu nói động là thế,
Ngã, động nào tương can?**

[Behold] Nếu cái Ngã, dù đã bị tác động bởi những điều kiện khác, vẫn thường hằng bất biến, như thế tác động đối với cái Ngã có tác dụng gì? Nếu chúng ta nói rằng điều kiện của sự tác động trên cái Ngã là như thế. Như vậy, sự tương can (nhân quả) của hai bên (cái Ngã và tác động) là gì?

**(31) Như vậy, tất cả pháp,
Tùy duyên không tự chủ;
Hiểu rồi chớ nên sân
Mọi vật như huyễn hóa!**

**(32) Kẻ nào trừ sân nào?
Trừ sân không đúng lý;
Sân diệt, hết phiền não,
Trừ sân, không phi lý.**

Từ cái nhìn tuyệt đối (Đệ Nhất Nghĩa), người cũng như huyễn, mà sân hận cũng như huyễn. Căn bản chẳng có kẻ nào trừ diệt sân nào hết cả. Nhưng từ cái nhìn tương đối (Thế Tục Đế), trừ diệt sân hận (như huyễn) sẽ đem đến sự an lạc (như huyễn). Do đó hành giả vẫn phải nỗ lực tu tập an nhẫn, trừ diệt sân hận.

**(33) Nếu thấy oán hay thân
Vô cơ đến hại mình,
Nghĩ là do duyên sinh,
Vui nhận như ăn mật!**

**(34) Không ai muốn chịu khổ,
Nếu khổ do tự chọn,
Thì tất cả hữu tình,**

Đều sẽ không bị khổ.

[Behold] Bài kệ này có thể hiểu như mặt chữ đã giảng, hoặc có thể giải thích như sau: Bởi vì tâm thức của hữu tình từ vô thỉ đã bị huân tập bởi vô minh; hơn nữa, họ chưa chứng được sự giác ngộ để có thể nhìn thấy chân tướng của sự vật, họ không có lựa chọn nào khác hơn là sự oằn oại trong sinh tử.

**(35) Do vì tâm điên đảo,
Dùng gai, đinh tự tổn,
Hoặc vì giành đàn bà,
Tuyệt thực trong sâu bi.**

**(36) Thất cổ, nhầy xương vụn,
Uống thuốc, ăn đồ độc,
Làm những việc ngu si,
Thương tổn thân mạng mình.**

**(37) Kẻ tục tiếc thân mạng,
Vì ngu còn tự sát!
Hướng chi đối người khác,
Mà không gây thương tổn?**

[Behold] Thường thường mọi người đều quý trọng thân thể của mình hơn bất cứ vật nào trên thế giới này, nhưng khi họ bị sự giận dữ chi phối, họ còn có thể tàn hại chính họ. Nếu sức mạnh của vô minh có thể đưa họ đến mức tuyệt vọng như vậy, chúng ta có thể thấy rõ ràng sức mạnh đó cũng có thể đưa họ đến sự tàn hại kẻ khác ác liệt như thế.

**(38) Đối với kẻ hại mình,
Vên sinh lòng từ bi!
Dù không thể từ bi,
Cũng không nên sân hận.**

**(39) Nếu bốn tính kẻ ngu,
Là tổn thương kẻ khác,
Giận họ thật vô lý!
Như ghét lửa bởi vì,
Tính nó là thiên đốt.**

**(40) Nếu người tính hiền lương,
Ngẫu nhiên mà phạm tội,
Giận họ cũng vô lý,
Như ghét khói bởi vì,
Tính nó che đen trời.**

**(41) Bị gây gộc tổn thương,
Không giận người cầm gậy,
Họ bị sân sai khiến,
Đúng lý nên ghét sân!**

[Batchelor] Nếu chúng ta giận người cầm gậy đánh mình (dù rằng sự thực chúng ta bị gậy đánh trực tiếp), nhưng người cầm gậy lại cũng chỉ là nguyên nhân thứ yếu, vì họ bị sân hận kích động. Nếu vậy chúng ta nên giận sự sân hận của họ, vì sự sân hận đó là nguyên nhân chủ yếu nhất.

(42) Xưa kia mình đã gây,

**Tổn hại đến hữu tình,
Nếu đã tổn hại họ,
Đúng lý nên chịu tổn!**

Đúng lý nên chịu tổn: Đúng lý nhân quả, phải nhận chịu quả báo bị tổn hại này.

**(43) Gươm người và thân mình,
Cả hai là gốc khổ,
Gươm đâm, thân đón nhận,
Uầy sần với ai đây?**

[Behold] Khi bị kẻ khác gây tổn hại, chúng ta phải nhớ đến hai nguyên nhân chính của sự khổ đau của mình: vũ khí của kẻ địch và tấm thân bất tịnh của mình. Chỉ khi nào hai vật này tiếp xúc nhau sự khổ mới phát sinh. Nếu vậy chúng ta phải sần hận đối với bên nào? Thay vì giận dữ với kẻ địch, tại sao không giận dữ với thân mình. Nếu mình không bao giờ giận dữ với chính mình, tại sao mình lại giận dữ với kẻ địch? Chúng ta phải nhận thức rằng sự khổ đau này sinh ra là do những ác nghiệp mà chúng ta đã gây tạo trong quá khứ. Chính chúng ta là kẻ độc nhất đáng trách đối với những hậu quả ác liệt này.

**(44) Mù quáng nên chấp trước,
Thân người đầy ổ trước,
Dù rờ nhẹ cũng đau,
Giận ai nếu bị tổn?**

[Behold] Thân thể hiện tại của chúng ta vừa yếu ớt vừa dễ bị thương tổn. Cho đến châm một ngọn gai cũng không chịu nổi. Nếu bị thương tổn bởi vũ khí, sự đau đớn còn ác liệt hơn nhiều.

Thế nhưng, nếu chúng ta không đầu thai vào trong thân thể bất tịnh này, chúng ta sẽ không phải nhận chịu sự khổ sở đó. Do thiếu trí tuệ và bị dẫn dắt bởi vô minh, chúng ta đã tạo ác nghiệp, để ngày hôm nay phải thọ nhận cái thân mủ máu này, nguồn gốc của biết bao nhiêu sự thống khổ. Đã biết vậy, chúng ta sao không chịu tự trách mình, mà lại còn tiếp tục sần hận với người khác?

**(45) Người ngu không muốn khổ,
Mà tạo toàn nhân khổ,
Do lỗi mình hại mình,
Sao còn ghét kẻ khác?**

**(46) Uí như quỷ địa ngục,
Cùng với rừng đao kiếm,
Đều do nghiệp mình sinh,
Còn sần ai bây giờ?**

Rừng đao kiếm: Trong địa ngục có rừng cây sắt, mà lá cây là những lưỡi gươm bén nhọn.

[Behold] Sự hành hạ của địa ngục, không phải là những sự kiện không quan hệ đến tâm thức của ta, hoặc là sự trừng phạt của địa ngục chỉ là sự cấu tạo từ không tưởng. Tất cả những kinh nghiệm khổ đau của chúng ta đều là sự cấu tạo từ vọng tưởng của chính mình. Nếu chúng ta muốn chấm dứt sự thống khổ này, điều trước tiên là phải từ bỏ những hành vi bất chính, và dẹp tan những ảo mộng điên cuồng của mình.

**(47) Do nghiệp xưa phát động,
Khiến người tổn hại mình,
Nhân đây họ bị đọa,**

Phải chăng mình hại họ?

[Behold] Kế đó ngài Tịch Thiên tìm xem khi ta bị người khác tổn hại, ai là kẻ thực sự được lợi ích, ai là kẻ thực sự bị tổn hại. Sự tổn hại mà đối phương đem đến cho ta là quả báo do chính ta gây tạo trong quá khứ. Nếu ta khéo dùng cơ hội này tu tập nhẫn nhục, chúng ta không những được an vui, hạnh phúc trong hiện tại, mà trong tương lai sẽ gặt hái được quả lành. Nếu vậy kẻ hại ta chính là nguồn hạnh phúc cho ta. Ngược lại, kẻ làm hại ta, vì những nghiệp ác mà họ gây tạo, không những khổ đau trong hiện tại, mà còn gặt hái những quả báo khổ đau trong vị lai. Như vậy, chúng ta chính là kẻ hại họ, và họ chính là kẻ đem hạnh phúc cho ta. Biết thế, sao lại còn sân hận với người ân của mình?

**(48) Nhờ họ, mình tu nhẫn,
Tiêu diệt nhiều tội chướng,
Kẻ địch vì mình nhẫn,
Đọa ngục khổ lâu dài.**

**(49) Mình thọ khổ, tức là,
Kẻ địch làm lợi mình;
Này tâm, đề thơ bạo!
Sao lại sân hận họ?**

[Behold] Nổi giận với người ân kém may mắn, tương lai mờ mịt như thế, quả thật là hành động của một quả tim thô bạo và méo mó! Nếu mục tiêu của cuộc đời ta là tìm tòi sự giải thoát từ sự khổ đau và thân chứng sự giác ngộ, thì cuộc sống vật chất này quả thật đối với chúng ta không có nghĩa lý gì. Chỉ có kho tàng nội tại của đức hạnh mới là quan trọng. Nếu vậy kẻ thù đem đến cho ta sự bất hạnh, nhờ đó ta có thể tu tập và thành tựu hạnh Nhẫn

nhục ba la mật, họ chính là người ơn tôn quý đã đem đến cho ta tất cả sự mãn nguyện.

Khi tôn giả Atisa từ Ấn Độ đến Tây Tạng hoàng pháp, có một thầy tổ người Ấn Độ ngày ngày mắng nhiếc ngài. Các vị đệ tử thưa với ngài rằng: “Gã này thật quá quái, xin thầy tống cổ hắn về Ấn Độ cho rảnh nợ.” Atisa bèn nói với các đệ tử rằng: “Các con chớ nên nói thế. Hắn đối với ta rất tử tế. Hắn chính là một đối tượng cho ta tu sự nhẫn nhục. Nếu không, ta làm sao có cơ hội tu được hạnh Ba la mật này.”

**(50) Nếu mình có công đức,
Chắc không đọa địa ngục!
Nếu mình tự giữ giữ,
Kẻ địch được lợi gì?**

[Behold] **Hỏi:** Tuy tôi tu tập sự nhẫn nhục khi có người đến làm hại, nhưng vì tôi đã làm cho họ sân hận, như thế tôi có phải đọa ác đạo hay không? **Đáp:** Không. Nếu chúng ta quán tưởng rằng kẻ thù đang làm lợi cho mình, và đối với sự tổn hại đó tu nhẫn nhục, như thế chúng ta sẽ không tạo ác nghiệp gì mới, vì không gây ác nghiệp nên không phải chịu ác báo. **Hỏi:** Nếu vậy, kẻ làm hại chúng ta cũng không nhận chịu ác báo nào từ những hành động của họ, ít nhất họ cũng đem đến chúng ta một cơ hội tu tập nhẫn nhục, tăng trưởng phước báo. **Đáp:** Điều này không đúng. Người tạo tác hành động sẽ nhận chịu quả báo. Không có lý do gì kẻ làm tổn hại lại có thể nhận lấy thiện báo từ sự tu tập nhẫn nhục của chúng ta. Hắn đã tạo hành động bất thiện, làm sao có thể từ nhân ác mà nhận lấy quả lành được.

**(51) Nếu đem oán báo oán,
Kẻ địch tăng thù hận,**

**Hạnh Bồ Tát mình tổn,
Sự nhẫn nhục cũng mất.**

[Behold] **Hỏi:** Nếu có kẻ hại mình, điều hay nhất là mình nên trả thù. Chắc chắn họ sẽ được lợi ích, vì lúc đó mình sẽ là đối tượng cho họ tu nhẫn nhục. **Đáp:** Có nhiều lý do để chứng minh quan niệm trên là sai lầm. Thứ nhất, nếu trả thù, chúng ta sẽ vi phạm Bồ Tát nguyện của mình, làm suy giảm tâm Bồ Đê, và khiến cho hạnh Bồ Tát mình thoái sụt. Thứ hai, không chắc là khi chúng ta trả thù, kẻ địch sẽ nhân đó tu nhẫn nhục. Điều chắc chắn là, vì họ là kẻ khiêu chiến, phản ứng của họ có thể sẽ trở nên táo bạo hơn, mà dù cho họ có tu nhẫn nhục chẳng nữa, hạnh Bồ Tát của chúng ta sẽ bị thoái thất.

**(52) Tâm vốn không hình thể,
Không ai tổn hoại được,
Vì tâm chấp thân này,
Nên gặp nhiều khổ nạn.**

[Behold] **Hỏi:** Có lý do chính đáng cho sự giận dữ và trả thù khi người khác dùng vũ khí thương tổn thân thể của mình. Bởi vì tâm thức chấp trước thân thể một cách mạnh mẽ như một phần của nó, nên khi thân thể bị thương tổn, tâm thức trở nên bực dọc và tìm cách trả thù. **Đáp:** Lối lý luận như vậy thực phi lý. Nếu đúng như thế, tại sao chúng ta lại giận dữ khi kẻ khác nói nặng chúng ta.

**(53) Bị kẻ khác khinh miệt,
Nói lời thô, ác độc,
Không tổn hại đến thân,
Tâm! Sao mi lại sân?**

**(54) Nếu nói họ ghét mình,
Nhưng họ đời này, sau,
Không thể tổn hoại mình,
Sao lại ghét hủy báng?**

[Behold] **Phản đối:** Bởi vì người khác nghe đến những lời ác độc và phỉ báng này sẽ không thích mình. **Đáp:** Sự ghét bỏ của người khác đối với mình, thực sự cũng chẳng đem đến sự tổn hại gì đến mình, dù trong đời này cũng như đời sau. Do đây cũng chẳng có lý do gì mà phải bực dọc.

**(55) Nếu nói ghét kẻ địch,
Vì sợ mất lợi dưỡng,
Lợi này, chết sẽ mất,
Chỉ tội báo là còn!**

[Behold] **Phản đối:** Nếu kẻ khác không thích mình, mình sẽ bị mất danh dự, như thế sẽ không được lợi dưỡng và địa vị. Do đó, muốn tránh sự tổn hại này, mình phải trả đũa lại sự sỉ nhục của họ. **Đáp:** Nếu ta trả thù sự nhục mạ của đối phương mà phớt bỏ sự tu tập nhẫn nhục, chúng ta càng gây thêm chướng ngại cho chính mình trong việc hoạch được lợi dưỡng và danh dự. Sự tu tập nhẫn nhục không bao giờ ngăn chặn chúng ta thu hoạch lợi dưỡng. Sự thực, nó còn giúp chúng ta hoạch được sự mong cầu. Nếu chúng ta không trả thù, đương nhiên chúng ta, hoặc trong đời này, hoặc trong đời sau, sẽ được tiếng tốt, địa vị và tài sản. Hơn nữa, trong việc truy cầu vật chất, tuyệt đối không nên sân hận, vì chúng ta có tích tập bao nhiêu tài sản chẳng nữa, đến chết cũng vẫn phải bỏ lại tất cả. Vật độc nhất còn sót lại với chúng ta là những vết hằn của sân hận trong tâm thức, và những ác nghiệp đã tạo này sẽ đưa chúng ta vào những tương lai mờ mịt nhất.

(56) Chẳng thà chết hôm nay,
Quyết không sống tà mệnh!
Dù có được sống lâu,
Chết chỉ gặp thống khổ.

(57) Dù mộng vui trăm năm,
Kẻ mộng rồi phải tỉnh,
Hoặc mộng vui phút chốc,
Chung cuộc mộng vẫn tàn.

(58) Hai kẻ mộng tỉnh giấc,
Mộng vui không trở lại,
Cuộc sống tuy ngắn, dài,
Đến chết như mộng tỉnh!

Như hai người nằm mộng, tuy giấc mộng đẹp có ngắn có dài, nhưng tỉnh ra thì cùng giống nhau, nghĩa là không được gì. Giống thế, cuộc đời tuy có buồn vui, chết đi cũng sẽ không còn gì, như tỉnh giấc mộng kê vàng!

(59) Dù được nhiều lợi dưỡng,
Hưởng an lạc lâu dài,
Lúc chết như bị cướp,
Ra đi bàn tay không!

(60) Nếu nới lợi nuôi thân,
Làm sạch tội, tu phước;
Nhưng vì lợi mà sân,
Phước hết, tội ác sinh.

[Behold] **Hỏi:** Hiện tại tích tập tài sản vật chất, nhờ đây mà có thể tự nuôi thân, lại có thể tịnh hóa chính mình cùng tu tập công đức, điều này không phải là quan trọng hay sao?

(61) Nếu vì lợi mà sống,
Do sân, bị thoái đọa,
Lại chuyên làm tội ác,
Cuộc sống nghĩa lý gì?

[Behold] **Đáp:** Như đã nói ở trên, nếu trong việc truy cầu vật chất, chúng ta làm cho đức hạnh mình sút giảm, lại tạo nhiều tội ác, không những hiện tại sống một cuộc đời vô nghĩa, hơn nữa lại còn chiêu cảm bao nhiêu ác báo trong vị lai.

(62) Báng làm người nghi mình,
Nên mình sân người báng,
Như vậy sao không sân,
Kẻ hủy báng người khác?

Báng làm người nghi mình: Sự hủy báng làm người khác giảm lòng tin đối với chúng ta (nghĩa là làm chúng ta mất uy tín).

[Behold] **Hỏi:** Chúng ta có thể sẽ không trả thù nếu có người ngăn chặn lợi dưỡng của mình; nhưng chúng ta sẽ trả thù nếu họ hủy báng danh dự của mình, vì điều này sẽ làm kẻ khác mất sự tin tưởng đối với chúng ta. **Đáp:** Lối lập luận này rất là yếu ớt. Nếu chúng ta trả thù khi bị người khác hủy nhục, tại sao chúng ta không trả thù khi kẻ khác bị hủy nhục, bởi vì sự hủy nhục này cũng làm người khác mất lòng tin đối với họ (kẻ bị hủy nhục).

**(63) Nếu đó là việc người,
Bởi vậy mình kham nhẫn,
Như vậy sao không nhẫn,
Báng do phiền não sinh?**

[Behold] Thật là phi lý nếu chúng ta có thể an nhẫn khi người khác bị làm nhục, mà không an nhẫn khi mình bị nhục. Tất cả sự nhục mạ chỉ là phản ánh của sự sinh khởi của vô minh, do đó không lý do gì mà phải khởi tâm sân hận với nó.

**(64) Đối với kẻ báng Pháp,
Phá hoại tháp, tượng Phật,
Mình cũng không nên sân,
Vi Phật không thọ hại.**

[Behold] Nghi: Có lẽ chúng ta nên tu tập an nhẫn nếu có kẻ đến hại mình. Nhưng nếu họ hủy nhục Tam Bảo, chúng ta sẽ phải trả thù. Điều này chắc chắn không sai lầm. **Đáp:** Bởi vì chư Phật ở ngoài phạm vi của tất cả sự hủy hoại, chúng ta không nên giận dữ đối với kẻ khác, dù họ là kẻ hủy báng Tam Bảo, phá hoại tháp tượng, hoặc ô nhục Chánh Pháp với bất cứ phương pháp nào. Những kẻ mà có thể làm những hành động ngu xuẩn như vậy, chắc chắn đã hoàn toàn bị khống chế bởi vô minh. Đối với những kẻ bất hạnh, yếu đuối như vậy chúng ta nên sinh lòng từ bi thương xót mới đúng.

**(65) Đối kẻ hại sư trưởng,
Cùng thương tổn thân bằng,
Vi biết là duyên sinh,
Thế nên không sân hận.**

[Behold] Cho đến những người thân của mình, như sư trưởng, thân quyến, hoặc bạn bè bị người khác hãm hại, mình cũng phải tự kềm hãm, không nên trả thù hoặc sinh sân hận, mà nên hiểu là tất cả đều là quả báo của ác nghiệp đã tạo ra trong đời trước. Dĩ nhiên, mình vẫn có thể trong phạm vi quyền lực của mình, với thái độ ôn tồn, không giận dữ, cố gắng ngăn chặn sự tai hại xảy đến cho người khác. *Tu tập nhẫn nhục, không có nghĩa là chúng ta để kẻ khác tự do làm ác mà không can thiệp, mà chỉ có nghĩa là chúng ta hoàn toàn tự chủ, không để cho tâm mình bị khống chế bởi vô minh, mà trở nên điên cuồng giận dữ, mất hết lý trí.*

**(66) Vật vô tình, hữu tình,
Đều tổn hại chúng ta,
Sao chỉ sân hữu tình?
Thế nên phải an nhẫn!**

Nếu chúng ta có thể nhẫn được sự tổn hại của vô tình, như mưa, gió, nóng, lạnh v.v..., mà không sinh sân hận, thì do sự quán sát về nhân duyên hoà hợp không tự tính, chúng ta cũng có thể an nhẫn được sự tổn hại mà hữu tình đem đến cho chúng ta.

**(67) Kẻ vì ngu làm ác,
Người vì ngu nổi sân,
Trong đây kẻ nào lỗi?
Kẻ nào không có lỗi?**

[Behold] Vì do sân hận mà tổn hại người khác, hoặc vì do sân hận mà trả thù, cả hai hành động hoàn toàn chỉ là sự nô lệ của vô minh, đều không đáng được khích lệ.

**(68) Vì đâu xưa tạo nghiệp,
Ngày nay bị người hại,
Tất cả đều do nghiệp,
Sao lại sân hận người?**

**(69) Đã hiểu rõ như thế,
Nên thương xót lẫn nhau,
Vì thế phải nhất tâm,
Tu hành chớ phước thiện!**

**(70) Vì như nhà bị cháy,
Lửa lan đến nhà người,
Đúng lý mau chặt, dọn,
Cỏ rơm, vật nhay lửa.**

[Behold] Sự tham luyến đối với người thân (một cách tổng quát, tất cả sự vật) thường là nguyên nhân sinh khởi của sự giận dữ, bởi chúng ta vì bên vực họ mà sinh tâm thù hận. Tịch Thiên đề cập đến vấn đề này bằng cách đưa ra thí dụ sau đây: Khi một ngôi nhà bị cháy, cỏ khô chung quanh có thể dẫn lửa cháy lan đến nhà bên cạnh. Nếu cỏ không bị cắt, ngọn lửa sẽ cháy lan đến các ngôi nhà hàng xóm và thiêu hủy tất cả tài sản của họ.

**(71) Vì tâm tham cảnh giới,
Làm lửa sân bùng cháy,
Sợ lửa đốt phước đức,
Phải mau trừ diệt tham!**

[Behold] Cũng thế, khi mà những sự vật chúng ta tham luyến bị xâm phạm, cỏ khô của sự tham luyến sẽ dẫn lửa sân hận đến hại chúng ta, cùng đốt cháy tất cả phước đức mà chúng ta tu tập được. Để phòng ngừa sự khốc hại này, chúng ta phải nhất tâm dứt bỏ sự tham luyến của mình đối với trần cảnh.

**(72) Như người chờ tử hình,
Chặt tay rồi, được tha;
Tu hành giải thoát, chịu,
Chút khổ, chẳng may à?**

[Behold] **Hỏi:** "Nếu như tôi dứt bỏ người thân cùng bè bạn (nói tổng quát là không tham luyến trần duyên), tôi sẽ tiếp tục nhận chịu sự khổ đau (như biệt ly, cô đơn chẳng hạn)". **Đáp:** " Sự nhẫn chịu khổ đau đó, như một kẻ tù đang sắp bị tử hình, nay nhờ sự can thiệp của kẻ khác mà bản án giảm khinh thành tội bị chặt tay. Kẻ tử tù đó nhất định sẽ vui mừng khôn xiết. Tương tự như vậy, một người nhận chịu khổ đau của sự phải xa rời cảnh giới mình tham luyến, nên cảm thấy may mắn vì sẽ không bị cảnh giới đó trói buộc làm tâm sân hận mà đọa địa ngục".

**(73) Hiện tại chút ít khổ,
Mà còn không nhẫn được;
Sao không trừ sân hận,
Gốc của khổ địa ngục?**

[Behold] **Hỏi:** Tôi không thể nào chịu đựng nổi sự nhục mạ và sỉ nhục. **Đáp:** Nếu chúng ta không nhẫn chịu sự khổ đau nhỏ nhặt này, thì làm sao nhẫn chịu nổi sự thống khổ ở địa ngục được. Nếu chúng ta không nhẫn chịu được sự khổ đau ở địa ngục, tại sao không sợ mà vẫn còn tiếp tục sân hận, gây tạo nguyên nhân cho sự đau thai vào cõi đó.

**(74) Uì dục, mà ngàn lần,
Đọa ngục chịu thiêu đốt,
Nhưng sự lợi mình, người,
Nay vẫn chưa thành tựu.**

[Behold] Trong quá khứ, chúng ta vì ngu si, không hiểu luật nhân quả, hơn nữa tâm thức của chúng ta lại bị nhiễm ô bởi sự sân hận và tham luyến, chúng ta đã từng nhận chịu bao nhiêu sự khổ đau thiêu đốt của địa ngục. Điều rất đáng tiếc là, tuy chịu biết bao nhiêu khổ đau như thế, chúng ta vẫn chưa làm được lợi ích gì cho người khác và cho chính mình (trên con đường giải thoát).

**(75) An nhẫn, khổ không nhiều,
Lại thành tựu lợi lớn,
Uì chúng sinh trừ hại,
Uoi sướng nhận khổ này!**

An nhẫn khổ không nhiều: Sự khổ do an nhẫn không bằng một phần (của sự khổ địa ngục).

**(76) Người khởi tâm hoan hỷ,
Khen ngợi kẻ thù ta,
Tâm! Sao mi không khen,
Để lòng mình hoan hỷ?**

[Behold] Sự giận dữ thường thường đi đôi với sự ganh ghét, bởi vậy chúng ta phải nên vượt qua cả hai sự chướng ngại này. Vì thế, nếu kẻ thù chúng ta được người khác ca ngợi, thay vì trở nên ghen tị, chúng ta nên vui vẻ và tùy hỷ đối với sự hân hoan của họ.

**(77) Sự hoan hỷ phát sanh,
Là vui, không phải tội,
Chư Phật đều cho phép,
Lại là pháp nhiếp người!**

[Behold] Nếu chúng ta có thể tùy hỷ công đức của kẻ khác một cách chân thực, chúng ta sẽ được sự vui đời này và đời sau. Không những chư Phật đều hài lòng với hành động của chúng ta, mà sự tùy hỷ công đức này lại còn là một phương pháp hay nhất để kết bạn lành với chúng sinh.

**(78) Nếu người được vui, mà,
Mình không muốn người vui,
Thế đừng trả thù lao,
Nay, sau mất an lạc.**

[Behold] Nếu mình không thích thấy người khác vui, thì cũng giống như là mình không trả tiền công cho người làm, vì điều này sẽ làm họ vui. Nếu thế người làm sẽ không làm việc cho mình, và như vậy, trong hiện tại và tương lai hai bên (chủ tớ) đều sẽ gặp rất nhiều khốn nạn. Tương tự, tùy hỷ công đức người khác cũng giống như là trả tiền lương sòng phẳng cho người làm của mình, điều này sẽ làm cho kẻ khác vui, phần mình cũng được nhiều lợi ích an lạc.

**(79) Người khen công đức mình,
Mình muốn họ được vui,
Họ khen công đức người,
Có sao mình không vui?**

**(80) Xưa muốn hữu tình vui,
Nên phát tâm Bồ Đề,
Nay hữu tình được vui,
Vì sao lại sân hận?**

Chúng ta đã phát hạnh nguyện lợi ích chúng sinh, và hơn nữa đã từng phát tâm Bồ Đề để kiên cố hạnh nguyện này. Nếu thế, chúng ta nỡ nào sinh tâm ghen ghét với kẻ khác, khi họ với tất cả nỗ lực của chính mình, thu hoạch được một ít sự vui sướng không đáng kể.

**(81) Xưa muốn cho hữu tình,
Thành Phật, thọ cúng dường,
Nay thấy người được lợi,
Sao lại sinh tật đố?**

**(82) Người thân, mình phải nuôi,
Bổn phận phải chăm sóc,
Nay thấy họ tự lập,
Không vui, lại sân hận?**

[Behold] Thí như cha mẹ có trách nhiệm nuôi dưỡng con cái, nhưng khi thấy chúng đã trưởng thành và có thể tự lập, cha mẹ nên vui mừng. Họ luôn luôn sung sướng với sự thành tựu của con cái mình và không bao giờ khởi tâm ghen ghét. Chúng ta đối chúng sinh cũng nên như vậy.

**(83) Không muốn người được lợi,
Há muốn họ thành Phật?
Ghen ghét kẻ phú quý,**

Há có Bồ Đề tâm?

[Behold] Nếu chúng ta muốn dẫn dắt chúng sinh đến nơi an lạc, tự do và giải thoát, không có lý do nào mà lại trở nên ghen ghét và sân hận khi chúng sinh tìm được niềm an ủi nhỏ nhất cho chính họ. Nếu chúng ta có những tâm tưởng nhỏ nhen như vậy, sao lại gọi là kẻ thực hành hạnh Bồ Tát được. Khi tâm chúng ta còn tràn ngập bởi sự ghen ghét và ác cảm, tâm Bồ Đề của chúng ta không bao giờ tăng trưởng được. Nếu tâm ghen ghét, sân hận cùng sự điên đảo tăng gia một phần, thì tâm Bồ Đề bị giảm sút một phần. Vì thế nếu chúng ta thực sự tha thiết thực thi hạnh Bồ Tát của mình, phải cấp tốc quét sạch những cặn bã này ra khỏi tâm thức của chúng ta.

**(84) Kẻ địch đã được lợi,
Hoặc thí chủ chưa cho,
Cả hai, mình không phần,
Việc gì mình phải lo?**

[Batchelor] Việc gì đến mình, nếu kẻ thù được hay không được lợi dưỡng? Hoặc là họ đã được; hoặc là thí chủ đã hứa, nhưng chưa đưa cho họ. Trong cả hai trường hợp, mình chẳng được phần nào.

**(85) Sân hận mất phước lành,
Tín tâm và đức hạnh,
Tại sao không trách mình,
Tự gây bao chướng ngại?**

[Behold] Một mặt khởi tâm ghen ghét, một mặt khác lại mong nhận được lợi dưỡng và hạnh phúc. Đây chính là một sự mâu

thuần to tát của chính mình. Tại sao? Vì nguyên nhân chính cho sự gạt hái được lợi dưỡng và hạnh phúc chính là đức hạnh của chúng ta. Khi mà lòng ghen tuông cùng tâm ích kỷ nổi dậy, chúng sẽ đập nát những hạnh phúc của chúng ta, và như thế sẽ hủy diệt những cơ hội cho sự hạnh phúc của chúng ta trong tương lai. Giữa tâm ác và quả lành, chúng ta phải chọn một, không thể lưỡng lự được!

**(86) Khi xưa từng làm ác,
Tại sao chưa khổ then?
Nay lại còn ghen ghét,
Kẻ phước đức hơn mình!**

**(87) Giả sử người đau khổ,
Thì mình được vui gì?
Chỉ mong người khác khổ,
Chưa chắc họ sẽ khổ!**

**(88) Giả sử mình mãn nguyện,
Người khổ, mình vui gì?
Nếu nói mình thỏa mãn,
Không gì tồi hơn đây!**

[Behold] Khi kẻ thù chúng ta bị tổn hại, điều này đem đến sự vui sướng gì cho chúng ta? Phản đối: Nếu kẻ thù đau khổ, điều này sẽ làm tôi vô cùng thỏa mãn. Đáp: Những ý tưởng như vậy sẽ không bao giờ được toại nguyện. Ngược lại, không có sự tai hại nào hơn là những ý tưởng hạ tiện và thô bỉ đó đem đến cho chúng ta.

(89) Nếu lưới câu sên hận,

**Bén nhọn móc dính mình,
Đưa mình vào địa ngục,
Chắc đọa vạc đầu sôi!**

**(90) Khen ngợi và vinh dự,
Không đem phước, tuổi thọ,
Sức lực, hay khoẻ mạnh,
Không làm thân an lạc.**

[Behold] **Hỏi:** Nếu tôi không trả thù khi bị người hủy nhục, kẻ khác sẽ nghĩ thế nào? Danh vọng, và sự ca ngợi của tôi sẽ bị tổn giảm. **Đáp:** Để trả lời sự thắc mắc này, trước tiên nên quán sát giá trị của cái gọi là danh vọng, ca ngợi v.v... Chúng đưa đến cho chúng ta sự lợi ích thực tế nào? Dư luận của kẻ khác có thể làm cho tâm linh chúng ta tiến bộ không? Làm cho chúng ta sống lâu không? Làm cho chúng ta thoát khỏi sự bệnh hoạn (và già chết) không? Nếu nó không giúp được gì cho chúng ta, thì những hư danh đó đối với chúng ta chẳng có nghĩa lý gì. Tại sao chúng ta để nó làm xao động tâm hồn mình?

**(91) Nay hiểu rõ tổn, ích,
Danh vọng có ích gì?
Nếu chỉ muốn thỏa lòng,
Chi bằng vui tiêu sức!**

[Batchelor] Nếu đã ý thức được những ý nghĩa đó (tức là sự tổn hại của tâm sân hận, và sự lợi ích của tâm tùy hỷ), thì chúng ta sẽ tìm được giá trị gì trong những sự khen, chê này. Nếu tất cả những điều mà chúng ta mong cầu chỉ là một chút khoái lạc cho tâm hồn, tốt hơn nên đi tìm những thú vui trong cờ bạc, rượu chè v.v...

(92) Nếu chỉ vì hư danh,
Mất của, táng thân mạng,
Lời khen đem được gì?
Khi chết, ai hưởng lạc?

(93) Nhà cát bị sụp đổ,
Trẻ con khóc, gào la;
Mất danh, nếu bị thương,
Khác nào lũ con trẻ?

(94) Thanh tàm bọ, vô tình,
Khen ngợi nào đủ vui?
Nếu nói người xa mình,
Người khen là niềm vui.

[Batchelor] Bởi âm thanh tàm bọ là vật vô tình, nó không nghĩ là đã khen ngợi ta, nhưng vì nó làm cho kẻ khen ta vui sướng, lời khen này thật là niềm vui đối với ta.

(95) Được khen, hoặc người vui,
Đối mình có ích gì?
Vui sướng riêng họ hưởng,
Mình được phần nào đâu?

(96) Nếu người vui, mình vui,
Đối kẻ khác cũng vậy;
Người vui khen kẻ địch,
Có sao mình không vui?

[Behold] **Hỏi:** Thật là điều hợp lý nếu chúng ta vui khi thấy người khác vui. Trong kinh điển chẳng lẽ chưa nói đến: "Chúng ta nên hoan hỉ khi thấy chúng sinh vui?" **Đáp:** Điều này rất đúng. Điều quan trọng là chúng ta phải suy tư một cách sâu sắc hơn, cho đến trình độ chúng ta vẫn có thể hoan hỉ khi thấy kẻ thù mình vui sướng. Thật là phi lý nếu chúng ta vẫn còn tâm phân biệt, chỉ vui khi thấy bạn bè mình được khen ngợi, và trở nên ghen tức khi thấy kẻ thù mình vui sướng.

(97) Vây khi mình được khen,
Nếu sinh tâm hoan hỉ,
Sự vui này vô lý,
Hành động như trẻ con!

(98) Khen ngợi làm tâm loạn,
Tổn hoại tâm xả ly,
Ghen ghét người có đức,
Sẽ hoại thành quả lành.

[Crosby] Sự khen ngợi đưa đến cho ta (giả tưởng của) sự an ninh. Chúng phá hoại ý thức của ta về sự khẩn cấp của việc thoát ly sinh tử. Hơn nữa, chúng tạo nên sự ghen ghét với kẻ có đức hạnh, và giận dữ đối với sự thành công của họ.

(99) Vì vậy nếu có người,
Tổn hoại danh dự mình,
Há đã chẳng cứu mình,
Khởi đọa ba đường ác?

**(100) Mình chỉ cần giải thoát,
Không cần lợi trời buộc,
Tại sao lại sinh sân,
Với người cõi trời mình?**

**(101) Như mình sắp bị đọa,
Vì nhờ Phật gia hộ,
Kẻ thù thành vật ngăn,
Tại sao lại ghét họ?**

[Behold] (Kệ 99-101) Kẻ thù là bậc thầy quý trọng nhất của chúng ta. Họ dạy chúng ta hạnh nhẫn nhục, giúp chúng ta cắt đứt sự tham mê danh vọng, đoạn trừ cho chúng ta sự trói buộc của sinh tử. Họ ngăn chặn chúng ta trong sự tạo thêm nhân duyên cho sự đầu thai vào cõi thống khổ này, và giúp cho chúng ta gây tạo nhân duyên cho sự giải thoát. Nên coi họ như bậc dẫn dắt tâm linh, đang đem đến cho mình bao nhiêu sự lợi lạc. Nếu được như vậy, chúng ta sẽ dẹp trừ được sự giận dữ của chúng ta đối với người bạn cao quý này.

**(102) Nếu địch ngăn phước mình,
Ghét họ cũng không đúng;
Khó làm, không hơn nhẫn,
Tại sao không chịu nhẫn?**

[Behold] **Hỏi:** Tại sao kẻ tu học Phật Pháp phải nghĩ rằng kẻ thù là người bạn thân nhất của mình? Khi kẻ khác hại mình, họ làm gián đoạn sự tu tập, ngăn trở sự tích tập phước đức, và chướng ngại sự thực hành bố thí và các công đức khác của mình, lúc đó không những họ không phải là bạn mình, mà sự trả thù của mình đối với họ cũng là hợp lý. **Đáp:** Cơ hội tu tập hạnh nhẫn nhục (một

yếu tố quan trọng nhất trên con đường thành Phật), được đem đến cho chúng ta là do "sự tử tế của kẻ thù".

**(103) Nếu vì chính lỗi mình,
Không nhẫn sự tổn hại,
Phải chăng mình tự chướng,
Tu nhẫn, nguồn phước đức?**

[Behold] Đem cho chúng ta một cơ hội tu tập nhẫn nhục, kẻ ác ôn đó giúp chúng ta tạo công đức vô lượng. Nhưng nếu chúng ta không nhẫn, cơ hội hiếm có này sẽ mất.

**(104) Không hại, nhẫn không sinh,
Kẻ địch giúp mình nhẫn,
Họ là nguồn tu phước,
Sao gọi là chướng phước?**

[Behold] Quả của sự nhẫn nhục chỉ có thể mọc từ nhân của nó, tức là kẻ thù của ta. Không có nhân (kẻ thù), quả (nhẫn nhục) không bao giờ có. Do đó, thật là lầm lẫn nếu nghĩ rằng kẻ thù chướng ngại sự tu hành của mình.

**(105) Kẻ đúng lúc đến xin,
Không ngăn mình bố thí;
Các vị thầy truyền giới,
Không ngăn mình xuất gia.**

Chúng ta không thể cho rằng kẻ thù là sự chướng ngại cho sự tu hạnh nhẫn nhục của mình.

**(106) Thế gian nhiều ăn mày,
Kẻ hại mình thì ít,
Nếu mình không kết oán,
Chắc không ai hại mình.**

[Behold] Nói một cách tổng quát, hạnh nhẫn nhục cao hơn hạnh bố thí, bởi vì đối tượng của sự nhẫn nhục khó tìm hơn đối tượng cho sự bố thí. Vì sao? Kẻ ăn mày thì nhiều (cơ hội bố thí cũng nhiều), nhưng "có mấy kẻ (thực tình) đến dạy cho chúng ta sự nhẫn nhục"?

**(107) Kẻ thù rất khó gặp,
Như báu hiện nhà nghèo;
Họ giúp mình thành Phật,
Phải mừng khi gặp họ!**

[Crosby] Vì họ (kẻ thù) giúp mình con con đường giải thoát, mình nên có thái độ đối với họ giống như một kẻ nghèo (tỉ dụ mình) không tốn sức lực nào mà tìm được kho tàng (tỉ dụ kẻ địch) trong nhà mình.

**(108) Nhờ địch nên nhẫn thành,
Vì thế thành quả này,
Khen dâng hiến kẻ địch,
Vì họ là nhân duyên.**

[Behold] Chúng ta phải thường nhớ đến sự từ bi của kẻ thù, kẻ đã làm cho chúng ta sân hận. Phải cảm thấy vui mừng vì tìm được họ. Chính họ là người làm mình có cơ hội tu tập nhẫn nhục. Vì thế, bất cứ công đức hay quả báo lành nào có được, trước nên hồi hướng đến họ.

**(109) Nếu địch không ý giúp,
Không đáng mình cúng dường,
Vậy cũng chẳng nên cúng,
Chánh Pháp, nguồn tu thiện.**

[Behold] **Hỏi:** Tôi không có lý do gì thờ phụng kẻ thù. Họ không có ý giúp tôi tu tập nhẫn nhục. **Đáp:** Nếu sự phản đối này là đúng, thì chúng ta cũng chẳng nên thờ phụng (Phật) Pháp. Nó (vì vô tâm nên) cũng chẳng có ý muốn đem đến cho chúng ta đức hạnh.

**(110) Vì địch chỉ hại mình,
Nên mình không cúng dường,
Nếu họ như lương y,
Mình làm sao tu nhẫn?**

[Behold] **Hỏi:** Đây là điều không giống nhau. Kẻ thù có ý hại chúng ta, trong khi (Phật) Pháp không có ý nghĩ đó. **Đáp:** Chính vì do ý muốn hãm hại của kẻ thù, chúng ta mới có cơ hội tu tập nhẫn nhục. Nếu giống như bậc lương y, chỉ mong làm lợi ích cho bệnh nhân, (và nếu) kẻ thù chỉ đem lại sự an lành, chúng ta không bao giờ có cơ hội tu tập nhẫn nhục.

**(111) Phải nhờ người sân ác,
Mới tu được nhẫn nhục;
Kẻ địch là nguồn nhẫn,
Phải cúng như Chánh Pháp!**

[Batchelor] Sự nhẫn nhục (của mình) được sinh ra, tùy thuộc vào tâm sân hận của kẻ thù, (như thế) họ phải đáng được thờ phụng như Chánh Pháp.

**(112) Chúng sinh và chư Phật,
Là phước điền thù thắng,
Kẻ nào kính cả hai,
Sẽ đạt đến bờ Giác!**

[Batchelor] Do đó đức Phật dạy rằng phước điền của chúng sinh đồng như phước điền của Phật. Vì những kẻ từng làm họ (chúng sinh) vui lòng, đã đến sự viên mãn (thành Phật).

**(113) Chúng sinh, Phật đều là,
Nhân duyên giúp thành Phật!
Kính Phật, kính chúng sinh,
Lẽ nào có lý này?**

[Crosby] Khi mà sự truyền thọ phẩm hạnh để thành Phật đến với chúng ta từ phước điền của chúng sinh và phước điền của Phật bằng nhau. Lý do gì mà chúng ta không cung kính chúng sinh như cung kính Phật?

**(114) Trên phương diện trí, đức,
Chúng sanh không bằng Phật,
Là nhân duyên giúp thành Phật,
Chúng sanh, Phật bằng nhau!**

[Behold] Ngài Tịch Thiên trình bày lý luận của mình, không có ý muốn nói phẩm hạnh của chúng sinh đồng với phẩm hạnh của bậc Giác Ngộ, mà chỉ muốn nói chúng sinh và Phật

giống nhau ở điểm là cả hai đều là nguyên nhân cho sự giác ngộ (của chúng ta), và chỉ trên phương diện này, cả hai đều đáng là đối tượng cho chúng ta tôn thờ.

[Diễn Nghĩa] Nói một cách tổng quát, nếu chúng ta bố thí tài vật, sự an vui (vô úy), và Phật Pháp đến kẻ khác, đây gọi là tu hạnh bố thí. Nhưng Bồ Tát vì thấy được chúng sinh là sự quý báu vô hạn, và cảm ơn những sự lợi ích mà chúng sinh đem đến, do đó các ngài coi hành động bố thí của mình chính là sự cúng dường đến chúng sinh. Các ngài nhận thức rằng chúng sinh là đối tượng để mình tu tập hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, v.v... và giúp cho mình gặt hái được quả lành của sự Giác Ngộ. Do đó các ngài thờ phụng họ (chúng sinh) ngang hàng với Tam Bảo.

**(115) Nên cúng bậc tâm từ,
Bởi vì họ tôn quý,
Kính Phật, phước điền lớn,
Bởi vì Phật tôn quý.**

[Batchelor] Bất cứ công đức nào sinh ra từ sự tôn thờ một kẻ có tâm từ bi là nhân vì sự tôn quý của họ. Và giống như vậy, công đức sinh ra do sự tin tưởng vào đức Phật là nhân vì sự tôn quý của đức Phật.

**(116) Chúng sanh giúp thành Phật,
Nên nói đồng chư Phật,
Nhưng chúng sinh kém Phật
Biển công đức vô biên.**

Họ (chúng sinh) được nói là đồng với chư Phật trên phương diện họ giúp kẻ khác thành tựu đức hạnh của Phật (thành Phật). Nhưng trên phương diện phước đức, họ không thể nào bằng Phật,

là bậc có vô biên biển công đức.

**(117) Uối bậc được ít phần,
Công đức của chư Phật,
Tuy cúng vật ba cõi,
Cũng chưa gọi là đủ!**

[Batchelor] Dù chúng ta đem cả ba cõi cúng dường đến những bậc chỉ có được một phần nhỏ công đức của chư Phật, cũng chưa bày tỏ hết sự tôn thờ của chúng ta đến với họ.

**(118) Hữu tình đủ công đức,
Sinh khởi Pháp thù thắng,
Đức này đồng chư Phật,
Vậy phải cúng hữu tình!**

[Behold] Một cách tổng quát, tuy chúng sinh không có những đức hạnh to lớn của chư Phật, họ cũng chia sẻ một phần trong việc làm phước điền cho chúng ta. Bởi vì chúng ta nhờ vào phước điền này trong sự tu hành thành Phật, thế nên chúng ta phải tôn thờ chúng sinh như tôn thờ chư Phật.

**(119) Chư Phật đối hữu tình,
Thành thật làm lợi ích;
Nếu muốn báo ơn Phật,
Xin làm hữu tình vui!**

[Crosby] Hơn nữa, đối với chư Phật, bậc Thành Thực, đã đem vô biên hạnh phúc đến cho hữu tình, có cách nào báo ân chư Phật hay hơn là làm cho hữu tình vui.

**(120) Lợi sinh mới đủ báo,
Ơn Phật, bậc vì ta,
Xả thân vào địa ngục,
Vì thế dù bị hại,
Kiên quyết tu pháp lành!**

[Behold] Trong quá khứ đức Bồ Sĩ Thích Ca Mâu Ni, vì lợi ích cho chúng sinh mà đã bỏ biết bao nhiêu thân mệnh. Vì thế chúng ta không nên làm hại những kẻ là đối tượng thương yêu của ngài (nghĩa là tất cả chúng sinh). Giả sử mình bị hại, không nên tìm cách trả đũa, mà nên đem sự vui sướng, lợi ích, và tình thương đến cho kẻ thù. Nếu như chúng ta có thể thực hành được điều này, tất cả chư Phật đều sẽ hài lòng.

**(121) Chư Phật vì chúng sinh,
Còn không tiếc thân mệnh,
Mình sao còn ngã mạn,
Không phục vụ hữu tình?**

[Batchelor] Vì chúng sinh mà chư Phật còn không đoái hoài đến thân mệnh (của các ngài). Tại sao mình, kẻ ngu si lại đầy ngã mạn, không chịu hành động như kẻ tôi tớ cho chúng sinh?

**(122) Chúng sinh vui, Phật vui,
Chúng sinh khổ, Phật buồn,
Làm chúng vui, Phật vui,
Hại chúng sinh, hại Phật.**

**(123) Nếu toàn thân bằng lửa,
Được vui, tâm nào vui?**

**Nếu thương tổn hữu tình,
Làm sao khiến Phật vui?**

[Batchelor] Như sự vui không làm tâm mình vui, nếu toàn thân mình đang bị lửa cháy. Cũng vậy, khi hữu tình đang đau khổ, tâm chư Phật không thể nào được vui.

**(124) Vì xưa hại chúng sinh,
Làm cho Phật đau buồn,
Nay giúp đàu sám hối,
Cầu Phật tha kết tội!**

**(125) Muốn làm Như Lai vui,
Nên làm lợi thế gian,
Mặc cho người giẫm đầu,
Thà chết, vui lòng Phật!**

[Batchelor] Từ ngày hôm nay, để làm Phật vui lòng, con xin phục vụ hữu tình trong pháp giới, và quyết định ngừng dứt sự tổn hại. Mặc cho hữu tình đá và giẫm vào đầu con, dù phải bỏ thân này, con xin làm vui lòng chư Phật.

**(126) Chư Phật đáng Đại Bi,
Xem chúng sinh như mình;
Chúng sinh, Phật đồng thể,
Sao không kính chúng sinh?**

[Batchelor] Điều không còn nghi ngờ là những bậc với tâm từ bi xem tất cả chúng sinh đồng như chính mình. Hơn nữa,

những kẻ thấy được Phật tính này chính là bản tính chúng sinh, họ sẽ thấy được Phật. Tại sao mình không kính trọng hữu tình?

[Behold] Một trong những phương pháp hay nhất để phát triển và duy trì tâm Bồ Đề là pháp quán niệm gọi là hoán tự tha (xem phẩm thứ tám). Chư Phật từ bi đã tu thành pháp quán này, đã phá trừ tất cả những nhỏ nhen ích kỷ, và thương xót chúng sinh còn hơn chính mình. Vì đức Bổn Sư Thích Ca đã hoàn toàn thành thạo pháp trao đổi tự tha này, do đó mỗi chúng sinh đều là hiện thân của ngài. Nếu chúng ta thấu hiểu rằng hữu tình trên phương diện này không khác biệt với bậc Giác Ngộ, và nếu chúng ta kính trọng chúng sinh, quả của sự Giác Ngộ sẽ đến với chúng ta một cách nhanh chóng. Bởi thế chúng ta nên tiếp tục cúng dường và khởi lòng từ bi vô hạn đến với họ.

**(127) Làm chúng vui, Phật vui,
Không những lợi chính mình,
Lại trừ thế gian khổ,
Thế nên phải an nhẫn.**

[Behold] Kẻ nào tu tập nhẫn nhục khi bị hại, và kính trọng tất cả chúng sinh như Phật, sẽ làm cho chư Phật vui lòng, và sẽ thành Phật đoạn trừ phiền não cho tất cả chúng sinh. Do đây, chúng ta nên tu tập ba loại nhẫn như sau: 1. vui vẻ nhận chịu sự thống khổ của chính mình, 2. phải luôn luôn suy tư Chánh Pháp, 3. kèm hãm (tâm sân hận) quyết không trả thù.

**(128) Như bày tội của vua,
Tuy tổn hại nhiều người,
Bậc trí tuy đủ sức,
Nhưng vẫn không phục thù,**

[Behold] Ví như bầy tôi ân sủng của vua, cậy quyền thế nhiều hại nhiều người, nếu bọn họ ở nước ngoài sẽ dễ bị người khác trả thù, ngược lại nếu họ ở trong nước (dưới sự bảo hộ của nhà vua) không ai dám xâm phạm họ.

**(129) *Ui bọn họ đông nhiều,
Lại được vua hậu thuận;
Súc kẻ địch tuy yếu,
Cũng không coi thường họ!***

[Batchelor] Họ (người trí) thấy bầy tôi của vua không phải cô thế, vì họ được vua làm hậu thuận. Cũng vậy, dù những chúng sinh yếu thế đến hãm hại mình, mình cũng không nên coi thường họ.

**(130) *Kẻ địch nương tựa vào,
Chư Phật, cùng ngược tốt;
Hãy làm hữu tình vui,
Giống như dân hầu vua!***

[Batchelor] Vì kẻ hại mình được sự hậu thuận của bọn ngược tốt cùng sự sủng ái của tất cả chư Phật. Bởi thế, mình nên hành động như bầy tôi hầu hạ nhà vua (tức hữu tình), và làm cho hữu tình vui.

**(131) *Bao chia tụy nổi sân,
Không làm đọa địa ngục,
Nếu xúc phạm hữu tình,
Ắt thọ địa ngục khổ!***

(132) *Dù làm cho vua vui,*

***Không giúp ta thành Phật,
Nếu làm chúng sinh vui,
Ắt thành Vô Thượng Giác!***

[Batchelor] Ngay cả khi vị vua đó tử tế, họ cũng không thể ban cho mình quả vị Phật. Quả vị này là thành quả mà mình có được bằng cách làm hữu tình vui.

**(133) *Tại sao vẫn chưa thấy,
Quả báo làm người vui;
Đời sau được thành Phật,
Đời này hưởng vinh hoa!***

[Batchelor] Tại sao mình chưa thấy rằng tương lai mà mình được thành Phật, cũng như được danh hay tiếng tốt, cùng sự vui sướng trong đời này, là kết quả của sự làm hữu tình vui.

**(134) *Đời đời tu nhẫn nhục:
Thân đẹp, không bệnh hoạn,
Danh dự, tuổi thọ dài,
Vui đồng Chuyển Luân Vương!***

[Crosby] Sự bình an, không bệnh hoạn, vui sướng và sống lâu, sự vui sướng và tài sản của Chuyển Luân Vương, đây là những sự kiện mà kẻ tu tập nhẫn nhục thu gặt được khi còn ở trong vòng sinh tử.

Tinh Tiến



Ở trong chúng phàm nảo,
Ngàn lần nên nhẫn nại;
(Như) Sư tử trong lũ chồn,
Không bị phàm nảo hại!

Phẩm bầy: Tinh tiến

**(1) Nhìn xong cần tinh tiến,
Tinh tiến chúng Bồ Đề!
Không gió, đèn không động,
Không tiếng, phước không sinh.**

[Behold] Sự biếng nhác lừa bịp chúng ta, làm cho chúng ta lang thang trong vòng sinh tử. Nếu chúng ta có thể bỏ gãy ảnh hưởng của sự biếng nhác và dốc toàn lực vào sự tu học Phật Pháp, chúng ta sẽ được nhanh chóng rời khỏi vòng khổ đau và bất mãn. Thành tựu sự giác ngộ cũng giống như xây một ngôi nhà lớn, đòi hỏi một sự cố gắng không ngừng trong một thời gian lâu dài. Nếu chúng ta để cho sự tinh tiến (nỗ lực) của mình bị gián đoạn bởi sự biếng nhác, chúng ta sẽ không bao giờ hoàn tất công tác (thành Phật) của chúng ta.

**(2) Siêng là hay làm thiện,
Nếu không sẽ lười biếng,
Ham những sự thấp hèn,
Tự khinh và chán nản,**

[Behold] Tinh tiến là tâm ham thích làm việc thiện và tích tập công đức. Nó là địch thủ chính của sự lười biếng. Tinh tiến không có nghĩa là siêng năng làm những công việc thế gian, mà là siêng năng trong công cuộc diệt trừ vô minh và tu tập công đức. Tinh tiến có bốn loại: (1) tín nhạo, (2) kiên nghị, (3) hoan hỉ, và (4) phóng xả. Bốn loại tinh tiến đều giống nhau trong việc làm cho tâm ham thích tu thiện. (1) tín nhạo là sự nỗ lực vượt qua tất cả các

chướng ngại của ngoại cảnh, (2) kiên nghị là sự nỗ lực vượt qua những sự chướng ngại trong tâm như nhút nhát và buồn bã, (3) hoan hỉ là những công năng (tác dụng) chính trong việc tu thiện, (4) phóng xả là công năng trong sự thắng tiến và hoàn mãn sự tu hành của chúng ta, mà không thỏa mãn với những thành quả mà mình đã gặt được.

**(3) Tham mê sự lười vui,
Biếng nhác, ham ngủ nghỉ,
Không nhàm khổ luân hồi,
Càng lúc càng lười biếng!**

**(4) Sao vẫn chưa biết mình,
Đang trong lưới vô minh,
Lăn lộn ngục sinh tử,
Át vào miệng tử thần?**

[Crosby] Bị đánh hơi bởi kẻ đặt bẫy (vô minh), bạn đã bước vào lưới của sinh tử. Ngay đến giây phút này, bạn vẫn chưa nhận thức là bạn đang đi vào miệng của sự chết hay sao?

**(5) Có sinh át có tử,
Bạn lẽ nào không thấy?
Nhưng kẻ tham ngủ nghỉ,
Như bò thấy đồ ăn.**

[Padma] Bạn không thấy cái chết đang đến dẫn từng người từng người ra đi hay sao? Vậy mà bạn còn ngái ngủ, như con bò bên cạnh kẻ đồ ăn.

(6) Lối thoát bị chặn ngăn,

Tử thần nhìn đăm đăm,
Lúc đó nào có thể,
Tham ngủ cùng tham ăn?

(7) Cái chết đến nhanh chóng,
Kịp thời nên chuẩn bị,
Sắp chết mới siêng năng,
Đã trễ, siêng ích gì?

Kịp thời nên chuẩn bị: Tích tập công đức trước khi giây phút đó (cái chết) đến.

(8) Sắp làm, mới bắt đầu,
Hoặc làm chưa bao lâu,
Tử thần đột nhiên đến,
Ồ hô, đời còn đâu!

[Behold] Cuộc đời chúng ta đầy đầy những sự việc mà chúng ta dự định. Có những việc chưa bắt đầu, có những việc vừa mới bắt tay vào, lại có những việc còn đang dở dang. Tuy thế, không luận tình trạng của bất cứ công việc nào mà mình đang xúc tiến, cái chết sẽ đến bất ngờ. Hoàn toàn không có chuẩn bị tư lương, chúng ta cảm thấy kinh sợ. Lúc đó có hối hận cũng đã trễ...

(9) Ưu sầu đôi mắt đỏ,
Giòng lệ tuôn nhạt nhòa,
Họ hàng nhìn tuyệt vọng,
Bóng tử thần hiện ra.

[Padma] Từ sự khổ đau thăm thẳm trong lòng, dòng lệ chảy dài từ đôi mắt đỏ, bạn nhìn người thân trong trần trối, và thấy bóng tử thần hiện đến.

(10) Nhớ tội lòng áo não,
Nghe tiếng ngục kêu gào,
Cuồng loạn, thân phần ướ,
Khi đó phải làm sao?

[Crosby] Hành hạ bởi tội lỗi quá khứ của bạn, và khi nghe những tiếng gào thét, chấn động của địa ngục, trong sợ hãi, phần ướ ra đầy cả thân thể. Khi đó bạn sẽ làm sao?

(11) Lúc chết niềm lo sợ,
Như cá nằm trên thớt;
Hưởng nghiệp xưa dẫn dắt,
Thọ khổ nơi địa ngục?

[Padma] Ngay khi bạn đang còn sống, mà còn cảm thấy sợ hãi như cá đang oằn oại trên mặt đất. Cần gì phải nói đến sự thống khổ không thể nhẫn chịu được nơi địa ngục, tạo ra do những nghiệp ác của bạn khi xưa.

(12) Như trẻ bỏng nước sôi,
Rất đau, thân thống khổ,
Đã tạo nghiệp địa ngục,
Sao lại còn nhờn như?

[Batchelor] Sao mình còn có thể nhờn như vậy, khi mà mình đã tạo nghiệp ác (sẽ đưa đến quả báo là) thân thể nhạy cảm như thân trẻ con (của mình) gặp phải nước sôi trong hỏa ngục.

**(13) Lười, mà mong quả lành,
Nhu nhược, hay than van,
Chết đến còn phóng dật,
Ắt chịu khổ thiêu đốt!**

[Behold] Chúng ta mong chóng được giác ngộ mà không chịu nỗ lực, mong được vui sướng mà không chịu làm lành. Hơn nữa, vì không muốn nhận chịu nghịch cảnh, dù là một chút khó chịu, chúng ta mong hủy diệt tất cả sự khổ đau. Và trong lúc đang sống trong miệng tử thần, chúng ta lại mong sự sống lâu của cõi trời. Không cần biết chúng ta có mơ ước bao nhiêu, những sự tưởng tượng này sẽ không bao giờ trở thành sự thực. Nếu chúng ta không chịu nỗ lực hàng phục tâm mình, tất cả những sự vui sướng mà chúng ta mơ ước đều chỉ là mộng ảo.

**(14) Như chiếc bè thân người,
Vượt qua biển khổ lớn,
Bè này khó gặp lại,
Đồ ngu! Chớ tham ngu!**

**(15) Bỏ pháp vui cao thượng,
Nguồn hoan lạc vô biên,
Tham sự vui phù phiếm,
Nguồn gốc của khổ đau.**

[Behold] Tại sao những thú vui tâm thường như khiêu vũ, ca hát v.v... lại là nguồn gốc của sự khổ đau? Bởi những thú vui phù phiếm này là chướng ngại cho con đường giải thoát tâm linh của chúng ta. Nếu chúng ta muốn có được niềm vui vĩnh cửu, chúng ta phải tu tập Phật Pháp; và nếu chúng ta muốn chấm dứt sự

khổ đau, chúng ta phải tức khắc buông xả những bám víu thế gian. Nói như vậy, không có nghĩa là trong việc theo đuổi sự giải thoát tâm linh, chúng ta không thể có sự giải khuây trong âm nhạc, hoặc theo đuổi những công tác (nghề nghiệp) hợp với Chánh Pháp. Trong quyển luận này, ngài Tích Thiên thường thường nhấn mạnh rằng: Sự thiện hay ác của hành động, hoàn toàn do động cơ phát sinh từ tâm chúng ta. Nếu động cơ là chính đáng, như phục vụ nhân loại chẳng hạn, thì sẽ có biết bao nhiêu hoạt động trên thế gian này mà chúng ta có thể tham dự, mà không phải sợ rằng chúng ta sẽ lãng phí thì giờ, hoặc tự gây tạo sự khổ đau cho chúng ta trong tương lai. Ở đây nói sự nhàn hạ, lười biếng, là hoàn toàn đề cập đến những động cơ ích kỷ, hoặc làm tổn hại đến kẻ khác v.v...

**(16) Không sợ, tích phước đức,
Tu định, lòng tự tại,
Quán mình, người bình đẳng,
Siêng tu tự tha hoá!**

Tự tha hoá: (hoặc hoá tự tha) là pháp quán về sự trao đổi giữa mình và người, sẽ được trình bày rõ ràng trong phẩm thứ tám.

[Dịch Chú] Tâm chúng ta phải hoàn toàn không còn sợ hãi, do dự trong việc tích tập những tư lương phước đức và trí tuệ. Siêng năng tu tập thiền định, làm cho tâm tưởng càng lúc càng tự tại (với ngoại cảnh). Quán sát, suy ngẫm về sự bình đẳng vốn có giữa ta và người; và nỗ lực bố thí sự vui của chúng ta, thay thế người khác chịu khổ.

**(17) Không nên sợ, thoái lui,
Nghĩ mình không thành Phật;**

**Như Lai, đáng nói thực,
Đã dạy như thế này:**

[Dịch Chú] Chúng ta không nên tự ti mặc cảm, nhút nhát rụt rè, nghĩ rằng: Mình làm sao mà có thể chứng Vô Thượng Bồ Đề? Bởi vì đức Phật, bậc nói lời chân thực, trong kinh Diêu Tý Thỉnh Vấn, đã từng dạy như vậy:

**(18) Như lữ muỗi, mòng, ong,
Tất cả loài côn trùng,
Nếu phát tâm tinh tiến,
Đều chứng Vô Thượng Giác!**

**(19) Hướng mình sinh làm người
Sáng suốt, rõ thiện ác,
Hành trì nếu không ngừng,
Lẽ nào không thành Phật?**

[Batchelor] dẫn một đoạn trong kinh Diêu Tý Thỉnh Vấn (Phạn: Subahupuriprecha Sutra): "Hơn nữa, Bồ Tát phải viên mãn sự tu tập của mình như sau: Họ phải suy ngẫm rằng nếu những loài vật hiện tại như sư tử, cọp, chó, sói, điều hâu, cò, quạ, cú, côn trùng, ong, muỗi, v.v... (trong đời vị lai) sẽ thành Vô Thượng Bồ Đề, tại sao mình đã sinh làm người, lẽ nào lại không phấn khởi trong việc truy cầu Vô Thượng Bồ Đề, dù là phải trả giá bằng cả sinh mệnh của chính mình?"

**(20) Nếu nói mình sợ rằng
Phải bố thí chân, tay;
Thật chưa rõ trước sau,**

Kẻ ngu sợ vợ vẫn!

[Dịch Chú] Nếu như nói, thành Phật phải bố thí tay, chân v.v... các bộ phận của thân thể, mà đây là điều mà bạn sợ hãi nhất, do đó bạn không dám nguyện thành Phật. Đây là vì bạn ngu xuẩn, không biết rõ lợi, hại, trước, sau. Do đó mới sinh ra sự lầm lẫn và khiếp sợ như vậy.

Phụ chú: Lợi, hại, trước, sau có thể hiểu như sau: Lợi, tức là thành Phật; hại, tức là sinh tử luân hồi; trước, tức là bố thí vật tầm thường; sau, tức là bố thí thân thể.

**(21) Đã qua vô lượng kiếp,
Ngàn lần bị chặt, cắt,
Đâm, đốt, bị phanh thây,
Mà vẫn chưa thành Phật.**

**(22) Minh nay tu Bồ Đề,
Chịu khổ chỉ có hạn,
Như trị bệnh ung nhọt,
Bị mổ, tạm thời đau.**

**(23) Vì muốn trị lành bệnh,
Lương y dùng chút khổ;
Muốn diệt khổ sinh tử,
Phải nhẫn tu hành khổ!**

**(24) Y Vương không dùng đến,
Lối trị bệnh tầm thường,
Mà dùng sự ngọt ngào,**

Tri cơn bệnh trầm kha.

[Crosby] Tuy lối trị liệu (tâm thường) đó rất thích đáng, nó không phải là phương pháp mà bậc Y Vương (Phật) dùng để trị bệnh. Ngài trị bệnh cho những kẻ mang những cơn bệnh trầm kha nhất bằng đức hạnh dịu dàng (sweet conduct) của chính mình.

**(25) Ban đầu, Phật cũng dùng,
Cơm, rau đem bố thí,
Lần lần tâm rộng lớn,
Bố thí thân thể mình.**

[Behold] Phần trên, ngài Tịch Thiên có nói đến niềm sợ hãi của những kẻ phạm tục như chúng ta, mỗi khi nghĩ đến sự hy sinh thân thể mình cho kẻ khác. Ở đây, Tịch Thiên muốn nhấn mạnh là ngay cả chính đức Phật cũng không đề nghị chúng ta hy sinh thân thể mình, hay bất cứ vật gì, nếu mà tâm chúng ta chưa được huấn luyện và chuẩn bị sẵn sàng để làm việc này. Sự tập luyện đó cần phải có thời gian tính. Bắt đầu, hành giả chỉ cần bố thí những vật tầm thường như cơm, áo v.v... Đợi đến khi tâm ý của hành giả trở nên rộng lớn, lúc đó hành giả có thể học tập nguyện hạnh của chư vị Đại Bồ Tát v.v...

**(26) Một khi rõ thân mình,
Tâm thường như cây cỏ,
Lúc đó thí xương thịt,
Đâu còn khó khăn gì?**

[Dịch Chú] Một khi Bồ Tát đã chứng ngộ Không Tánh, đối thân thể mình sinh khởi một cảm giác là nó cũng tầm thường như rau cỏ, không có gì đáng coi trọng thái quá.

**(27) Ác nghiệp làm thân khổ,
Vọng tưởng khiến tâm sầu,
Đạo ác, tiêu nổi khổ!
Có trí, diệt niềm đau!**

[Wallace] Nếu dứt bỏ sự ác, sẽ không còn sự khổ đau, nếu có trí tuệ sẽ không còn sầu lo. Bởi vì sự đau khổ tâm hồn là do vọng tưởng, và sự đau đớn của thân xác là do tội lỗi.

**(28) Có phước, thân vui sướng,
Có tuệ, tâm an lạc,
Bồ tát vì chúng sinh,
Trong sinh tử không nhàm!**

[Wallace] Vì có phước đức nên thân thể vui sướng, vì có trí tuệ nên tâm thân an lạc. Còn gì mà có thể làm khổ đau cho một vị Bồ Tát với tâm từ bi, kẻ vì chúng sinh mà ở trong sinh tử.

**(29) Tâm Bồ Đề có thể:
Diệt trừ mọi ác nghiệp,
Tích tụ biển phước đức,
Vì thế thắng Thanh văn!**

**(30) Thế nên quên nhọc nhằn,
Cưỡi ngựa Bồ Đề Tâm,
Càng lúc càng an lạc,
Người trí há sờn lòng?**

[Batchelor] Thế nên cưỡi ngựa Bồ Đề Tâm, trừ diệt tất cả sự chán nản và nhọc nhằn. Kẻ đã biết tâm này là đưa họ từ an lạc vào an lạc, làm sao có thể trở nên nản lòng?

**(31) Muốn làm lợi hữu tình,
Bốn duyên giúp tinh tiến:
Tin sâu, lòng kiên nghị,
Buông xả, tâm hoan hỷ;
Sợ khổ, nghĩ lợi ích,
Có thể sinh lòng tin.**

**(32) Muốn trừ bệnh biếng nhác,
Khéo dùng bốn trợ duyên:
Tin, nghị, xả, hoan hỷ,
Nỗ lực tăng tinh tiến!**

**(33) Phát nguyện muốn trừ sạch
Lỗi lầm của mình người,
Muốn trừ một lỗi lầm,
Phải tu vô số kiếp!**

[Behold] Ngay lúc mà Bồ Tát bắt đầu phát tâm Bồ Đề, họ phát nguyện sẽ trừ sạch tất cả ác nghiệp và lỗi lầm của chính mình, cũng như của tất cả chúng sinh, dù là phải trải qua vô tận thời gian.

**(34) Nếu hành giả chưa từng,
Tinh tiến diệt lỗi lầm,
Trong tâm há không sợ,
Vô lượng quả báo khổ?**

[Behold] Thế nhưng, khi chúng ta đang tu tập hạnh Bồ Tát, nếu nhìn vấn đề một cách thẳng thắn, thực tế rất là bi đát. Tích Thiên đã mô tả như sau: Hiện nay, con chưa có đủ, dù là một phần nhỏ nhất, năng lực của các vị Bồ Tát, và vì thế con đang phải chịu biết bao nhiêu thống khổ. Khi con nhận thức rằng vô lượng ác nghiệp mà con đã tạo, chỉ đem đến cho con sự khổ đau ác liệt nhất của ba ác đạo, tim con lẽ nào không vỡ nát vì sự lo sợ?

**(35) Phát nguyện muốn mau thành,
Công đức cho mình người,
Muốn thành một công đức,
Phải tu vô số kiếp!**

[Crosby] Mình phải tích tập công đức, cho mình và cho người. Muốn tu tập mỗi công đức này, dù phải trải qua vô số kiếp cũng chưa chắc thành tựu.

**(36) Thế nhưng vẫn chưa từng,
Tu một phần công đức,
Quả là sự lạ lùng,
Phí một đời vô nghĩa!**

[Wallace] Con chưa từng tu tập một phần công đức nào cả. Quả thật là một sự lạ lùng. Cuộc đời này mà con có được, đã bị lãng phí một cách vô ý nghĩa.

**(37) Xưa chưa từng cúng Phật,
Chưa lập hội bố thí,
Chưa từng vâng lời Phật,
Chưa mãn nguyện kẻ nghèo,**

Phẩm bầy: Tinh tiến

Chưa lập hội bố thí: Chưa từng đem bốn sự (quần áo, thuốc men, thức ăn, và chỗ ở) cúng dường đến chúng tăng một cách rộng lớn.

**(38) Chưa từng: thí vô úy,
Giúp người khổ được vui,
Vì thế chịu thai khổ,
Cùng lão, bệnh, tử khổ!**

Thí vô úy: Bố thí sự không sợ đến những kẻ đang sống trong sự sợ hãi (như an ủi, cho họ biết là mình có đủ thế lực để bảo vệ họ v.v..., giúp cho họ dẹp tan niềm lo sợ).

**(39) Từ xưa đến đời nay,
Vì không tin Phật Pháp,
Nên gặp khổn khổ này!
Nếu đã hiểu như vậy,
Ai dám bỏ niềm tin?**

**(40) Phật nói mọi sự lành,
Niềm tin là căn bản,
Gốc của niềm tin là:
Thường nghĩ đến nhân quả!**

[Wallace] Đức Phật đã dạy rằng niềm tin là gốc của mọi sự lành, và gốc của niềm tin lại là sự thiên định (quán sát) về hậu quả của nghiệp lực.

[Crosby] Không biết ngài Tịch Thiên có nghĩ đến bài kệ đặc biệt nào không? Nhưng nếu đem bài kệ này cùng hai bài kệ

Đường Vào Bồ Tát Hạnh — Tịch Thiên

dưới (42), (43), so sánh với hai bài kệ 117, 118 của kinh Pháp Cú sẽ thấy sự tương tự:

117. Nếu có kẻ làm ác, không nên để họ tiếp tục làm (điều ác này), không nên để họ có ý ham thích (điều ác này), vì sự khổ đau là do tích tập những ác nghiệp.

118. Nếu có kẻ làm lành, nên để họ tiếp tục làm (điều lành này), nên để họ có sự ham thích (điều lành này), vì sự vui sướng là do tích tập những thiện nghiệp.

**(41) Do tội xưa, mà nay:
Siêu ra nhiều sợ hãi,
Thống khổ, lòng không vui,
Bao sự cầu không toại!**

**(42) Những kẻ vững niềm tin,
Do làm những điều lành,
Bất luận đến nơi nào,
Phước đức đều nảy sanh!**

**(43) Kẻ ác tuy cầu vui,
Bất luận đến nơi nào,
Tội báo đều hiện tiền,
Khổ não, nhiều sầu đau!**

Đến nơi nào: Trong hai bài kệ (42), (43), chữ "đến nơi nào" là muốn chỉ những nơi tới lui trong hiện đời, hoặc sự đầu thai vào cõi khác trong đời vị lai.

(44) Do xưa tu nghiệp lành,

Sinh vào hoa sen lớn,
 Ngát thơm và mát mẽ,
 Thường thức lời Pháp hay,
 Tâm nhuần, thân sắc diệu,
 Ánh sáng Phật, hoa khai,
 Sinh ra thành Bồ Tát,
 Trước Phật hưởng an lạc!

Tâm nhuần, thân sắc diệu: Thân tâm hoạch được sự tươi mát bằng phước đức và trí tuệ mà phát sinh ra sự óng ánh, sáng ngời.

[Crosby] Quang cảnh ở đây được miêu tả trong kinh Cực Lạc Trang Nghiêm (Phạn: Sukhavativyuha Sutra), là một trong hai quyển kinh nổi tiếng của Đại thừa. Trong đó mô tả những kẻ tin tưởng vào đức A Di Đà đều được bảo đảm sự vãng sinh về cõi Cực Lạc, sinh vào hoa sen và trở thành Bồ Tát. Ở đó, trong hào quang và những lời Pháp vi diệu của Đức A Di Đà, họ sẽ tu hành thành Phật, mà không còn sợ bất cứ sự trở ngại nào.

(45) Do xưa nhiều nghiệp ác,
 Diêm Vương, lữ ngục tốt,
 Lột da làm đau đớn,
 Lửa đun thép lỏng sôi,
 Tươi vào thân không da,
 Kiếm lửa đâm thân thể,
 Đổng thịt xương nhầy nhụa,
 Tung tóe trên sàn lửa!

(46) Bởi thế nên ngưỡng mộ,

Cung kính tu pháp lành,
 Theo kinh Kim Cương Tràng,
 Lâm thiền, tăng lòng tin.

[Crosby] Kinh Kim Cương Tràng (Phạn: Vajradhvaja), bản tiếng Phạn đã thất lạc, trừ những đoạn mà Tịch Thiền đã trích lục và biên vào Học Tập Luân. Phương pháp tu tập mà ngài đề cập đến ở đây, được mô tả theo như lời dạy của kinh.

[Batchelor] trích một đoạn ngắn của kinh này từ quyển Học Tập Luân: "*Này chư thiên tử, thí như khi mặt trời chiếu rọi, không phải vì người mù không thấy, hoặc bị núi cao che chướng, mà làm cho nó sợ hãi, thoái lui (không chiếu sáng). Tương tự như thế, Bồ Tát vì chúng sinh, các ngài tùy cơ giáo hóa làm cho họ giải thoát, mà không sợ hãi thoái lui khi gặp những chúng sinh khó dạy, khó nghe.*"

(47) Nên tự lượng sức mình,
 Có nên làm hay không?
 Chưa nên, hãy tạm gác,
 Đã làm, không lùi bước!

(48) Nếu lùi, thì đời sau,
 Quen nứt, tăng tội khổ,
 Nghiệp lành lúc chín muồi,
 Yếu ớt không thành quả.

[Batchelor] Nếu mình lùi bước, thì thói quen xấu này sẽ tiếp tục trong đời sau. Do đây, tội ác và khổ quả sẽ tăng gia. Hơn nữa, các nghiệp khác, đến lúc muốn thành quả, sẽ yếu ớt và không hoàn thành được.

**(49) Nên sinh lòng tự tin,
Vào năng lực tu hành,
Đoạn ác và tu thiện;
Nghĩ mình nên tự lực,
Hành diện trong việc làm!**

[Dịch Chú] Đối ba phương diện: tu tập thiện nghiệp, đoạn trừ phiền não, và năng lực (tu hành của chính mình), chúng ta phải có lòng tự tin và tự trọng. Nên nghĩ: "Mình nên tự lực trong việc tu hành tất cả học xứ", và đây là lòng tự tin trên đường tu tập hạnh Bồ Tát.

**(50) Kẻ phạm bị nghiệp trôi,
Không thể tự lợi mình,
Thế nên phải tận lực,
Cứu vớt kẻ phạm ngu!**

Thế nên ... phạm ngu: Chúng sinh đã không tinh tiến bằng mình trong việc lợi ích kẻ khác, thế nên mình phải nỗ lực tinh tiến trong việc cứu vớt họ.

**(51) Kẻ tục còn siêng làm,
Sao mình lại ngồi không?
Nếu vì kiêu không làm,
Tốt nhất đừng nên kiêu!**

Bài kệ này dịch theo [Batchelor] và các bản tiếng Anh, còn bản tiếng Hán dịch là:

Kẻ khác siêng làm việc,

*Sao mình lại đứng không,
Chớ vì mạn tu hành,
Tốt hơn nên trừ mạn!*

Và giải thích như sau: Kẻ khác còn bận rộn trong việc phạm tục của họ, sao bạn lại có thể nhàn nhã không tu thiện pháp. Thế nhưng, không nên vì kiêu mạn mà tu hành thiện nghiệp. Lúc tu thiện nghiệp, tốt nhất là không nên có tâm kiêu mạn. (Nghe cũng có lý).

**(52) Quạ gặp rắn hoi hóp,
Dùng cảm như đại bàng;
Tín tâm nếu khiếp nhược,
Ắt bị việc khổ hại!**

Ở đây, quạ được ví với phiền não nhỏ nhất, còn rắn được ví với tín tâm. Lúc bình thường thì quạ sợ rắn. Nhưng khi rắn sắp chết (ví cho tín tâm thoái sụt), thì quạ sẽ tấn công rắn một cách hùng mãnh như chim đại bàng. Cũng thế, nếu hành giả tín tâm không kiên cố, thì dù một sự chướng ngại nhỏ nhất, cũng có thể làm cho hành giả đọa lạc.

**(53) Khiếp nhược bỏ tinh tiến,
Làm sao tăng phước đức?
Tự tin và quả cảm,
Chướng lớn cũng không ngại!**

Chướng lớn ở đây ví như nghịch cảnh, hoặc phiền não to lớn. Khi hành giả tín tâm kiên định, thì dù gặp những nghịch cảnh to tát, cũng không làm cho hành giả thoái sụt trên đường tu hành của mình.

(54) Bởi thế, tâm kiên định,
Hăng hái diệt tội đồa!
Nếu bị thua tội này,
Làm sao vượt ba cõi?

(55) Mình phải thắng tất cả,
Đừng để nghiệp thắng mình!
Mình đã là con Phật,
Kẻ giữ niềm tự tin!

(56) Kẻ đầu hàng ngã mạn,
Là người không tự tin;
Người đứng không khuất phục,
Bởi phiền não ngã mạn,
Còn những kẻ ngã mạn,
Bị thua sự ngã mạn!

[Dịch Chú] Những kẻ bị khống chế bởi ngã mạn chỉ là những kẻ phàm phu phiền não, mà không phải là người đầy đủ lòng tự tin chân chính. Những dũng sĩ có lòng tự tin sẽ không bị khuất phục bởi phiền não ngã mạn. Ngược lại kẻ kiêu mạn không thoát nổi sự khống chế của ngã mạn.

(57) Nếu do mạn sinh kiêu
Sẽ đọa vào đường ác,
Làm người: thân hạ tiện,
Nô bộc, ăn đồ thừa,

Làm người thân hạ tiện: Giả sử có sinh làm người, cũng sẽ mất đi niềm hoan lạc của thế gian (nghĩa là không sinh vào nhà quyền quý, giàu có, mà sinh vào chỗ bần cùng, hạ tiện).

(58) Ngụ, xấu, thân ốm yếu,
Nơi nơi bị người khinh;
Có gì đáng thương bằng,
Kẻ kiêu căng tự phụ!

Có gì ... tự phụ: Những kẻ vì kiêu căng mà tự cho mình là hơn kẻ khác, làm sao có thể được xem là người tự tin? Còn có sự việc nào đáng thương xót hơn như vậy!

(59) Vì muốn thắng ngã mạn,
Giữ vững lòng tin mình,
Đây là người thắng lợi,
Bậc anh hào tự tín!
Nếu chân thực diệt hết,
Kẻ thù kiêu mạn này,
Ắt sẽ thành Phật quả,
Viên mãn chúng sinh nguyện!

[Crosby] Họ là kẻ có niềm tin và là kẻ chiến thắng. Họ thực sự là kẻ anh hùng, kẻ đã hãnh diện trong sự chiến thắng kẻ địch kiêu mạn. Họ, kẻ đã tiêu diệt sự kiêu ngạo bằng lòng kiên quyết, sẵn sàng đem thành quả chiến thắng của họ đến ban bố cho chúng sinh.

(60) Ở trong chúng phiền não,
Ngàn lần nên nhẫn nại;

**(Như) Sư tử trong lũ chồn,
Không bị phiền não hại!**

Sư tử ... nào hại: Như sư tử ở giữa bầy chồn, bình tĩnh trấn định, mà không bị phiền não nhiễu loạn.

**(61) Như người gặp nguy hiểm,
Lo giữ đôi mắt mình,
Nếu đối diện phiền não,
Giữ tâm đừng bị mê!**

**(62) Chẳng thà bị đốt chết,
Thậm chí bị chặt đầu,
Quyết định không nhượng bước,
Quy lụy giặc phiền não!
(Trong tất cả thời, xứ,
Không làm chuyện vô nghĩa.)**

Trong tất cả ... vô nghĩa: theo [Batchelor], hai câu này xuất hiện trong một số bản in, nhưng không quyết chắc đây là lời của chính ngài Tịch Thiên viết ra.

**(63) Như kẻ trong đam mê;
Bồ tát đối việc thiện,
Phải khởi lòng ham muốn,
Yêu thích tâm không nhàm!**

[Crosby] Chúng ta nên say sưa trong công việc mà chúng ta đang làm. Chúng ta nên mê mẩn bởi công việc đó, không biết

nhàm chán, giống như những kẻ đang đắm mình trong khoái lạc của cuộc "truy hoan".

**(64) Kẻ phạm tham cầu vui,
Chưa chắc sẽ được vui!
Hai lợi, đem niềm vui,
Không làm, làm sao vui?**

Hai lợi: tức là tự lợi, lợi tha. Không làm, làm sao vui: Nếu không thực thi công việc tự lợi, lợi tha, thì làm sao có được sự vui hiện đời, cùng những quả báo an lạc trong đời vị lai?

**(65) Dục lạc như chút mật,
Trét trên lưỡi dao bén,
Lại tham mê không nhàm!
Còn như, đối niềm vui,
Tịch diệt của chư Phật,
Tại sao lại sinh nhàm?**

Dục lạc cũng giống như chút mật ngọt trét trên lưỡi dao bén. Kẻ liếm nó, tuy được chút ít vị ngọt, nhưng sẽ bị nguy hiểm đứt lưỡi. Cũng thế, kẻ theo đuổi dục lạc thế gian, tuy cũng hưởng được chút ít khoái lạc, nhưng sẽ bị nguy hiểm đọa lạc ba ác đạo.

**(66) Muốn thành tựu sự lành,
Xông pha lòng vui vẻ,
Như vui, trời oi bức,
Xuống ao, lòng hân hoan!**

(67) Khi thân tâm mệt mỏi,

**Tạm nghỉ, sau làm tiếp,
Làm xong liền gác bên,
Kể đến làm việc khác.**

Tạm nghỉ sau làm tiếp: Tạm nghỉ ngơi, sau đó lại tiếp tục công việc cho đến khi hoàn tất.

**(68) Kẻ chiến binh kỳ cựu,
Gặp địch tránh làn gươm;
Như thế, né vô minh,
Khéo trôi giặc phiền não!**

Như thế ... phiền não: Chúng ta phải nên tránh né sự tổn hại của vô minh, và kiên quyết diệt trừ nó, giống như đang đánh gươm với một kẻ thiện nghệ.

**(69) Đánh trận bị rút kiếm,
Sợ giết, liền nhặt lên;
Như vậy, mất chánh niệm,
Sợ đọa, liền nhiếp tâm!**

**(70) Như độc theo mạch máu,
Nhau chóng chảy khắp thân,
Vô minh thừa cơ hội,
Tội ác che lấp tâm.**

**(71) Như người, kiếm kè cổ,
Đi cầm bát dầu đầy,
Sợ tràn sẽ bị giết;**

Giữ giới cũng như vậy!

[Crosby] Bồ Tát gánh vác lời thệ nguyện của mình, cũng giống như kẻ cầm bát đầy dầu, vì sợ bị giết bởi kẻ đang cầm gươm, phải hoàn toàn chăm chú (không dám cho dầu tràn ra ngoài).

Trong kinh có kể một câu chuyện như sau: Có một kẻ được ra lệnh phải bưng một bát đầy dầu đi qua một đám đông đang tụ hợp để xem một hoa hậu trong vùng nhảy múa và ca hát. Tuy cũng muốn nhìn trộm người đẹp, nhưng gã phải chăm chú vào công việc bưng bát dầu của mình, vì theo sau là một tên lính, có nhiệm vụ là chém đầu gã, nếu gã để dầu tràn ra ngoài, dù chỉ là một giọt.

**(72) Như rắn chui vào lòng,
Phát dậy, mau xua đuổi!
Như thế, ma quỷ đến,
Tỉnh táo, mau tiêu trừ!**

**(73) Mỗi khi làm điều lỗi,
Phải nên tự trách mình,
Từ nay trở về sau,
Quyết định không tái phạm!**

**(74) Nên bất cứ lúc nào,
Tinh tiến tu chánh niệm,
Theo đây cầu thầy lành,
Viên thành chánh đạo nghiệp!**

(75) Vì muốn làm việc lành,

Phẩm bầy: Tinh tiến

**Trước khi bắt tay nên:
Nhớ lời, không phóng dật,
Hăng hái làm vui vẻ!**

Nhớ lời không phóng dật: Nhớ lời dạy về tinh tiến. Ở đây, có thể hoặc là chỉ phẩm thứ tư "Không Phóng Dật", hoặc là chỉ lời dạy của đức Phật trước khi ngài nhập Niết Bàn: "Nỗ lực, không phóng dật".

**(76) Như bông vải nhẹ bay,
Theo gió thổi đông tây;
Thân tâm nếu hăng hái,
Quả thiện chóng tròn đầy!**

Tĩnh Dạ



Thanh khiết ánh trăng trong,
Mát rượi mùi chiên đàn,
Chiều dài trên mặt đá,
Lòng khoan nhè nhẹ,
Gió rừng êm, lặng lẽ
Trong tịch mịch thời qua,
Người du già hạnh phúc,
Vút bay lòng lợi tha!

Phẩm tám:
Tĩnh lự

**(1) Đã phát khởi tinh tiến,
Tâm nên trụ thiền định;
Người tâm ý tán loạn,
Ở trong miệng vô mình!**

[Diễn Nghĩa] **Hỏi:** Tâm ý tán loạn có những lỗi lầm nào?

Đáp: Kinh Bát Nhã nói: "Người tâm ý tán loạn, rất dễ nghĩ việc xằng bậy. Muốn tu tập thiền định thế gian còn khó khăn, huống gì tu tập Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề." Bởi vậy phải khởi lòng quyết định: "Trước khi con thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, quyết định không để tâm mình tán loạn".

**(2) Thân tâm nếu cô tịch,
Tán loạn sẽ không sinh,
Thế nên xa thế gian,
Buông xả lòng tục lụy!**

[Diễn Nghĩa] Làm thế nào để đoạn trừ tán loạn? Có thể từ hai phương diện hạ thủ: (1) Phải rời xa sự ồn náo của cuộc đời, không cùng người thân tới lui, để làm cho thân thể trở nên an tĩnh, (2) Sau đó tìm cách diệt trừ tâm tham muốn dục lạc và tâm sân hận v.v ..., làm cho nội tâm trở nên tịch tĩnh. Đây mới gọi là trừ diệt tán loạn.

(3) Tham họ hàng tài sản,

**Khó mà bỏ thế gian,
Ui vậy nên xả kết,
Theo trí tu thiền quán!**

[Behold] Nguồn gốc của tất cả sự mê luyến là do sự ngã chấp ngu si của chúng ta. Nhân đây chúng ta có cảm tưởng rằng: Muốn tăng trưởng sự an tĩnh của tâm hồn, trước tiên phải nên đoạn trừ ngã chấp. Sự thực không phải như vậy. Bằng cách quán tưởng về sự lỗi lầm và bất lợi của sự tham luyến gia đình, tài sản v.v ..., chúng ta có thể tạm thời xả được sự chấp trước. Như thế cũng đủ cho chúng ta tu tập thiền định. Còn việc đoạn trừ ngã chấp chỉ đến với sự tăng trưởng trí tuệ, và trí tuệ lại tùy thuộc vào sự tu tập thiền quán.

**(4) Các pháp quán có chỉ,
Mới diệt được phiền não,
Đã biết, nên tu chỉ,
Chỉ thành do xả tham.**

Các pháp quán có chỉ: Những pháp quán trong đó có (pháp) chỉ. Chỉ, là sự đình chỉ tâm tán loạn và hôn trầm.

[Behold] **Hỏi:** Tại sao trước tiên phải đoạn trừ sự tham luyến thế gian? **Đáp:** Bởi vì sự đoạn trừ chủng tử cùng tập khí của ba cõi, phải nhờ vào trí tuệ (thắng quán) như thực quán sát chứ pháp thực tướng. Thắng quán lại cần có *tâm nhất cảnh tính* dẫn đến một trạng thái tu chỉ có sự khinh an làm cơ sở mới có thể sinh khởi được. Nhưng điều kiện tất yếu của tâm nhất cảnh tính là phải đoạn trừ hôn trầm và điệu cử. Nhân đây, nếu như chúng ta muốn tu chỉ thành công, trước tiên chúng ta phải đoạn trừ nguyên nhân chính của điệu cử: sự tham ái thế gian cùng với sự sân hận do tham ái sinh ra.

Phụ chú: *Tâm nhất cảnh tính*, tức là tâm trụ trên một cảnh cố định, là một trong bảy pháp thiền định.

**(5) Thân mình vốn vô thường,
Lại tham kẻ vô thường,
Trải qua trăm ngàn kiếp,
Không gặp người mình thương.**

[Behold] Nếu vì sự tham luyến của chúng ta đối với những kẻ (vô thường) khác mà tạo các tội lỗi, chúng ta sẽ thọ nhận sự đầu thai vào những cõi, mà trải qua trăm ngàn đời, chúng ta không còn gặp lại những đối tượng đáng yêu và khả ái được nữa.

**(6) Chưa gặp, lòng ray rứt,
Không thể nhập thiền định,
Dù gặp, không thỏa mãn,
Ray rứt lòng như xưa.**

Ray rứt lòng như xưa: Giống như xưa, vì tham ái mà khổ.

**(7) Nếu tham luyến hữu tình,
Ắt chướng thực tính tuệ,
Lại phá tâm yếm ly,
Chung cuộc gặp sầu khổ!**

Thực tính tuệ: Trí tuệ thấy được thực tính của các pháp.

[Crosby] Họ không còn thấy được chân tướng của sự vật, và đánh mất sự khẩn cấp (thoát ly sinh tử) của tâm linh. Tâm hôn

họ bị găm nhám trong phiền muộn, phát sinh từ sự tham luyến những kẻ mà họ yêu thích.

**(8) Nếu chỉ tư tưởng họ,
Qua cuộc đời vô nghĩa,
Người bạn vô thường này,
Sẽ hoại pháp chân thường!**

[Behold] Nếu tâm mình chỉ ham thích những việc thế gian và lưu luyến cuộc đời này, chúng ta sẽ đánh mất cơ hội quý báu và hiếm có của đời người hoàn thiện này. Tuy đối tượng tham luyến của ta chỉ là giả tạm, nhưng họ lại có năng lực phá hoại con đường giải thoát của chúng ta. Chỉ vì người bạn tạm bợ này mà chúng ta đánh mất cơ hội tu tập Chánh Pháp và thành tựu sự giác ngộ vĩnh viễn cho chính mình.

**(9) Hành vi giống phạm ngu,
Sẽ đọa ba ác đạo;
Tâm muốn đến cảnh thánh,
Cần gì gần phạm ngu!**

**(10) Mới vừa là bạn thân,
Phút chốc biến thành thù,
Việc vui cũng buồn giận,
Khó vừa lòng phạm ngu!**

**(11) Nói thực thì giận hờn,
Lại khuyên bỏ điều thiện,
Nếu không nghe lời họ,
Sâu nô, đọa ác thú!**

Sân nô đọa ác thú: Nếu không nghe lời họ, họ sẽ trở nên sân hận, và nhân đây sẽ bị đọa tam ác đạo.

[**Diễn Nghĩa**] Diêu Bình (một bản chú giải tiếng Tạng) dẫn kinh Tam Ma Địa Vương nói:

*Phàm phu khó thân cận,
Tuy nói Pháp cho họ,
Không tin, mặt nổi sân,
Đây là phép người phàm,
Biết rồi, chớ gần họ!*

**(12) Cao hơn thì ghen ghét,
Bằng nhau thì cạnh tranh,
Thấp hơn thì khinh miệt,
Khen ngợi thì giả vờ,
Ngược ý, sinh buồn giận,
Gần kẻ tục ích gì?**

[**Behold**] **Hỏi:** Tại sao ngài Tịch Thiên nói một cách trắng trợn như vậy? **Đáp:** Vì ngài muốn cho chúng ta biết rõ rằng không có lợi ích gì trong việc tới lui với người đời. Thay vì để cho chính mình bị rối rắm và tán loạn bởi việc đời, chúng ta nên tìm một nơi cô tịch và chuyên tâm vào việc tu tập thiền định, tăng trưởng nhân duyên giải thoát cho chính mình.

**(13) Đánh bạn với người ngu,
Ắt sinh việc bất thiện,
Khen mình, chê lẫn người,
Ham nói chuyện thế gian.**

**(14) Vì thế gần người thân,
Chỉ là tự hại mình!
Họ không ích gì mình,
Mình cũng không lợi họ.**

**(15) Nên rời xa lũ ngu;
Gặp họ, vui vẻ chào,
Không nên quá thân mật,
Bất quá, thuận lễ nghi!**

**(16) Giống như ong lấy mật,
Vì pháp mà khát thực,
Xong rồi, như người lạ,
Chưa bao giờ gặp qua.**

[**Diễn Nghĩa**] **Hỏi:** Loại người như thế nào bị gọi là phàm ngu? **Đáp:** Học Tập Luân dẫn kinh Bảo Vân nói: "Có mười loại ác tri thức không thu thập lợi ích trong việc tu học Phật Pháp: (1) kẻ phá giới, (2) kẻ tà kiến, (3) kẻ thiếu uy nghi, (4) kẻ sống tà mệnh, (5) kẻ ham thích náo động, (6) kẻ ham biếng nhác, (7) kẻ ham mê sinh tử, (8) kẻ đi ngược hạnh Bồ Đề, (9) kẻ ham mê bạn bè quyến thuộc, (10) kẻ nhiều phiền não. Hơn nữa, kinh Bảo Vân có nói: Tuy chúng ta phải xa lánh hạng người nhiều tổn hoại này, nhưng không nên đối với họ sinh khởi ác ý, sân hận, phiền não, hoặc sinh tâm khinh miệt".

**(17) "Mình giàu, được cung kính,
Kẻ khác đều thích mình."
Nếu kiêu căng như vậy,
Lúc chết nhiều sợ hãi.**

[Diễn Nghĩa] Nếu mình hoạch được lợi dưỡng và cung kính mà sinh tâm kiêu mạn, đây là nhân cho sự đọa vào địa ngục. Kinh Di Lặc Sư Tử Hống nói: "(1) do vì đa văn (nghe nhiều) sinh khởi kiêu mạn, từ đó mà phóng dật, (2) do vì được lợi dưỡng sinh khởi kiêu mạn, từ đó mà phóng dật, (3) do vì bạn bè (với kẻ quyền thế) sinh khởi kiêu mạn, từ đó mà phóng dật, (4) do vì học thức cùng của cải sinh khởi kiêu mạn, từ đó mà phóng dật. Ca Diếp! Đây là chỗ mà người xuất gia vì kiêu mạn mà sinh ra bốn loại phóng dật. Nếu như người xuất gia có đủ bốn loại phóng dật sinh ra từ kiêu mạn, sẽ phải đọa vào địa ngục".

**(18) Nay tâm! Mi nên biết:
Bất luận tham việc gì,
Ắt sẽ bị khổ báo,
Ngàn lần hơn chỗ tham!**

[Diễn Nghĩa] Ngài Công Đức Quang trong Giới Luật Bản Tung nói: "Kẻ biếng nhác nếu tiêu dùng bất cứ vật gì đều thành món nợ". Ý muốn nói rằng ngay kẻ giới hạnh thanh tịnh, nếu như không siêng năng tu tập văn tuệ, tư tuệ; hoặc là, tuy tu học những học xứ viên mãn, nhưng lại không chịu truy cầu sự tiến bộ. Những kẻ biếng nhác như thế, chỗ tiêu dùng vật của tín thí đều trở thành những món nợ. Trong tương lai sẽ phải bồi thường thí chủ trăm lần, ngàn lần nhiều hơn, hoặc đầu thai làm nô lệ, hoặc làm người mắc nợ của thí chủ. Giả như kẻ phạm giới mà thọ dụng của tín thí, ác báo càng trở nên nghiêm trọng hơn. Kinh Phật Tạng nói: "Tỳ Kheo phá giới sẽ trong trăm ngàn vạn ức kiếp cắt thịt bồi thường thí chủ. Nếu đầu thai làm súc sinh, sẽ phải kéo, chở vật nặng. Những Tỳ Kheo này, cho đến vật cứng dường nhỏ như sợi tóc chẻ thành ngàn ức phần, còn không thể tiêu được, huống là thức ăn, quần áo, giường chiếu, cùng thuốc men ..."

**(19) Người trí chớ nên tham,
Tham sinh lòng lo sợ,
Phải kiên tâm hiểu rõ,
Vật tinh vốn là không!**

[Diễn Nghĩa] Đối với sự lỗi lầm của lợi dưỡng và cung kính, Học Tập Luân dẫn kinh Tăng Thượng Ý Nhạo Thỉnh Vấn nói: "Này Di Lặc, Bồ Tát sơ học nên biết rằng lợi dưỡng cung kính có thể sinh ra sự tham dục. Nên phải quán sát rằng chúng có thể phá hoại chánh niệm. Phải nên suy gẫm sự được, mất của lợi dưỡng và cung kính có thể làm cho chúng ta trở nên kiêu mạn hoặc tuyệt vọng ... Sau khi đã quán sát như thế, phải nên giảm thiểu tham dục, không sinh phiền não. Vì sao? Vì sự thiếu dục sẽ không đem đến những sự lỗi lầm".

**(20) Dù mình giàu tiền của,
Được nhiều người ca ngợi,
Danh lợi dù bao nhiêu,
Đến chết, không theo mình!**

**(21) Nếu có người chê mình,
Khen ngợi nào đáng vui?
Nếu có người khen mình,
Chê bai nào đáng buồn?**

[Behold] Không lý do gì mà chúng ta phải vui khi được kẻ khác khen ngợi, hoặc phải buồn khi bị chê bai. Vì sao? Bởi vì không có sự khen ngợi nào mà có đủ sức mạnh làm cho chúng ta thăng tiến, hoặc tăng trưởng đức hạnh cho chúng ta. Tương tự, cũng không có sự chê bai nào có thể làm cho chúng ta sa ngã. Hơn nữa, luôn luôn sẽ có kẻ khen ngợi, và đồng thời cũng có kẻ chê

bai chúng ta. Nếu vậy, vui khi được khen, và buồn khi bị chê, có nghĩa lý gì?

**(22) Phật còn không thể làm,
Ưa lòng kết chúng sinh,
Hưởng chi mình phạm tục?
Bởi thế đừng nên lo!**

Bởi thế đừng nên lo: Bởi thế, chúng ta phải bỏ ý định tới lui với kẻ phạm tục.

[Behold] Hỏi: Bỏ chúng sinh đi tìm sự cô tịch, không phải là hành động quá đáng hay sao? Nếu mục đích chúng ta là tu tập hạnh Bồ Tát, đáng lý chúng ta phải ở chung với người phạm để làm lợi họ? **Đáp:** Đây là quan niệm sai lầm. Hiện tại chúng ta chưa có thể hoàn toàn làm chủ tâm của chính mình. Như vậy chúng ta làm thế nào để thỏa mãn tất cả nguyện vọng của tất cả chúng sinh? Mỗi người đều có quan niệm và ý hướng khác nhau, nhiều khi lại trở nên xung đột, mâu thuẫn. Ngay cả đức Phật còn không thể thỏa mãn hết những nguyện vọng của họ, hưởng chi phạm phu mê loạn như chúng ta? Tạm thời, nên bỏ ý định tới lui với họ, mà nên chuyên tâm tu tập thiền định và quán sát Không Tánh. Điều này sẽ tăng gia năng lực cho chúng ta trong việc cứu giúp kẻ khác. Sau khi chúng ta đạt đến sự chứng ngộ, lúc đó chúng ta sẽ có thể hòa đồng với họ mà làm công tác lợi sinh. Nếu chúng ta hiện nay còn tiếp tục tới lui với họ, không những chúng ta không giúp được gì cho họ, mà nhiều khi họ vì vô minh, lại nhân chúng ta mà tạo những nghiệp nặng!

**(23) Khinh thường kẻ bần cùng,
Chê bai kẻ giàu sang,
Bản tính khó làm bạn,**

Gần họ có gì vui?

Khinh thường ... giàu sang: [Wallace] Họ quả trách kẻ không nhận cúng dường và khinh miệt những kẻ nhận cúng dường.

**(24) Như Lai từng dạy rằng:
Đừng làm bạn phạm ngu!
Nếu không làm lợi họ,
Uất ức lòng không vui.**

[Diễn Nghĩa] Hỏi: Bốn luận ở phần trước có nói: “Nên làm cho hữu tình hoan hỷ, hơn nữa phải xem trọng lợi ích của người khác.” Thế nhưng ở đây lại nói không nên cùng người tục tới lui. Điều này không phải trước sau mâu thuẫn hay sao? **Đáp:** Không phải thế. Phần trên muốn nói là trên phương diện hạnh nguyện, cần phải xem sự lợi ích của người là chính. Còn ở đây muốn nói là: Giả sử tâm mình vẫn còn sự ích kỷ và sân hận, nếu tới lui với kẻ khác, không những không lợi ích cho người, mà lại còn tạo thành nhân duyên đọa lạc cho chính mình. Do đó hai phần trên dưới không có sự trái ngược. Do đây, tuy mình chưa đủ năng lực lợi ích chúng sinh, nhưng "*chỉ cần mình đem tâm cầu lợi ích cho chúng sinh mà tu hành*", thì không thể nói là mình hoàn toàn không đọa hoại đến chúng sinh. **Bồ Đề Tâm Thích** nói:

*Tuy không sức lợi người,
Thường ôm lòng cứu độ,
Người giữ ý nguyện này,
Tức làm lợi chúng sinh.*

**(25) Chừng nào mới vào rừng
Sống với cây, chim, thú,
Chúng không nói lời ác,**

Ở chung, tâm thường vui.

[Wallace] Rừng cây không nói những lời quở trách, hoặc (mình) phải tìm cách làm vữa lòng chúng. Khi nào mình mới có thể đến ở chung với những người bạn này trong niềm vui sướng.

**(26) Chừng nào ở gốc cây,
Động núi, chùa hoang vắng;
Nguyện không còn quyến luyến,
Dứt lòng tham hồng trần!**

**(27) Chừng nào mới đến chốn,
Trời đất rộng thiên nhiên,
Không chấp là của mình,
Tự tại không tham luyến!**

**(28) Chừng nào ở không lo,
Bình bát, vài vật nhỏ,
Tắm y chẳng người thêm,
Hoặc chẳng cần che thân.**

**(29) Chừng nào đến rừng cây,
Thấy cảnh, hiểu được rằng:
Xương người cùng thân mình
Đều là pháp hoại diệt!**

[Behold] Để tăng trưởng quyết tâm của chúng ta trong việc sống và thiền định trong cảnh cô tịch, trước tiên chúng ta nên suy tư về vô thường và sự chết. Điều này sẽ tăng gia sự ham thích

của chúng ta trong việc tu tập Chánh Pháp. Nếu chúng ta quán sát về sự đương nhiên của cái chết, về sự bất chợt của nó đến với chúng ta, và về sự kiện là chỉ có sự tu tập Chánh Pháp mới có thể làm lợi ích. Lúc đó động lực cho sự tu tập sẽ được tăng gia rất nhiều.

**(30) Thân này sẽ nát rữa,
Mùi thối làm nôn mửa,
Chồn, sỏi chẳng dám gần,
Cuối cùng chỉ là thế!**

[Diễn Nghĩa] Kinh Tứ Niêm Xứ nói: "Giả sử như vị Tỳ Kheo trong bãi tha ma, nhìn thấy cây chết thối rữa chỉ còn thừa lại thịt, xương, gân ..., vị Tỳ Kheo đó nên đem thân mình và cây chết ra so sánh, nói rằng: Thực vậy, thân thể chúng ta cũng có tính chất như thế, kết cục như thế, không thể nào tránh được".

**(31) Lúc sống, tám thân này,
Xương, thịt gắn liền nhau,
Đến chết, xương tủa máu,
Hướng gì bạn, người thân?**

[Wallace] Nếu những mảnh xương của tám thân này sẽ phải rời nhau ra, như vậy những kẻ mà mình yêu thích, nào có hơn gì thân phận của những mảnh xương này?

**(32) Sinh ra cũng một mình,
Chết đi cũng một mình,
Khổ, chẳng ai chia sẻ,
Thân quyến nào ích chi?**

(33) Như lữ khách qua đường,
Rời đây đến nơi kia;
Trên đường sinh tử dài,
Bỏ thân này đến kia.

(34) Nên sớm vào rừng tu,
Đừng đợi đến khi chết,
Tiếng người thân nước nở,
Bốn người khiêng thây ra.

(35) Không thân cũng không oán,
Một mình ẩn núi rừng,
Thân này như đã mất,
Đến chết chẳng người lo.

(36) Bốn bề không bóng người,
Khóc la, hoặc làm hại,
Có thể tu niệm Phật,
Mà không người chứng ngại!

[Crosby] Trong truyền thống Phật giáo, trạng thái của tâm thức khi sắp chết có ảnh hưởng trọng đại đến cuộc sống đời sau. Để được sự đầu thai vào cõi lành, tốt nhất trước khi chết nên tu pháp Lục niệm.

(37) Thế nên ở một mình,
Ít sự, dễ an lạc,
Trong rừng vắng tịch tĩnh,
Đình chỉ tâm tán loạn!

(38) Đã bỏ kết lòng tục,
Tâm nay phải chuyên nhất,
Vì muốn nhập đẳng chí,
Siêng hàng phục phiền nào!

Đẳng chí: tiếng Phạn gọi là Tam Ma Bát Đề (Samadhi), tức là trong trạng thái định này, thân tâm bình đẳng an hòa nên gọi là đẳng, tu định có thể đem đến trạng thái bình đẳng này nên gọi là đẳng chí.

(39) Đời này hoặc đời sau,
Tham dục đem tai hại,
Đời này: trói, chém, giết,
Đời sau: đọa địa ngục!

Từ bài kệ (39) này cho đến bài kệ (85) là phần quán tưởng những lỗi lầm của sự tham dục.

[Behold] Trong phần này, ngài Tịch Thiên thảo luận một cách cặn kẽ về những lỗi lầm của sự tham luyến, và cho chúng ta biết rõ sự tham luyến này trói buộc chúng ta vào một cuộc đời đầy truy cầu, bất mãn và khổ đau. Bởi vì sự tham mê sắc dục là hình thức phổ biến nhất của sự tham luyến, nên ngài Tịch Thiên đã nhấn mạnh về sự trói buộc của sự tham dục thái quá. Bởi vì những thính giả đầu tiên của ngài đều là những bậc Tỳ Kheo, thành thử ngài đã tập trung vào đề tài về sự tham luyến của đàn ông đối với đàn bà, và đưa ra món thuốc trị là sự mô tả sự nhớp nhúa của thân thể của người đàn bà, mà mọi người phàm tục đều cho là hấp dẫn. Tuy thế, Tịch Thiên cũng đã nêu rõ, "ở đây không nên hiểu là chỉ có thân thể đàn bà mới là nhớp nhúa, hoặc chỉ có đàn ông mới thèm khát dục vọng (nghĩa là nếu quán ngược lại, thân thể đàn

ông cũng là nhớp nhúa, và đàn bà cũng có những thềm muốn dục vọng)". Khi đã hiểu rõ điều này, độc giả nên làm sự cải đổi cần thiết khi đọc đoạn văn sau.

**(40) Ừ ai mà khấn cầu,
Trước ông tơ, bà nguyệt?
Ừ ai mà không ki,
Tạo tội và ác danh?**

[Crosby] Theo phong tục Ấn Độ, những người làm mai mối, phần lớn đều là người ở giai cấp hạ tiện. Kẻ mê gái này không còn biết giữ thể diện. Vì muốn được người nữ mà họ mong cầu, họ đã không ngần ngại trong việc khúm núm, van xin những kẻ (mai mối) mà bình thường phải tôn trọng họ, cầu mong những ông tơ bà nguyệt này tới lui, liên lạc với kẻ mà họ đang tơ tưởng đến.

**(41) Dù kiếm vẫn lao vào,
Tiêu hao bao tài sản,
Chỉ cần gái vào lòng,
Đê mê hồn tiêu tán!**

**(42) Tấm thân không tự chủ,
Ngoài xương chẳng có gì!
Thay vì khổ tham luyến,
Chi bằng tu Niết Bàn!**

[Crosby] Nàng không là gì, ngoài những khúc xương không liên hệ nhau, không có sự khác biệt (indifference). Tại sao bạn không (còn thêm) muốn ôm ấp nó (những khúc xương đó) và cảm thấy khoái lạc?

**(43) Mới về, tay nâng cằm,
Kề nhau, nhìn e lệ,
Khi xưa: thấy, chưa thấy,
Màn the che mỹ diện!**

[Crosby] Khi xưa, bạn đã nhìn khuôn mặt ấy, đã từng nâng khuôn mặt nàng lên, trong khi nàng cúi xuống trong dáng dấp thẹn thùng; hoặc là khuôn mặt ấy được che bởi tấm màn the mà bạn không thấy rõ.

[Behold] Sự thềm muốn của đàn ông quả thực là lạ lùng và ấu trĩ. Trong cổ tục Ấn Độ, mỗi khi người phái nữ gặp người phái nam, mặt họ đều được che bởi tấm màn the. Ngay đến buổi hôn lễ, mặt người vợ vẫn được che lại, và họ hiện ra trước mặt người chồng trong dáng điệu e ấp thẹn thùng. Cuối cùng, khi mà người chồng gỡ được tấm màn che mặt người vợ mới cưới của mình, sự háo kỳ này tăng gia lòng thềm muốn của họ trong việc ân ái với người vợ.

**(44) Xưa khuôn mặt yêu kiều,
Nay phô bày trước mắt,
Điều khâu bóc màn che,
Đã thấy, sao sợ chạy?**

[Wallace] Khuôn mặt khi xưa đã từng làm bạn ngất ngây (trong đau khổ) nay đã hiện rõ ràng, bạn đã thấy nó bị điều khâu bóc ra, tại sao bạn lại chạy trốn?

**(45) Ngày trước người nhìn trộm,
Ghen tuông lo giữ gìn;**

**Thầy nàng, nay điều ăn,
Đồ kiết! Sao không giữ?**

[Wallace] Đây kẻ ghen tuông! Cái mà ngày xưa bạn đã lo giữ gìn khi người khác nhìn trộm, bây giờ đang bị điều thú ăn, tại sao bạn không giữ?

**(46) Nay nhìn đồng tử thi,
Điều, thú tranh cầu xé,
Xưa, khổ tung tiu nàng,
Nay, điều rửa, thú bụi!**

[Batchelor] Tại sao mình lại dâng hiến hương hoa, chiêm đàn cùng những món trang sức cho cái vật mà bây giờ là món ăn của cầm thú?

**(47) Nếu thấy đồng xương trắng,
Nằm yên vẫn còn sợ!
Sao không sợ gái đẹp,
Di đồng quỷ nhập thầy?**

**(48) Xưa che đậy vẫn tham,
Nay lừa lừa sao sợ?
Nếu nói ghét đồ dơ,
Sao tham khi che đậy?**

Che đậy: ở đây, che đậy có thể hiểu theo hai nghĩa: Một là che đậy bởi lớp da, nay lớp da bị điều, thú bóc đi, phô bày chỉ toàn xương, gân, máu, mỡ ... Hai là che đậy bởi quần áo. Xưa quần áo che kín thân thể không thấy da thịt, vẫn tham. Nay làn da

phô bày trước mắt (thân bầm đen, ứ máu chẳng hạn), sao không tham?

Nếu nói ... che đậy: [Crosby] Nếu bạn không dùng được nó (thây chết khi lớp da bị bóc đi, gân, xương lòi ra ngoài ...), sao bạn lại cọ xát với nó khi nó được che đậy (bởi lớp da).

**(49) Phần uế cùng nước bọt,
Do thức ăn bài tiết,
Nếu không thích phần uế,
Sao lại tham nước bọt?**

**(50) Bọn mê gái không thích
Chấn gối nhung mềm mại,
Uì không mùi đàn bà;
Lũ ngu, tham đồ dơ!**

[Crosby] Không cảm thấy khoái lạc với gối nhung (nhồi bông) vì nó không rỉ ra (oozing out) chất hôi thối. Kẻ đang yêu (nói chung cho cả hai phái) bị đồ dơ bấn làm mê loạn.

**(51) Bọn dâm tiện cho rằng:
Gối chấn tuy mềm mại,
Không thành mộng uyên ương;
Đổi gối chấn sinh kèn.**

**(52) Nếu nói ghét đồ dơ,
Sao lại xiết vào lòng,
Người nữ, lớp da bóc,
Thịt, gân buộc lỏng xương?**

[Wallace] Nếu bạn không tham mê chỗ dơ bẩn, sao bạn cứ ôm vào lòng (người đàn bà), kẻ chỉ là một bộ xương, cột với nhau bằng những sợi gân, và được trét (đắp) lên bởi những lớp thịt.

**(53) Thân vốn nhiều bất tịnh,
Ngày ngày đều thấy biết,
Tham chẳng lẽ chưa đủ,
Còn tham thân của người?**

[Crosby] Ê, thân bạn đã đầy nhóc những chất bẩn thỉu! Hãy thỏa mãn với đồ dơ của mình! Đồ tham cốt đái! Bỏ quên ả đi! Thứ đó cùng chỉ là một bọc đồ dơ khác!

**(54) Nếu nói tham làn da,
Mắt nhìn, tay vuốt ve,
Hay sao lại không thích,
Vô tâm, chiếc thầy ma?**

[Wallace] Bạn ham thích nhìn nó và vuốt ve vì nó là xác thịt. Tại sao bạn lại thích xác thịt, mà bản tính nó là không có ý thức (nói nôm na là không có linh hồn).

**(55) Nếu nói yêu tâm nàng,
Tâm nào rờ thấy được?
Rờ được không phải tâm,
Xiết gì thật vô nghĩa!**

Xiết gì thật vô nghĩa: Sao lại đắm mê trong những sự ái vô nghĩa này?

[Behold] **Hỏi:** Những cái thầy chết quả thực không có tâm thức, nhưng tôi yêu nàng bởi vì nàng có tâm hồn. **Đáp:** Đúng vậy. Nhưng tâm hồn nàng không thể rời mó được. Sao bạn lại dính líu trong những sự giao hợp vô nghĩa như vậy? Chúng ta nên nhớ rằng, không chỉ thân đàn bà là dơ bẩn, mà chính thân đàn ông cũng dơ bẩn. Chúng ta nên hiểu như vậy, và không nên nghĩ một chiều.

**(56) Không biết người bất tịnh,
Còn chưa phải kỳ lạ,
Không biết mình bất tịnh,
Điều này mới lạ kỳ!**

[Behold] Suy ngẫm về việc này (sự bất tịnh của mình và người), chúng ta nên tìm cách đối trị sự tham luyến không thể kiềm thúc của chúng ta đối với kẻ khác (bằng cách tu bất tịnh quán).

**(57) Tâm tham cấu uế này!
Sao lại bỏ đóa sen
Nặng ban mai nở nhụy,
Ngược lại tham đàn bà?**

**(58) Tại sao không dám rờ,
Vùng đất bị trét phân?
Mà lại tham rờ rẫm,
Chỗ dơ, rỉ cấu uế?**

**(59) Nói không xa khớp nhứa;
Thai nghén trong lầy lụa,
Chỗ cấu uế sinh ra,**

Sao cứ ôm vào lòng?

Bạn nói rằng bạn không ưa những chất nhờn nhúa. Thế sao họ (đàn bà) đã được thai nghén trong chỗ lấy lựa, và được sinh ra từ chỗ cấu uế, mà bạn vẫn cứ thích ôm vào lòng?

**(60) Phần uế sinh giới trùng,
Dù ít cũng nhơm tằm,
Biết thế sao còn tham,
Phần uế sinh thân này?**

[Crosby] Có phải bạn không thích con giòi sinh ra từ phần uế là vì nó quá nhỏ? Chắc chắn là bạn thêm muốn thân thể (đàn bà), cũng là từ chỗ phần uế sinh ra, bởi vì thân xác họ to lớn!

**(61) Không những không khinh ghét
Thân cấu uế của mình,
Lại vì tham bất tịnh,
Thêm thân dơ của người!**

**(62) Thế gian món trân hào,
Thức ăn và rau cải,
Khai xong nhờ trên đất,
Mặt đất thành cấu nhơ.**

**(63) Thân này nhớp như vậy,
Nhìn kỹ, nếu còn nghi,
Vên đến rừng cây chết,
Nhìn đống thây thối rữa!**

**(64) Thân chết bóc làn da,
Kẻ nhìn sinh khứng khiếp,
Biết rồi sao lại còn,
Háo sắc, lòng hoan hỉ?**

[Wallace] Đã biết rằng lớp da bị bóc ra sẽ đem đến sự sợ hãi khủng khiếp, sao bạn lại còn tham mê cái đồ bất tịnh đó!

**(65) Thân thoa mùi chiên đàn,
Hương không từ thân ra,
Sao ngu si thêm muốn,
Thân nhớp mượn mùi hương?**

[Behold] **Phản đối:** Xin làm ơn im lặng một chút. Tôi muốn được phát biểu vài lời! Khi người đàn bà xúc dầu thơm, son phấn, và các món trang điểm khác. Lúc đó chẳng phải là họ rất hấp dẫn hay sao? **Đáp:** Câu nói của bạn rất đáng buồn cười. Những món dầu thơm, phấn thơm này, v.v... chẳng có quan hệ gì với thân thể họ. Mùi thơm toát ra là từ những vật như chiên đàn, v.v... Chẳng lẽ bạn bị họ hấp dẫn bởi vì những vật mà họ thoa lên thân thể? Giả sử bọn họ không thoa những vật này, và không tắm rửa một đoạn thời gian, lúc đó bạn sẽ nhìn thấy thân thể họ như thế nào?

**(66) Thân vốn mùi xí uế,
Đúng lý, nên nhơm tằm!
Lũ phàm phu tham dục,
Sao điểm tô thân này?**

[Behold] Lúc đó thân thể bọn họ sẽ tiết ra mùi tự nhiên của nó (là hôi thối). Nếu thân đàn bà nhơ nhớp và hôi thối như vậy,

phải chăng điều tốt nhất là không nên tham luyện những thân thể đó!

**(67) Thân tiết ra mùi gì,
Nếu hương thuộc chiên đàn?
Sao vì mùi hương lạ,
Lại tham thân đàn bà!**

[Behold] **Phản đối:** Ô, không phải thế. Nếu họ (phụ nữ) tắm rửa, thoa xức dầu thơm, trang sức thân thể họ bằng những món nữ trang, và mặc lên những bộ quần áo lộng lẫy. Chẳng lẽ bạn không thấy những người đàn bà như vậy là đẹp hay sao? **Đáp:** Những sự lộng lẫy đó có phải là của chính họ hay không? Chắc chắn, sự bày vẽ đó chỉ có tính chất tạm thời mà thôi. Sắc đẹp mà bạn nhìn thấy đó chỉ là sự giả tạo. Họ (đàn bà) dùng xà phòng và nước rửa sạch mùi hôi của thân thể. Kế đó xức dầu lên tóc, đánh phấn, và trang điểm khuôn mặt họ. Sau đó, lại mặc lên quần áo sang trọng và mang đồ trang sức lộng lẫy, để cho chúng ta chiêm ngưỡng cái dung nhan gọi là mỹ miều của họ. Nếu thế, chúng ta đem một hình nộm gỗ ra trang điểm, thì hình nộm đó cũng sẽ hiện ra một cách lộng lẫy như thế. Xin nhìn kỹ thân thể đàn bà xem bản chất của nó là gì, nếu không có những món hương phấn này!

**(68) Thân vốn là lửa lò,
Tóc rối, móng dài dơ,
Răng vàng, bựa hôi thối,
Thoạt nhìn thấy nôn ọe!**

[Behold] Nếu họ ở trong trạng thái thiên nhiên, mà không trang điểm như đã mô tả ở trên, chúng ta sẽ thấy gì? Chỉ là một hình dạng đáng kinh sợ: trần truồng, nhớp nhúa, với mái tóc bù xù, móng tay đen nhớp, và hàm răng vàng khè hôi thối!

Phụ chú: Ngài Tích Thiên đã phí rất nhiều thì giờ mô tả về sự bất tịnh của thân thể này. Ngài làm thế không phải có mục đích là muốn tô lên một bức tranh bệnh hoạn, mà chính là muốn giúp chúng ta đối trị căn bệnh tham luyện, chấp trước thân thể của mình.

**(69) Tham dục, vật hại mình,
Sao lại trang sức nó?
Ô hay, bọn người ngu,
Tự hôn mê điên loạn!**

[Behold] Như ngài Tích Thiên đã nói, nếu chúng ta bị tràn ngập bởi sự đam mê, ngã mạn, và tiếp tục theo đuổi những đối tượng dục lạc, cũng giống như chúng ta mài giũa những món binh khí bén nhọn, để một ngày nào đó, chúng sẽ quay lại giết mình. Không lý do gì mà tiếp tục tham dự vào những cuộc truy hoan, mà chung cuộc chỉ làm hại chúng ta. Đây lại chính là những sự việc mà mọi người trên thế giới đang miệt mài đeo đuổi. Họ hoàn toàn lầm lẫn, mê muội. Không còn biết đâu là thiện, đâu là ác, đâu là sạch, đâu là dơ!

**(70) Nếu lòng sinh nhờm tởm
Đống xương nơi rừng thây,
Sao lại tham xương trắng,
Tới lui chốn thị thành?**

[Wallace] Chỉ nhìn thấy một vài cây chết nơi nhà mồ bạn còn cảm thấy nhờm tởm. Sao bạn lại vui thích chốn thành thị, là nhà mồ tràn đầy những chiếc thây di động.

(71) Thân đàn bà dơ như,

**Muốn được phải trả giá:
Đời này, lăn lóc đau!
Đời sau, xuống địa ngục!**

[Behold] Hơn nữa, sự nhớp nhúa của thân thể không phải chỉ là vấn đề độc nhất trong việc tham muốn thân thể người khác. Chúng ta phải hiểu rằng, vì muốn hưởng được thú vui xác thịt, chúng ta càng lúc càng trói buộc chúng ta chặt hơn vào sự bất mãn của vòng luân hồi. Như đã nói ở trên, chúng ta tiêu hao tài sản, làm những việc ác đức, và nhọc nhằn trong việc tìm cầu vật chất để cung phụng nó. Bởi vì những việc này, hiện đời chúng ta sẽ gặp biết bao hoạn nạn, và đời sau vào đường ác, nơi đó những sự thống khổ đọa đày đang chờ đợi chúng ta.

**(72) Trẻ, không làm ra tiền,
Lớn làm sao hưởng dục?
Tích tụ, đến bạc đầu,
Dục lạc nào hưởng được?**

[Behold] Khi chúng ta còn trẻ, chúng ta khó mà có cơ hội tích tụ của cải. Khi chúng ta lớn hơn chút nữa, chúng ta lại phải bỏ bao nhiêu nỗ lực để tìm một người vợ. Rốt cuộc, khi chúng ta tìm được người vợ rồi, chúng ta lại phải nhọc nhằn làm lụng để cấp dưỡng gia đình, chúng ta ít có thì giờ cùng họ chung vui. Mà nhiều khi, sự hiện diện của họ chỉ làm cho chúng ta càng thêm đau khổ mà thôi. Đây là chuyện thực của rất nhiều người.

**(73) Kẻ tham dâm ti tiện,
Sáng ngày làm việc mõi,
Tối về khí lực mòn,
Ngủ lãn như thây chết.**

Kẻ tham dâm ti tiện: từ bài kệ này đến bài kệ (78), ý muốn chỉ những kẻ ngoài việc sinh nhai ra, đầu óc chỉ lẩn quẩn những việc trai gái tầm thường, mà không có những ý tưởng cao xa nào khác.

**(74) Hoặc phải đi xứ người,
Đường dài lắm gian nan,
Tuy muốn gặp mặt nhau,
Hàng năm không gặp được!**

[Behold] Có người vì muốn tìm cách sống cho gia đình, đã phải phiêu lưu đến xứ người, hoặc đi làm lính. Khi xa cách, họ phải chịu khổ đau bởi sự chia ly với người họ đang yêu, cùng nỗi đau hành hạ bởi sự thèm muốn xác thịt. Không ai muốn lìa xa người mà họ yêu, nhưng đây chính là sự tham luyến của chúng ta đã dẫn chúng ta đến những kinh nghiệm khổ đau này (Đây chính là điều mà nhà Phật gọi là ái biệt ly khổ).

**(75) Hoặc có người mưu lợi,
Vì ngu bán thân mình,
Tuy chưa thấy điều lợi,
Theo gió nghiệp nổi trôi.**

[Behold] Lại có kẻ lầm lẫn trong việc làm thế nào để tìm ra tiền, đã bán thân cho kẻ khác, rốt cuộc bị cưỡng bức vào những công tác lao động nặng nề. Trong tình trạng như thế, không còn một chút tự do, bởi vì hoàn toàn bị khống chế bởi người chủ, và đôi khi bị trôi dạt đến những nơi chốn mà họ không muốn, tùy thuộc vào hành động và ý muốn của chủ nhân họ.

(76) Hoặc có kẻ bán thân,

*Tùy người khác sai khiến,
Thê thiếp khi lâm bồn,
Ra đồng dưới gốc cây.*

[Crosby] Họ (người vợ) đã phải sinh con trong rừng rậm hay đồng hoang, nơi mà người chồng đang làm việc (nô lệ) cho kẻ khác.

*(77) Kẻ nô lệ dục lạc
Vì tìm kẻ sinh nhai,
Đấn thân ra chiến trường;
Vì lợi thành nô lệ.*

[Crosby] Vì để tìm cách sinh sống, họ (trở thành lính và) đi ra chiến trường nhận chịu sự nguy hiểm của tính mệnh. Lại có kẻ vì kiêu hãnh mà thành nô lệ. Họ là người ngu làm trò hề cho sự đam mê của chính mình.

*(78) Vì tham dục: cắt thân,
Hoặc nằm trên chông nhọn,
Hoặc tự đâm thân mình,
Hoặc lấy lửa đốt thân.*

[Crosby] Có người là nạn nhân của sự khát vọng của mình, thân thể họ bị chặt, cắt. Có kẻ bị tên bắn, có kẻ bị đốt chết và bị giết bởi gươm dáo.

Phụ chú: Trong đây, nếu theo Batchelor, thì chính nạn nhân của dục vọng đã tạo những cảnh huống này cho chính mình, tức là tự đâm, tự đốt v.v... Còn theo các bản dịch khác, có thể hiểu

theo hai nghĩa, hoặc là họ tự làm tổn hại, hoặc là họ bị kẻ khác làm tổn hại.

*(79) Trãi qua khổ tích giữ,
Mới biết cửa là họa;
Tham làm tâm điên đảo,
Đường giải thoát mịt mù!*

[Wallace] Cửa của cải như một sự bất hạnh không cùng, bởi vì những phiền muộn của sự tích tụ, giữ gìn và mất mát chúng. Những kẻ mà tâm quyến luyến tài sản, do vì tâm tưởng tán loạn, (sẽ) không có cơ hội giải thoát từ sự khổ đau của cuộc sống thế gian này.

*(80) Tham dục sinh lầm khổ,
Nhiều hại, ít phước lợi,
Như con thú kéo xe,
Chỉ được vài năm cỏ.*

*(81) Lợi này quá khổ nhọc,
Súc sinh cũng có được;
Người vì lợi bôn ba,
Hoang phí thân quý này!*

Người vì ... thân quý này: Cái sự may mắn tạm thời này (chỉ thân người) rất khó tìm được, đã bị hoang phí bởi kẻ đánh mất mục tiêu (sự giải thoát) của chính mình.

*(82) Dục lạc rồi sẽ mất,
Tham, để đọa địa ngục,*

**Uì chút vui sướng tạm,
Chìm cõi khổ lâu dài!**

[Behold] Tài sản mà chúng ta đã cố gắng một cách vất vả để tích tụ có nghĩa lý gì? Bất luận là mình tích tụ bao nhiêu chạng nữa, cuối cùng rồi chúng cũng sẽ mất. Nếu như chúng ta trở nên quá tham luyến tiền của này, chúng ta chắc chắn sẽ sa đọa vào ba đường khổ. Từ vô thủy đến nay chúng ta đã từng bỏ biết bao nhiêu nỗ lực để tích tập những khoái lạc trong cõi luân hồi, nhưng rốt cuộc những nỗ lực đó đã đem gì đến cho chúng ta? Nếu mà chúng ta bỏ nhiều nỗ lực như vậy trong việc tu tập Chánh Pháp, chắc chắn hiện nay chúng ta đã được giác ngộ (thành Phật)!

**(83) Chỉ cần ít phần khổ,
Cũng đủ thành Phật đạo!
Kẻ dục so Bồ Tát,
Khổ nhiều, không Bồ Đề!**

Chỉ cần ít phần khổ: Chỉ cần một phần trong ngàn vạn phần (sự khổ của kẻ tham dục).

[Diễn Nghĩa] Bồ Tát làm việc lợi ích chúng sinh, chỉ cần trong khoảng thời gian ngắn ngủi, tự nguyện nhẫn thọ chút ít sự khổ đau trong sự lợi sinh, tuy nỗ lực ít oi như thế vẫn có thể chứng được quả Bồ Đề. (Thế nhưng) những kẻ phàm phu tham dục, tuy trong vô lượng kiếp bị nghiệp lực cưỡng bức, nhận chịu vô lượng khổ sở trong những chỗ như địa ngục Vô Gián, v.v... vẫn không có nhân duyên chứng Vô Thượng Bồ Đề. Nói cách khác, ý nghĩa tu chứng Bồ Đề trọng đại mà chỉ thọ khổ chút ít, còn sự truy cầu dục lạc gần như không có ý nghĩa gì, trái lại sự thống khổ quả thực vô cùng.

**(84) Nghi đến khổ địa ngục,
Mới biết các khổ khác:
Độc, lửa, binh, kẻ ác,
Không bằng khổ địa ngục!**

Khi liên tưởng đến sự thống khổ trong địa ngục (cùng các đường ác), ta mới biết rằng không có đao kiếm, hoặc thuốc độc, lửa dữ, vực thẳm, hoặc kẻ thù, có thể so sánh với sự nguy hiểm của sự tham dục.

**(85) Thế nên, nhàm dục lạc,
Uì thích A lan nhã,
Không tranh, không phiền não,
Tịch tĩnh trong núi rừng!**

A lan nhã: tức là nơi tu hành tịch tĩnh.

**(86) Thanh khiết ánh trăng trong,
Mát rượi mùi chiên đàn,
Chiều dài trên mặt đá,
Lòng hân hoan nhẹ nhẹ,
Gió rừng êm, lặng lẽ
Trong tịch mịch thời qua,
Người du già hạnh phúc,
Uít bay lòng lợi tha!**

[Wallace] Những kẻ (Du Già) hạnh phúc, được môn trốn bởi cơn gió rừng nhẹ nhàng và im lặng, bước trên những tảng đá đẹp, rộng rãi như cung điện, mát lịm dưới ánh trăng tựa gối chiên đàn, và suy ngẫm việc lợi ích cho kẻ khác.

(87) Nhà trống, động, gốc cây,
Tùy ý ở đó đây,
Bỏ hết tâm tham luyến,
Bước chân theo trời mây!

(88) Tự tại bước vân du,
Không ràng buộc thân thù,
Uương hầu chưa chắc hưởng,
Biết đủ trong nhàn du!

(89) Nghĩ đến công đức này,
Rời xa những trần duyên,
Dứt hết tâm phân biệt,
Tu quán Bồ Đề tâm.

(90) Trước hết nên quán sát:
Mình, người vốn bình đẳng,
Đồng tránh khổ cầu vui,
Thương người như thương mình!

(91) Tay, chân tuy khác nhau,
Xem như thân, út đồng;
Chúng sinh tuy khác biệt,
Cầu vui cũng giống mình.

[Wallace] Giống như thân thể, tay có nhiều bộ phận như tay, chân v.v..., nhưng phải được bảo vệ như là toàn thể. Cũng thế,

chúng sinh tuy khác biệt, nhưng cùng một bản tính là khổ đau và vui sướng.

[Diễn Nghĩa] Trong việc tu tập tâm Bồ Đề, phẩm này đề ra hai phương pháp: (1) quán mình người bình đẳng, (2) trao đổi mình và người (tự tha hoán). Trước tiên phải nỗ lực tu tập quán mình người bình đẳng. Học Tập Luân nói: "Sau khi tu tập thành thạo pháp quán mình người bình đẳng, có thể sinh tâm Bồ Đề kiên cố". Nếu như trước tiên tu tập và sinh khởi tâm xem mình và người đều bình đẳng, thì tự nhiên tâm trao đổi mình người cũng sẽ sinh khởi một cách dễ dàng ... Nếu tâm bình đẳng không sinh, ắt tâm sân hận không thể trừ diệt; đương nhiên, tâm trao đổi mình người lại càng không thể sinh khởi. Do đó, trước tiên phải tu quán mình người bình đẳng.

(92) Tuy sự khổ mình chịu,
Không tổn thương kẻ khác,
Vì mình chấp có ta,
Sự khổ thành của mình,
Nên không nhẫn chịu được!

(93) Như thế người thọ khổ,
Tuy không hại đến mình,
Vì quán người là ta,
Sự khổ thành của mình,
Nên không nhẫn chịu được!

[Behold] Phản đối: Sự khổ mà tôi nhận chịu không tổn hại đến kẻ khác, và sự khổ của họ cũng không thương tổn đến tôi. Như vậy, chẳng có lý do gì mà tôi phải tìm cách diệt trừ sự khổ cho người khác, giống như tìm cách diệt khổ cho chính mình. Tốt

hơn, tôi nên tìm cách giải quyết vấn đề cho chính mình trước. **Đáp:** Quả đúng là sự khổ đau mà mình kinh nghiệm không tổn hại đến kẻ khác, và ngược lại. Thế nhưng, sự khổ đau của kẻ khác không khác gì sự khổ đau của chính mình. Nếu như thân thể chúng ta bị cắt và chúng ta cảm thấy đau khổ, chỉ là vì chúng ta thương thân này, và không thể nhẫn chịu khi thấy nó bị tổn hại. Nếu như chúng ta thương yêu kẻ khác như thương yêu chính mình, chúng ta sẽ không thể nào nhẫn chịu khi thấy người khác nhận chịu sự thống khổ!

**(94) Nên trừ khổ cho người,
Người khổ như mình khổ,
Nên làm lợi cho người,
Xem người như chính mình!**

[Behold] Nguyên nhân chính nào ngăn chận chúng ta trong việc chấp nhận rằng sự thống khổ của người khác không khác gì với sự thống khổ của mình? Chúng ta nên cùng nhau tra cứu vấn đề này. Như màu xanh và màu vàng thì lúc nào cũng khác nhau. Không thể nào sự nhận thức rõ màu vàng trở thành sự nhận thức rõ màu xanh ... Thế nhưng ta và người không phải như vậy. Chúng ta không phải khác biệt và đặc thù như chúng ta cảm tưởng. Mặc dù vậy, chúng ta cứ ôm chặt cái ta đối với những việc liên quan đến mình, và gán ghép cái họ cho những việc liên quan đến kẻ khác. Bởi vì chúng ta ngoan cố và vội vã trong việc phân biệt mình người, chúng ta phải bị chìm đắm trong biển sinh tử. Vì sao? Bởi vì thái độ phân biệt lầm lẫn của chúng ta, chúng ta cảm thấy ghen tuông, tham luyến và giận dữ v.v... đối với kẻ khác, và tùy thuộc vào tâm vô minh này, chúng ta đã tạo những nghiệp ác nặng nề. Điều này chẳng dẫn chúng ta về đâu, ngoài sự thống khổ và bất mãn.

Nếu chúng ta suy ngẫm rõ ràng, chúng ta sẽ thấy là ta và người không phải giống như màu vàng và màu xanh, mà giống như (hai) quả núi này và quả núi khác. Khi chúng ta ở trên núi phía đông, lúc đó quả núi phía tây sẽ được gọi là quả núi khác. Nhưng khi chúng ta đi qua quả núi phía tây, chúng ta sẽ gọi nó là quả núi này, còn quả núi phía đông mà chúng ta vừa rời khỏi, trước kia được gọi là quả núi này, bây giờ trở thành quả núi khác. Điều này đưa đến vài câu hỏi quan trọng: Quả núi phía đông có phải vừa là quả núi này, vừa là quả núi khác? Nếu đúng là thế, thì điều này cũng đúng với quả núi phía tây. Nếu hai quả núi luôn luôn khác nhau, thì quả nào thực là quả này, quả nào thực là quả khác? Phải chăng đây chỉ là vấn đề quan niệm, và là điều mà chúng ta có thể thay đổi được? Nếu chúng ta quán sát kỹ lưỡng cái ta và người, chúng ta cũng sẽ nhận thấy sự tương tự như thế.

Ta và người lại cũng tương tự như cao và thấp. Thí dụ một đứa trẻ tám tuổi, cũng vừa là cao mà cũng vừa là thấp. So với một thanh niên hai mươi tuổi thì nó gọi là thấp, nhưng nếu so với đứa trẻ ba tuổi thì nó gọi là cao. Do đó, chúng ta không thể nào nói nó là vĩnh viễn thế này hay thế nọ. Cao và thấp không phải luôn luôn là hiện tượng khác nhau như màu vàng và màu xanh. Tương tự, ta và người cũng không phải luôn luôn khác nhau như màu vàng và màu xanh. Quả là một sự lầm lẫn nếu chúng ta bám víu vào quan niệm lầm lạc rằng hai bên (ta và người) là khác.

Nếu chúng ta suy ngẫm về thí dụ này cùng những lý luận tương tự, và hơn nữa nếu chúng ta quán sát những lỗi lầm của thái độ ích kỷ cùng những công đức của lòng lợi tha, hy vọng chúng ta sẽ nỗ lực tu tập pháp quán mình và người bình đẳng, hơn nữa sẽ có thể thành tựu trong pháp quán trao đổi mình và người. Nếu chúng ta không chuẩn bị tâm lý của mình như thế, chúng ta sẽ gặp khó khăn trong việc tu tập, và tệ hơn nữa sẽ không có hy vọng thành công.

Vì khả năng phát triển tâm Bồ Đề quý báu này tùy thuộc vào nhận thức sự bình đẳng của những sự vật mà chúng ta trước kia đã có thói quen cho là khác biệt. Bởi vậy, chúng ta nên nỗ lực trong việc tu tập pháp quán (bình đẳng) này!

**(95) Hai bên, mình và người,
Câu vui đều như nhau,
Mình, người nào khác biệt,
Sao chỉ câu mình vui?**

**(96) Hai bên, mình và người,
Ghét khổ đều như nhau,
Mình, người nào khác biệt,
Sao chỉ lo lắng mình?**

**(97) Nếu nói, khổ của người,
Không tổn hại đến mình,
Thế nên mình không lo,
Nếu thế, khổ tương lai,
Không tổn hại hiện tại,
Cớ sao mình lại lo?**

[Behold] **Phản đối:** Tôi đã nói rồi. Chẳng có lý do gì mà tôi phải lo lắng cho sự khổ của người khác. Nó chẳng tổn hại gì đến tôi. **Đáp:** Thế sao bạn lại nỗ lực trừ diệt sự khổ của già bệnh sẽ đến trong tương lai, hoặc hơn nữa, lo trừ diệt những việc phiền muộn (discomfort) của ngày mai hoặc ngày mốt? Khi mà những sự khổ đau trong tương lai chẳng tổn hại đến chúng ta trong hiện tại?

(98) Nghĩ mình sẽ thọ khổ,

**Đây là nghĩ sai lầm!
Kẻ chết là thân này,
Người sinh là thân khác.**

[Crosby] Bài kệ này đề cập đến thuyết luân hồi mà tất cả các tông phái trong Phật giáo đều công nhận. Tuy rằng có sự đầu thai, nhưng không có một linh hồn hay một cái ngã thường hằng bất biến. Do đó, người chết đi trong đời này không phải là một với kẻ được sinh ra trong đời sau. Ở đây có sự khó khăn trong việc hòa giải thuyết luân hồi và thuyết vô ngã, và đã trở thành một đề tài giáo lý cho các tông phái trong Phật giáo (tương tự như trong Thiên chủ giáo, vấn đề của một vị Thượng đế toàn thiện, mà lại sáng tạo ra việc ác). Các tông phái đã đưa ra các giải đáp khác nhau. Một thí dụ sớm nhất cho vấn đề này là một ngọn lửa thấp sáng một ngọn lửa khác. Hai bên tuy không phải là một, nhưng lại là một phần của sự liên tục. Trong kệ (97)-(98), vấn đề được đặt ra: Tại sao phải làm điều thiện để bảo đảm việc sinh vào cõi lành, khi mà đời sống ở cõi đó, không phải là kẻ làm việc thiện trong hiện tại được hưởng thụ?

Phụ chú: Nói nôm na, nếu kẻ làm lành đời này và kẻ hưởng phước đời sau là hai kẻ khác nhau, tại sao mình phải làm để người khác hưởng?

**(99) Cho rằng thân mình khổ,
Thế nên tư phòng hộ,
Chân khổ khác tay khổ,
Sao tay che chở chân?**

**(100) Lo mình không lo người,
Chấp ngã nên như vậy!**

**Đây là điều phi lý,
Thế nên quyết đoạn trừ!**

[Behold] **Phản đối:** Tôi đã nhấn mạnh là sự diệt trừ khổ đau của kẻ khác là không thích đáng, vì tôi không có liên hệ gì với họ. Điều này không đúng cho thí dụ vừa mới đưa ra (kệ 99). Diệt trừ khổ não cho bản thân hoặc cho đời sống vị lai của mình là điều thích đáng, bởi vì chúng ta chấp trước vào cái thân của tôi đau hoặc đời sau của tôi đau khổ. **Đáp:** Chấp trước vào sự hiện hữu độc lập của cái ngã của mình và cái ngã của người khác là một điều cực kỳ phi lý. Điều quan trọng là phải chấm dứt ngay về cái gọi là cái ngã độc lập này. Bởi nó là nguyên nhân chính làm cho chúng ta oằn oại trong vũng lầy sinh tử từ vô thủy đến nay!

**(101) Tâm là sự tương tục,
Như hạt trong xôi chuối,
Thân là sự tích tụ,
Như lính trong đội quân,
Ước không người thọ khổ,
Ai là kẻ trừ khổ?**

[Behold] **Phản đối:** Lý do mà tôi nói là sự khổ của bản thân phải được trừ diệt bởi bản thân, và sự khổ đau trong tương lai phải được trừ diệt trong hiện tại, bởi vì chúng cùng là một tổ hợp và liên tục. Điều này không đúng cho ta và người khác. **Đáp:** Chẳng có cái gì gọi là tổ hợp độc lập của ta và người như bạn suy diễn. Một tổ hợp bao hàm nhiều bộ phận mà trên đó chúng ta gán ghép một nhãn hiệu gọi là tổ hợp. Thí dụ, như xôi chuối là tổ hợp của một trăm lẻ tám hạt chuối. Tương tự, sự tụ hợp của nhiều người lính với nhau thì được gọi là quân đội. Thông thường, chúng ta bám víu mạnh mẽ vào cái gọi là ngã riêng biệt của mỗi vật, và gọi tên như “chuối của ta”, mà thực sự không có một xôi chuối

nào hiện hữu một cách độc lập hết cả. Cái gọi là chuối, thực sự chỉ là một nhãn hiệu tâm lý (mental label) mà ta gán ghép trên những bộ phận của nó. Nếu chúng ta quán sát kỹ lưỡng các bộ phận rời rạc này, và đi tìm cái gọi là chuối, điều này không thể có được. Tương tự, cái gọi là quân đội, không phải là một vật hiện hữu độc lập, dù chúng ta có làm đủ mọi cách tìm nó trong những người lính.

**(102) Đã không người thọ khổ,
Các khổ không khác biệt,
Phải trừ diệt sự khổ,
Cần gì phải phân biệt!**

Nếu đã không còn sự khác biệt giữa ta và người, thì không còn cái gọi là khổ của ta và khổ của người. Mục đích của chúng ta là phải trừ diệt sự khổ, mà không còn phải phân biệt ta và người nữa.

**(103) Không nên tranh luận rằng:
Cần gì đoạn khổ người?
Muốn trừ phải trừ hết,
Nếu không đều không trừ!**

Muốn trừ ... không trừ: Nếu muốn trừ khổ, phải trừ tất cả khổ cho cả mình và người. Còn nếu không trừ khổ cho người, thì cũng không nên trừ khổ cho chính mình. Vì sao? Vì mình và người không còn sai biệt!

**(104) [Phản đối] Tâm Bi đem đến khổ,
Tại sao cưỡng bức sinh?
[Đáp] Nếu thương chúng sinh khổ,
Khổ mình làm sao tăng?**

[Crosby] **Bạn có thể lý luận rằng:** Tâm từ (bi) đem đến cho chúng ta bao nhiêu thống khổ, tại sao lại cưỡng bức nó sinh khởi? **Trả lời:** Nếu mà mình thấy được chúng sinh thọ biết bao nhiêu là thống khổ, thì tâm từ bi đem đến cho mình sự thống khổ này có gì gọi là lớn lao?

**(105) Khổ mình nếu trừ được
Khổ của nhiều người khác,
Vì lợi lạc mình, người,
Người lành vui nhận khổ!**

**(106) Bồ Tát Diệu Hoa Nguyệt,
Tuy biết vua muốn hại,
Nhưng vì lợi tự, tha,
Không tiếc thân mệnh mình!**

[Crosby] Câu chuyện của Diệu Hoa Nguyệt (Phạn: Supaspacandra) được kể trong phẩm thứ ba mươi lăm của kinh Tam Muôi Vương (Phạn: Samadhiraja Sutra). Trong truyện, có một vị thánh tăng tên là Diệu Hoa Nguyệt, không nghe lời cảnh cáo của các vị đồng tu, du hành đến một xứ còn dã man. Ngài đi đến kinh đô xứ này và bắt đầu giảng Phật Pháp. Ngài đã thu hút được sự chú ý của mọi người, trong đó có hàng ngàn người con của nhà vua, các vị đại thần, cùng vợ con của họ. Tất cả đều cải đạo vào Phật Pháp. Nhà vua, tên Suradatta, ghen tị với dung nhan tuấn tú của ngài, và cảm thấy ghen tuông đến cực độ, khi thấy các cung phi của mình đã bị thu hút bởi Diệu Hoa Nguyệt và cứ một mực ca ngợi ngài. Nhà vua ra lệnh cho các người con của ông hạ sát Diệu Hoa Nguyệt, nhưng họ đã từ chối và khuyên nhà vua nên chấm dứt những dự định tàn nhẫn này. Tuy vậy, nhà vua cuối cùng cũng tìm được một gã sát nhân hung dữ nguyện ý làm công việc

tàn ác đó, bằng cách bầm thân ngài Diệu Hoa Nguyệt thành từng mảnh vụn trước mặt đại chúng. Nhà vua giả vờ như không có việc gì xảy ra, và tiếp tục làm những công tác thường nhật của mình. Cho đến tuần lễ sau, nhà vua có dịp đi ngang qua chỗ mà thân thể nát vụn của Diệu Hoa Nguyệt còn vương vãi trên mặt đất, thì thấy rằng những mảnh thịt đó, không những không đổi màu, mà lại còn đỏ thắm và tươi rói. Lúc ấy, cõi lòng nhà vua tràn ngập sự hối hận, vì ông nhận thấy rằng mình đã tàn hại một vị thánh nhân. Nhà vua lăn lộn khóc lóc, sám hối tội ác của mình, cùng kêu gào sợ hãi ác báo địa ngục mà mình sẽ nhận chịu. Trong khi nhà vua khóc than kể lể như thế, trên không trung các vị thiên thần ca vang những lời tán tụng công đức của Diệu Hoa Nguyệt. Điều may mắn là sau đó nhà vua đã đến trước Tăng đoàn phát lồ sám hối tội lỗi của mình, và phát tâm qui y Tam Bảo. Vị vua này, trải qua vô lượng kiếp, dần dần trong đời sau đã thành Phật, tức là đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni.

**(107) Như vậy, tu tâm mình,
Vui diệt khổ cho người,
Địa ngục cũng tìm đến,
Như vọt vào ao sen!**

[Crosby] Giống như Bồ Tát Địa Tạng, những bậc mà mục tiêu độc nhất là diệt trừ sự khổ cho chúng sinh, nguyện ý vào trong những địa ngục dữ dội nhất (như A Tỳ chẳng hạn), một cách vui vẻ, như là thiên nga vùng vẫy trong hồ sen mát mẻ. Ngăn chặn sự khổ đau là điều quan trọng của các ngài, cho đến những sự khổ dữ dội nhất trong vũ trụ cũng không làm cho các ngài chùn bước. Bồ Tát Quan Thế Âm cũng đã được mô tả là đã vào địa ngục A Tỳ để cứu độ chúng sinh (Phẩm thứ hai, Kinh Ca Lăng Tần Già Trang Nghiêm, Phạn: Karandavyuha Sutra).

(108) Thấy hữu tình giải thoát,

**Tâm vui như biển lớn!
Vui này há không đủ,
Tại sao chỉ độ mình?**

[Crosby] Những kẻ mà lòng vui sướng rạt rào như biển lớn khi nhìn thấy chúng sinh được giải thoát, đích thực là những kẻ thành tựu sự mãn nguyện. Đối họ, sự giải thoát vô vị có nghĩa lý gì?

Phụ chú: Sự giải thoát vô vị tức là sự giải thoát cho chính mình mà không nghĩ đến chúng sinh, như các hành giả Tiểu thừa chẳng hạn.

**(109) Tuy làm việc lợi người,
Cũng không nên kiêu ngạo!
Chuyên tâm làm lợi người,
Không mong cầu thiện báo!**

**(110) Việc ác tuy nhỏ nhất,
Cũng nên tự giữ gìn,
Như vậy thấy người khổ,
Tu tập từ bi tâm!**

[Wallace] Như thế, giống như tâm trạng mình, tự gìn giữ khi bị khinh miệt, chúng ta sẽ sinh khởi tâm bảo hộ và tâm từ bi đối với chúng sinh.

[Behold] Mình và người đều hy vọng không thọ khổ, đây là tâm lý chung của tất cả. Bởi vậy mình nên tu tập quán mình người bình đẳng. Phải làm cách nào? Thí như có người hơi nói nặng mình một chút, tuy lời nói chẳng đáng gì, nhưng cũng đem đến chúng ta nhiều sự thống khổ. Lúc đó tâm chúng ta tự động tìm

mọi cách giải trừ, hầu mong thoát khỏi sự tổn hại này. Cũng vậy, đối với những sự khổ nạn có thể đem đến sự tổn hại đến chúng sinh, dù là lớn lao hay nhỏ nhất, chúng ta phải tìm cách phòng hộ, làm cho họ tránh thoát sự thương tổn. Giả như mình không đủ sức thực hiện, ít nhất cũng phải tu tập tăng trưởng tâm bình đẳng, bồi dưỡng tâm từ bi. Niệm niệm nghĩ đến sự thương xót và cứu độ chúng sinh.

**(111) Tuy tinh cha, huyết mẹ,
Ưốn không phải thân mình,
Vì tập khí nên chấp,
Nhận tinh huyết là mình.**

**(112) Như vậy đổi thân người,
Sao không xem là mình?
Thân mình đổi thân người,
Như thế cũng không khó!**

[Behold] **Phản đối:** Tôi không thể làm cho cái tâm đã bám chặt vào cái Ta, đồng nhất chính nó với thân của người khác. Làm sao tôi có thể nghĩ rằng cặp mắt người khác là của mình? Làm sao tôi có thể thấy rằng sự thống khổ của kẻ khác là sự thống khổ của mình? Làm sao tôi có thể tìm cầu hạnh phúc cho người khác như tìm cầu hạnh phúc cho chính mình? Điều này tuyệt đối không thể được. **Đáp:** Đây không phải là lỗi của chúng ta khi chúng ta nghĩ như vậy. Chúng chỉ là lời của kẻ chưa có kinh nghiệm. Hiện tại chúng ta quá quen thuộc với sự chấp ngã, và kinh nghiệm của chúng ta chỉ dựa vào sự chấp trước này. Bởi vì tập khí trong quá khứ mà chúng ta bám vào tinh cha, huyết mẹ, từ đó sinh ra xương thịt của chúng ta, mà nhận đó là cái ngã của chính mình. Nếu chúng ta tập luyện thành thạo, thì sẽ không còn vấn đề trong việc đồng nhất mình và người.

Thực sự, thân này của ta là thuộc về kẻ khác. Như đã giải thích trong phẩm thứ tư: "Thân này như vật mượn", giống như chúng ta mượn từ kẻ khác. Thogme Zangpo, trong quyển Ba Mười Bảy Pháp Thực Hành Của Bồ Tát đã cho rằng thân này như một quán trọ, mà tâm thức chúng ta chỉ là kẻ lữ hành tạm trú trong đó một thời gian. Khi mà ông chủ Tử Thân đến, chúng ta sẽ phải dọn ra khỏi lữ quán (thân này) và ra đi một mình. Nếu quả thực thân này là của chúng ta (như chúng ta cảm tưởng), thì chúng ta đã có thể đem nó đi theo khi chúng ta chết!

**(113) Thân mình, lỗi lầm nhiều,
Thân người, công đức to,
Biết rồi, nên tu tập,
Thương người, bỏ chấp ta!**

[Crosby] Chúng ta nên nhận thức rằng chúng ta có nhiều lỗi lầm, còn công đức của người khác thì bao la như biển lớn. Kế đó quán tưởng về sự buông xả cái ngã của mình và chấp nhận (cái ngã của) người khác (là mình).

**(114) Mọi người đều công nhận,
Tay chân là bộ phận;
Hữu tình là cái ta,
Tại sao không công nhận?**

[Dịch Chú] Hữu tình là một bộ phận của chúng sinh giới, nghĩa là tất cả chúng sinh đồng nhất trên phương diện bản thể, không thể chia cắt. Mỗi chúng sinh, đối với toàn thể, tuy nhỏ bé như một giọt nước trong biển lớn, nhưng nếu thiếu đi một giọt nước đó, biển sẽ không còn là biển trong dáng dấp nguyên thủy của

nó nữa. Cũng vậy, nếu thiếu đi một chúng sinh, thì cái Toàn Thể [chúng sinh đó], không còn là Một, trong dạng nguyên sơ của nó.

**(115) Do tập khí nên nhận,
Tám thân này là ta,
Tại sao đối thân người,
Lại cho là xa lạ?**

[Batchelor] Do tập khí (thói quen), đối với cái thân vô ngã này, ý niệm về cái ta được sinh khởi; tương tự như vậy, tại sao nó (cái ý niệm ta đó) không sinh khởi đối với chúng sinh khác?

**(116) Vì thế làm lợi người,
Cũng không sinh kiêu ngạo!
Mục tự cho mình ăn,
Chưa từng cầu thiện báo.**

**(117) Người hại mình việc nhỏ,
Đã lo tự phòng hộ,
Cũng thế, đối người khổ,
Vên khởi lòng cứu độ!**

**(118) Bồ Tát Quán Thế Âm,
Tuôn trào lòng Đại Bi,
Gia trì danh hiệu mình,
Diệt chúng sinh sợ hãi.**

[Wallace] Vì thế, vị Bảo Hộ Quán thế Âm gia trì danh hiệu ngài, để trừ diệt sự sợ hãi của kẻ đứng trước công chúng.

**(119) Thấy khó không lùi bước,
 Mọi việc đều do quen;
 Như xưa, chỉ nghe tên,
 Lòng đã sinh sợ hãi,
 Do nhân duyên gần gũi,
 Câu dằn thấy quyến luyến,
 Nay nếu phải xa nhau,
 Lòng cảm thấy muộn phiền.**

[Diễn Nghĩa] **Hỏi:** Như ngài đã nói, coi người như mình, chắc chắn lợi ích sẽ vô cùng. Nhưng tâm thái như vậy quả thực là quá sùng cao, tôi không thể nào thực hiện được. **Đáp:** Không nên mặc cảm tự ti. Muốn tu tập tâm bình đẳng này, quả là một sự khó khăn. Tuy vậy, không nên vì thế mà khiếp sợ thụt lùi. Chỉ cần kiên trì ý chí tu tập, làm chủ tâm mình, từ từ cải đổi, tự nhiên đến một lúc nào đó sẽ thành tựu. Cũng giống như lúc xưa chúng ta có một kẻ thù, mà mỗi khi nghe đến tên họ, chúng ta liền cảm thấy khiếp sợ hay giận dữ. Nhưng vì một nhân duyên nào đó, ta phải miễn cưỡng gần gũi với họ. Trải qua một đoạn thời gian, hai bên càng lúc càng hiểu rõ nhau hơn, sự quan hệ từ từ phát sinh tình cảm. Lúc đó, mỗi khi xa vắng họ, chúng ta nhiều khi lại cảm thấy cõi lòng tràn ngập niềm nhung nhớ.

**(120) Nếu muốn được mau chóng,
 Cứu hộ mình và người,
 Nên tu "tự tha hoán",
 Bí quyết rất tuyệt vời!**

[Behold] Nếu những kẻ biết khó nhưng không lùi bước, tu tập đến khi trình độ có thể sinh khởi tâm mình người mình bằng, có thể thành tựu sự tự lợi, lợi tha một cách nhanh chóng. Pháp tu

này là yếu nghĩa cứu cánh của Đại thừa, là khẩu quyết thâm sâu nhất. Đây không phải là pháp mà những kẻ phạm tục, đặc biệt là những kẻ có căn tính Tiểu thừa, có thể tin hiểu được. Vì không muốn những hành giả Tiểu thừa nghe đến pháp môn này, sinh tâm bất tín và lo sợ. Hoặc tệ hơn nữa, lại còn phỉ báng. Do đó, phải coi pháp này như một bí quyết rất thù thắng, chỉ để mình bí mật tu tập, mà không thể tùy tiện truyền thọ cho người khác.

Phụ chú: Ý muốn nói, pháp môn tu tập này rất là thù thắng, chỉ nên tìm kẻ có căn cơ thích hợp để truyền dạy, chứ không có nghĩa là chỉ để riêng mình tu tập mà không truyền dạy cho người khác.

**(121) Vì tham luyến thân mình,
 Việc nhỏ cũng sợ hãi;
 Ai chẳng ghét thân này,
 Như kẻ thù tai hại!**

Từ kệ (121) đến kệ (124) là nói đến diệt trừ sự ái chấp của chính mình.

[Diễn Nghĩa] Nếu như không tu phép hoán tự tha, hành giả sẽ tham trước thân thể. Vì tham trước thân mình nên phạm phùng lo lắng, sợ nó bị thương tổn. Do đó, chỉ cần gặp một ít hoàn cảnh khó khăn hoặc hiểm nạn không đáng kể, cũng đủ làm cho kinh hồn mất vía. Không những chỉ có vậy, mà vì muốn chăm sóc, giữ gìn thân thể, chúng ta lại còn tạo nhiều ác nghiệp, do đây mà thọ nhận những quả báo rất khốc liệt. Nếu đã biết thế, không luận trường hợp nào, phải quyết tâm đoạn trừ sự ái chấp thân mình, tu tập pháp trao đổi mình người.

**(122) Ngàn kẻ muốn trị lành:
 Đói, khát, thân bệnh tật;**

**Bền giết: thú, cá, chim,
Hoặc làm chuyện cướp giết.**

**(123) Hoặc vì câu lợi, kình,
Đến nỗi giết mẹ cha,
Trộm cắp vật Tam Bảo,
Do đây đọa Vô gián!**

**(124) Ai là người có trí,
Lại chăm sóc thân này?
Ai không coi như thù!
Ai chẳng khinh miệt nó!**

[Crosby] Người nào có trí tuệ mà lại muốn cái ngã (cái thân) như vậy, săn sóc nó, thờ phụng nó, mà không coi nó như kẻ thù? Ai mà có thể kính trọng nó?

**(125) “Nếu cho, mình còn gì?”
Tự lợi, đọa nga quỉ!
“Mình hưởng, còn gì cho?”
Lợi tha, sinh trời người!**

[Wallace] Nếu có kẻ chỉ lo cho mình mà nghĩ như sau: “Nếu mình cho, thì còn gì mà hưởng?” Đây là cảnh giới của loài nga quỉ. Nếu họ chỉ lo lắng cho kẻ khác mà nghĩ rằng: “Nếu mình hưởng thụ, thì còn gì để cho kẻ khác?” Đây là cảnh giới của cõi trời.

[Diễn Nghĩa] Bài kệ này (125) đến kệ (128), phân biệt bốn trường hợp của sự lợi, hại, được, mất: (1) tự hưởng thụ, hoặc

bố thí cho người; (2) hại chính mình hoặc hại người; (3) tự tìm địa vị cao cho mình, hoặc tiến cử kẻ khác; (4) tự mình cực nhọc làm lợi cho người, hoặc sai sử người khác làm lợi cho mình.

**(126) Vì mình mà hại người,
Sẽ thọ khổ địa ngục;
Tổn mình làm lợi người,
Tất cả đều thành tựu.**

[Dịch chú] Nếu như tổn hại tính mệnh, tài sản người khác, chắc chắn phải đọa ác đạo chịu thống khổ; nếu như vì người khác mà hy sinh tính mệnh, tài sản của mình, như vậy, tất cả phước báo trí tuệ, cùng những sự nghiệp lợi sinh của mình đều sẽ thành tựu viên mãn.

**(127) Muốn cầu quyền thế cao:
Ti tiện, đọa ác đạo;
Khinh mình, tiến cử người:
Được kính, sinh thiên báo!**

[Batchelor] Vì mong được hơn kẻ khác, chúng ta sẽ đọa vào ác đạo, xấu xí và ngu si. Nhưng nếu thái độ này chuyển qua kẻ khác (nghĩa là mong cho người khác hơn mình), chúng ta sẽ được sinh vào cõi lành hưởng sự cung kính.

**(128) Sai người phục vụ mình,
Sau bị làm nô bộc;
Nhọc mình làm lợi người,
Sau thành bậc vương hầu!**

(129) Tất cả vui trên đời,

**Đều do lợi người sanh!
Tất cả khổ trên đời,
Đều do tự lợi thành!**

**(130) Đâu cần phải dài lời,
Phàm ngu cầu tự lợi,
Mâu Ni chỉ lợi tha,
Khác biệt xa với vợi!**

[Wallace] Cần gì nói nhiều! Hãy nhìn vào sự khác biệt giữa kẻ ngu si chỉ lo lợi mình, và các vị Thánh (Muni), bậc chỉ lo lợi ích cho kẻ khác.

**(131) Nếu không chân thực đem,
Vui mình thay khổ người,
Không những không thành Phật,
Sinh tử cũng không vui.**

Sinh tử cũng không vui: ở trong vòng luân hồi, thường bị đọa tam ác đạo, khi sinh làm người lại bị tàn tật, ti tiện, chẳng hạn.

**(132) Không cần luận đời sau,
Đời này sẽ thế nào,
Nếu tớ không làm việc,
Chỉ không trả thù lao?**

[Behold] Nếu chúng ta không chịu diệt trừ thái độ ích kỷ, chúng ta sẽ nhận chịu những khổ báo đời sau. Không những thế, ngay trong đời này chúng ta cũng sẽ gặp nhiều sự bất mãn. Thí như một kẻ đầy tớ không quan tâm đến hạnh phúc của chủ mình,

không chịu phục vụ, và nếu người chủ cũng chẳng quan tâm đến hạnh phúc của tôi tớ, không chịu trả tiền lương. Nếu thế cả hai, bên nào cũng chẳng được những điều mà họ muốn từ bên kia.

**(133) Lợi người, sẽ được vui,
Nếu không, sẽ mất vui;
Hại người làm họ khổ,
Kẻ ngu tự chôn vùi.**

Kẻ ngu tự chôn vùi: Kẻ ngu nhất định sẽ nhận chịu những tai nạn dữ dội.

**(134) Những thế gian tai hại,
Khổ não và sợ hãi,
Đều do ngã chấp sinh;
Sao vẫn còn tham ái?**

**(135) Chưa quét sạch ngã chấp,
Ắt không thể trừ khổ!
Như lửa chưa dập tắt,
Sẽ dễ bị đốt bỏng.**

**(136) Nếu muốn: không tự hại,
Và diệt khổ cho người,
Quên mình giúp kẻ khác,
Thương người như thương mình!**

**(137) Nay tâm! Mi nên biết:
Ta đã thuộc người khác,**

**Mi phải rải lòng thương,
Đừng nên nghĩ tự lợi!**

[Behold] Một khi chúng ta đã trao đổi mình với người khác, chúng ta nên tập quen dòng tư tưởng như sau: "Hiện giờ mình đã hoàn toàn thuộc về kẻ khác, mình không còn có sự lựa chọn những công việc lợi ích cho chính mình". Chúng ta phải quyết chắc là tâm ý của chúng ta hiểu rõ điều này. Từ bây giờ, chúng ta phải làm sao cho cái tâm này luôn luôn chỉ biết làm chuyện lợi ích cho chúng sinh. Thái độ mới này phải được thấm nhập vào tất cả các ý tưởng và hành động của chúng ta.

**(138) Chớ dùng thân kẻ khác,
ĐỂ làm lợi cho mình,
Cũng không nên đem chúng,
Làm ác, hại chúng sinh.**

Thân kẻ khác: Ở đây chữ thân, ý nghĩa bao gồm cả sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

**(139) Nên cung kính hữu tình,
Vật gì là của mình,
Có được, đem ra kết,
Làm lợi ích chúng sinh!**

**(140) Đem mình đổi chỗ người,
Tùy bậc: thấp, bằng, cao,
Kẻ đó quán tất đố,
Cạnh tranh và kiêu ngạo.**

[Dịch Chú] Trước tiên, quán tưởng tùy địa vị, ba đối tượng thấp hơn, bằng với và cao hơn mình. Kế đó đem ba đối tượng này trao đổi vị trí với mình (nghĩa là tưởng mình là họ, họ là mình). Sau đó đem địa vị sau khi trao đổi này, không chút do dự, đổi với thân mình (trước khi đổi địa vị, nghĩa là cái ngã cũ của mình hiện nay là kẻ khác, đối tượng cho sự quán tưởng của mình hiện giờ), dẫn sinh sự ganh ghét, cạnh tranh, và kiêu ngạo. Mượn đây làm phương tiện để hiểu rõ tâm tật đố, cạnh tranh và kiêu mạn của chính mình để tìm cách đối trị. Tiến thêm bước nữa, thông cảm với sự ghen ghét, cạnh tranh và kiêu mạn của kẻ khác mà tha thứ cho họ.

[Bachelor] Từ kệ (141) đến kệ (154) là thực tập pháp trao đổi mình và người. Vai trò của mình và người (họ) được trao đổi nhau. Do đó, ở đây “mình” phải được hiểu là người khác, và “họ” phải được hiểu là chính mình. Từ kệ (141)-(146) là quán sự tật đố, kệ (147)-(150) là quán sự tranh thắng, kệ (151)-(154) là quán sự ngã mạn.

**(141) Họ được kính, mình không;
Mình của ít, họ giàu;
Họ được khen, mình chẳng;
Họ vui, mình khổ đau.**

[Flash] Trước tiên, chúng ta phải quán sát những phẩm hạnh mà mình hơn kẻ khác. Đồng nhất mình (cái ta mới) với những chúng sinh thấp hơn mình, mình thấy mình hiện giờ ghen tị với phẩm hạnh của cái ta ngã mạn xưa. Họ kêu gào: Thật là bất công, hấn được kính trọng còn mình thì không!

**(142) Mình làm việc nhọc nhàn,
Họ ngày ngày nhàn nhẽ;**

**Họ, mọi người xưng dương,
Mình, tiếng tăm tàn tạ.**

[Flash] Nếu chúng ta cảm thấy rằng sự so sánh này rất xấu hổ, chúng ta không nên thất vọng vì mình thiếu những đức hạnh cao đẹp. Chúng ta nên nhớ rằng tất cả hữu tình đều có khả năng cho sự giác ngộ, và chúng ta sẽ thành Phật nếu chúng ta nỗ lực tinh tiến. Bởi thế không có lý do gì phải tuyệt vọng cả.

**(143) (Mình) Bất tài phải làm sao?
(Họ) Tài học dù thế nào,
Họ vẫn thua một số,
So lại, mình vẫn cao.**

[Dịch Chú] Nếu như mình chẳng có tài cán gì hết, mình phải làm sao đây? Sự thực, mình và người khác đều có sở học. Tuy có thể họ hơn mình, nhưng vẫn có nhiều người khác hơn họ. Còn mình tuy vậy vẫn hơn một số người. Đâu đến nỗi phải tuyệt vọng!

[Flash] Điều lỗi không phải ở chỗ chúng ta thua kém kẻ khác, mà ở tâm thái bi quan (negative emotion). Những quan niệm hơn và thua chỉ có giá trị tương đối. Chúng ta bảo cái ta cũ của mình: Bạn hơn tôi chỉ vì tôi thua kém. Nếu bạn muốn lúc nào cùng hơn tôi, bạn phải nhẫn nại với tôi khi tôi đang truy cầu sự giác ngộ. Phẩm hạnh của bạn có gì là hay nếu nó không ích gì cho tôi? Bằng phương pháp này, khi chúng ta thấy được phẩm hạnh của mình cao hơn người khác, chúng ta nên trao đổi địa vị mình và người, và dùng phương tiện này diệt trừ tâm lý kiêu mạn.

**(144) Giới hạnh, kiến giải mình,
Thụt lùi bởi vô mình,
Xin xót thương cứu hộ,**

Tuy khổ nên nguyện tình!

[Behold] Quả thực là giới hạnh và kiến giải của tôi trở nên sút kém, nhưng đây không phải do lỗi của chính tôi. Tôi không được tự chủ trong vấn đề này. Đó là lực lượng của vô minh làm cho tôi thụt lùi. Vị ấy nếu có thực tâm từ bi, nên tận lực giúp đỡ tôi. Dù có gặp nhiều khốn khổ, vị ấy cũng nên vui lòng mà nhận chịu.

[Batchelor] Sau khi trau dồi những ý tưởng đó, chúng ta thử quán xét vị Bồ Tát ở địa vị cao này (tức là cái ngã cũ của mình) có xứng đáng với phẩm hạnh của họ hay không?

**(145) Nhưng họ không giúp mình,
Trái lại còn miệt khinh,
Họ tuy có công đức,
Nào có ích gì mình?**

**(146) Không thương xót chúng sinh,
Cửa ác đạo gặp ghình,
Lại còn khoe công đức,
Muốn hơn người hiền mình.**

[Dịch Chú] Họ đối với những chúng sinh ngu si, vô phước, đang bị hãm trong cửa ác đạo, thấy như không thấy, hoàn toàn không có chút từ bi. Trái lại họ lại chuyên tâm nhất ý khoe khoang tài học của họ. Ý muốn cho là họ cao siêu hơn những kẻ có học vấn khác.

**(147) Vì muốn thắng được kẻ,
Lợi có thể bằng mình,
Dù tranh cũng mong được,**

Tài lợi và cung kính.

[Behold] Bây giờ chúng ta đổi chỗ với kẻ có địa vị, khả năng, hoặc trí tuệ ngang hàng với mình. Đồng nhất mình với họ, đem cái ta gắn vào kẻ đó, và quay lại quán xét cái ngã của mình, với tâm trạng cạnh tranh như sau: Để cho mình vượt hơn kẻ ngang hàng với mình, mình sẽ tìm đủ mọi cách để đoạt được tài lợi và cung kính cho riêng mình, dù phải tranh giành cũng được.

Phụ Chú: Từ bài kệ này (147) đến kệ (150) là quán sát tâm hơn thua đối với kẻ bằng mình.

**(148) Tự khen công đức mình,
Làm nổi tiếng thế gian,
Che không cho người biết,
Đức của kẻ đồng hàng.**

[Dịch Chú] Một mặt, mình sẽ tuyên dương công đức của mình, làm cho tiếng tăm của mình truyền khắp mọi nơi; một mặt, mình sẽ che đậy không cho người khác biết được ưu điểm cùng công đức của họ.

**(149) Che lỗi, để được cúng,
Còn họ thì không được;
Được danh lợi, cung kính,
Còn họ thì không được**

[Dịch Chú] Lại che đậy lỗi lầm của mình, làm cho mình được mọi người cúng dường, nhưng làm cho họ không được phần nào hết. Lại làm cho mình từ đây về sau, được danh vị, tài lợi, được mọi người cung kính, nhưng không cho họ được phần nào hết.

**(150) Lại mong cho họ bị
Long đong, nhiều hoạn nạn,
Bị kẻ khác cười chê,
Xúm nhau mà trách mắng.**

**(151) Nghe nói tên quyền đó,
Muốn cùng mình cạnh tranh.
Tài nghệ và học thức,
Đồng đôi há bằng mình?**

[Dịch Chú] Cuối cùng chúng ta đồng nhất mình với kẻ hơn mình, và nhìn xuống quán sát cái ngã cũ của mình như sau: Nghe nói cái tên không biết trời cao đất dày này muốn cùng mình hơn thua cao thấp. Có thực là kiến thức, tài nghệ, dung nhan, dòng dõi, và sự giàu có của hắn bằng mình hay không?

Phụ Chú: Bài kệ (151) đến (154), đối kẻ cao hơn mình, quán sát kiêu mạn.

**(152) Khi nghe người cùng nhau,
Ca tụng công đức mình,
Lòng đê mê, khoái lạc,
Như lên trời trường sinh.**

[Dịch Chú] Mình phải tìm cơ hội cho hắn bội phục sự vĩ đại của mình. Phải làm cho hắn thấy mọi người cùng nhau ca tụng công đức mình. Lúc đó mình sẽ cảm thấy đê mê, như ngây như dại. Tâm hồn như bay vút cao trên đỉnh trời khoái lạc.

(153) Dù kén có tài vật,

*Mình tìm cách thoát kết;
Nếu làm công cho mình,
Chỉ trả lương đủ sống.*

*(154) Làm hẳn thiếu an lạc,
Thường thường gặp họa hại;
Trong sinh tử, ngã chấp
Bao lần hãm hại mình.*

[Diễn Nghĩa] Trong hai câu dưới của bài kệ, chữ ngã chấp, nguyên văn là chữ *đây* (kẻ này, cái này), do đó quyển Diệu Bình giải thích như sau: "Tại sao bạn lại sân hận Bồ Tát đó, và lại ngược đãi hẳn như vậy? Bởi vì hẳn trong quá khứ đã từng trăm nghìn lần đốt, đâm, chém, giết mình. Làm cho mình thống khổ muôn vàn. Bất quá, cũng có bản chú giải đem hai câu này phối hợp với phần dưới giải thích". Bản chú giải mà Diệu Bình đề cập là quyển Phật Tử Chánh Đạo, cùng quyển Diệu Giải Đại Hải. Hai quyển này đem chữ *đây* giải thích là "ngã chấp". Người viết (Thích Như Thạch) nghĩ rằng lối giải thích này hợp lý hơn.

*(155) Tâm! Mi muốn lợi mình,
Nhưng qua bao số kiếp,
Từng chịu bao gian nan,
Chấp ngã chỉ tăng khổ!*

[Crosby] Trong vô lượng kiếp, mi (tâm) miệt mài trong việc truy cầu khoái lạc cho chính mình, nhưng những nỗ lực phi thường này, rốt cuộc chỉ đem lại cho mi thống khổ.

Phụ Chú: Từ đây đến kệ (158) là phần khuyến tu pháp tự tha hoá.

*(156) Cho nên phải tận tụy
Siêng làm lợi chúng sanh!
Đức Phật nói: Nếu muốn,
Được ích, phải phụng hành!*

*(157) Nếu mi từ xưa xa,
Chỉ làm việc lợi tha,
Nay chắc không gặp khổ,
Mà đã chứng Phật Đà!*

*(158) Nếu mi đời tinh-khuyết,
Cha mẹ tụ họp lại,
Có thể chấp là ta,
VẬY cũng nên quán sát
Kẻ khác cũng là ta!*

[Diễn Nghĩa] Bồ Tát sơ học lúc chưa tu tâm, nghe nói đến hạnh Bồ Tát rộng lớn khó tu tập, trong tâm liền sinh ra cảm giác lo lắng, sợ hãi. Đây là điều rất thường tình. Kỳ thực, các vị đại Bồ Tát, lúc bắt đầu tu tập, cũng có cảm nghĩ là mình bất lực. Bất quá, họ kiên quyết theo đuổi những lý tưởng mà họ mong đạt đến, tu tập không ngừng nghỉ, cho đến lúc thành công mới thôi. Lúc đó họ cũng sẽ như các vị đại Bồ Tát khác, tự nhiên dễ dàng vượt qua được những khó khăn mà lúc ban đầu tưởng là ghê gớm. Cho nên, lúc bắt đầu tu hành là giai đoạn hết sức quan trọng. Nếu như hành giả phát hiện năng lực hiện thời của mình là hữu hạn, rồi buông xuôi không dám tiếp tục trên con đường tu hạnh Bồ Tát, thì đây là một điều rất đáng tiếc. Và như vậy, đối với con đường đạo sẽ càng lúc càng nghìn trùng xa cách!

(159) *Vên vì người, dò xét,
Xem vật gì của mình,
Nếu có, đem ra kết,
Làm lợi ích chúng sinh.*

(160) *Mình vui, người khác buồn,
Mình cao, người khác thấp,
Lo mình, chẳng lo người,
Sao không tự đố kị?*

[Wallace] Nên khởi tâm đố kị đối với chính mình như thế này: Mình vui sướng trong khi người khác khổ não, mình ở địa vị cao sang trong khi người khác thấp hèn, mình nhàn nhã trong khi người khác làm việc cực nhọc.

Phụ chú: Nếu mình ở địa vị ưu đãi, thường thường mình không nghĩ đến kẻ khác. Do đó, dùng phương pháp quán sát này để khởi lòng thương xót đến tha nhân.

(161) *Rời xa sự vui sướng,
Thay người khác chịu khổ,
Thường nên quán sát tâm,
Xem mình có lỗi gì?*

(162) *Nếu người khác làm lỗi,
Cúi đầu, mình thế tội,
Lỗi mình tuy nhỏ nhặt,
Trước người thành thực hối!*

[Crosby] Dù là người khác làm lỗi, nên đem trút hết lên đầu hấn (cái ngã cũ của mình), và dù hấn chỉ phạm ít lỗi lầm, nên báo cáo tội trạng của hấn cho các vị trưởng lão (great sage).

Thông thường chữ great sage (đại thánh) là chỉ cho Phật, nếu dùng nghĩa đó ở đây thực không hợp lý. Theo ngài Nghĩa Tịnh, trong quyển ghi chép của ngài về sự sinh hoạt của các tự viện ở Ấn Độ, chữ great sage là chỉ cho các vị chấp chương kỷ luật trong chùa.

(163) *Vên cao danh dự người,
Che dấu tên tuổi mình,
Đem thân làm nô bộc,
Siêng làm lợi chúng sinh!*

(164) *Thân này nhiều lỗi lầm,
Đức mỏng có gì khoe,
Vên che giấu đức mình,
Đừng để ai biết đến.*

(165) *Xưa chỉ biết lợi mình,
Việc làm đều hại người,
Nay vì muốn lợi người,
Nguyện chịu tất cả hại.*

(166) *Đừng hiện tướng hung hăng,
Hách dịch và kiêu căng,
Phải như nàng dâu mới:
E sợ, rất cần thận!*

**(167) Kiên quyết làm lợi người,
Đừng thương tổn chúng sinh,
Khen ngừng việc vọng động,
Nếu phạm sẽ trị tội!**

[Diễn Nghĩa] Như phần trên đã nói qua, không những trên phương diện tư tưởng và động cơ phải kiên trì ý nguyện lợi tha, mà trên phương diện hành vi cũng phải như vậy (nghĩa là phải thực sự dẫn thân thực thi hạnh nguyện của mình). Cũng giống như điều phục ngựa rừng, phải dùng chánh niệm, chánh tri điều phục thân tâm, làm cho chúng phải nhẫn nại tu hành. Nếu cái tâm ích kỷ tự lợi ngóc đầu trỗi dậy, phải nhanh nhẹn kiềm chế nó. Nếu như vì động tâm mà hành vi vượt ngoài phạm vi chính đáng, phải tìm cách trị phạt nó (làm cho nó quay trở về chánh niệm).

**(168) Đã răn dạy như thế,
Nếu vẫn chưa làm thiện,
Tội lỗi đều về mi,
Lúc đó sẽ bị phạt!**

[Dịch Chú] Tuy đã dùng lời ôn hòa ân cần khuyên răn dạy dỗ mi (tâm) như thế, nếu như mi còn bướng bỉnh không tuân lời, vẫn tiếp tục ích kỷ lo cho riêng mình, như vậy ta sẽ tìm phương pháp nghiêm khắc trừng trị người.

**(169) Xưa bị mi không trị,
Nay ta đã giác ngộ,
Bất luận đến nơi nào,
Đều phá kiêu mạn mi!**

**(170) Tâm! Chớ nên nghĩ rằng:
Mi vẫn còn quyền lợi;
Ta đã bán đứng mi!
Chớ than, phải tận lực.**

Ta đã ... tận lực: Vì ta trong lúc tu tự tha hoá, đã bán mi cho kẻ khác, bởi vậy chớ nên than vãn, nên tận lực mà phục vụ chúng sinh.

**(171) Nếu ta hơi phóng dật,
Chưa đem mi cho người,
Mi chắc sẽ đem ta,
Mà bán cho ngục tối.**

[Wallace] Nếu ta không vui vẻ đem mi cho người khác (nghĩa là tu tự tha hoá), chắc mi đã tống ta đến bọn ngục tối (guardians of hell).

**(172) Mi đã từng bao phen,
Làm ta khổ triền miên,
Nay nhớ oán hận xưa,
Quyết giết tâm ích kỷ!**

[Wallace] Mi đã nhiều lần đối xử với ta như thế (tống ta vào địa ngục), mi đã làm ta đau khổ lâu dài. Nay nhớ đến những thù hận xưa, ta sẽ hủy diệt mi, đồ nô lệ cho sự ích kỷ của chính mình!

**(173) Mi muốn được hạnh phúc,
Không nên chỉ yêu mình,**

**Nếu muốn được che chở,
Nên che chở người khác.**

[Diễn Nghĩa] Bài kệ này là tổng kết của năm bài kệ trên (168)-(172). Nếu chúng ta muốn thường được hoan hỷ khoái lạc, không nên tham ái chấp trước vào cái ngã của mình. Nếu như mình muốn vĩnh viễn xa rời sự sợ hãi và thống khổ, chúng ta phải ái hộ (thương yêu và đùm bọc) kẻ khác, thường thường che chở và chăm sóc họ. Quảng Nghĩa nói: "Chỗ này dùng phương pháp uyển chuyển và hòa bình để tự khuyên nhắc mình".

**(174) Nếu càng lăm ân cần,
Che chở thân đờ này,
Nó càng thêm đọa lạc,
Vô dụng và bạc nhược.**

Nó càng thêm ... bạc nhược: Sau này, nó sẽ biến thành vô dụng và bạc nhược, càng lúc càng không thể đảm nhận sự thống khổ cho chúng sinh.

**(175) Ai dục càng tăng trưởng,
Tất cả vật thế gian,
Cũng không biết vừa đủ!
Ai thỏa mãn lòng dục?**

[Wallace] Khi mà nó (cái thân) đã đọa lạc như thế, ngay cả vật chất nhiều như quả đất này cũng không thể làm cho nó vừa đủ. Ai có thể thỏa mãn dục vọng cho nó được?

**(176) Cầu dục chưa thỏa mãn,
Phiền muộn, không vừa ý;**

**Người nào không tham cầu,
Phước báo vô cùng tận!**

[Wallace] Đối kẻ dục vọng không được thỏa mãn, sự phiền muộn và sự bất mãn sẽ tăng trưởng. Còn đối những kẻ không còn tham cầu, sẽ có sự giàu có (thịnh vượng) không bợn nhớ (không do tâm tham cầu mà được).

**(177) Dục tăng trưởng tâm tham,
Đừng cho nó cơ hội!
Đừng tham mê vật dục,
Đây là tài sản thực.**

[Dịch Chú] Tham mê hưởng lạc chỉ làm tăng trưởng sự tham dục của thân thể, vì thế không cho cái thân này có cơ hội hưởng lạc. Chỉ có cái tâm thanh tịnh, không tham trước vào bất cứ sự vật đáng yêu (khả ái) nào, mới thực là tài sản thực mà chúng ta có thể y nhờ.

**(178) Tâm thân đờ, góm giếc,
Nằm đờ, đợi người khiêng,
Đốt xong thành tro bụi,
Sao lại chấp là ngã?**

[Crosby] Cái hình dạng ghê tởm như nhớp này, nằm ngay đờ và bị lôi đi bởi người khác, chấm dứt cuộc đời trong tro tàn (bị hỏa táng), tại sao mình lại chấp trước vào nó?

**(179) Bất luận sống hay chết,
Thân này có ích gì?
Chẳng khác gì cây đá,**

Sao không trừ ngã mạn?

[Wallace] Dù là sống hay chết, cái vật này có ích gì cho mình? Có gì khác biệt giữa nó và cục đất (cùng những vật tương tự)? Tâm à! Mi vẫn chưa trừ diệt được sự chấp trước vào cái TA!

**(180) Hầu hạ tám thân này,
Vô nghĩa tích tập khổ,
Với thân tựa gỗ này,
Nhọc gì tham với sân?**

Với thân ... tham với sân: Cái thân này giống như cây gỗ, vừa vô tình lại vừa bất nghĩa. Mình hơi đâu phải nhọc sức vì nó mà khởi tham với giận?

**(181) Dù lảng lo, chăm sóc,
Hay quăng điếu, thú ăn,
Thân chẳng biết tham, sân,
Khổ gì ôm ấp nó?**

**(182) Khen, đâu làm thân vui,
Chê, đâu làm thân giận,
Thân vốn không hay biết,
Làm chi phải ân cần?**

[Crosby] Khi cái thân này bị đối xử tệ bạc, tôi nổi cơn giận dữ; khi cái thân này được sùng bái, tôi vui mừng hơn hở. Nếu cái thân này tự nó không biết vui hay giận, tôi đang vì ai mà vui giận như thế này?

Phụ chú: Nghĩa là mình lo cho cái thân, chẳng khác gì mình lo cho một vật vô tri vô giác, một cục gỗ. Hơi đâu mà nhọc!

**(183) Kẻ nào thích thân mình,
Mình xem họ là bạn;
Ai cũng yêu thân họ,
Sao không thương chúng sinh?**

Nếu người khác thích thân thể của mình, thì mình coi họ như bạn. Nếu người khác thích thân thể của họ, tại sao mình lại không coi họ là bạn mình? (Vì thân mình và thân người nào có gì khác biệt, cả hai đều là thân.)

**(184) Nên rời tâm tham chấp,
Ừ người, xả thân mình!
Thân này tuy nhiều lỗi,
Khéo dùng, như bè quý.**

[Crosby] Do đó, tôi sẽ xả bỏ thân này, làm lợi ích cho chúng sinh, không chút ân hận. Vì lý do đó, tuy rằng thân này có nhiều lỗi lầm, tôi sẽ dùng nó như công cụ trong việc lợi ích chúng sinh.

**(185) Đã nhàm thói phạm phu,
Nay nên theo Thánh hiền!
Nhớ lời, không phóng dật,
Siêng cần, ít ngủ nghỉ.**

[Diễn Nghĩa] Bài kệ này ý muốn nói: Cần phải trừ vọng niệm. Giả như muốn dùng "Mình người bình đẳng" và "Tâm hoá thân tự tha" làm cảnh sở duyên, để tu tập thành tựu sự chuyên nhất vào

Phẩm tám: Tích lục

một cảnh, phải nên đoạn trừ chướng ngại của thiền định là tâm tán loạn, làm cho thân tâm trở nên tịch tĩnh. Viễn ly thế gian là phương pháp làm cho thân thể tịch tĩnh, và đoạn trừ vọng niệm là phương pháp làm cho tâm hồn tịch tĩnh. Quảng Thích giải thích như sau: “Bài kệ này là sự kết thúc của đoạn văn: *Buông xả lòng tục lụy ... phía trên*”.

**(186) Như Bồ Tát tâm bi,
An nhẫn trong việc làm;
Nếu không siêng tu hành,
Ngày nào mới thoát khổ?**

[**Dịch Chú**] Mình phải giống như các vị Bồ Tát đại từ, đại bi, nhẫn nại, nỗ lực trong việc tu hành giới, định, tuệ. Nếu mà không an nhẫn trong sự tu hành, ngày nào mới có thể độ mình độ người thoát khỏi vực sâu khổ não của sinh tử?

**(187) Vì muốn trừ nghiệp chướng,
Hồi tâm tránh đường tà,
Vương cảnh duyên thù thắng,
Thường siêng tu tam muội.**

Cảnh duyên: là cảnh mà mình duyên theo đó để tu tập thiền định, như người tu niệm Phật thì danh hiệu A Di Đà là cảnh sở duyên, người tu số tức quán thì hơi thở là cảnh sở duyên.

Trí Tuệ



Phật vì Trí Tuệ nói,
Không phẩm ở phần trên;
Người muốn trừ diệt khổ,
Khen tu Không Tánh Tuệ!

Phẩm chín: Trí tuệ

**(1) Phật vì Trí Tuệ nên,
Nói những phẩm ở trên;
Người muốn trừ diệt khổ,
Nên tu Không Tánh Tuệ!**

Nói những phẩm ở trên: tức là năm pháp Ba la mật đầu: bố thí, trì giới, ... thiền định. **Không Tánh Tuệ:** còn gọi là Không Tuệ, là trí tuệ thấy rõ Thực Tướng của các pháp (tức là các pháp không có tự tính, không phải là độc lập, thường hằng, hoặc vĩnh viễn an trụ, như những kẻ phàm phu lầm tưởng. Thực sự, các pháp đều do nhân duyên sinh, nhân duyên hoà hợp tức có, nhân duyên ly tán tức không).

Thông thường, muốn tu hành thành Phật, cần phải viên mãn cả hai phương diện, tức là phước đức và trí tuệ. Nếu thiếu một trong hai, đều không thể thành tựu. Do đó phước tuệ được ví như hai cánh của chim, hoặc hai bánh của xe, thiếu một không thể được. Phần phước đức tức là từ bố thí cho đến thiền định, còn phần trí tuệ tức là Trí tuệ Ba la mật. Nếu chỉ có năm Ba la mật đầu, tuy hành giả tích tập vô lượng phước đức, vẫn không thể thoát ly ra khỏi luân hồi, chỉ có Trí tuệ Ba la mật mới có công năng lĩnh đạo hành giả thoát ly sinh tử. Do đó trong kinh Bát Nhã Ba La Mật có rất nhiều chỗ cực lực tán thán phần Trí tuệ này, cho rằng Trí tuệ Ba la mật như kẻ lĩnh đạo, nếu không có Trí tuệ, năm Ba la mật kia cũng giống như năm kẻ mù, hoàn toàn không biết phương hướng. Nhưng phải nên hiểu rằng Trí tuệ tuy thiết yếu, nếu không

có năm Ba la mật kia, chắc chắn Trí tuệ cũng khó mà viên mãn, và nếu có đi chẳng nữa, cũng chỉ đọa vào cảnh giới Nhị thừa, khó lòng sinh khởi tâm Đại Bi, và lúc đó không còn tác dụng lớn trong việc độ sinh. Do đó, hành giả nếu muốn viên mãn quả Phật, phải toàn tu Lục độ, mà không được bỏ sót bất cứ phần nào. Nếu vậy mới có thể hy vọng thành bậc Lương Túc Tôn.

**(2) Phật thường nói Nhị Đế:
Thắng Nghĩa và Thế Tục;
Thắng Nghĩa vượt tâm cảnh,
Thế Tục tức vọng tâm.**

Phật thường ... Thế Tục: [Batchelor] Thế Tục Đế, là sự thực tương đối (relative truth), hay sự thực theo truyền thống, tập tục, được thiết lập từ sự nhận thức của vọng tâm, chẳng hạn như chấp sự vật là có tự tính, độc lập, thường hằng v.v... Thắng Nghĩa Đế, là sự thật tuyệt đối, được thể ngộ bởi các bậc Giác Ngộ, tức là sự thể ngộ các pháp không có tự tính, hoàn toàn do nhân duyên hòa hợp mà sinh diệt. Bậc Giác Ngộ, ở đây có thể hiểu là, nếu theo Tiểu thừa, tức từ Sơ quả trở lên, còn theo Đại thừa tức từ Sơ địa trở lên. Nhưng ở đây, sự thực tương đối và tuyệt đối, không nên hiểu là hai thực thể hoàn toàn khác biệt, mà cả hai chỉ là hai mặt khác nhau của cùng một sự vật.

Thắng Nghĩa ... vọng tâm: [Wisdom] Thắng Nghĩa Đế không thể nào được nhận thức trực tiếp bởi tâm phân biệt (vọng tâm). Khi ta trực tiếp thể ngộ Thắng Nghĩa của sự vật, lúc đó hình tướng tương đối của sự vật tạm thời ẩn đi, do đó mới nói Thắng Nghĩa (tuyệt đối) siêu vượt sự nhận thức thế tục. Vì tâm phân biệt bị ô nhiễm bởi vô minh, do đó nó sẽ không bao giờ thể ngộ được tuyệt đối. Thật là phi lý nếu chúng ta nói tuyệt đối sẽ không được thể hội bởi bất cứ sự nhận thức nào. Khi bốn luận nói rằng: *thực tướng không là đối tượng của nhận thức*, điều này muốn nói đến sự

nhận thức là tâm phân biệt. Câu *Thắng Nghĩa vượt tâm cảnh*, chỉ định đặc tính của Thắng Nghĩa, còn câu *Thế Tục tức vọng tâm*, chỉ định đặc tính của Thế Tục. Đối tượng của tâm phân biệt được gọi là Thế Tục Đố.

**(3) Thế gian hai loại người:
Người đời, Du Già Sư,
Kiến giải của người đời
Bị Du Già luận phá.**

Người đời, Du Già Sư: Có hai nghĩa: (1) Ở đây người đời bao gồm từ kẻ bình dân dốt nát cho đến những kẻ tu pháp ngoại đạo, còn Du Già Sư là chỉ cho tất cả những kẻ tu học Phật Pháp, (2) Người đời bao gồm tất cả những kẻ, bất luận ngoại đạo hoặc kẻ tu học Phật Pháp chưa kiến đạo, còn Du Già Sư là những kẻ từ kiến đạo (Tiểu thừa: Sơ quả, Đại thừa: Sơ địa) trở lên.

**(4) Du Già tuệ nhiều bậc,
Bậc trên dùng thí dụ,
Mọi người đã công nhận,
Mà luận phá bậc dưới;
Tuy kiến giải khác nhau,
Đều vì cầu thắng tiến,
Không chấp trước thí dụ,
Thuận thế gian tu hành.**

Du Già ... bậc dưới: [Sweet] Không những quan niệm sai lầm của phàm phu bị các vị Du Già Sư luận phá, mà ngay cả trong cả hàng ngũ của các vị Du Già, những kẻ có kiến giải cao thâm luận phá những vị có kiến giải nông cạn. Theo quan điểm của phái Trung quán (Ứng Thành phái), các tông phái trong Phật giáo có

thể được phân thành cấp bậc từ thấp đến cao như sau: (1) Tiểu thừa Tỳ Bà Sa, (2) Kinh Lượng Bộ, (3) Duy Thức (ở đây gọi là Duy Tâm), (4) Trung Quán (Tự Tục phái), (5) Trung Quán (Ứng Thành phái).

Tuy kiến ... tu hành: [Dịch Chú] Đến đây ngoại đạo cất vấn: Nếu các pháp đều không có tự tính, Bồ Tát làm thế nào tu hành thành Phật? **Trung Quán trả lời:** Chỉ cần dùng thí dụ về các vật như huyễn (như vật trong mộng, vật biến hiện bởi nhà huyễn thuật v.v...) mà bạn và tôi đều công nhận, có thể giải thích điều này: “Bồ Tát tu pháp bố thí không có tự tính (kinh Bát Nhã gọi là bố thí như huyễn), sẽ chứng được Phật quả không tự tính.” Bởi vậy, lúc vì muốn thành Phật mà tu các pháp bố thí như huyễn, v.v..., không cần phải tra xét thêm về phương diện Thắng Nghĩa của chúng.

Phụ chú: Trên phương diện Thắng Nghĩa các pháp đều vô tự tính, không Phật, không chúng sinh, nhưng trên phương diện Thế Tục, các pháp đều do nhân duyên sinh, có Phật, có chúng sinh, v.v...

**(5) Người đời nhìn thế tục,
Chấp đó là chân thực,
Không biết là huyễn hóa,
Nên tranh Du già sư.**

[Batchelor] **Hỏi:** Người đời và Du Già Sư đều nhận thức tất cả hiện tượng giống như nhau. Tại sao lại phải tranh luận về vấn đề này? **Đáp:** Tuy đối với cả hai, hiện tượng hiện ra đều tương tự, nhưng người đời khi nhìn thấy sự vật, liền nhận định rằng chúng là có thực. Họ không biết rằng sự vật tuy hiện hữu, nhưng chỉ là huyễn ảo. Ngược lại, các vị Du Già Sư tuy cũng nhận thức sự vật, nhưng không chấp trước vào những sự vật ấy, vì các ngài

đã hiểu rõ sự huyền hoá của chúng. Đây chính là chỗ tranh luận của hai bên.

**(6) Sự vật nhận thức được,
Đều không phải chân thật;
Chúng chỉ là hư vọng,
Như đờ cho là sạch.**

[Sweet] Những sự kiện như hình sắc, âm thanh, tuy được cảm nhận một cách trực tiếp (từ những giác quan của chúng ta), không có nghĩa là chúng thực sự hiện hữu. Bởi vì sự nhận thức trực tiếp chỉ là một phương tiện theo tập quán của tri thức (nghĩa là không nhìn được chân tướng của sự vật). Nếu sự nhận thức trực tiếp có thể nhận rõ thực tướng của các pháp, thì tất cả chúng ta đã giác ngộ mà không cần nỗ lực. Như vậy sự tu học Phật Pháp đâu còn nghĩa lý gì? Chính bởi những sự nhận thức trực tiếp chỉ hoàn toàn theo tập quán của chúng sinh, cho nên mới nhận thức sai lầm, chẳng hạn như thân thể chúng ta là nhơ nhớp, mà vì mọi người nhìn quen, đều công nhận là sạch sẽ. Tương tự, như sự nhận thức về vô thường mà lại cho là thường, không có ngã lại cho là có ngã v.v...

**(7) Muốn dẫn đạo người đời,
Phật nói pháp vô thường;
[Ngài] Sự thực, tất cả pháp,
Không phải sát na diệt,
Nếu nói: "Pháp không thực",
Há không ngược thế tục?**

[Batchelor] **Hỏi:** Nếu tất cả hiện tượng đều không có tự tính chân thực. Tại sao đức Phật lại nói tự tính của mọi vật đều là sát na sinh diệt? **Đáp:** Câu này phải được giải thích rõ. Phật dạy

các pháp vô thường là vì muốn dẫn dắt những kẻ chấp sự vật là có thực, từ từ thâm nhập Phật Pháp. Trên thực tế, các vật không phải là sát na sinh diệt. **Hỏi:** Nếu vậy, bởi vì người đời không thấy được sát na sinh diệt, hiện nay lại nói sự hiện hữu của các vật là huyền giả (deceptive), điều này há chẳng phải là mâu thuẫn (với cái nhìn thế gian) hay sao?

**(8) [Trung quán] Du Già thấy không lầm,
So "tục", gọi là "chân";
Nếu không, quán bất tịnh
Ngược lối nhìn thế gian.**

[Batchelor] **Đáp:** Hiện tượng sát na sinh diệt này, tuy không hiển hiện cho người phàm thấy, nhưng chúng lại hiển hiện khi các hành giả Du Già thấy rõ được sự vô ngã của các pháp. Vì thế không có sự lỗi lầm khi các ngài nói hiện tượng là huyền giả. **Hỏi:** Điều này há chẳng mâu thuẫn với câu: "Thấy được tự tính sát na sinh diệt của sự vật là thấy được thực tướng của sự vật?" **Đáp:** So với cái thấy mọi vật là vô thường của người đời, cái thấy được sát na sinh diệt của sự vật của các hành giả Du Già có thể nói là thấy được thực tướng của sự vật. Nếu không, so với các hành giả Du Già, người đời nhìn được chân tướng sự vật, thì sự thấu triệt về sự nhơ nhớp của thân thể của người đàn bà của các hành giả Du Già, sẽ trở thành mâu thuẫn với quan điểm của người đời là thân thể đàn bà là thơm sạch.

**(9) [Ngài] Nếu tất cả như huyền,
Cúng Phật không được phước?
[Trung quán] Cúng Phật "huyền" được phước,
Giống như cúng Phật "thực" !**

[Sweet] Ở đây, đối phương bắt đầu đặt câu hỏi từ quan điểm tôn giáo: Nếu tất cả hiện tượng là như huyễn, như vậy Phật cũng như huyễn. Nếu thế, cúng huyễn Phật được công đức gì? Tịch Thiên trả lời rằng: Giống như quan niệm của kẻ chấp thực hữu, cho rằng khi cúng thực Phật sẽ sinh ra công đức thực, thì ở đây cúng huyễn Phật sẽ sinh ra công đức huyễn. Sự khác biệt giữa Tịch Thiên và phái chấp thực hữu chỉ là trên phương diện bản thể, còn trên phương diện nhân quả hai bên đều giống nhau.

Phụ chú: Ở đây nói đến sự tranh luận giữa phái chấp thực hữu và phái Trung Quán. Phái thực hữu chấp có thực Phật, thực công đức. Họ phản đối phái Trung quán cho rằng nếu tất cả đều như huyễn, Phật cũng như huyễn, như vậy cúng Phật làm gì có được thực công đức? Tịch Thiên trả lời rằng, cúng huyễn Phật, theo lý nhân quả, sẽ được huyễn công đức. Ở đây tuy nói thực công đức, giả công đức, nhưng người đọc không nên hiểu lầm là có hai loại công đức là giả và thực. Nên theo cái nhìn Trung Quán, tất cả chỉ là giả. Các ngài tùy thuận theo lời nói của đối phương mà lập luận. Thực sự, như sẽ chứng minh ở phần dưới, tất cả các pháp đều là vô tự tính, do duyên sinh. Tuy huyễn giả, nhưng vẫn không ra khỏi luật nhân quả. Chớ nên hiểu lầm huyễn ảo là không tội không phước, không nhân không quả, như một số người lầm tưởng. Tạo tội như huyễn, đọa địa ngục như huyễn, thọ sự thống khổ như huyễn. Sự thống khổ tuy như huyễn, nhưng cũng vẫn là vô cùng khốc liệt.

**[Tiểu thừa] Hữu tình nếu như huyễn,
Chết rồi, làm sao sinh?**

Hữu tình ... làm sao sinh: Đối phương cho rằng khi huyễn ảnh (người huyễn) bị diệt, không thể tái sinh được người huyễn khác.

**(10) [Trung quán] Các duyên đã tập hợp,
Tuy huyễn cũng sẽ sinh!
Đâu phải vì trụ lâu,
Hữu tình thành có thực?**

[Sweet] Ngài Tịch Thiên cho rằng: "Không luận nhân và quả là huyễn ảo hay thực hữu, luật nhân quả vẫn tiếp tục hiện hữu nếu nhân duyên còn hiện hữu. Cũng giống như người bị bùa chú hoặc uống thuốc kích thích, thấy những hình ảnh huyễn ảo hiện ra trước mắt họ. Khi nào hiệu lực của bùa chú hoặc của thuốc kích thích còn tồn tại, huyễn cảnh sẽ vẫn còn tiếp tục hiện diện. Cũng thế, do những nhân và duyên như huyễn, kẻ phạm phư như huyễn sẽ còn tiếp tục lăn chuyển trong cõi luân hồi như huyễn". **Đổi phương lại lập luận rằng:** "Sự liên tục của hữu tình không thể là huyễn ảo. Vì sao? Vì họ đã ở trong luân hồi từ vô lượng kiếp đến nay, và vì những huyễn cảnh hiện ra như chúng ta được biết đều chỉ là trong phút chốc". **Tịch Thiên cho rằng:** "Sự hiện hữu của hữu tình kéo dài từ vô thủy đến nay, là vì do các nhân duyên cho sự sinh diệt vẫn còn tiếp tục huyễn hiện không dứt. Sự lâu dài của thời gian không phải là điều kiện đủ để chứng minh sự hiện hữu chân thực của chúng sinh. Cũng như chúng ta nhớ lại những giấc mơ từ xa xưa, không có nghĩa là những giấc mơ đó có thực hơn là những giấc mơ mà chúng ta mới vừa gặp ngày hôm qua".

**(11) [Duy tâm] Người huyễn làm thiện ác,
Vô tâm, không tội phước;
[Trung quán] Với kẻ có tâm huyễn,
Ắt sinh tội phước huyễn!**

[Sweet] Phái chấp thực hữu vẫn tiếp tục công kích, muốn chứng tỏ là sự huyễn ảo mà phái Trung Quán chủ trương, sẽ đem đến sự hủy diệt của giới luật trong Phật Pháp, như cấm sát sinh,

cấm tà dâm chẳng hạn. Phái chấp thực hữu cho rằng nếu chúng sinh như huyễn, chắc chắn họ sẽ không có tâm thức, nếu vậy khi họ tạo tội, vì do không có tâm thức, họ sẽ không phạm tội nào hết (cũng giống như nhà ảo thuật biến hiện người huyễn và sai nó đi giết người chẳng hạn). Tịch Thiên trả lời rằng: Tâm chúng sinh tuy không thực. Nhưng đem tâm như huyễn tạo tội ác như huyễn, sẽ thọ nghiệp báo như huyễn.

Phụ chú: Tất cả các quan niệm nhân quả của người phàm có thể áp dụng ở đây. Chỗ khác biệt là người phàm chấp trước tất cả là thực, còn các nhà Trung Quán, tuy không đi ngược lại quan niệm thế gian, nhưng các ngài hiểu rõ là tất cả đều như huyễn mộng. Chỉ khi nào hành giả thể ngộ thể tính như huyễn của các pháp, thì mới không chấp trước vào sự tu hành của mình, và như thế mới có thể tự tại trong công việc độ sinh.

**(12) [Duy tâm] Chủ thuật không tình thức,
Không thể sinh tâm huyễn;
[Trung quán] Các nhân duyên sinh ra,
Các sự vật như huyễn.**

[Sweet] Ở đây đối phương (phái Duy Tâm) cho rằng, giống như con voi như huyễn tạo ra do nhà huyễn thuật, không thể có được tâm thức, vì chú thuật, hoặc linh dược v.v... không có năng lực sinh được tâm thức cho huyễn cảnh mà chúng tạo ra. Cũng thế người huyễn không có được tâm thức. **Tịch Thiên trả lời rằng,** vật huyễn và người phàm không giống nhau ở chỗ là hai bên được tạo ra bởi những điều kiện khác nhau. Vật huyễn được tạo ra bởi chú thuật v.v..., còn người huyễn được sinh ra từ vô minh v.v... Điều kiện sau (vô minh) sinh ra được tâm thức, còn chú thuật v.v... không có năng lực này.

(13) Một duyên sinh tất cả,

Tuyệt nhiên không vật này!

[Crosby] Tất cả tông phái Phật Giáo đều phủ nhận sự hiện hữu của một nguyên nhân độc nhất sinh ra tất cả. Giống như chú thuật không phải là nguyên nhân độc nhất tạo ra huyễn cảnh, tâm thức cũng không phải là nguồn gốc độc nhất của huyễn cảnh. Ở đây phái Trung Quán chận đứng điều mà phái Duy Tâm muốn tuyên bố là Tâm là nguồn gốc (nguyên nhân) độc nhất sinh ra tất cả huyễn cảnh.

**[Tiểu thừa] Nếu theo Thắng Nghĩa Đế
Hữu tình đều Niết Bàn,
Mà theo Thế Tục Đế
Tất cả đều luân hồi,**

**(14) Vậy Phật cũng luân hồi,
Hạnh Bồ Tát ích gì?**

[Sweet] Đối phương (các tông phái của Tiểu thừa) đều công nhận là Niết Bàn và luân hồi là hai thực thể hoàn toàn khác biệt. Thế nhưng, theo phái Trung Quán, tất cả các pháp đều không tự tính, và bản tính là tịch diệt. Do đó, chúng sinh từ vô thủy đã có bản tính giải thoát (Niết Bàn). Vì chúng sinh, trên phương diện tịch diệt đều đã giải thoát, thế nhưng, trên phương diện tương đối, bởi vì sức mạnh của vọng tưởng, họ biến hiện như là đang trôi ngụp trong vòng luân hồi. Phái chấp thực hữu cố ý đưa đến kết luận là: Nếu trên phương diện bản thể luân hồi và Niết Bàn là một, thì sẽ không có sự chứng ngộ Niết Bàn thực sự, như vậy, ngay cả đức Phật cũng sẽ tiếp tục bị luân hồi. Nếu thế, tu hạnh Bồ Tát có nghĩa lý gì?

[Trung quán] Các duyên nếu chưa đoạn,

Tuy huyễn cũng không diệt!

**(15) Các duyên nếu đoạn diệt,
Thế tục, cũng không sinh!**

[Sweet] Để trả lời, ngài Tịch Thiên chỉ đơn giản xác nhận sự hiện hành của luật nhân quả trên phương diện tương đối. Ngay cả vật huyễn cũng sẽ hiện hữu lâu dài, nếu những điều kiện sinh ra chúng còn tiếp tục hiện hành. Cũng vậy, nếu vô minh và phiền não chưa được diệt trừ, hữu tình sẽ tiếp tục luân chuyển trong vòng sinh tử. Do đó, nếu hành giả muốn thoát khỏi sinh tử, phải tìm cách diệt trừ nguyên nhân của nó, tức là vô minh v.v... bằng cách nỗ lực tu hành, đặc biệt là phải luôn luôn quán sát thực tướng của chư pháp.

**[Duy tâm] Loạn thức nếu là không,
Lấy gì duyên huyễn cảnh?**

[Wisdom] Nhân vì phái Trung Quán phủ nhận sự thực hữu của các pháp, như vậy ngay cả sự nhận thức về sự vật như huyễn (huyễn cảnh) cũng không có tự tính. Khi phái Duy Thức nghe đến mọi vật không có tự tính, liền cho rằng vật đó hoàn toàn không hiện hữu. Do đó mới hỏi rằng: Nếu ngay cả sự nhận thức huyễn cảnh cũng không hiện hữu, như vậy, huyễn cảnh được nhận thức bởi cái gì?

**(16) [Trung quán] Nếu không có huyễn cảnh
Tâm thức duyên chỗ nào?**

[Dịch Chú] Nếu các bạn không chủ trương có ngoại cảnh như huyễn, như vậy tâm thức duyên vào chỗ nào (để có sự nhận thức)?

**[Duy tâm] Sở duyên khác thực cảnh,
Cảnh tượng tức tâm thể.**

[Batchelor] Dù ngoại cảnh không thực sự hiện hữu, nhưng tâm thức thực sự hiện hữu. Bởi vì ảnh tượng của sự vật được trình hiện trước tâm thức, và chính là tâm thức, do đó nó được nhận thức bởi tâm thức.

[Wisdom] Trong thực tế, sự vật không hiện ở ngoài tâm, như nó trình hiện. Hiện tượng, như sắc tướng chẳng hạn, hiện hữu bằng cách lấy cái tâm nhận thức nó làm bản chất. Như thế, nó không hiện hữu như vật ở ngoài tâm, mà cũng không phải hoàn toàn không có.

**(17) [Trung quán] Huyền cảnh nếu là tâm,
Vật nào thấy vật nào?
Đức Phật có dạy rằng:
Tâm không tự thấy tâm,**

**(18) Như lưỡi dao bén nhọn
Không thể tự cắt mình.**

[Wisdom] Kinh điển cũng đã từng phủ nhận sự kiện là một vật tự nhận thức chính mình. Như trong kinh Bảo Kế (Phạn: Ratnakuta Sutra), đức Phật có dạy rằng tâm không thể tự thấy tâm. Tâm không tự thấy tâm, cũng giống như lưỡi gươm không thể tự cắt chính nó.

**[Duy tâm] Tâm thức như lửa đèn,
Có thể chiếu tự thân.**

[Dịch Chú] Cũng giống như ngọn lửa của một ngọn đèn, có thể chiếu ngoại cảnh, đồng thời lại chiếu chính mình. Tâm thức cũng thế, vừa nhận thức ngoại cảnh, đồng thời vừa nhận thức chính mình.

**(19) [Trung quán] Lửa đèn không tự chiếu,
Mù ám không tự che.**

[Batchelor] Lửa đèn không tự chiếu chính mình. Vì một vật muốn được chiếu, đầu tiên phải được che bởi bóng tối. Lửa đèn không phải vậy. Khi ta thắp đèn lên, ánh lửa chưa bao giờ bị che bởi bóng tối.

Phụ chú: Như vậy sao có thể nói là lửa đèn bị chiếu bởi chính nó?

**[Duy tâm] Thủy tinh, xanh nhờ duyên,
Vật xanh, không nhờ duyên,**

[Dịch Chú] Như màu xanh của thủy tinh, phải nhờ vào vật xanh khác mới ánh hiện ra. Trái lại màu xanh của lưu ly vốn là tự thân của nó có sẵn (mà không nhờ vào vật ngoài).

**(20) Thức cũng giống như vậy,
Nhờ, hoặc không nhờ duyên.**

[Dịch Chú] Cũng thế, chúng ta có thể thấy được, có một số tâm thức phải nhờ vào ngoại duyên mới hiện hữu (như nhãn thức, nhĩ thức, v.v...), còn tự chứng phần thì không cần (nhờ ngoại duyên).

[Sweet] Phái Duy Thức tuy thừa nhận rằng tâm không thể nhận thức chính nó như nhận thức vật khác, nhưng lại thừa nhận là thức có hai công năng. Một mặt, tâm thức nhận thức vật khác phải tùy thuộc vào một số nhân duyên, giống như màu xanh của thủy tinh là do sự phản chiếu của vật xanh khác; một mặt khác, nó có thể nhận thức chính nó mà không nhờ vả vào những yếu tố khác, giống như màu xanh của lưu ly là bản tính sẵn có của lưu ly.

**[Trung quán] Nếu không có tính xanh,
Không tự thành tính xanh.**

[Sweet] Nhưng phái Trung Quán không thừa nhận sự tương tự này, vì theo họ, ngay cả màu xanh của lưu ly cũng phải tùy thuộc vào các nhân duyên khác. Màu xanh của lưu ly không thể tự tạo ra chính nó, vì Phật giáo không thừa nhận một vật có thể tự sinh ra chính nó.

**(21) Nếu nói thức biết rõ,
Cho là đèn tự chiếu;
Tự tâm vốn sáng suốt,
Do đâu mà thức biết?**

[Sweet] Dù chúng ta có chấp nhận rằng bản chất của đèn là tự chiếu sáng, điều này không thể dẫn đến kết luận là tâm thức có thể tự nhận thức chính mình. Bởi vì đèn chiếu sáng là đối tượng cho sự nhận biết của tâm thức, nhưng tâm thức không thể nào nhận thức chính nó một cách tương tự như nó nhận thức đèn. Vì sao? Tâm thức không thể bị nhận thức trước khi có sự nhận thức, vì nó chưa sinh ra; hoặc là sau khi có sự nhận thức, vì niệm tâm đó đã mất; hoặc là đồng thời với sự nhận thức, vì nó không thể có trước chính nó để sinh ra sự nhận thức.

**(22) Nếu tất cả mọi vật
 Đều không thấy tâm thức,
 Tâm sáng hay không sáng,
 Nói đến đều vô nghĩa!
 (Như) Nói con gái thạch nữ,
 Là đẹp hay không đẹp.**

[Sweet] Thật là điều phi lý nếu chúng ta tranh luận về sự hiện hữu của tự chứng phần, vì chúng ta không nhận biết được nó. Cũng giống như chúng ta bàn luận về sắc đẹp của đứa con gái của thạch nữ (người đàn bà không thể sinh con) là đẹp hay xấu. Tự chứng phần và con gái của thạch nữ, đều là sự kiện hoàn toàn không hiện hữu, vì cả hai đều không thể được xác nhận là có thực do bất cứ sự cảm nhận nào của chúng ta.

**(23) [Duy tâm] Nếu không tự chứng phần,
 Tâm làm sao nhớ biết?**

[Dịch Chú] Nếu như nhãn thức v.v... lúc nhận biết sự vật, không có tự chứng phần làm chứng nhận, ý thức làm sao có thể nhớ lại những sự nhận biết trong quá khứ.

**[Trung quán] Vì tâm, cảnh liền nhau,
 Nên biết như chuột, độc.**

[Dịch Chú] Vì tâm và cảnh liền nhau (tương quan nhân quả), do đó từ sự nhớ lại những hoàn cảnh đã trải qua trong quá khứ, dẫn đến kinh nghiệm của tâm thức, mà không cần đến tự chứng phần. Thí như con gấu nằm ngủ mùa đông, khi ngủ bị chuột cắn, lúc đó gấu hoàn toàn không hay biết. Đến mùa xuân lúc tỉnh dậy, do độc phát sinh, mới biết là bị chuột cắn. Do đây mà biết là không cần tự chứng phần cũng có thể nhớ lại kinh nghiệm quá khứ.

**(24) [Duy tâm] Tâm thông, xa thấy vật,
 Gần nên tự thấy mình.**

[Dịch Chú] Như kẻ có tha tâm thông, có thể biết được tâm thức của những kẻ ở rất xa. Như vậy, tâm thức lại càng có thể thấy rõ vật ở gần nhất là chính nó.

**[Trung quán] Bôi mắt thuốc nhìn xa,
 Thấy vật, không thấy thuốc.**

[Dịch Chú] Chưa chắc. Như kẻ thoa lên mắt một loại linh dược, có thể nhìn thấy được những kho tàng nằm sâu trong lòng đất, nhưng họ lại không thể thấy được linh dược đã được thoa trên mắt mình.

**(25) Ở đây không phải nhận:
 Thấy, nghe, và hiểu biết;
 Chấp thực, gốc sự khổ,
 Là điều muốn trừ diệt!**

[Dịch Chú] Ở đây chúng tôi (phái Trung Quán) tuy phủ nhận tự chứng phần, nhưng chúng tôi không phá hoại những tác dụng của những sự thấy, nghe, hiểu biết, v.v... Trong ý nghĩa tương đối (Thế tục đế), sự thấy, nghe, hiểu biết, v.v..., tự thân của chúng không đem đến sự khổ. Điều mà chúng tôi muốn phá trừ là sự chấp trước, cho rằng những sự thấy, nghe, hiểu biết v.v... là thực sự hiện hữu. Đây chính là nguồn gốc của sự khổ đau!

**(26) [Duy tâm] Huyền cảnh không ngoài tâm,
 Cũng không đồng với tâm.**

[Dịch Chú] Huyền cảnh không phải là một vật ngoài tâm (và hoàn toàn khác biệt với tâm), nhưng cũng không thể nói nó là hoàn toàn đồng nhất với tâm.

**[Trung quán] Nếu thực, sao không khác?
Không khác, ắt không thực!**

[Dịch Chú] Nếu mà hình sắc v.v... là có thực, thì ngoại cảnh hiển hiện đó cũng phải là chân thực. Nếu vậy, tâm và cảnh làm sao lại không khác biệt (và đi ngược lại tông chỉ của Duy Thức). Còn nếu tâm, cảnh là một, thì cảnh ngoài tâm chắc chắn phải là giả.

Phụ chú: Nếu ngoại cảnh là chân thực, thì cảnh phải khác với tâm, vì cả hai (tâm, cảnh) đều có tự tính khác biệt.

**(27) Huyền cảnh không có thực,
Tâm thấy biết cũng thế.**

[Dịch Chú] Cũng giống như hình sắc của huyền cảnh mà chúng ta thấy được không phải là thực có, sáu tâm thức thấy biết (như mắt, tai, ...) cũng chỉ là giả mà không thực hữu.

**[Duy tâm] Luân hồi nương thực pháp,
Nếu không, như hư không!**

[Dịch Chú] Luân hồi (pháp giả) cần phải y tựa vào pháp có thực (tâm thức) để tồn tại, nếu không nó sẽ giống như hư không, hoàn toàn trống rỗng, không có tác dụng.

**(28) [Trung quán] Không thực nếu nương thực,
Làm sao có tác dụng?**

[Dịch Chú] Giả sử nói rằng pháp không thực cần phải nương vào pháp có thực mới có thể có tác dụng. Nhưng tâm pháp (là pháp có tự tính), không có quan hệ gì với luân hồi (là pháp không có tự tính), như vậy luân hồi làm sao có những tác dụng nhân quả nghiệp báo?

**Tâm nếu không trợ duyên,
Ắt thành thế cô độc;**

[Dịch Chú] Lại nữa, bạn lại chủ trương là tâm thức không có ngoại cảnh làm trợ duyên cho sự nhận thức, và do đây tâm thức trở thành một cá thể cô độc, tự mình nhận thức chính mình.

**(29) Nếu tâm rời đối tượng,
Chúng sinh đều thành Phật!
Lập ra nghĩa Duy thức,
Cuối cùng có ích gì?**

[Dịch Chú] Nếu tâm rời đối tượng (không còn chấp trước) và tồn tại độc lập, chắc chắn nó sẽ không còn bị nhiễm ô bởi trần cảnh. Nếu thế, tất cả chúng sinh chẳng phải đều sẽ thành Phật hay sao? Như vậy, tông nghĩa của Duy Thức: *Vạn pháp đều do thức biến hiện*, chung cuộc có ý nghĩa và lợi ích gì?

**(30) [Duy tâm] Tuy biết pháp như huyền,
Làm sao trừ phiền não?
Như huyền sư biến nữ,
Đối khuyến nữ sinh tham.**

[Sweet] Phái Duy Thức muốn phản kích lại điều mà phái Trung Quán tuyên bố: Thấy rõ tất cả pháp đều như huyền, có thể

đoạn trừ phiền não. Họ (Duy Thức) cho rằng dù chúng ta có hiểu rõ tất cả pháp đều là không, không tự tính v.v..., chúng ta cũng không thể đem sự hiểu biết đó diệt trừ phiền não. Giống như một nhà huyền thuật (huyền sư) biến hiện ra một người nữ lộng lầy, ông ta tuy biết rằng người nữ đó hoàn toàn là huyền ảo, nhưng tâm tham dục của ông ta vẫn bùng cháy khi nhìn thấy đối tượng của mình.

**(31) [Trung quán] Huyền sư dối chỗ biết,
Chưa đoạn phiền não tập,
Quán Không chưa thuần thực,
Thấy cảnh vẫn còn tham.**

[Sweet] Tịch Thiên trả lời rằng: Nhà huyền thuật đó không thể nào so sánh với các hành giả Trung Quán, kẻ đã thể ngộ Không Tánh. Huyền sư đó tuy có một khái niệm hời hợt về sự huyền ảo của kẻ mà ông ta đã biến hiện ra. Nhưng ông ta vẫn chưa hàng phục được tập khí chấp thực của mình. Do sự hiểu biết yếu ớt về sự huyền ảo bị tràn ngập bởi vô minh, vì thế ông ta đối người nữ như huyền đó mới khởi tâm tham muốn.

**(32) Nếu tu tập Không Tánh,
Ắt đoạn chấp thực có!
Lại quán "Không" không thực,
Đoạn trừ sự chấp "Không" !**

[Dịch Chú] Nếu tu tập pháp quán chư pháp không có tự tính trong một thời gian lâu dài, dần dần sẽ đoạn trừ những tập khí vô minh là sự chấp trước các pháp là thực có. Nếu như lại có thể tiến thêm một bước, tu tập quán sát bản thân của Không Tánh cũng là không có tự tính, thì trong tương lai sẽ đoạn trừ được sự chấp trước vào sự có thực của Không Tánh.

**(33) [Duy tâm] Quán pháp không chân thực,
Không được pháp chân thực,
Không thực không chỗ nương,
Làm sao trụ trước tâm?**

[Dịch Chú] Đương lúc chúng ta quán sát một pháp nào đó, và phát hiện là nó không có thực tính, lúc đó lý trí sẽ nhận định là pháp đó không thực sự tồn tại. Nếu pháp không thực đã rời khỏi chỗ nương tựa của nó là pháp có thực, như vậy, pháp không thực làm sao hiện trước tâm như là pháp có thực.

[Crosby] Bài kệ này có thể được coi như là một phần của sự lập luận của phái Trung Quán. Sự không có thực của một pháp là sự phủ nhận sự hiện hữu của pháp đó. Chúng ta không thể phủ nhận nếu vật đó chưa từng hiện hữu. Do đó không thể có sự hiện hữu của những vật chưa từng hiện hữu, vì nền tảng của sự không hiện hữu là sự hiện hữu.

Phụ chú: Nói cách khác, nếu một vật chưa từng hiện hữu, làm sao có thể phủ nhận sự hiện hữu của nó?

**(34) [Trung quán] Nếu pháp "thực", "không thực",
Đều không trụ trước tâm,
Lúc đó không tướng khác,
Không duyên, tối tịch diệt.**

[Dịch Chú] Đương lúc những pháp thực sự tồn tại là pháp có thực và pháp không thực đều không trình hiện trước cái tâm đang quán sát pháp tính, lúc đó trong tâm Thắng Nghĩa (đệ nhất nghĩa tâm) cùng không trình hiện những hành tướng thực hữu khác.

Như vậy, tâm không không còn chỗ duyên, nhân đây tiến nhập vào cảnh giới bất nhị, tối tịch diệt.

**(35) [Nghi] Nếu Phật không tâm thức,
Làm sao độ chúng sinh?
[Trung Quán] Ma Ni, cây Như ý,
Vô tâm, làm mãn nguyện;
Do phước và túc nguyện,
Phật thị hiện độ sinh.**

[Dịch Chú] **Hỏi:** Nếu Phật không có tâm phân biệt, ngài làm sao có thể thuyết pháp độ sinh? **Đáp:** Giống như ngọc Ma Ni (thường được gọi là ngọc Như Ý) và cây Như Ý, chúng tuy không có tâm phân biệt, nhưng vẫn có thể làm thỏa mãn những nguyện vọng của chúng sinh. Giống vậy, do phước đức của chúng sinh và nguyện lực của chư Phật, các vị Phật không có tâm phân biệt này, tiếp tục thị hiện thuyết pháp độ chúng sinh.

**(36) Như xây tháp diệt độc,
Xây xong liền mệnh chung,
Tuy chết đã lâu đời,
Sức diệt độc vẫn còn.**

[Batchelor] Thí dụ, như người Bà La Môn tên Sanku xây tháp Garuda. Ông ta dùng bùa chú gia trì làm cho tháp có công năng diệt trừ những chất độc. Tuy ông ta qua đời đã lâu, công năng diệt độc của tháp Garuda vẫn còn tồn tại.

**(37) Tu tập hạnh Bồ Đề,
Viên thành tháp Chánh Giác,
Bồ Tát tuy nhập diệt,**

Vẫn làm lợi chúng sinh!

[Batchelor] Tương tự, Bồ Tát tùy thuận thứ đệ tu tập hạnh Bồ Đề, cuối cùng viên mãn phước tuệ và thành Phật (cũng như xây xong tháp Chánh Giác). Tuy các ngài đã nhập diệt, nhưng vẫn còn gián tiếp làm lợi ích chúng sinh.

**(38) [Tiểu thừa] Cúng dường vô tâm Phật,
Làm sao được quả báo?
[Trung quán] Cúng hiện, quả khứ Phật,
Kinh nói phước bằng nhau!**

[Dịch Chú] **Hỏi:** "Cúng dường Phật (bậc không có tâm mong cầu) cùng các vật vô tâm khác (như tháp, tượng, xá lợi ...) làm sao có được phước báo?" **Đáp:** "Do vì phước đức nhân duyên được sinh từ đáy lòng của chính mình. Bởi vậy kinh Di Lặc Sư Tử Hống có nói: "*Cúng dường đức Phật còn tại thế, hoặc đã nhập Niết Bàn, công đức đều giống như nhau.*"

**(39) Cúng, dùng tâm "chân", "tục",
Kinh nói đều được phước;
Đem tâm huyễn cúng Phật,
Phước như cúng Phật thật!**

[Dịch Chú] Trong kinh có nói: "Khi cúng Phật, bất luận là đem tâm chấp thực hoặc tâm thể ngộ Tính Không, đều có thể có quả báo giống như đem lễ vật và tâm cung kính cúng Phật". Nhân đây, giống như bạn (phái chấp thực) đem tâm chấp thực cúng Phật được quả báo thế nào, thì chúng tôi (phái Trung Quán) đem tâm thể ngộ các pháp như huyễn cúng Phật, phước báo cũng giống như vậy.

Phụ chú: Theo giải thích của đức Đạt Lai Lạt Ma, đem tâm chấp có và tâm thể ngộ Tính Không cúng Phật, tuy đều có phước báo, nhưng phước đức có được của hai tâm có sự khác biệt. Nếu giải thích theo tinh thần của kinh Bát Nhã, tuy đem ít vật cúng Phật, nếu hành giả hiểu rõ Tính Không, được phước báo vô lượng, còn ngược lại, tuy đem của cải nhiều vô lượng cúng Phật, trong tâm nếu còn sự chấp trước, thì phước báo sinh ra chỉ có hữu hạn mà thôi.

**(40) [Tiểu thừa] Thấy Đế tức giải thoát,
Cần gì thấy Không Tánh?**

Thấy Đế (kiến đế), còn gọi là Kiến Đạo, tức là thấy được chân lý. Ở đây tức là sự thể ngộ lý vô thường, vô ngã, tức là chỉ các bậc thánh Tiểu thừa từ Sơ quả trở lên.

**[Trung quán] Kinh Bát Nhã có nói:
Nếu không chứng "Không Tuệ",
Quyết không chứng Bồ Đề!**

Bồ Đề: ở đây chỉ chung cho tam thừa Bồ Đề (Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Đề, và Phật Bồ Đề (Vô Thượng Bồ Đề).

(41) [Tiểu thừa] Đại thừa giáo không thành.

[Dịch Chú] Đại thừa không phải do Phật nói, vì thế kinh Bát Nhã không đáng tin.

[Trung quán] Tiểu thừa thế nào thành?

[Dịch Chú] Nếu nói Đại thừa không do Phật nói, còn Tiểu thừa như thế nào thành lập?

[Tiểu thừa] Hai giáo đều công nhận.

[Dịch Chú] Bởi vì bạn (Đại thừa) và chúng tôi (Tiểu thừa) đều công nhận kinh A Hàm là do Phật nói.

**[Trung quán] Trước khi tin Tiểu thừa
Bạn cũng không công nhận,
Tiểu thừa do Phật nói.**

[Crosby] Những giáo phái Tiểu thừa không công nhận kinh điển Đại thừa do Phật nói, Đại thừa trái lại công nhận kinh điển của Tiểu thừa lẫn Đại thừa. Bởi vậy, phải có một thời điểm một cá nhân bắt đầu chấp nhận một học thuyết. Do đây, phái Trung Quán lập luận rằng: "Sự kiện một cá nhân (hay một nhóm người) không thừa nhận quyền uy của kinh điển, không ảnh hưởng gì đến giá trị chân thực của kinh điển đó".

**(42) Nhưng gì tin Tiểu giáo,
Đại giáo cũng như vậy;
Nếu cả hai công nhận,
Mà giáo thành chân thực,
Phệ Đà cũng chân thực.**

[Dịch Chú] Bạn dùng lý do nào để tin kinh điển Tiểu thừa là do Phật nói, chúng tôi (Đại thừa) cũng dùng lý do đó để tin kinh điển Đại thừa là do Phật nói. Nếu vì do cả hai bên công nhận mà giáo điển là chân thật, thì giáo điển Phệ Đà (của Bà La Môn) cũng chân thực.

[Sweet] Theo ngài Trí Tác Tuệ, nên căn cứ vào phương diện nội dung, thay vì quá chú trọng vào phương diện lịch sử,

trong việc phán định một bộ kinh là do Phật nói hay không. Có bốn điều kiện để xác nhận một bộ kinh là do Phật nói: (1) ý nghĩa chính đáng, (2) biểu dương Chánh Pháp, (3) làm nhân cho sự diệt trừ vô minh, (4) hiển hiện công đức Niết Bàn. Nay, kinh điển Đại thừa đều gồm đủ bốn điều kiện này, các hành giả Tiểu thừa nên tôn trọng Đại thừa kinh là do Phật nói. Tiểu thừa cho rằng kinh điển của họ cũng được một số ngoại đạo thừa nhận là do Phật nói. Tịch Thiên trả lời rằng: Nếu ngoại đạo công nhận là có giá trị, thì kinh điển Phệ Đà của Bà La Môn cũng sẽ có giá trị. Điều này đương nhiên không được các vị Tiểu thừa chấp nhận.

**(43) [Tiểu thừa] Đại giáo nhiều tranh luận,
Cho nên không công nhận.
[Trung Quán] Tiểu giáo tranh Đại giáo,
Ngoại đạo tranh Tiểu giáo,
Tiểu giáo tranh luận nhau,
Chỗ tranh đều không nhận!**

[Sweet] **Trung Quán:** Nếu các bạn (Tiểu thừa) cho rằng kinh điển Đại thừa có nhiều điểm cần phải tranh luận, do đó cần phải bị phủ nhận là lời Phật nói. Nếu vậy, các bạn nên phủ nhận ngay cả kinh điển của chính mình, vì chúng cũng là chỗ tranh luận bởi bọn ngoại đạo, và bởi những người ngay chính trong nhóm của các bạn (chỉ các giáo phái Tiểu thừa tranh chấp với nhau về giáo lý).

**(44) Nếu biên vào Kinh tạng,
Thì nhận là Phật nói,
Tam tạng Đại thừa giáo,
Sao bạn lại không nhận?**

[Wisdom] Điểm chính của bài kệ này là: Vì phần lớn các kinh Đại thừa đều tương tự như kinh Tiểu thừa (xem chú thích kệ 42), bởi thế kinh Đại thừa cũng phải được công nhận là do Phật nói.

**(45) Nếu bạn vì không hiểu
Một bộ kinh Đại thừa
Mà cực lực phủ nhận
Đại thừa do Phật nói,
Nay nên vì một bộ,
Đại thừa đồng Tiểu thừa,
Mà phải chấp nhận rằng,
Đại thừa do Phật nói!**

**(46) Các ngài Đại Ca Diếp, ...
Chưa lường kết lời Phật!
Ai vì bạn không hiểu,
Mà phớt bỏ Đại thừa?**

[Dịch Chú] Các vị A La Hán như ngài Đại Ca Diếp v.v... còn chưa thể thấu triệt hết tất cả lời Phật nói. Ai vì bạn không hiểu kinh điển Đại thừa, mà nhận rằng không nên tin tưởng, thọ trì kinh Đại thừa.

**(47) Nếu tăng là giáo bản,
Tăng cũng khó an trụ!
Kẻ chấp pháp là thực,
Khó mà chứng Niết Bàn!**

[Sweet] Chân thực tăng là gốc của giáo pháp (giáo bản). Những kẻ chấp trước vào pháp là có thực, (họ) không thể là chân thực tăng, và (chắc chắn) cũng sẽ khó mà chứng đắc Niết Bàn.

[Crosby] (1) Trong lịch sử Phật giáo, tăng đoàn đã trải qua nhiều sự rạn nứt. Những sự rạn nứt này là kết quả của sự tranh chấp về giới luật. Mỗi giáo phái đều giải thích giới luật theo quan điểm của tông phái mình. Sự khác biệt này đưa đến là giáo phái này không chấp nhận những điều luật của giáo phái khác. Đây là điều mà tăng đoàn được gọi là không được thiết lập một cách vẹn toàn. (2) Những vị La Hán, theo Tiểu thừa là bậc chứng ngộ, nhưng họ bám víu vào những thực thể (chấp pháp là có thực), và không hoàn toàn thấu triệt lý Không Tánh. Vì lý do này, theo kinh Bát Nhã Ba la Mật, họ không thể chứng Bồ Đề (theo ý nghĩa Đại thừa). Nhân đây, "sự giác ngộ" của họ không được thiết lập một cách vẹn toàn.

**(48) [Tiểu thừa] Nếu quán pháp Tứ Đế,
Mục vô thường, vô ngã,
Sẽ chứng đắc giải thoát,
Cần gì chứng Tính Không?**

[Dịch Chú] Muốn đoạn trừ vô minh, chứng đắc giải thoát, chỉ cần tu pháp Tứ Đế là đủ, không cần phải chứng Bát Nhã Không Tuệ.

**[Trung quán] Kiến đạo nếu giải thoát,
Đoạn hiện hành cũng thế,
Bọn họ tuy đoạn hoặc,
Nghịệp báo vẫn hiện hành!**

[Dịch Chú] Nếu nói chỉ cần pháp Tứ Đế sẽ được giải thoát, thì kẻ diệt trừ phiền não hiện hành cũng nên được giải thoát. Sự thực, các vị đó tuy đoạn trừ phiền não hiện hành, nhưng chủng tử phiền não (tập khí) vẫn còn. Do đó, nghiệp duyên vẫn có thể kết hợp với chủng tử, và đưa đến công năng sinh ra thân đời sau.

[Crosby] Trong hậu kỳ văn học Phật giáo Ấn Độ, ngay cả các vị A La Hán, được mô tả là có những hành động hoàn toàn bị khống chế bởi những tập khí của họ. Chẳng hạn, như trong các vị đại đệ tử của đức Phật, ngài Đại Ca Diếp, là người thuộc giai cấp cao, chưa đoạn hết tập khí kiêu mạn. Hơn nữa, tuy ngài là một tu khổ hạnh nổi tiếng, nhưng khi nghe tiếng nhạc liền tự động nhảy múa, vì đời quá khứ ngài từng sinh ra trong loài khỉ. Lại như ngài Kiều Phạm Ba Đề, từng làm thân trâu nhiều đời, do đó vẫn còn thói quen nhởi cơm như bò nhởi cỏ. Lại còn ngài Madhavasistha, đời trước cũng từng làm khỉ, do đó vẫn còn thói quen thích leo cây, leo tường. Lại còn có câu chuyện một vị Bích Chi Phật, đời trước đã từng làm kỹ nữ, do đó vẫn còn thói quen làm dáng và ảo lả như con gái.

**(49) [Tiểu thừa] Nếu không còn ái thủ,
Quyết định không hậu hữu.
[Trung quán] Ái không nhiễm ô này,
Mục si, làm sao không?**

Ái thủ: tức là hai chi ái (tham luyến) và thủ (bám lấy) trong Thập Nhị Nhân Duyên. Hậu hữu: tức là thân đời sau.

[Dịch Chú] Tiểu thừa cho rằng A La Hán đã đoạn trừ ái và thủ (là nguồn gốc cho sự thọ sinh đời sau), như vậy họ sẽ không còn hậu hữu, nhưng theo phái Trung Quán, A La Hán tuy đã đoạn trừ được nhiễm ô ái, nhưng vẫn chưa đoạn trừ được phi nhiễm ô ái (ái không nhiễm ô).

Phụ chú: Vô minh được phân làm hai loại: nhiễm ô vô minh và phi nhiễm ô vô minh. Ái cũng tương tự, được phân làm hai loại nhiễm ô và phi nhiễm ô. A La Hán, theo Đại thừa, chỉ đoạn được nhiễm ô vô minh nhưng chưa đoạn được phần phi nhiễm ô. Đối với ái cũng thế. Tuy vậy, nên nhớ rằng ái và vô minh có sự khác biệt. Vô minh là thể, còn ái chỉ là sự tác dụng của vô minh.

**(50) Do duyên thọ, sinh ái,
La Hán vẫn còn thọ,
Vì tâm còn sở duyên,
Thọ vẫn ở trong tâm.**

[Dịch Chú] Nếu như chấp thọ vẫn còn và làm trợ duyên, nhất định sẽ đưa đến sự tham ái. Các vị La Hán, tuy tạm thời trừ được phiền não hiện hành, nhưng trong tâm thức vẫn còn chủng tử tham ái. Nhân đây, tâm chấp pháp là thực có của họ vẫn còn thọ duyên, do đó trong tương lai vẫn có thể sinh khởi sự tham ái.

**(51) Nếu không chứng "Không Tuệ",
Tâm diệt, hoặc lại sinh,
Giống như Vô Tướng Định,
Vậy phải tu Không Tánh!**

[Dịch Chú] Nếu chỉ tu tập Tứ Đế mà không triệt ngộ trí tuệ về Tính Không, phiền não tâm sở tuy tạm thời đình chỉ hoạt động, nhưng trong tương lai vẫn có thể sinh khởi trở lại, giống như Vô Tướng Định. Do đó phải nỗ lực tu tập Tính Không, hầu có thể trừ diệt phiền não đến tận gốc rễ.

**(52) Vì muốn độ kẻ ngu,
Bồ Tát bỏ tham, sợ,**

**Bi, Trí trụ luân hồi,
Tức là ngộ Không quả!**

[Crosby] Ở trong sinh tử để làm lợi ích cho chúng sinh bị khổ đau bởi vô minh, là do sự thoát ly từ hai cực đoan: sự tham ái và sự sợ hãi. Đây là thành quả của sự tu tập Không Tánh.

**(53) Chớ nên khởi vọng động,
Phá trừ lý Không Tánh;
Tâm đừng nên sinh nghi,
Đúng lý tu Không Tánh!**

**(54) Không Tánh có thể trị:
Phiền não, sở tri chướng;
Người muốn mau thành Phật,
Sao không tu Không Tánh?**

Phiền não, sở tri chướng: (1) phiền não chướng: tham sân si phiền não thường thường sinh khởi, làm chướng ngại sự thành đạo, (2) sở tri chướng: tham sân si chướng ngại làm cho cảnh hiểu biết (sở tri cảnh) không thể hiển hiện, còn gọi là trí chướng, tức là tham sân si chướng ngại làm cho trí tuệ không thể hiển hiện.

**(55) Chấp thực sẽ sinh khổ,
Nên sợ sự chấp này!
Chứng "Không" sẽ diệt khổ,
Sao lại sợ Không Tánh?**

**(56) Thực ngã nếu vẫn còn,
Đối vật sẽ sinh sợ;**

**Nay đã không thực ngã,
Ai là người sợ hãi?**

[Dịch Chú] Chỉ cần có chút ít sự tồn tại của thực ngã, đương nhiên sẽ có sự sợ hãi là ngoại cảnh sẽ đến tổn hại mình. Nay đã hiểu rõ là không có cái ngã chân thực tồn tại, như vậy ai là người sợ hãi? Thân sợ? Tâm sợ? Hay là lục phủ ngũ tạng sợ?

**(57) Răng, tóc chẳng phải ngã,
Ngã chẳng phải máu, xương,
Chẳng phải đờm, nước bọt,
Cũng chẳng phải mũi, mắt,**

**(58) Chẳng phải mỡ, mô hôi,
Cũng chẳng phải phổi, gan,
Ngã chẳng phải nội tạng,
Chẳng phải đại, tiểu tiện,**

**(59) Thịt, da không phải ngã,
Mạch máu, khí, hơi ấm,
Trăm khiếu và sáu thức,
Tất cả không phải ngã!**

Trăm khiếu: nói chung là các khoảng trống trong thân thể.

[Sweet] Ở đây, ngài Tịch Thiên bắt đầu một đoạn văn (kệ 57-69), muốn chứng minh là cái ngã không hiện hữu. Đầu tiên là sự lập luận là cái ngã không có trong thân thể vật chất (kệ 57-59). Ở đây ngài không dùng sự lập luận, mà chỉ phê bài các bộ phận trong thân thể, cho chúng ta thấy được sự phi lý nếu chúng ta cố

gắng đồng nhất cái ngã với bất cứ bộ phận nào trong cơ thể mình. Phần cuối của kệ (59), phá sáu thức là ngã, là muốn phá lập luận của phái Số Luận, đồng nhất ngã với thức.

**(60) Thanh thức nếu là thường,
Mọi thời đều nghe tiếng,
Nếu không có âm thanh,
Lý gì gọi nghe thanh?**

[Dịch Chú] Nếu thức là thường hằng, thì lúc nào nó cũng nghe thấy âm thanh. Giả như không có âm thanh nào làm đối tượng cho nó, thì làm sao gọi là nó đang nghe âm thanh được?

**(61) Không thức mà biết được,
Cây cũng có thể biết;
Vì thế nên hiểu rằng,
Không cảnh thì không biết!**

[Sweet] Ở đây, Tịch Thiên bác bỏ lập luận của phái Số Luận cho rằng ngã là động lực chính cho sự nhận thức thường hằng (eternal). Tịch Thiên bắt đầu bằng cách cho rằng nếu thanh thức đồng nhất với cái ngã, vì kẻ đó phải thường nghe âm thanh (vì ngã là thường). Số Luận cho rằng tuy âm thanh không luôn luôn hiện hữu, nhưng người nghe (cái ngã) luôn luôn hiện hữu và không biến đổi. Phái Trung Quán không đồng ý, cho rằng sự nhận biết âm thanh không thể rời âm thanh mà có được. Nếu sự nhận biết không cần đối tượng, thì cây gỗ hay những vật vô tri cũng có thể nhận biết sự vật. Do đây, bác bỏ lập luận của Số Luận cho rằng sự hiểu biết có thể hiện hữu mà không cần đối tượng.

**(62) Nếu nói thức biết sắc,
Lúc đó sao không nghe?**

**Nếu nói thanh không gần,
Ắt thanh thức không có!**

[Batchelor] **Số Luận phản đối:** "Khi không có âm thanh không có nghĩa là không có người nghe. Bởi vì khi không có âm thanh, cái thức nghe thanh lúc trước quay sang nhận thức hình sắc v.v..." **Trung Quán:** "Nếu thế, cái thức lúc thấy hình sắc đó sao lại không nghe? Nếu cho rằng âm thanh không hiện hữu ở gần đó cho nên không nghe, chứng tỏ lúc đó thanh thức cũng không hiện hữu. Như vậy thanh thức cũng không thường hiện hữu như các bạn (Số Luận) đã quả quyết".

**(63) Tự tính là nghe thanh,
Lâm sao thành nhãn thức?**

**[Số luận] Một người làm cha, con.
[Trung quán] Giả danh không chân thực.**

[Dịch Chú] **Trung Quán:** "Hơn nữa, bản tính của thanh thức là nhận thức âm thanh, tại sao lại trở thành nhãn thức có công năng nhận thức hình sắc?" **Số Luận:** "Cũng giống như một người, lúc được gọi là cha, lúc được gọi là con." **Trung Quán:** "Nhưng tên gọi cha, con chỉ là giả danh, không phải như chủ trương của các bạn (Số Luận), cho rằng nhãn thức, thanh thức, v.v... là chân thực."

**(64) Ba đức Ưu, Hỷ, Ám,
Chẳng phải con hoặc cha;
Nhãn thức không tính nghe,
Vi không thấy tính ấy.**

Ưu, Hỷ, Ám: Phái Số Luận chủ trương ba đức Ưu (Suffering), Hỷ (Joy), và Ám (Confusion) là ba tính chất căn bản của vũ trụ. Nếu ba đức này ở thế quân bình thì gọi là Vật chủ. Vật chủ là căn bản sinh ra tất cả các vật trong vũ trụ (Vật chủ và Ngã là hai thực thể khác biệt, Vật chủ không sinh ra Ngã, mà Ngã cũng không sinh ra vạn vật vì nó thường hằng bất biến). Khi cái Ngã này tiếp xúc với Vật chủ, sẽ phát sinh ra cảm thức (thức), cơ quan nhận thức (căn), và đối tượng nhận thức (vật, hoặc còn gọi là trần), mà cái ngã sẽ cảm thọ.

[Batchelor] Trung Quán cho rằng: "Trong trường hợp này, Vật chủ (phái Số Luận cho rằng chân thực hiện hữu) không thể nào là cha hoặc con (giả danh). Hơn nữa, nhãn thức (nhận thức hình sắc) cũng không thể có tính chất nghe được âm thanh, vì trong nhãn thức không thể nào tìm ra được cái tính chất nghe thanh đó."

**(65) [Số luận] Như diễn viên nhiều dạng.
[Trung quán] Thức đó không thường hằng.
[Số luận] Tuy dạng khác, thể đồng.
[Trung quán] Sự đồng chưa từng có!**

[Batchelor] **Số Luận:** "Giống như diễn viên có thể đóng nhiều vai trò, cái thức nghe được âm thanh đó, lúc khác vẫn có thể thấy được hình sắc." **Trung Quán:** "Nếu vậy thanh thức đó không phải là thường hằng, vì nó tiếp tục biến thành cái khác." **Số Luận:** "Tuy thức đó hiển hiện dưới nhiều hình thức khác nhau (nghe thanh, thấy sắc), nhưng thể của nó vẫn là một, là đồng nhất." **Trung Quán:** "Sự đồng nhất kiểu đó, chúng tôi chưa từng nghe thấy!"

**(66) Hình dạng nếu không thực,
Tự tính sẽ là gì?**

**Nếu nói tức là thức,
Chúng sinh sẽ thành một!**

[Dịch Chú] Trung quán: "Nếu bạn (Số Luận) cho rằng thức đó (thể không biến đổi) hiển hiện ra dưới nhiều dạng (nghe thanh, thấy sắc) khác nhau, và các dạng hiện ra đó là không thực, nếu thế, thể của các dạng đó là gì? Nếu nói thể của các dạng khác nhau đó chính là thức, như vậy tâm chúng sinh (dạng khác nhau) sẽ là một (thể của chúng là đồng nhất)."

**(67) Tâm, không tâm là một,
Đều là thường hiện hữu;
Nếu sai khác là giả,
Sự đồng nương chỗ nào?**

[Dịch Chú] Trung Quán: "Hơn nữa, vật hữu tình (có tâm) và vật vô tình (không tâm) sẽ là một, vì cả hai đều là thường hiện hữu. Nếu các bạn (Số Luận) cho rằng các vật biểu hiện (hữu tình, vô tình) đều là huyễn giả, như vậy chỗ cộng đồng y cứ của chúng làm sao có thể là chân thực (thức) được?"

**(68) [Trung quán] Không tâm không phải ngã,
Không tâm như là bình.
[Ni kiên tử] Lúc hợp lại có tâm.
[Trung quán] Biết thành, không biết diệt.**

[Batchelor] Hai bài kệ sau (68, 69) là biện phá pháí Ni Kiên Tử. Ni kiên Tử chủ trương cái ngã là vật thường hằng, độc lập, và bản tính là vật chất. Phái này cho rằng cái ngã nhận thức được sự vật là vì nó có cái tâm riêng biệt (độc lập với cái ngã).

[Batchelor] Trung Quán: "Vật (vô tri) không thể là ngã, vì nó không thể cảm thức (biết) được sự vật, giống như cái bình". **Ni Kiên Tử:** "Tuy bản chất của nó không phải là tâm, nhưng nó có thể cảm thức được sự vật, vì nó có một cái tâm (độc lập với nó). Khi hai bên (ngã và tâm) tạm thời hợp lại, thì có sự cảm thức (biết)". **Trung Quán:** "Đây là điều phi lý. Vì khi cái ngã hợp với cái tâm (biết), thì cái ngã (không biết) không còn hiện hữu. Như vậy làm sao các bạn (Ni Kiên Tử) có thể nói là thường hằng cho được?"

Phụ chú: Cái ngã không thể vừa biết vừa không biết. Ni Kiên Tử chủ trương cái ngã không biết (vì không tâm) là thường hằng. Nay cái ngã đã biết, thì cái ngã không biết ắt phải không hiện hữu. Đây là sự mâu thuẫn của họ.

**(69) Nếu ngã không biến đổi,
Tâm đối ngã ích gì?
Vô tri, không tác dụng,
Hư không cũng thành ngã!**

[Batchelor] Trung Quán: "Dù là cái ngã không biến đổi, nhưng làm sao cái ngã vô tri, xuyên qua cái tâm biết nhận thức, từ một vật không biết nhận thức lại có thể nhận thức được sự vật? Lại nữa, nếu nhận rằng cái ngã là vật không biết nhận thức vì nó là vật chất, lại không có tác dụng vì nó thường hằng không biến đổi, nếu vậy hư không cũng là cái ngã (như bạn chủ trương)!"

**(70) [Hỏi] Nếu ngã không thực hữu,
Nghiệp báo thực phi lý!
Kẻ làm xong đã diệt,
Ai là kẻ thọ báo?**

[Batchelor] **Hỏi:** "Nếu cho rằng cái ngã không thường hằng, như vậy sự liên hệ giữa nhân và quả (nghiệp báo) đâu còn ý nghĩa gì? Vì một sát na sau khi cái nghiệp được tạo ra, thì cái ngã vừa tạo nghiệp đó đã không còn, như vậy ai sẽ là kẻ nhận thọ quả báo đó?"

Phụ Chú: Từ bài kệ (70) đến kệ (77), phái Trung Quán biện phá những sự nghi ngờ về sự hiện hữu của cái ngã.

**(71) [Trung quán] Người làm, người thọ khác,
Báo đến, kẻ làm mất;
Tôi, bạn đều đồng ý,
Tranh nhau, nghĩa lý gì?**

[Batchelor] **Trung Quán:** "Căn bản của nghiệp (đời này) và căn bản của quả báo (đời sau) là hai thực thể khác nhau. Bạn chủ trương cái ngã thường hằng (không tạo nghiệp, không thọ quả báo), chúng tôi chủ trương không có cái ngã tạo nghiệp, không có cái ngã thọ báo. Chẳng phải bạn và chúng tôi đều chung quan điểm? Sao còn thắc mắc nổi gì?"

**(72) Tạo nhân liền thấy quả,
Điều này không thể có!
Y vào sự tương tục,
Phật nói kẻ làm thọ.**

[Batchelor] **Ngoại đạo lại tiếp tục đặt vấn:** "Còn những hành động (nhân) mà gặt quả báo liền trong đời này? Chúng không thể nào có hai thực thể khác biệt, một bên tạo nghiệp, một bên thọ báo!" (**Phụ chú:** Ý của ngoại đạo vẫn là muốn chứng tỏ có một cái ngã là chủ nhân của sự tạo nghiệp thọ báo). **Trung Quán:** "Nhân và quả không thể nào hiện hữu cùng một lúc, như cha và

con không thể nào được sinh ra cùng một lúc". **Ngoại đạo:** "Thế nhưng trong một đoạn kinh (Phật giáo) có nói như sau: *Một kẻ đã tạo nghiệp sẽ thọ báo như thế nào? Nay các Tỳ Kheo, những nghiệp thiện ác mà các ông tạo và tích tụ sẽ không hiện quả báo trên những vật khác như đất, sỏi, mà sẽ hiện quả báo trên thân tứ đại của các ông trong đời vị lai.* Nếu vậy, chẳng lẽ các bạn (Trung Quán) đã không mâu thuẫn với lời kinh là *kẻ tạo nghiệp sẽ thọ báo hay sao?*" **Trung Quán:** "Đây là do Phật căn cứ vào sự tương tục của một cá nhân mà nói về nghiệp báo. Thực sự không có một cái ngã thường hằng bất biến như các bạn (ngoại đạo) chủ trương."

**(73) Tâm quá khứ, vị lai,
Đều không, không phải ngã,
Tâm hiện tại nếu là,
Diệt đi, ngã cũng mất!**

[Batchelor] **Ngoại đạo:** "Tại sao bạn (Trung Quán) cho rằng không có cái ngã thường hằng bất biến?" **Trung Quán:** "Tâm quá khứ, tâm vị lai đều không phải là ngã. Vì tâm quá khứ đã diệt, và tâm vị lai chưa sinh. Chúng đều không tồn tại. Nếu nói tâm hiện tại là ngã, thì khi tâm này biến thành quá khứ (diệt đi), cái ngã cũng không còn. Lập luận tương tự, có thể chứng minh rằng năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) đều không phải là ngã."

**(74) Uí như thân cây chuối,
Bóc đi, không còn gì;
Như vậy dùng tuệ quán,
Tìm ngã, thấy không thực!**

**(75) [Hỏi] Hữu tình nếu là không,
Khởi lòng bi với ai?**

**[Trung quán] Bồ Tát còn vô minh,
Vẫn thấy có chúng sinh,
Vì muốn cứu vớt họ,
Nên lập nguyện thành Phật.**

Bồ Tát ... thành Phật: Bồ Tát vì còn vô minh nên vẫn còn thấy có chúng sinh (như huyễn), vì muốn cứu độ những chúng sinh (như huyễn) này, các ngài đã phát nguyện tu hành thành Phật.

**(76) Người không, ai đặc quả?
Nếu nói tâm si đặc,
Vì diệt chúng sinh khổ,
Không nên trừ si này!**

[Dịch Chú] Hỏi: "Nếu hữu tình không có thực, ai là kẻ phát tâm thành Phật?" **Trung Quán:** "Chủ trương của chúng tôi là trên phương diện Thắng Nghĩa Đế, không có Phật, không có chúng sinh. Nhưng trên phương diện danh ngôn (Thế Tục Đế), do vô minh (thấy có chúng sinh khổ não) mà lập nguyện, có thể thành Phật. Do đó, vì muốn diệt trừ khổ não của chúng sinh mà phát tâm thành Phật, tuy đó là sự phân biệt, xuất phát từ vô minh, nhưng cũng không nên trừ diệt sự phát tâm này."

Phụ chú: Không phải như một số người chủ trương không Phật, không chúng sinh, rồi không chịu tu hành, làm thiện. Đây là điều lầm lẫn, chỉ đưa đến sự đọa lạc.

**(77) Ngã mạn là gốc khổ,
Lại tăng trưởng ngã chấp;
Hỏi: "Làm sao trừ mạn?"
Đáp: "Nên tu vô ngã!"**

[Batchelor] Trung Quán: "Tuy không nên diệt trừ sự phát tâm (phát khởi từ vô minh), nhưng phải trừ diệt ngã chấp, vì đây là nguồn gốc tăng trưởng sự ngã mạn và thống khổ." **Hỏi:** "Thế nhưng chẳng có phương pháp nào đối trị ngã chấp?" **Trung Quán:** "Có. Quán vô ngã chính là phương pháp hay nhất để đối trị sự chấp ngã."

**(78) Bàn chân và bắp chân,
Bắp đùi, hông và bụng,
Lưng, ngực và đôi vai,
Tất cả không phải thân.**

[Wisdom] Trong phần giải thích pháp vô ngã, tác giả thảo luận bốn niệm xứ: thân, thọ, tâm, pháp. Những đối tượng này được đem ra quán sát, và chứng minh là chúng không có thực.

[Behold] Đối với kẻ phàm phu chúng ta, cái thân hiện ra như một vật có thực, và chúng ta chấp vào, bám vào sự (hình như) có thực đó ... Sự lầm lẫn này là nguồn gốc của sinh tử luân hồi ... Nếu cái thân là có thực, chúng ta phải tìm ra nó từ một trong những bộ phận, hoặc là từ sự tổng hợp của các bộ phận, hoặc từ nơi khác với hai chỗ này. Thế nhưng, như chứng minh ở phía dưới, chúng ta không thể tìm ra cái thân (có thực) như vậy.

Phụ chú: Từ kệ (78) đến kệ (105) là phần giải thích về pháp vô ngã: (1) Từ kệ 78-87: thân niệm xứ; (2) kệ 88-101: thọ niệm xứ; (3) kệ 101 đến hai câu đầu của kệ 105: tâm niệm xứ; (4) hai câu cuối của kệ 105: pháp niệm xứ.

**(79) Bàn tay và bắp tay,
Hai nách, đầu, nội tạng,**

Tất cả không phải thân,
Trong đây ai là thân?

(80) Nếu nói thân ở khắp,
Tất cả các bộ phận,
Mỗi bộ là phần riêng,
Thân phải ở chỗ nào?

[Wisdom] Ngoại đạo: “Cái thân, là một thực thể riêng biệt, tuy khác biệt với tất cả bộ phận, nhưng lại ở khắp tất cả bộ phận.” Trung Quán: “Bạn cho rằng cái thân ở khắp tất cả bộ phận, nhưng lại cho rằng thân này tự nó không có bộ phận, nếu vậy nó phải ở chỗ nào?”

(81) Nếu nói một thân này,
Phân ra ở các phần;
Vậy có bao bộ phận,
Là có bấy nhiêu thân!

(82) Trong, ngoài, nếu không thân,
Tay làm sao có thân?
Ngoài tay không gì khác,
Làm sao mà có thân?

[Batchelor] Nếu cái thân không ở ngoài, cũng không ở trong, làm sao mà tay, chân, v.v... có được thân này? Hơn nữa, cái thân này không thể khác biệt với tay, chân, v.v... Làm sao mà có một cái thân hiện hữu, mà lại hoàn toàn khác biệt với các bộ phận của nó?

(83) Không thân, vì ngu mê,
Đôi tay nghĩ có thân,
Như do hình dạng đá,
Lầm tưởng là người thật.

(84) Khi chúng duyên tụ hợp,
Thấy hình đá giống người;
Như vậy đôi tay, chân,
Mà thấy thực có thân.

[Dịch Chú] Bất cứ lúc nào, khi các nhân duyên cho sự nhầm lẫn tụ hợp đầy đủ, thì tảng đá sẽ bị nhìn lầm thành hình người. Cũng vậy, khi tay, chân, các bộ phận và các hoạt động sinh lý (tâm thức) đầy đủ, cái tổ hợp của các bộ phận đó, sẽ bị nhìn lầm và bị chấp là người thực.

(85) Bàn tay do ngón hợp,
Đúng lý là vật gì?
Ngón tay do móng thành,
Móng lại có thể phân.

(86) Phần lại phân thành trần,
Trần phân thành phương phần,
Phương trần không bộ phận,
Như không, không vi trần.

Phương phần: tức là phương hướng. Vi trần là phần nhỏ nhất của vật chất. Khi phân chia vi trần thì thành hư không. Phương phần kỳ thực không hiện hữu. Như vậy vi trần (atom) cũng không thực sự hiện hữu, do đó mới nói: "Phương phần không (có)

bộ phận, như (hư) không, (vì thế) không (có) vi trần (có thực)". Nếu vi trần không có thực, thì cái thân (là tổng hợp của vi trần) cũng không có thực

**(87) Vì thế người có trí,
Ai tham thân huyễn này?
Như vậy, thân nếu không,
Sao còn tham hình tướng?**

**(88) Tính khổ nếu có thực,
Sao không tổn niềm vui?
Sự vui nếu có thực,
Sao không vui nổi sâu?**

Từ đây đến kệ 101 là quán thọ niệm xứ.

**(89) Nếu nói vì khổ nhiều,
Nên không cảm giác vui;
Nếu đã không cảm giác,
Sao lại gọi là vui?**

[Sweet] **Trung Quán:** "Nếu sự khổ là có thực, sao nó không thương tổn kẻ đang vui sướng? Nếu ăn món ngon là thực sự vui sướng, tại sao nó không làm kẻ đang đau khổ trở nên vui sướng?" **Đối phương:** "Khổ hoặc vui thực sự hiện hữu, nhưng nó bị che lấp bởi sức mạnh của cảm giác đối ngược, do đó không cảm giác được nó". (**Phụ chú:** tức là đối kẻ đang vui, tuy sự khổ hiện diện, nhưng anh ta không cảm nhận được, và ngược lại.) **Trung Quán:** "Làm sao không cảm giác lại được gọi là thọ?"

(90) Như nói có ít khổ,

**Há đã chẳng trừ khổ?
Nếu nó là vui thừa,
Ít khổ ít là vui!**

[Dịch Chú] Nếu cái khổ thọ đó, tuy lúc vui sướng nhiều, vẫn còn tồn tại dưới cảm giác ít khổ. Như vậy, chẳng phải là sự vui sướng đã tiêu trừ một phần lớn sự khổ hay sao? Nếu nói sự khổ ít là do sự vui đã tiêu trừ phần lớn sự khổ, và còn thừa lại một ít sự vui. Nếu thế sự khổ ít há chẳng phải đã thành sự vui sướng! Tại sao có thể nói là khổ?

**(91) Nếu do sự nghịch duyên,
Khổ thọ không sinh khởi,
Phải chăng sự khổ, vui,
Đều chỉ là vọng tưởng?**

[Dịch Chú] Nếu như gặp nghịch duyên cho nên khổ thọ không thể sinh khởi, điều này chứng tỏ khổ thọ tùy nhân duyên mà sinh diệt, hoàn toàn không có tự tính. Nhân đây biết rằng sự phân biệt cảm giác là không có thực, hoàn toàn chỉ là chấp trước sai lầm (vọng tưởng).

**(92) Thế nên tu Không quán,
Đôi trí chấp thực có,
Trong ruộng tốt "quán tuệ",
Trồng món ngon Du Già.**

[Batchelor] Sự thấm nhuần lý Không Tính, trưởng sinh từ sự quán sát của tâm, là món dinh dưỡng nuôi sống sự hiểu rõ về thực tại cho các hành giả Du Già.

**(93) Nếu căn, cảnh cách nhau,
Làm sao sinh cảm xúc?
Nếu không cách, thành một,
Bên nào gặp bên nào?**

Bên nào gặp bên nào: Căn tiếp xúc với cảnh? hay cảnh tiếp xúc với căn? Nếu cả hai đã là một, không còn đây, kia, thì làm sao còn có sự tiếp xúc?

**(94) Trần, trần không vào nhau,
Không trống, lượng bằng nhau,
Không vào thì không hợp,
Không hợp làm sao gặp?**

[Sweet] Bị phái Trung quán cật vấn như trên (kệ 93), ngoại đạo bèn đổĩ hướng cho rằng họ chấp nhận căn trần (atom of the sense faculty) và cảnh trần (atom of the object) đều không có bộ phận (part). Nhưng Tịch Thiên tiếp tục cật vấn: "Nếu hai bên đều không có bộ phận, căn trần và cảnh trần đều không có khoảng trống, và có kích thước sẽ bằng nhau. Như vậy, chúng không thể tiến nhập (penetration) vào nhau được. Nếu không có sự tiến nhập, làm sao có sự tiếp xúc? Nếu không có sự tiếp xúc, làm sao sinh cảm xúc?"

**(95) Không phân mà gặp nhau,
Việc này không có lý!
Nếu thấy, xin chỉ cho,
Vật không phân mà gặp!**

[Sweet] Nếu cả hai bên (căn, cảnh) đều không có bộ phận, thì không thể nào tiếp xúc được. Vì sự tiếp xúc có nghĩa là có chỗ

tiếp nhau. Nay đã không có bộ phận, làm sao mà tiếp nhau được? Điều này dẫn đến kết luận: Ngoại đạo ngụy biện về sự tiếp xúc nhau của căn và cảnh là phi lý.

**(96) Ý thức không sắc thân,
Gặp cảnh, không có lý,
Tự cũng không thực có,
Không gặp cảnh, như trên.**

[Sweet] Làm sao ý thức, không phải là vật chất (không có sắc thân), làm sao có thể hợp với căn trần và cảnh trần (cả hai đều là vật chất)? Điều này không thể có, là vì sự liên hợp cần phải có sự tiếp xúc. Mà điều này (sự tiếp xúc) không thể xảy ra giữa tâm và vật. (Phụ chú: Điều này cũng đã được đề cập trong kinh Lăng Nghiêm, khi Phật biện phá về sự hòa hợp giữa căn, trần, thức.) Đến đây ngoại đạo phản đỏi: "Tuy không có sự tiếp xúc giữa căn, trần, thức. Nhưng ít nhất chúng cũng tạo thành một tập hợp (aggregation) làm phát sinh hiệu quả là sự cảm thức". **Trung Quán:** "Ngay cả sự tập hợp này cũng không thực có (như đã biện phá ở trên)". Do đây biết rằng sự lập luận của ngoại đạo chỉ là những giả thiết phi lý và ngoan cố.

**(97) Nếu xúc không có thực,
Thọ từ chỗ nào sinh?
Sao đuổi theo trần lao?
Khổ nào hại kẻ nào?**

[Batchelor] Đến đây, đã thấy rõ rằng thức không hiện hữu, do đó cảm giác cũng không có thực. (Nghĩa là những cảm giác mà chúng ta nhận thấy đều là hư huyễn.) Đã biết như thế, tại sao vẫn còn miệt mài trong trần lao sinh tử, theo đuổi những thú vui giả tạo? Chung qui, có cái khổ nào hại được kẻ nào?

Phụ chú: Nghĩa là chẳng có cái khổ nào nào hại được mình, vì tất cả sự khổ đau đều chỉ là mộng huyễn.

**(98) Nếu biết: không người thọ,
Và không sự lank thọ,
Đã thấy điều chân thực,
Sao chưa dứt ái kiến!**

[Crosby] Nay đã biết không có người cảm thọ, và sự cảm thọ cũng không thực có. Đã biết rõ sự thực như thế. Ô, tham ái, tại sao mi không tự vỡ ra thành từng mảnh!

**(99) Thấy nghe hay cảm xúc,
Tức đều như mộng huyễn;
Thọ với tâm cùng sinh,
Nên tâm không thấy thọ.**

Thọ với ... thấy thọ: Ở đây tác giả bác bỏ sự có thực của cái tâm nhận thức sự cảm xúc. Vì tâm và thọ sinh ra cùng lúc, cho nên tâm không nhận thức được sự cảm thọ đó (hai bên không có tương quan nhân quả),

Phụ chú: theo Sweet, sự kiện tâm không nhận thức được cảm thọ (vì cả hai sinh khởi cùng lúc), không được giải thích rõ ràng trong phần này, nhưng có thể giả định là nếu có sự liên hệ nhân quả giữa tâm và sự cảm xúc, thì sự cảm xúc phải sinh ra trước tâm (để tâm cảm nhận được). Điều này trái ngược với tiên đề là cả hai cùng sinh khởi đồng thời.

**(100) Niệm sau chỉ nhớ được,
Mà không thọ niệm trước;**

**Không bị vật khác thọ,
Cũng không thể tự thọ.**

[Batchelor] Ý thức chỉ có thể nhớ được cảm thọ trong quá khứ, và mong ước những cảm thọ trong tương lai, chứ không thể trực tiếp kinh nghiệm được (Phụ chú: vì cảm thọ trong quá khứ đã diệt, và cảm thọ trong tương lai chưa đến). Bởi vì không có kẻ cảm thọ và vật được cảm thọ (cả hai đều không thực có), do đó cảm thọ không thể tự cảm thọ chính nó. Hơn nữa, nếu tâm quá khứ, hiện tại, vị lai đều không thể kinh nghiệm được cảm thọ, thì không ai (bất cứ vật nào) có thể trực tiếp kinh nghiệm được cảm thọ này.

**(101) Vì không có người thọ,
Thọ cũng không thực có;
Ai nói huyễn thọ này,
Hại được vẫn vô ngã!**

Ai nói .. vô ngã: Như thế, cái cảm giác khổ lạc như huyễn hóa này, làm sao tổn hại hoặc lợi ích cái thân vô ngã (do năm uẩn tụ hợp mà thành) được!

**(102) Ý không ở trong căn,
Cũng không ở trong sắc,
Không giữa, không trong ngoài,
Cũng không ở chỗ khác,**

**(103) Chẳng thân, chẳng khác thân,
Chẳng hợp cũng chẳng ly,
Cũng không có thực tính,
(Do đây mà nhận biết)**

Hữu tình tính Niết Bàn!

[Sweet] Lập luận ở đây cũng giống như lập luận ở phần trên. Nhưng ở đây đem tâm ra làm đối tượng phân tích. Cái tâm này không tìm được từ bất cứ chỗ nào, dù là căn, cảnh, v.v... Như vậy chứng tỏ là cái tâm này không thực có, và chỉ là vật tướng tượng. Do đó sự sinh tử luân hồi cũng không có thực. Hữu tình thực sự là đã được giải thoát, vì bản tính của họ là Niết Bàn. Tuy vậy, vì sự nhận thức sai lầm về thực tại và những khát vọng khổ đau đã lôi kéo họ chìm ngập trong sinh tử. Nhưng vì cái tâm nhiễm ô này chỉ là huyễn giả, cho nên hữu tình vẫn có cơ hội được giải thoát.

**(104) Rồi cảnh đã có thức,
Duyên gì mà sinh thức?
Thức, cảnh nếu đồng thời,
Đã sinh sao đợi duyên?**

**(105) Thức nếu sinh sau cảnh,
Duyên gì mà được sinh?**

Phần này là phá “sự thực có” của năm thức (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân).

[Batchelor] Ngoại đạo: "Tuy ý thức có thể là huyễn giả, nhưng năm thức: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, chẳng lẽ cũng không nhận thức được năm cảnh?" Trung Quán: "Thử quán xét xem thức này có trước, có sau, hoặc xuất hiện đồng thời với cảnh. Nếu thức có trước cảnh (ly cảnh), thì thức này (khi không có cảnh) nhận thức cái gì? Nếu cùng cảnh sinh đồng thời, thức đã sinh ra thì đâu còn phải cần duyên với cảnh để sinh ra thức. Còn nếu cảnh có trước rồi thức mới sinh ra. Thì khi thức sinh, cảnh đã diệt mất (Ở đây nói về

hiện tượng xảy ra trong sát na), thì lúc đó thức này duyên với cảnh nào? (Thức không còn đối tượng để nhận thức.)"

**Vậy không thể biết được,
Các pháp là thực sinh.**

[Batchelor] Từ những lập luận như trên, có thể kết luận rằng: Tất cả hiện tượng (pháp) đều không thực có.

**(106) [Phản đối] Nếu không Thế Tục Đế,
Làm sao có Nhị Đế?
Nếu Tục do phân biệt,
Làm sao chư hữu tình,
Chúng đắc quả Niết Bàn?**

[Dịch Chú] Phản đối: "Các bạn (Trung Quán) cho rằng các pháp đều không có tự tính, như vậy ắt là không có Tục Đế. Nếu không có Tục Đế, làm sao thành lập Nhị Đế (Chân Đế, và Tục Đế)? Hơn nữa, nếu như Tục Đế tồn tại là do sự chấp trước phân biệt, mà sự phân biệt của phàm phu, toàn là hư vọng điên đảo. Nếu vậy, hữu tình làm sao chứng được Niết Bàn?"

**(107) [Trung quán] Đây là do phân biệt,
Chúng chẳng phải Tục Đế;
Sau khi ngộ Tính Không,
Dùng giả danh an lập,
Đây gọi là Tục Đế,
Nếu không, không thể tục.**

[Dịch Chú] Trung Quán: "Những pháp do sự chủ quan phân biệt an lập mà cho là có thực, vốn không phải là thực sự tồn

tại. Đây không phải là điều mà chúng tôi gọi là Tục Đế. Mà phải hiểu rõ các pháp là không tự tính, sau đó dùng danh ngôn an lập (Phụ chú: nghĩa là tất cả các pháp hiện hữu hoàn toàn là giả danh, không có tự tính), đây mới gọi là Tục Đế. Nếu không như hoa trời (do mắt nhậm nhìn thấy), không thể thành lập Tục Đế được."

Phụ chú: Ở đây nên phân biệt rõ giữa thế tục và Thế Tục Đế. Thế tục tức là những sự vật theo quan niệm thế gian, nghĩa là kẻ phàm phu chấp trước mọi vật đều có thực (tự tính), hiện hữu như những cá thể độc lập. Trong khi đó Thế Tục Đế, theo lập trường Trung Quán, tuy không bác bỏ sự hiện hữu của các vật mà phàm phu cho là có, nhưng các ngài nhìn sự vật qua đôi mắt của những kẻ đã thể ngộ về Tính Không, nghĩa là các vật hiện hữu không có tự tính (như huyễn). Do đó các ngài tuy không đi ngược lại thế gian, cái nhìn của các ngài sâu sắc hơn phàm phu rất nhiều!

**(108) Phân biệt, chỗ phân biệt,
Nương nhau mà tồn tại,
Vì thế những quán sát
Đều nương vào tên gọi
Mà thế gian công nhận.**

[Batchelor] **Phản đối:** "Tâm (phân biệt) cùng vật (chỗ phân biệt) nương vào nhau mà tồn tại (hoàn toàn không có tự tính). Nếu vật không được thành lập, thì tâm cũng không hiện hữu. Như vậy, những sự phân tích của bạn (Trung Quán) sẽ không có giá trị." **Trung Quán:** "Đúng. Bởi vì vật không có thực, tâm cũng không có thực. Nhưng không có nghĩa là sự phân tích không có giá trị. Vì tâm phân tích đều là sự nhận thức theo Thế Tục Đế, và tùy thuận theo những lý luận hợp lý mà thế gian công nhận."

(109) [Phản đối] Nếu tâm phân tích Không,

**Lại bị đem phân tích,
Phân tích nếu bị phân,
Sẽ thành lỗi vô cùng!**

[Dịch Chú] Nếu chúng ta dùng lý trí phân tích và thành lập tất cả pháp là không tự tính, lúc đó nếu cái lý trí đã ngộ Không Tánh này lại bị đem phân tích, và sự phân tích này lại có thể bị phân tích. Như vậy, sự phân tích sẽ không ngừng nghỉ (và sẽ thành lỗi vô cùng!)

**(110) [Trung quán] Ngộ chỗ phân là không,
Lý trí không chỗ tựa,
Không tựa nên không sinh,
Gọi đây là Niết Bàn.**

[Dịch Chú] Sau khi chúng ta đã phân tích, và thể ngộ chư pháp là Không Tánh, thì cái lý trí phân tích đó không còn chỗ y tựa (cảnh). Cảnh (chỗ tựa, hoặc sở y) đã không có, thì tâm (kẻ tựa, hoặc năng y) cũng không sinh. Không năng không sở, đây là chỗ mà chúng ta gọi là trạng thái vốn có (bản nhiên) của Niết Bàn.

**(111) Phái Tâm Cảnh Thực Có,
Lý rất khó an lập;
Nếu cảnh do thức thành,
Nương đâu lập thức có?**

[Dịch Chú] Phái Thực Hữu chủ trương rằng tâm cảnh đều có thực. Lập luận như vậy khó mà thành lập. Nếu nói ngoại cảnh thực có là do tâm thức thành lập. Nếu thế, họ y cứ vào đâu mà thành lập tâm thức là thực có? (Phía trên đã biện phá tự chứng phân cùng các thức khác đều không thể thành lập.)

(112) Nếu thức do cảnh thành,
Nương đâu mà lập cảnh?
Tâm cảnh đối đãi thành,
Cả hai đều không thực.

(113) [Phản đối] Không con, chắc không cha,
Không cha, ai sinh con?
[Trung quán] Cha con đối đãi thành,
Như thế, không tâm cảnh.

[Dịch Chú] Phản đối: "Nếu như một người không con, không thể gọi kẻ ấy là cha. Nếu vậy, nếu không cha, con làm sao mà sinh?" (Phụ chú: Đối phương lập luận, muốn chứng minh là một trong hai, hoặc tâm, hoặc cảnh, là y cứ để thành lập cái kia.)
Trung Quán: "Đã không con ắt không cha, cha con chỉ là đối đãi mà có. Như vậy, cũng không có tâm và cảnh thực sự tồn tại."

(114) [Phản đối] Như mầm từ hạt sinh
Nhờ mầm biết có hạt,
Thức từ cảnh sinh ra
Sao không biết có cảnh?

[Sweet] Trong trường hợp sự nhận thức được sinh ra từ đối tượng của nó, và đối tượng được cảm nhận bởi sự nhận thức, cũng giống trường hợp cha con ở trên, vì hai bên tùy thuộc vào nhau, bên này không thể hiện hữu nếu không có bên kia, không bên nào là thực có. Tuy rằng sự kiện này là hiển nhiên như vậy, nhưng đối phương vẫn muốn chứng tỏ là sự hiện hữu của sự nhận thức thành lập căn nguyên của nó, tức là vật được nhận thức. Cũng giống như sự hiện hữu của hạt được chứng minh bởi sự hiện hữu của mầm.

(115) [Trung quán] Do thức khác với mầm,
Khen biết rõ có hạt,
Nhưng lúc tâm rõ cảnh,
Nương đâu biết có thức?

[Sweet] Tịch Thiên cho rằng sự tương tự của hai trường hợp là không thỏa đáng. Bởi vì sự hiện hữu của hạt không thể biết được do mầm, mà từ sự nhận thức suy luận sự hiện hữu của hạt, xuyên qua sự hiện hữu của mầm. Tuy thế, không thể chứng nghiệm sự nhận thức là thực sự hiện hữu; vì như chúng ta đã biết, sự nhận thức không thể tự chứng nghiệm, hay được chứng nghiệm bởi nhận thức khác, hay vật khác, là nó thực sự hiện hữu, như đã chứng minh ở phần trên.

(116) Người đời cũng thấy được,
Mọi vật đều có nhân;
Như rễ sen, cọng sen,
Do nhân khác sinh ra.

[Batchelor] Hai bài kệ (116-117) đả phá phái Tự Nhiên cho rằng mọi vật không nhân mà sinh ra, như trong sách vở của họ có nói: "Tất cả mọi vật, như mặt trời mọc lên, nước chảy xuống đồi, sự tròn trịa của hạt đậu, sự nhọn của gai, và lông đuôi của gà v.v... đều không do bất cứ ai tạo ra, chúng sinh ra do bản tính tự nhiên".
Trung Quán: "Lập luận này không thể chấp nhận được, vì đôi khi sự sản sinh của một vật từ tập hợp các nhân của nó được nhìn thấy rõ ràng bởi tất cả mọi người. Hơn nữa, có thể suy luận mà biết rằng sự khác biệt của sự vật là do sự khác biệt của nhân tạo ra nó."

(117) [Hỏi] Ai làm nhân khác biệt?

**[Trung quán] Do nhân trước sai khác.
[Hỏi] Tại sao nhân sinh quả?
[Trung quán] Do lực của nhân trước.**

[Sweet] Sự khác biệt của nhân lại từ sự khác biệt của nhân của chúng, và như thế đi dọc theo dòng sinh tử luân hồi không cùng tận. Cái sức của nhân được sinh ra từ nhân của nó v.v...

**(118) [Ni Kiền] Trời Tự Tại là nhân;
[Trung quán] Gì là Trời Tự Tại?
Nếu gọi là đại chúng,
Việc gì chỉ chấp tên?**

Từ đây đến kệ (142) là phá cái nhân thường trụ.

Đại chúng: tức là những yếu tố cấu tạo nên vạn vật. Có nhiều chủ trương khác nhau về đại chúng như tứ đại (đất, nước, lửa, gió), hoặc lục đại (đất, nước, lửa, gió, không gian, và thức) v.v...

[Batchelor] Phái Ni Kiền Tử và phái Thắng Luận chủ trương rằng trời Tự Tại là nguồn gốc của vạn vật. Trời Tự Tại có năm đặc tính: thiêng liêng, thanh tịnh và tôn kính, thường trụ, hằng nhất, và là kẻ sáng tạo vạn vật. **Trung Quán:** "Nếu bạn cho rằng trời Tự Tại là nhân; xin lỗi, ai là trời Tự Tại?" **Ni Kiền Tử:** "Ngài là yếu tố vĩ đại của đất, nước, lửa, gió và không gian." **Trung Quán:** "Như vậy, những nguyên tố này là nhân cho những sự vật mà chúng tạo ra. Nếu thế, bạn vì sao phải nhọc sức gán cho nó cái tên Tự Tại làm gì? Dù sao đi nữa, lời của bạn vừa nói mâu thuẫn với định nghĩa của bạn về trời Tự Tại."

**(119) Các đại chúng không tâm,
Chẳng thường, chẳng phải trời,**

**Như nhớt, bị giẫm đạp,
Chẳng phải trời Tự Tại.**

[Batchelor] Vì đất, nước v.v... là đầy dẫy (khác với hằng nhất), không thường hằng (khác với thường trụ), vật nhơ nhớt (khác với thanh tịnh), bị người và động vật giẫm đạp (khác với thiêng liêng và tôn kính), chúng không thể là trời Tự Tại.

**(120) Trời chẳng phải hư không,
Lại cũng chẳng phải ngã;
Nếu nói không nghĩ bàn,
Vậy trời có nghĩa gì?**

[Batchelor] Hư không cũng chẳng phải là trời Tự Tại vì nó bất động (vô tri), và cái ngã cũng không phải là trời Tự Tại (như đã phá ở trên). Hơn nữa, nếu chúng ta không thể nghĩ bàn về trời Tự Tại, như thế bạn uống công mô tả cái vật không thể nghĩ bàn này với mục đích gì?

**(121) Trời đó muốn sinh gì?
Ngã và trời Tự Tại,
Đại chúng há không thường?
Thức sinh từ chỗ biết.**

Chỗ biết: (Hán: sở tri) tức là cảnh vật làm đối tượng cho sự nhận thức.

[Batchelor] Lại nữa, trời Tự Tại sinh ra những gì? Ni Kiền Tử: "Ngài tạo ra cái ngã, vi trần của đất v.v... cũng như tạo ra sự tương tục (continuity) của chính Ngài." Trung Quán: "À, chẳng phải bạn đã thừa nhận rằng mọi vật là thường hằng hay sao? Nếu bạn đã thừa nhận như vậy, sao bạn lại mâu thuẫn với chính bạn,

nói rằng chúng "được sinh ra". Hơn nữa, sự nhận thức cũng không được sinh ra bởi trời Tự Tại, mà nó chỉ là sự nhận thức (cognition), sinh ra từ một chuỗi nhận thức từ vô thí."

**(122) Lại duyên vô thí nghiệp,
Vật nào do trời sinh?
Nếu nói trời vô thí,
Vật chẳng lẽ hữu thí?**

[Batchelor] Vui và khổ được sinh ra từ những hành động thiện, ác. Nếu vậy, trời Tự Tại sinh ra vật nào? Nếu trời, làm nhân cho vạn vật, là vô thí, như vậy sự vui, khổ (quả) chẳng lẽ là hữu thí (có sự bắt đầu)? Tương tự, nếu trời không có sự cùng tận (vô chung), tại sao sự khổ, vui không thường hiện hữu? Theo như lập luận của bạn, chúng phải nên hiện hữu như vậy, nhưng trên thực tế, chúng chỉ là những hiện tượng tương đối, lúc có lúc không.

**(123) Trời không nương vật khác,
Sao không thường tạo tác?
Nếu trời tạo tất cả,
Trời còn nhờ vào đâu?**

[Batchelor] Ni Kiên Tử: "Không cần thiết là trời lúc nào cũng sáng tạo sự vật. Tuy Ngài là thường, Ngài phải tùy thuộc vào các nhân duyên khác để tạo ra vạn vật." Trung Quán: "Như theo lập luận của bạn, trời không thể nương nhờ vào vật nào cả, vì tất cả mọi vật đều do trời tạo. Như vậy, trời còn phải nương vào đâu để tạo tác?"

**(124) Nếu nhờ duyên hợp sinh,
Sinh nhân không phải trời,**

**Duyên hợp, trời phải sinh,
Không hợp, trời không sinh.**

[Batchelor] Nếu trời phải tùy thuộc vào một số điều kiện nào đó, thì khi những điều kiện này đầy đủ, trời cũng không đủ năng lực sinh tạo ra vật (vì những điều kiện này đã là nhân sinh ra vật đó), và khi không có những điều kiện này (hoặc không đầy đủ), thì trời cũng chẳng thể sinh ra vật nào hết!

**(125) Ý muốn không tự tại,
Duyên sinh do lực khác,
Nếu nhờ ý mới sinh,
Sao gọi Tự Tại Thiên?**

[Crosby] Trung Quán: "Nếu bạn cho rằng trời tạo ra không do ý muốn của trời, tức là trời bị lệ thuộc vào những điều kiện khác hơn là chính mình. Chính ngay khi trời tạo ra vật do ý muốn của mình, ngài vẫn phải lệ thuộc vào dục vọng. Nếu vậy, làm sao có thể gọi là trời Tự tại?"

**(126) Vi trần, nhân vạn pháp,
Phần trên đã phá xong;
Số Luận tự cho rằng:
Vật chủ, chúng sinh nhân.**

[Batchelor] Hơn nữa, phái Thắng Luận cho rằng vi trần là nhân sinh ra vạn pháp, điều này không thể chấp nhận, như đã bị biện phá ở phần trên. Phái Số Luận cho rằng vạn vật được phân làm hai loại: cái ngã và vật chủ cùng tất cả vật mà nó sinh ra. Trong hai vật này, cái ngã không phải là nhân hoặc quả (vì nó thường hằng bất biến), trong khi Vật chủ (thường hằng, không có

bộ phận, vật chất, không thể nhìn thấy được, và tạo ra vạn vật) là nhân của tất cả vạn vật.

**(127) Hỉ lạc, Ưu và Âm,
Ba đức nếu quân bình,
Nói đó là Vật chủ;
Nếu sự quân bình mất,
Hiện thế giới, chúng sinh.**

[Batchelor] Số Luận cho rằng trạng thái quân bình (balanced state) của ba đức ưu, hỷ, ám là Vật chủ, và nếu ba đức mất sự quân bình, sẽ tạo ra thế giới, chúng sinh.

**(128) Một thể mà ba tính,
Phi lý, không hiện hữu!
Như vậy đức cũng không,
Vì nó lại có ba.**

[Batchelor] Vật chủ mà bạn chủ trương không thể nào hiện hữu, vì không thể nào có một vật không bộ phận (partless) mà lại có ba tính chất khác nhau. Tương tự, cái gọi là đức cũng không hiện hữu, vì tự nó lại có ba đức (và như thế sẽ trở thành vô cùng).

**(129) Nếu không có ba đức,
Không thanh, hương, vị, xúc,
Không cảm giác khổ vui,
Trong những vật không tâm.**

[Batchelor] Nếu không có ba đức, những hiện tượng được tạo ra bởi chúng cũng không hiện hữu; hơn nữa, những vật như vải,

cùng những vật tương tự khác (như hình sắc, âm thanh v.v...) không có tính chất khổ, vui v.v... vì chúng không có tâm.

**(130) Nói pháp đủ nhân tính,
Trên đá chẳng xét qua?
Nếu cho vui là nhân,
Mà vải không phải nhân.**

[Batchelor] Số Luận: "Những vật như vải, v.v ... có tính chất khổ, vui v.v... vì ba đức ưu (khổ), hỷ (vui), ám chính là nhân tạo ra vải." **Trung Quán:** "Thế nhưng, những vật như vải chẳng hạn, tương tự như thân thể (là sự tổ hợp của các bộ phận), đã bị biện phá là không có thực trong phần phân tích cái thân ở trên. Hơn nữa, truyền thống của các bạn cho là ba đức ưu, hỷ, ám là nhân của vải, v.v.... Làm sao có thể như vậy được? Vải không thể nào sinh ra từ khổ, vui; mà ngược lại, như đã biết, khổ, vui sinh ra từ vải v.v..."

**(131) Nếu vải sinh sự vui,
Không vải, ắt không vui;
Thường tính của sự vui,
Chung cuộc không thể có!**

[Batchelor] Hơn nữa, như trên đã phân tích, vải (nhân của sự khổ, vui) không thường hằng (không có thực), do đó sự khổ, vui (quả) cũng không thường hằng (không có thực).

**(132) Sự vui nếu thường còn,
Lúc khổ sao không vui?
Nếu nói vui giảm sút,
Vui sao lại nhiều ít?**

[Batchelor] Cảm giác vui, khổ v.v... không thể nào được chấp nhận là thường hằng, vì chúng chỉ là những hiện tượng thỉnh thoảng mới hiện ra. Nếu sự vui luôn luôn hiện hữu, tại sao khi đang bị đau khổ, nó không hiện hữu? **Số Luận:** "Khi sự đau khổ phát sinh, chúng ta không thể nhận được sự vui vì nó trở nên rất vi tế (nhỏ, ít)." **Trung quán:** "Nếu vật là thường, tại sao lại có lúc nhỏ (ít), có lúc lớn (nhiều)?"

**(133) Từ nhiều biến thành ít,
Sự vui ít không thường!
Vậy sao không nhận,
Tất cả pháp vô thường?**

[Batchelor] Nếu nó lúc trở thành nhiều, lúc trở thành ít, cái cảm giác đang đưa nhiều ít này ắt phải là vô thường. Nếu vậy, tại sao bạn lại không chấp nhận tất cả pháp là vô thường?

**(134) Nhiều, ít không khác vui,
Rõ ràng vui không thường;**

[Batchelor] **Số Luận:** "Tuy trạng thái của sự vui (lúc ít, lúc nhiều) là vô thường, nhưng thể của nó là thường." **Trung Quán:** "Vì trạng thái (ít, nhiều) của sự vui không khác gì bản thân của sự vui; hơn nữa, những trạng thái này là vô thường, như thể sự vui cũng vô thường."

**Nếu nhận: nhân là có,
Không nhân quyết không sinh.**

[Dịch Chú] Nếu như bạn (Số Luận) chủ trương rằng: Nếu là sự sinh, trong nhân phải có (ẩn tàng) quả. Bởi vì lúc ở giai đoạn

nhân, nếu không có vật (quả), sẽ không có sự sinh. Sinh, bất quá chỉ là sự hiển hiện của quả đang ẩn tàng trong nhân mà thôi.

**(135) Tuy không nhận hiển quả,
Lại nhận có ẩn quả,
Trong nhân nếu có quả,
Ăn cơm tức ăn phần.**

[Batchelor] Tuy bạn không thừa nhận có hiển quả (quả đã hiển hiện trong giai đoạn nhân), nhưng bạn lại thừa nhận ẩn quả (tuy chưa hiển hiện, nhưng đã ẩn tàng trong nhân). Như vậy khi ăn cơm, chẳng phải là ăn phần hay sao?

Phụ chú: Cơm là nhân, còn phần là quả. Nếu y cứ theo lập luận của phái Số Luận là quả đã ở trong nhân.

**(136) Nếu thế tiền mua vải,
Mua hạt bông vải mặc;
Nói người ngu không thấy,
Lời người trí nói ra.**

[Batchelor] Lại nữa, bạn nên dùng tiền mua vải, đi mua hạt bông vải về mà mặc (vì trong hạt bông vải đã có vải). **Số Luận** (ngoan cố): "Tuy sự thực là thế, nhưng những người ngu trên thế giới không mặc hạt bông vải. Vì họ không thấy quần áo trong đó." **Trung Quán:** "Ngay cả Kapila (tổ của phái Số Luận), người mà các bạn thừa nhận là Kẻ Biết Sự Thực (Knower of Truth), cũng mặc quần áo mà không mặc hạt bông vải. Nếu thế, đây cũng là sự thực cho ông ấy!"

**(137) Thế gian cũng nên biết,
Tại sao không thấy quả?**

**Sự thấy nếu phi lượng,
Chỗ thấy ắt không thực!**

[Batchelor] Trung Quán: "Hơn nữa, trong truyền thống của các bạn, kẻ Biết Sự Thực (quả), phải hiện hữu trong những kẻ phàm phu (nhân). Tại sao những kẻ phàm phu không thấy vãi trong hạt bông vải? Đúng lý, họ phải nên biết điều này (vì trong họ đã có sẵn kẻ Biết Sự Thực)." **Số Luận:** "Quả thực kẻ Biết Sự Thực đã ở trong nhân của nó (phàm phu). Nhưng khi còn trong giai đoạn nhân (phàm phu), tất cả tâm thái của họ đều không có giá trị (không thấy sự thực). Do đó họ không hiểu (là vãi hiện hữu trong hạt bông vải)." **Trung Quán:** "Trong trường hợp này, ngay cả quả (chẳng hạn như thực phẩm, quần áo, kẻ biết sự thực, v.v...) mà phàm phu thấy rõ ràng cũng là sai lầm, bởi vì chúng (quả) là đối tượng của những cái tâm mê hoặc (của họ)."

**(138) [Số luận] Nếu nhận thức đều sai,
Kết quả há chẳng giả?
Vậy sự tu Không Tánh,
Cũng thành ra sai lầm.**

[Dịch Chú] Đến đây ngoại đạo tưng thề, bèn quay ra cật vấn: "Nếu như sự nhận thức chính xác (lượng) đều là sai lầm (phi lượng), không thể dùng nó làm chuẩn tắc. Nếu vậy, sự hiểu biết của nó (lượng quả) há chẳng phải cũng là hư giả? Nhân đây mà biết rằng, các bạn y cứ vào những điều hiểu biết được, cùng sự tu tập về Không Tánh, chắc chắn sẽ sai lầm, hoàn toàn không có ý nghĩa."

**(139) [Trung quán] Chưa biện giả, lập thực,
Chưa biết là không thực,
Chỗ phá thực đã giả,**

Không thực ắt cũng giả.

[Dịch Chú] Trung Quán: "Đúng thế. Lúc tu tập Không Tánh, nếu không thể biện biệt rõ ràng những pháp (chấp là có thực) được sinh ra một cách hư vọng bởi vô minh, không thể nào thấy được Không Tánh, sau khi pháp (chấp là có thực) đó bị trừ khử. Hơn nữa, tuy pháp hư vọng đã bị trừ khử, cái Không Tánh hiển hiện, sau khi sự chấp có đó bị tiêu diệt, cũng là giả. Chẳng qua, Không Tánh cùng Không quán tuy là giả, chúng có công năng là quét sạch sự chấp trước."

**(140) Như người mộng con chết,
Trong mộng biết không con,
Ngăn sự tưởng có con,
Sự ngăn cũng là giả.**

Trong mộng biết không con: Có hai trường hợp, (1) Nếu ông ta có con, ông biết rằng đứa con trong mộng đó không phải là đứa con thật của mình ngoài đời, (2) Nếu ông ta không con, ông ta biết rằng đứa con trong mộng không thực sự hiện hữu.

[Dịch Chú] Giả như, có người nằm mộng thấy con mình chết. Lúc đó, tuy trong mộng, lý trí người đó biết rằng đứa con đó không tồn tại. Cái trí trong mộng, tuy có công năng tiêu trừ được vọng tưởng chấp trước là có con, nhưng cái trí đó vẫn là giả.

**(141) Như vậy xét chư pháp,
Biết không thể không nhân,
Cũng không ở cách biệt,
Hoặc hợp chư nhân duyên,**

**(142) Không do vật khác sinh,
Không ở cũng không đi;
Kẻ ngu si chấp thực,
Khác gì như huyễn hoá!**

[Dịch Chú] Sau khi phân tích như vậy, có thể biết rõ là các pháp không thể từ nhân khác sinh (không có tha sinh), cũng không thể không nhân mà sinh (không có vô nhân sinh), cũng không có pháp nào tồn tại trên các nhân khác biệt (không có tự sinh), hoặc tồn tại do sự tụ tập của các duyên có tự tính (không có cộng sinh). Khi hình thành cũng không lưu trụ, lúc hoại diệt cũng chẳng tiêu tán đi đến chỗ khác. Thế nhưng phàm phu vì vô minh (che mờ đôi mắt) mà chấp thực những vật chẳng khác nào như huyễn hoá này.

Phụ chú: Ở đây xác nhận lại lập trường của phái Trung Quán, đã được trình bày bởi Long Thọ trong Trung Quán Luận, phẩm Nhân Duyên, kệ (3):

*Chư pháp không tự sinh,
Cũng không từ tha sinh,
Không cộng, không vô nhân,
Cho nên biết vô sinh.*

**(143) Vật huyễn, cùng sự vật
Do nhân duyên biến hiện,
Nên tường tận quán sát,
Từ đâu đến, về đâu?**

[Batchelor] Bất luận là ngựa, voi, được biến hiện do nhà huyễn thuật, hoặc là những sự vật (sắc, thanh, v.v...) được tạo tác bởi nhân duyên, chúng ta nên quán xét: trước tiên chúng từ đâu

đến, hiện tại chúng đang ở đâu, và cuối cùng chúng sẽ về đâu. Sau khi quán xét tinh tường, chúng ta sẽ thấy cả hai đều thực sự không đến và đi (nghĩa là cả hai đều như mộng huyễn).

**(144) Duyên hợp thấy sự vật,
Không nhân út không thấy;
Hư nguy như ảnh tượng,
Trong đó nào có thực?**

Trong đó nào có thực: Trong đó nào có tự tính thực sự tồn tại?

**(145) Nếu pháp vốn đã có,
Nào còn cần gì nhân?
Nếu pháp vốn không có,
Tại sao còn cần nhân?**

[Batchelor] Làm gì phải cần nhân cho các vật vốn đã có? (Nếu nó vốn đã có), thì nó đã hiện hữu. Làm gì phải cần nhân cho những vật không có? (Nếu nó vốn không có), thì nó sẽ không là quả cho bất cứ vật nào.

**(146) Dù dùng ức vạn nhân,
Không, không biến thành có!
Lúc không, sao thành có,
Nếu thành là thế nào?**

[Wisdom] Dù là hàng triệu nhân cũng không thể làm cho những vật Không Có trở thành Có. Nếu từ trạng thái Không Có chuyển thành trạng thái Có, nó phải thoát ly hoặc không thoát ly sự Không Có của nó. Trong trường hợp sau (không thoát ly), Có và

Không Có hoàn toàn khác biệt, làm sao Không Có có thể trở thành Có. Đây là điều không thể được. Còn trong trường hợp đầu (thoát ly), thì ngoài cái trạng thái Có và Không Có ra, làm sao nó (Không Có) có thể trở thành Có.

Phụ chú: Khi Không Có thoát ly cái trạng thái Không Có của nó, nghĩa là từ trạng thái Không Có biến sang một trạng thái khác. Nhưng ngoài trạng thái Có và Không Có ra, không có trạng thái thứ ba nào khác. Như thế Không Có phải biến thành vật gì trước khi nó trở thành Có? Nó không thể trực tiếp chuyển thành Có, vì bản tính của nó là Không Có, hoàn toàn khác biệt với cái Có.

**(147) Lúc không nếu không có,
Lúc nào mới thành có?
Lúc cái có chưa sinh,
Vẫn chưa rời cái không,**

**(148) Nếu chưa rời cái không,
Ắt không sinh cái có;**

[Sweet] Trong hai bài kệ này, Tịch Thiên biện phá về khả năng tánh của sự sinh, với tiên đề là sự không hiện hữu là có tự tính, đây là chủ trương của phái Thắng Luận và một số ngoại đạo khác. Tịch Thiên lập luận: “Nếu thế, sự không hiện hữu sẽ luôn luôn làm chướng ngại cho sự hiện hữu.” Đối phương trả lời rằng: “Sự không hiện hữu sẽ biến mất khi một thực thể được sinh ra.” Tịch Thiên: “Nhưng nếu một thực thể là không hiện hữu, nó không thể sinh ra được. Hơn nữa, cái không hiện hữu không thể bị tác động bởi cái hiện hữu. Như vậy cái không hiện hữu không thể nào bị dời chỗ (nghĩa là làm cho hiện hữu.)”

Có cũng không thành không,

Nếu không, thành không-có.

Ngược lại, sự hiện hữu cũng không thể nào biến thành sự không hiện hữu, vì như thế nó sẽ biến thành hai tính (vừa có vừa không).

Phụ chú: Ở đây biện luận dài dòng, vấn đề là vì ngoại đạo chấp trước vào sự vật (dù hiện hữu hay không hiện hữu) đều có tự tính. Nếu chấp nhận tự tính là có, thì tất cả hiện tượng thế gian sẽ biến thành mâu thuẫn và phi lý.

**(149) Đã không tự tính sinh,
Cũng không tự tính diệt,
Vì thế chư chúng sinh,
Chung quy, không sinh diệt!**

[Dịch Chú] Theo đây, không có sự sinh cũng như sự diệt của những vật có tự tính. Như thế, tất cả chúng sinh vĩnh viễn không (có tự tính) sinh, cũng không (có tự tính) diệt. Chúng đã (từ vô thủy) hiện hữu trong trạng thái vô sinh diệt.

**(150) Chúng sinh như mộng huyễn,
Xét kỹ như cây chuối,
Niết Bàn, không Niết Bàn,
Bản tính đều không khác.**

[Sweet] Tất cả hiện tượng vốn là tịch tĩnh Niết Bàn, bởi vì chúng không sinh diệt. Một mặt khác, những sự khổ, vui, v.v..., trong sinh tử luân hồi hoàn toàn không có thực, giống như mộng huyễn. Khi những hiện tượng (hình như có thực) bị phân tích, chúng ta sẽ phát giác chúng giống như thân cây chuối (được tạo bằng những lớp vỏ mà không có cái lõi cứng chắc, nghĩa là không

thực). Tương tự, vì bản chất vừa là tịch tĩnh Niết Bàn, vừa là mộng huyễn, cho nên trên phương diện bản thể, không có sự khác biệt giữa kẻ giải thoát (Niết Bàn) và kẻ luân hồi (không Niết Bàn); tuy vậy, trên phương diện Thế Tục Đế, từ phương diện tâm lý, có sự khác biệt. Tâm của kẻ luân hồi bị nhiễm ô và ràng buộc bởi sinh tử, còn tâm của kẻ giải thoát thì hoàn toàn tự tại và không còn bị ràng buộc bởi luân hồi.

**(151) Vậ trong chư pháp Không,
Có gì được, gì mất?
Ai là người cung kính?
Ai người khinh miệt mình?**

**(152) Khổ, vui từ đâu sinh?
Đáng gì mà vui, khổ?
Nếu tìm trong bốn tính,
Gì là ái, sở ái?**

Nếu tìm ... sở ái: Nếu tìm trong bản tính chân thực của các pháp, ai là người tham ái? Vật tham ái là gì?

**(153) Xét kỹ kẻ trên đời,
Ai là người sẽ chết?
Ai sinh, ai sẽ sinh?
Ai là thân, là bạn?**

**(154) Sao không cùng chấp nhận,
Tất cả như hư không!
Người đời muốn tìm vui,
Nhân vì thương với thù,**

Buồn, vui trong điên đảo!

Người đời ... điên đảo: Những kẻ truy cầu sự vui sướng, bị sự tranh giành làm cho ưu phiền, bị sự khoái lạc làm cho mê loạn.

**(155) Ưu khổ trong truy cầu,
Tranh đoạt, tàn hại nhau,
Vì tạo nhiều tội ác,
Vất vưởng trong niềm đau!**

Vì tạo ... niềm đau: Vì tạo nhiều ác nghiệp, họ trải qua cuộc đời trong đau khổ, và thường luyến tiếc những chuỗi ngày vui sướng xa xưa.

**(156) Tuy từng sinh cõi lành,
Hưởng thọ nhiều khoái lạc,
Chết đi vào ác đạo,
Chịu thống khổ lâu dài.**

**(157) Ba cõi nhiều gian hiểm,
Trong đây nào thấy Chân?
Chân, vọng nhiều mâu thuẫn;
Nếu không thấy được Chân,**

**(158) Sẽ chịu khổ không cùng,
Ước biển như biển lớn;**

Chân: tức là chân thực tính của sự vật (ultimate truth).

[Batchelor] Trong dòng sinh tử đầy dẫy sự khổ đau, và (sự hiểu biết về) sự chân thực thì không có. Hơn nữa, sự hiểu biết về sự hiện hữu (có tự tính) và sự hiểu biết về Tính Không mâu thuẫn với nhau. Nếu như ở trong sinh tử này mà chúng ta không thể ngộ chân lý (Không Tánh) này, chúng ta sẽ bị tiếp tục trôi lăn trong biển luân hồi, mà sự thống khổ không thể nào diễn tả hay thí dụ được.

**Biển khổ, khó làm lành,
Tuổi đời lại ngắn ngủi.**

**(159) Lao khổ vì thân mệnh,
Khôn chịu sự đói mệt,
Ngủ nghỉ, bị người hại,
Bạn ngu, làm phi nghĩa.**

[Dịch Chú] Vì muốn duy trì cuộc sống, mình phải nỗ lực làm việc. Mình đã nhận chịu sự đói khát và mệt mỏi. Lại cần phải ngủ nghỉ để giải trừ sự mệt nhọc. Có lúc lại bị kẻ khác làm tổn hại. Lại có lúc lại bị những người bạn ngu si dẫn dụ làm những việc vô nghĩa.

**(160) Thân vô nghĩa chóng tàn,
Quán tuệ rất khó được;
Đời này có pháp nào,
Trừ diệt thói tán loạn?**

Quán tuệ: Trí tuệ quán sát Không Tánh. **Thói tán loạn:** tiếng Hán gọi là trạo cử, nghĩa là một trạng thái tâm thường phân tán, không thể tập trung, chướng ngại cho sự tu tập thiền định.

**(161) Đời này ma tìm cách,
Dẫn dụ đọa ác đạo;
Đời này nhiều bạn tà,
Ngăn cản đường Chánh Pháp.**

Ngăn cản đường Chánh Pháp: Ngăn trở làm cho chúng sinh không tiêu trừ được sự nghi ngờ về Tính Không.

**(162) Thân người thực khó được,
Đời Phật lại khó gặp!
Dòng mê không dễ đoạn,
Ồ hay, khổ triền miên!**

Dòng mê: tức là phiền não.

**(163) Luân hồi tuy thống khổ,
Vì mê không thấy biết;
Chúng sinh chìm biển khổ,
Ồ hay, thật đáng thương!**

**(164) Như kẻ thường tắm gội,
Lại thường vào trong lửa,
Cực khổ đến như vậy,
Vẫn cho là khoái lạc.**

[Dịch Chú] Có một số ngoại đạo tu khổ hạnh, vì muốn truy cầu giải thoát, mỗi ngày tắm (dưới dòng sông Hằng) nhiều lần; tắm xong, lại bước vào trong lửa (hoặc đi trên than nóng đỏ, hoặc đi qua vòng lửa v.v...). Tuy họ đang ở trong sự thống khổ khốc liệt

Phẩm chú: Trí tuệ

như vậy, mà họ vẫn tự hào (?) cho đó là sự khoái lạc (đời này? đời sau?).

Phụ chú: Batchelor cho rằng có hai nhóm khác nhau, một nhóm thường tắm gội, còn một nhóm thường vào lửa.

**(165) Chúng sinh qua cuộc đời,
Giả vờ như không chết,
Đời này gặp giết hại,
Đời sau vào ác đạo!**

Chúng sinh ... không chết: Ngoài ra, có một số người (nếu không nói là hầu hết) đi qua cuộc đời một cách nhõn nhõ (carefree), giả vờ như mình không già không chết. **Gặp giết hại:** bị tử thần giết chết.

**(166) Đám mây phước đức này,
Mà con từng tích tập,
Khi nào sẽ trút xuống,
Mưa an lạc lợi sinh,
Diệt hết lửa khổ não?**

**(167) Khi nào tâm không duyên,
Thành kính tập phước đức,
Với chúng sinh chấp có,
Giảng nói lý Không Tánh.**

[**Wisdom**] Nguyên con thể ngộ nên tặng, con đường, và thành quả của sự tu tập. Không chấp trước vào tự tính, mà hiểu rõ được sự hiện hữu theo Thế Tục Đế của chúng. Với sự hợp nhất giữa trí tuệ và từ bi, khởi lên lòng thương xót chúng sinh, nguyên

Đường Vào Bồ Tát Hạnh — Tích Thiên

con sẽ sớm được giác ngộ, và sẽ giảng nói Tính Không cho tất cả chúng sinh, những kẻ vì sự chấp trước, đang bị phiền não làm chìm ngộp trong sinh tử luân hồi.

Như vậy, Bồ Tát nguyện đem tất cả công đức từ sự tu tập Không Tánh, hồi hướng làm cho chúng sinh được an vui.

Hồi Hương



Người bệnh khổ thân tâm,
Ở tất cả mọi nơi,
Nguyện họ nhờ phước này,
Được vui như biển lớn.

Phẩm mười:
Hồi hướng

**(1) Soạn quyển Nhập Hành này,
Tất cả chư phước thiện,
Hồi hướng đến chúng sinh,
Đều nhập Bồ Đề hạnh.**

[Behold] Một cách tổng quát, không luận chúng ta tu học Phật Pháp hay làm bất cứ một công tác có ý nghĩa nào, hồi hướng công đức của việc làm này là một điều trọng yếu. Một sự tu học sẽ có ý nghĩa, nếu sự bắt đầu và sự kết thúc của nó có những ý nghĩa đặc thù. Sự bắt đầu của một hành động, điều cực kỳ quan trọng là động cơ chính đáng, và sự kết thúc của hành động đó, điều trọng yếu là sự hồi hướng tất cả công đức mà nó đã gây tạo được. Động cơ đầu tiên của hành động xác định hành động là chính hay tà. Thí như, nếu chúng ta tu hành chỉ vì sự vui sướng tạm thời cho đời này, như mong được tiếng tăm, cúng dường chẳng hạn, thì đây là sự tà vạy. Nếu động cơ của chúng ta là mong được đầu thai lại cõi người, cõi trời, đây là sự tu hành của kẻ bậc thấp. Nếu động cơ cao hơn là mong cầu được ra khỏi sinh tử, chứng đắc Niết Bàn, đây là sự tu hành của bậc trung. Sau hết, nếu chúng ta tu hành với ước vọng là thành Phật độ chúng sinh, thì động cơ này là của bậc căn cơ cao nhất. Thành thử, chúng ta có thể thấy rằng, tâm vóc của sự tu hành của mình là do động cơ đầu tiên của chúng ta. Do đây, điều quan trọng nhất là phải có một động cơ cao đẹp trước khi chúng ta bắt đầu con đường tu hành của chính mình, v.v...

(2) Người bệnh khổ thân tâm,

**Ở tất cả mọi nơi,
Nguyện họ nhờ phước này,
Được vui như biển lớn.**

**(3) Nguyện kẻ trong luân hồi,
Không mất sự an lạc,
Nguyện họ đều sẽ được,
Vui Bồ Đề không dứt.**

[Crosby] Khi nào còn trong vòng sinh tử, nguyện niềm vui của họ không bao giờ chấm dứt. Nguyện tất cả chúng sinh đều được sự vui từ chư vị Bồ Tát.

**(4) Nguyện cho các địa ngục,
Ở tất cả thế giới,
Những chúng sinh trong đó
Đều được vui Cực Lạc!**

[Crosby] Cực Lạc (Phạn: Sukhavati), là cõi Tịnh Độ được thiết lập bởi hạnh nguyện của đức A Di Đà. Tất cả những chúng sinh vãng sinh về đó đều được hưởng sự vui sướng, và được cơ hội tu tập không ngừng. Nhân đây, họ sẽ sớm được viên thành Phật quả.

**(5) Nguyện ngục băng âm áp,
Và nguyện mây Bồ Tát,
Trút xuống mưa cam lộ,
Làm mát sự nhiệt não.**

Ngục băng: tức là tên gọi chung cho tám địa ngục lạnh.

[Crosby] Nguyên cho những kẻ khổ sở bởi sự lạnh lẽo được sự ấm áp. Nguyên cho kẻ khổ sở bởi sự nóng bức được làm mát mẻ bởi những biển nước rưới từ những đám mây thù thắng của các vị Bồ Tát.

**(6) Nguyên cho rừng đao kiếm,
Biến thành vườn hoa đẹp,
Nguyên cây gươm, đao nhọn,
Đều mọc cành như ý.**

Rừng đao kiếm: rừng cây sắt (trong địa ngục), mà mỗi lá cây đều là đao kiếm bén nhọn.

[Crosby] Nguyên cho họ thọ nhận rừng đao kiếm như là khu vườn lộng lẫy của cõi trời, và nguyện những bụi gai đem sự thống khổ, mọc những cành như ý làm mãn tất cả nguyện.

**(7) Địa ngục thành vườn vui,
Hồ sen thơm ngào ngọt,
Trong vườn thiên nga, nhạn,
Loài chim đẹp hoà ca.**

**(8) Lửa dữ thành trần bảo,
Sắt nóng thành pha lê,
Núi ép nhiều khủng bố
Biến thành cung điện Phật!**

Sắt nóng thành pha lê: Sàn sắt nóng đỏ biến thành sàn pha lê óng ánh, mát rượi. **Núi ép:** như đã giảng ở phẩm Hộ Trì Chánh Tri.

**(9) Đá lửa, binh khí nhọn,
Biến thành trận mưa hoa,
Đao kiếm giết hại nhau,
Thành hoa thơm vung rải.**

[Crosby] Trong truyện của đức Phật, những binh khí khốc hại mà Ma Vương dùng để tấn công ngài, ngay sau khi ngài thành Chính Giác, đều biến thành những trận mưa hoa. Trong thần thoại Ấn Độ, Kama, vị thần của tình yêu và mùa xuân, trang bị vũ khí là một cây cung, mà mỗi mũi tên đều là một đóa hoa thơm.

**(10) Đối với những chúng sinh,
Trời ngập trong sông lửa,
Thịt da đều cháy kết,
Phơi màu xương trắng bạch,
Nguyên họ nhờ phước này,
Được thân sắc vi diệu,
Bên ao trời thơm mát,
Cùng thiên nữ đùa vui.**

[Wallace] Nguyên nhờ công đức này, những kẻ mà thịt da họ đã bị rơi sạch, những kẻ mà xương màu trắng như hoa lài, và những kẻ đang chìm ngập trong dòng sông Vaitarani, mà dòng nước cháy rực như lửa đỏ, có được thân sắc của cõi trời và được ở chung với các thiên nữ bên dòng sông Mandakini.

**(11) Tại sao trong địa ngục,
Chim cắt, quỉ, điều hầu,
Đột nhiên sinh sợ hãi?**

**Ai có diệu lực này,
 Trừ u ám sinh vui?
 (Chúng sinh trong địa ngục)
 Nghĩ xong, nhìn trời cao,
 Vui thấy Kim Cương Thủ;
 Nguyện nhờ niềm vui này,
 Tội diệt, theo chân ngài!**

[Wallace] Nguyện cho ngựa quỉ, quạ và điều hâu bổng nhiên dón dác trong lo sợ, nhìn lên phía trên thấy đức Kim Cương Thủ, và phân vân: "Ánh sáng rực rỡ của ai đã đánh tan bóng tối địa ngục và đem đến niềm vui sướng?" Nguyện họ sẽ ra đi với ngài, và nhờ niềm vui này mà họ rời xa sự tội lỗi.

**(12) Nguyện chúng sinh địa ngục,
 Thấy mưa hoa nước thơm,
 Từ lưng trời trút xuống,
 Dập tắt lửa ngục dữ;
 Thấy rồi, lòng hoan hỉ,
 Không biết nhân duyên nào?
 Nghĩ thế, nhìn trời cao,
 Vui thấy Quán Thế Âm.**

[Crosby] Một cơn mưa trút xuống hoa sen đỏ cùng với nước thơm, làm dập tắt lửa địa ngục. Chúng sinh trong địa ngục bàng hoàng tự hỏi: Điều gì đang xảy ra? Thốt nhiên họ vui mừng khôn xiết. Nguyện cho họ được nhìn thấy Kẻ Đàng Cầm Hoa Sen Đỏ.

Kamalapani (Người Tay Cầm Hoa Sen Đỏ), là chữ đồng nghĩa với chữ Padmapani, một tên gọi khác của đức Quán Thế Âm, vị Bồ Tát Từ Bi, thỉnh thoảng hiện ra dưới hình dạng tay cầm một đóa sen.

**(13) Nguyện chúng sinh địa ngục,
 Hân hoan thấy Văn Thù:
 Các bạn mau đến đây,
 Trên không hiện Văn Thù,
 (Sáng ngời năm búi tóc)
 Đã sinh Bồ Đề tâm,
 Sức mạnh diệt chừ khổ,
 Đem vui, hộ chúng sinh,
 Làm tan hết sợ hãi;
 Ai mà mong xa ngài?**

[Crosby] Mau lên, mau đến đây! Này các bạn, hãy quăng đi sự sợ hãi. Chúng ta vẫn còn sống. Hãy nhìn, "vị hoàng tử trong chiếc áo nhà tu" đã đến với chúng ta, sáng ngời, đem lại sự an lành. Với quyền lực của ngài, tất cả sự khổ não sẽ bị tiêu trừ, dòng suối của sự an vui trào vọt, tâm Bồ Đề nảy sinh, cùng với lòng từ bi. Ô, ngài là bà mẹ từ bi của tất cả chúng sinh.

Phụ chú: Các bản dịch đều cho rằng đoạn này và đoạn dưới đều chỉ ngài Văn Thù, riêng Crosby lại cho rằng "vị hoàng tử trong chiếc áo nhà tu" là chỉ ngài Địa Tạng, còn đoạn dưới mới chỉ ngài Văn Thù.

**(14) Ngài ở cung Đẹp Lòng,
 Thiên nữ đều ca tụng,
 Trăm vị thần đội mão,**

*Đông lay trước tòa sen,
Mưa hoa đầy mái tóc,
Từ bi mắt lệ nhòa.*

[Crosby] Nhìn xem chỗ này! Hàng trăm vị thiên thần đội mũ, sụp lạy dưới tòa sen của ngài. Đôi mắt ngài ướt đầm hạt lệ từ bi. Một trận mưa hoa rải xuống trên mái tóc của ngài. Trong cung điện Đẹp Lòng, những thiên nữ đang hòa vang lời ca tụng, thánh thót lừng trời. Nguyễn trong địa ngục, những kẻ nhìn thấy ngài, từ cõi lòng họ sẽ gào thét lên những lời ghen ngào vui sướng.

*(15) Nguyễn chúng sinh địa ngục,
Do sức thiện căn này,
Đều thấy đức Phổ Hiền,
Mây Bồ Tát vô ngại,
Mưa trời hương phưng phức,
Mát mẻ lòng an lạc,
Đã được thấy các ngài,
Rào rạt niềm hoan hỷ.*

Mây Bồ Tát: có thể hiểu là các vị Bồ Tát, theo phía sau đức Phổ Hiền, nhiều như mây trời giăng mắc.

[Crosby] Nguyễn nhờ công đức này, những chúng sinh trong địa ngục, vui mừng được thấy đám mây lành, mát mẻ, tỏa ra mùi hương trời phưng phức, mưa xuống những sự an lạc. Và trên những đám mây lành này, các vị Bồ Tát hiện thân, mà đức Phổ Hiền là thượng thủ.

*(16) Nguyễn bàng sinh không sợ,
Sự sát hại lẫn nhau,*

*Nguyễn cho ngựa quỉ được,
Bắc Câu Lô khoái lạc.*

Bàng sinh: nói chung là các loài động vật khác với người.
Được Bắc Câu Lô khoái lạc: Được sự khoái lạc như ở châu Bắc Câu Lô.

[Crosby] Bắc Câu Lô, còn được gọi là Uất Đan Việt (Phạn: Uttarakuru), là một châu ở phía bắc tiểu thế giới mà chúng ta đang sống. Chúng sinh nơi đó được hưởng sự vui sướng tự nhiên lâu dài.

*(17) Nguyễn đức Quán thế Âm,
Tay rửa sữa cam lộ,
Làm ngựa quỉ được no,
Mát mẻ, thường tắm gội.*

Mát mẻ, thường tắm gội: (Loài ngựa quỉ) thường được tắm gội mát mẻ dưới dòng sữa cam lộ của đức Quán Thế Âm.

[Crosby] Đức Quán thế Âm, được mô tả trong phẩm thứ ba của kinh Karandavyuha, là ngài làm cho loài ngựa quỉ được no đủ bằng tám dòng sữa chảy ra từ các đầu ngón tay, ngón chân và các lỗ chân lông của ngài.

*(18) Nguyễn kẻ mù được thấy,
Kẻ điếc thường được nghe;
Như mẹ Phật Ma Da,
Sân phụ sanh không ngại.*

Như mẹ Phật ... không ngại: Ma Da (Mahadevi), là mẹ của đức Bốn Sư Thích Ca, sanh ngài từ một bên hông của bà, mà không có một sự đau đớn nào cả.

(19) Kẻ trần trường được áo,
Kẻ đói được cơm no,
Kẻ khát được nước trong,
Cam Lộ mùi vi diệu.

(20) Nguyện kẻ nghèo được cửa,
Người khổ được an vui,
Nguyện những kẻ tuyệt vọng,
Phấn chấn, ý kiên cố!

(21) Nguyện cho kẻ tật bệnh,
Mau thoát khỏi sự khổ,
Lại nguyện cho tật bệnh,
Vĩnh viễn không còn sinh!

(22) Nguyện kẻ khát không sợ,
Kẻ tù được giải thoát,
Kẻ yếu, sức cường tráng,
Thường nghĩ giúp đỡ nhau.

(23) Nguyện kẻ đi kinh doanh,
Nơi nơi đều an lạc,
Chỗ cầu tất cả lợi,
Không học, đều thành tựu.

(24) Nguyện cho người thương thuyền,
Thỏa mãn tâm mong cầu,
Đến bến được bình an,
Hân hoan gặp bè bạn.

(25) Nguyện những kẻ lạc đường,
Mau gặp đoàn đi buôn,
Không còn sợ cướp, cướp,
Thuận lợi, thân không mệt.

(26) Xin trời thương bảo hộ,
Kẻ ở nơi hoang hiểm,
Cùng kẻ già, cô độc,
Cuồng điên và ngu si.

[Wallace] Nguyện các vị trời bảo hộ những kẻ ngu si, cuồng điên, mất trí, bất lực, những trẻ nhỏ, người già, những kẻ đang bị những cơn bệnh hiểm nguy, và những kẻ ở nơi hoang hiểm.

(27) Nguyện được sinh thân người,
Đủ tin, từ, ái, tuệ,
Thức ăn được tràn đầy,
Thường thường nhớ quá khứ.

Nguyện được sinh thân người: Nguyện chúng sinh thoát khỏi tám nạn, nơi không có cơ hội tu học Phật Pháp. Thức ăn được tràn đầy: Thức ăn (có bởi chính mệnh) và đức hạnh thù

thắng. Thường thường nhớ quá khứ: Nguyên họ trong cả cuộc đời, thường thường ở trong chánh niệm.

[Crosby] Năng lực nhớ được quá khứ là dấu hiệu của sự chứng ngộ cao độ. Đây là một trong mười lực của đức Phật.

**(28) Thọ dụng không cùng tận,
Như Kho Tàng Hư Không,
Không tranh giành giết hại,
An nhiên hưởng tuổi trời.**

[Crosby] Kho Tàng Hư Không (Phạn: Gaganaganja) là tên của một vị Bồ Tát. Ngài được gọi tên này là vì tâm bố thí của ngài như hư không, vô lượng và thuần khiết.

**(29) Nguyên những kẻ nghèo nàn,
Hưởng được sự vinh quang;
Nguyên những kẻ tật nguyền,
Tướng trang nghiêm, tráng kiện.**

**(30) Nguyên người nữ yếu đuối,
Thành thân nam hùng tráng;
Kẻ nghèo được công danh,
Ngạo mạn thành khiêm tốn.**

**(31) Nguyên tất cả hữu tình,
Được nhờ công đức này,
Đều đoạn tất cả ác,
Thường ra làm phước thiện.**

**(32) Nguyên không xả Bồ Đề,
Dấn thân hành Bồ Tát,
Chư Phật thường hộ niệm,
Đoạn hết những nghiệp ma!**

Đoạn hết những nghiệp ma: tức là đoạn trừ tất cả những hành động tà ác, làm chướng ngại đường tu hành của hành giả.

Phụ chú: Câu cuối của bài kệ này, [Crosby] dịch là: "Chấm dứt những ngón đòn lừa bịp của Ma Vương", và dẫn một đoạn giải thích như sau: Ma vương tìm cách phá hoại đức Phật, bằng cách đưa ba người con gái của ông ta hóa hiện thành những cô gái đẹp lộng lẫy (tượng trưng cho sự tham dục), đến dụ dỗ Phật, sau đó đưa một đội quân ma (tượng trưng cho sự khiếp sợ), đến dọa nạt Ngài, và ông ta còn tìm cách làm cho Phật sinh lòng hoài nghi, bằng cách yêu cầu Ngài phải tìm ra một kẻ chứng minh cho sự giác ngộ của Ngài.

**(33) Nguyên cho chư hữu tình,
Tuổi thọ dài vô lượng,
Sống cuộc đời an lạc,
Không còn nghe tiếng chết.**

**(34) Nguyên tất cả mọi nơi,
Mọc rừng cây Như ý,
Vô số Phật, Bồ tát,
Giảng lời Pháp vi diệu.**

**(35) Nguyên cho khắp mười phương,
Không sỏi cát, không gai,**

**Đất phẳng tựa lưu ly,
Trơn láng không chướng ngại.**

**(36) Nguyên trong đệ tử Phật,
Chư vị đại Bồ Tát,
Đều dùng diệu công đức,
Trang nghiêm Phật đạo tràng!**

[Crosby] Nguyên chư vị Bồ Tát ngồi đây trong những “vòng” (của những buổi) tập hội. Nguyên họ trang nghiêm mặt đất (của đạo tràng) bằng những ánh hào quang sáng ngời của họ.

Phụ chú: Theo Crosby, chữ "vòng" là dịch từ chữ Mandala, là một danh từ dùng để mô tả những vòng tròn của chư Phật và chư đại Bồ Tát, và đôi khi với những kẻ tùy tùng, trong đạo tràng của họ. Đây là những đối tượng cho pháp thiền quán của Đại thừa. Mỗi vị Phật, hoặc Bồ Tát, có màu sắc riêng của mình, và thường được miêu tả là được vây bọc bởi một vòng hào quang.

**(37) Nguyên tất cả hữu tình,
Thường được nghe tiếng chim,
Cây, hư không, ánh sáng,
Nói lời pháp vi diệu.**

**(38) Nguyên họ thường gặp Phật,
Cùng chư vị Bồ Tát,
Đem vô lượng mây lành,
Cúng dường Thầy chúng sinh.**

(39) Nguyên phong điều vũ thuận,

**Ngũ cốc được tràn đầy,
Uua hiền tôn Chánh Pháp,
Thế sự đều hưng long.**

Vua hiền tôn Chánh Pháp: Nguyên cho các vị vua hiền, y theo lời dạy của Phật Pháp, mà lèo lái quốc gia.

**(40) Nguyên thuốc thành thần dược,
Chú thuật đều linh nghiệm,
Bợn dạ xoa, la sát,
Đều khởi lòng từ bi.**

[Crosby] Nguyên thuốc men đều thành linh dược (potent), và những lời chú của các Thầy pháp thuật đều có hiệu lực. Nguyên bợn dạ xoa, la sát cùng những bợn quỷ dữ, đều bị cảm phục bởi lòng từ bi.

Thầy pháp thuật (mutterer), là chỉ cho các nhà tu (Phật giáo), hoặc những tu sĩ ngoại đạo, hoặc các nhà huyền thuật, là những người tụng những lời chú có tính chất tôn giáo hoặc huyền thuật.

**(41) Nguyên chúng sinh không khổ,
Không bệnh, không tạo tội,
Không sợ, không bị khinh,
Không ai không an lạc!**

**(42) Nguyên tất cả chừa chiền,
Độc tụng đều hưng thanh,
Tăng già thường hòa hợp,**

Phật sự đều hanh thông!

Phật sự đều hanh thông: Tăng sự đều thành biệ.

**(43) Nguyện các vị tỳ kheo,
Thường ở nơi tịch tĩnh,
Sau khi trừ tán loạn,
Khinh an tu pháp lành.**

[Dịch Chú] Nguyện các vị Tỳ Kheo muốn tu tam học, đều có thể ở những nơi tịch tĩnh, không người quấy rầy. Đoạn trừ tất cả tán loạn và hôn trầm. Thân tâm khinh an, có thể tu tập tất cả thiện pháp.

**(44) Nguyện chư ni được lợi,
Không tranh, không bị hại;
Như thế, chúng xuất gia,
Giới đủ không khiếm khuyết!**

**(45) Nguyện kẻ phạm sinh hối,
Thường sám chư tội lỗi,
Mệnh chung sinh cõi lành,
Không còn khuyết giới hạnh!**

**(46) Người trí được tôn sùng,
Hoá duyên đều đầy đủ,
Thân tâm đều thanh tịnh,
Danh dự khắp mười phương.**

Hoá duyên: chữ hoá duyên có hai nghĩa: (1) Giáo hoá nhân duyên, nghĩa là chư Phật, Bồ Tát, chư thiện tri thức, thị hiện đến đây, vì nhân duyên giáo hoá chúng sinh đầy đủ. Nếu nhân duyên đã hết, các ngài sẽ thị hiện diệt độ, và đi đến cõi khác tiếp tục giáo hoá chúng sinh. (2) Những kẻ cúng dường Tam Bảo, sẽ kết duyên lành với Phật Pháp, do đó sự cúng dường cho Tam Bảo cũng được gọi là hoá duyên. Ở đây, người đọc có thể hiểu theo cả hai nghĩa.

**(47) Nguyện rời đường ác khổ,
Cùng những sự gian nan,
Dùng thân hơn trời này,
Mau chóng thành Chánh Giác!**

Dùng thân hơn trời này: tức là phần trên đã từng nhắc đi nhắc lại nhiều lần: "Thân người khó gặp, Phật Pháp khó nghe". Thông thường, chúng ta đều cho rằng cõi trời thù thắng hơn cõi người. Điều này rất đúng, nếu nói theo phương diện hưởng thọ phước báo. Nhưng từ phương diện tu hành thành Phật, chỉ có cõi người là thù thắng nhất. Do đó tất cả chư Phật đều thị hiện ở thế gian thành Phật. Câu này là dịch theo ý của [Batchelor] và [Wallace], còn [Dịch Chú] lại dịch là: "Dùng thân trời Sắc Cứu Cánh thù thắng nhất (mà thành Phật)". Điều này nghe không ổn, và đi ngược lại với tông chỉ của bốn luận là ca thán thân người khó được.

Theo các bản dịch từ tiếng Phạn, bài kệ này được dịch là: "Nguyện tất cả chúng sinh trong pháp giới được thành Phật trong một đời, mà không phải bị đọa lạc ác đạo, và không phải bỏ rất nhiều công lao cố gắng mới được thành Phật".

[Crosby] giải thích như sau: Nguyện vọng mong cho chúng sinh thành Phật trong một đời, ví như ở cõi Cực Lạc, thay vì

phải trải qua vô lượng kiếp hành Bồ Tát đạo, mà trên con đường tu hành này, hành giả phải chịu đựng những sự khổ nạn lớn lao, cùng phải bỏ rất nhiều công lao cố gắng mới được thành Phật.

Phụ Chú: Từ những dữ kiện của bản tiếng Phạn, có thể thấy rằng tư tưởng cầu sinh về cõi Cực Lạc có lẽ cũng thịnh hành ở Ấn Độ trong khoảng thế kỷ thứ bảy, thứ tám trở đi.

**(48) Nguyên cho chư hữu tình,
Ân cần cúng dường Phật!
Nhờ phước Phật vô biên,
Thường thường được an lạc.**

**(49) Bồ Tát được mãn nguyện,
Thành tựu lợi chúng sinh,
Nguyên hữu tình đều được,
Phật từ bi hộ niệm!**

**(50) Nguyên Thanh văn, Độc giác,
Hưởng sự vui Niết bàn;
Được tất cả trời người,
Kính, cúng dường, thờ phụng.**

Bài kệ này dịch theo [Crosby] và [Wallace], còn bản tiếng Tạng thiếu hai câu cuối.

**(51) Trước khi đắc Sơ địa,
Nguyên nhờ ơn Văn Thù,
Thường nhớ được quá khứ,
Xin xuất gia làm Tăng!**

Xin xuất gia làm tăng: Theo [Dịch Chú], Học Tập Luân, phẩm thứ nhất, Tập Bồ Thí Học, dẫn kinh A Súc Như Lai Bản Nguyên Tho Quyết, nói: "*Nếu con không đời đời xuất gia, con sẽ là kẻ lừa dối chư Phật, ... Xá Lợi Tử, chư Bồ tát Ma ha tát đều xuất gia, ... Xuất gia là pháp tối thượng*". Đoạn kinh này đối với Tích Thiên cũng đã có nhiều sự quan hệ. Ngoài ra, kinh Hoa Nghiêm, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên đoạn cuối có nói: "*Khi con vì Bồ Đề tu hành, trong tất cả cõi nhớ quá khứ, thường được xuất gia tu tịnh giới*". Cũng có thể xem là có sự quan hệ với bài tụng này.

**(52) Nguyên ăn uống đạm bạc,
Chỉ duy trì sắc thân,
Đời đời đều sẽ được,
Nơi tu hành tịch tịnh.**

Nguyên ăn uống ... sắc thân: Nguyên được đầy đủ sức lực trong bất cứ tư thế (posture) nào.

**(53) Đời nào muốn xem kinh,
Hoặc hỏi nghĩa Phật Pháp,
Nguyên đều không chướng ngại,
Thấy được Đức Văn Thù.**

**(54) Nguyên ở khắp mười phương,
Thành tựu lợi hữu tình,
Nguyên làm mọi việc lành,
Như Văn Thù viên mãn.**

Nguyện làm ... viên mãn: Nguyện làm mọi việc lành đều được viên mãn, như đức Văn Thù (đã từng làm). [Batchelor] dịch: "Nguyện đời sống của con giống như đức Văn Thù".

**(55) Cho đến tận hư không,
Nơi nào có chúng sinh,
Nguyện sẽ đến nơi đó,
Diệt khổ đau cho họ!**

[**Dịch Chú**] Khi nào hư không thế giới còn tồn tại, khi nào chúng sinh còn tồn tại, con nguyện sẽ tiếp tục ở lại thế gian, nỗ lực trừ diệt khổ đau cho tất cả chúng sinh.

**(56) Nguyện trút vào thân này,
Tất cả khổ chúng sinh,
Nhờ đức của Bồ Tát,
Chúng sinh hưởng an lạc!**

Nhờ đức của Bồ Tát: Nguyện nhờ uy lực của tăng đoàn của các vị Bồ Tát.

**(57) Nguyện thuốc lành trừ khổ,
Gốc của sự an lạc,
Giáo pháp được hộ trì,
Trường cứu ở thế gian!**

Thuốc lành: ở đây thuốc lành là chỉ cho giáo pháp của chư Phật, cho nên gọi nó là gốc của sự an lạc.

**(58) Kính lay đức Văn Thù,
Nhờ ơn sâu của Ngài,**

**Khiến con sinh tâm lành!
Cùng lay thiện tri thức,
Cũng nhờ ơn các ngài,
Tam học con tăng trưởng!**

Tam học: tức giới, định, tuệ như đã nói ở phần trên.

Phương Danh Ân Tổng

Thầy Pháp Quang	100
Thiên Tự Chân Nguyên	100
Chân Lạc An	200
Nguyên Định	100
Quảng Nga	20
Hoàng Tường	13
Tạ Xuân Hường	20
Tâm Hiếu	50
Hoàng Nhân & Hoàng Khánh	25
Tuệ Đạo	10
Diệu Hạnh	20
Chơn Nhân	10
Minh Lạc	20
Ân Danh	20
Ân Danh	10
Diệu Hòa	30
Hoàng Lạc	20
Ngọc Cơ	100
Nhuận Thường	20
Diệu Thiện	20
Nhuận Ngân	100
Sư cô Đại Bi	10
Ngọc Liên	20
Nhuận Học	50
Diệu Hương	10
Nhuận Mỹ	20
Nguyên Anh	10
Ân Danh	50
Diệu Hiếu	20
NS. Giác Hạnh & Hạnh Lâm	60
Nguyễn Thị Hoa	20
Cathy Hồ	20
Nguyễn Thị Ngọc Mai	10

Đường Vào Bồ Tát Hạnh — Tích Thiên

Christina & Tài Phạm	100
Bình & Ngọc Diệp Nguyễn	40
Diệu Thông	40
Viên Thu Đồng Chánh	30
Diệu Liên	20
Quảng Diên-Liên Thanh	150
Hạnh Châu	100
Hạnh Ân	100
Hạnh Quang	50
Hạnh Thệ	50
Hạnh Triệt	20
Diệu Kim	20
Tâm Đăng	20
Hạnh Ngọc	20

Quý vị thí chủ trên đây cùng gia đình quyến thuộc đóng góp tịnh tài ân tổng kinh điển. Xin hồi hướng công đức cầu nguyện Phật pháp hưng long, Pháp luân thường chuyển, mưa hòa gió thuận, quốc thái dân an, thiên hạ thái bình, chúng sanh an lạc.

Nguyện đem công đức này
Hương về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo

Nam mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát